

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
KHU DỰ TRỮ THIÊN NHIÊN ĐỘNG CHÂU - KHE NƯỚC TRONG



BÁO CÁO THUYẾT MINH

**ĐỀ ÁN DU LỊCH SINH THÁI, NGHỈ DƯỠNG, GIẢI TRÍ
KHU DỰ TRỮ THIÊN NHIÊN ĐỘNG CHÂU - KHE NƯỚC TRONG
GIAI ĐOẠN 2024-2030**



Lệ Thủy, năm 2024

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
KHU DỰ TRỮ THIÊN NHIÊN ĐỘNG CHÂU – KHE NƯỚC TRONG



BÁO CÁO THUYẾT MINH

**ĐỀ ÁN DU LỊCH SINH THÁI, NGHỈ DƯỠNG, GIẢI TRÍ
KHU DỰ TRỮ THIÊN NHIÊN ĐỘNG CHÂU - KHE NƯỚC TRONG
GIAI ĐOẠN 2024-2030**

<u>Đơn vị tư vấn</u> TRUNG TÂM BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ PHÁT TRIỂN	<u>Đơn vị chủ rừng</u> KHU DỰ TRỮ THIÊN NHIÊN ĐỘNG CHÂU – KHE NƯỚC TRONG
GIÁM ĐỐC  Nguyễn Mạnh Hà	GIÁM ĐỐC  Bạch Thanh Hải

DANH SÁCH TỪ VIẾT TẮT

BQL	Ban Quản lý
BTTN	Bảo tồn thiên nhiên
BVNN	Bảo vệ nghiêm ngặt
BVR	Bảo vệ rừng
CSHT	Cơ sở hạ tầng
CSVCKT	Cơ sở vật chất kĩ thuật
DLCĐ	Du lịch cộng đồng
DLST	Du lịch sinh thái
DTTN	Dự trữ thiên nhiên
DVHC	Dịch vụ hành chính
GDMT & DV	Giáo dục môi trường và dịch vụ
MTR	Môi trường rừng
PCCCR	Phòng cháy chữa cháy rừng
PHST	Phục hồi sinh thái
QĐ	Quyết định
TTg	Thủ tướng chính phủ
UBND	Ủy ban nhân dân
VQG	Vườn quốc gia

MỤC LỤC

1	MỞ ĐẦU.....	1
1.1	SỰ CẦN THIẾT CỦA ĐỀ ÁN.....	1
1.2	NGUYÊN TẮC PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI, NGHỈ DƯỠNG, GIẢI TRÍ KHU DỰ TRỮ THIÊN NHIÊN ĐỘNG CHÂU - KHE NƯỚC TRONG.....	2
2	ĐIỀU KIỆN PHÁT TRIỂN DU LỊCH VÀ HIỆN TRẠNG HOẠT ĐỘNG DU LỊCH KHU DỰ TRỮ THIÊN NHIÊN ĐỘNG CHÂU - KHE NƯỚC TRONG	4
2.1	ĐIỀU KIỆN THIÊN NHIÊN VÀ TÀI NGUYÊN DU LỊCH TỰ NHIÊN	4
2.1.1	Vị trí địa lý, ranh giới và diện tích	4
2.1.2	Địa chất và địa hình.....	6
2.1.3	Khí hậu và mùa vụ du lịch	6
2.1.4	Thủy văn.....	7
2.1.5	Hiện trạng sử dụng đất.....	8
2.1.6	Diện tích rừng.....	8
2.1.7	Đa dạng sinh học	10
2.1.8	Cảnh quan thiên nhiên	12
2.2	DÂN SINH, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ TIỀM NĂNG DU LỊCH VĂN HOÁ.....	12
2.2.1	Dân sinh	12
2.2.2	Kinh tế - xã hội	13
2.2.3	Tiềm năng du lịch văn hoá	14
2.3	GIAO THÔNG	14
2.3.1	Giao thông đường bộ	14
2.3.2	Giao thông đường thủy	15
2.4	HIỆN TRẠNG HOẠT ĐỘNG DU LỊCH	15
2.4.1	Công tác tổ chức quản lý và nguồn nhân lực.....	15
2.4.2	Hiện trạng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch.....	17
2.4.3	Hiện trạng loại hình và sản phẩm du lịch	18
2.4.4	Hiện trạng các điểm, tuyến và chương trình du lịch.....	19
2.4.5	Hiện trạng đầu tư	36
2.4.6	Các bên liên quan và hợp tác trong phát triển du lịch.....	37
2.4.7	Hiện trạng hoạt động xúc tiến, quảng bá	38
2.4.8	Hiện trạng tham gia của cộng đồng	38
2.4.9	Hiện trạng công tác bảo vệ môi trường.....	39
2.4.10	Hiện trạng hoạt động diễn giải thông qua hoạt động du lịch.....	39
2.4.11	Kết quả hoạt động kinh doanh	40

2.5	ĐÁNH GIÁ TỔNG QUAN VỀ ĐIỀU KIỆN VÀ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH KHU DỰ TRỮ THIÊN NHIÊN ĐỘNG CHÂU - KHE NƯỚC TRONG.....	41
2.5.1	Thuận lợi	41
2.5.2	Khó khăn	41
2.5.3	Cơ hội.....	42
2.5.4	Thách thức	43
3	QUAN ĐIỂM, ĐỊNH HƯỚNG, MỤC TIÊU, NỘI DUNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI, NGHỈ DƯỠNG, GIẢI TRÍ GIAI ĐOẠN 2024-2030	44
3.1	CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN	44
3.1.1	Căn cứ pháp lý	44
3.1.2	Căn cứ khoa học và thực tiễn	47
3.2	QUAN ĐIỂM, ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN	53
3.2.1	Quan điểm phát triển du lịch	53
3.2.2	Nguyên tắc phát triển du lịch.....	53
3.2.3	Định hướng phát triển không gian du lịch	54
3.2.4	Định hướng phát triển loại hình du lịch	59
3.2.5	Định hướng phát triển các sản phẩm du lịch.....	60
3.2.6	Định hướng phát triển kết cấu hạ tầng du lịch	66
3.2.7	Định hướng xúc tiến, quảng bá du lịch.....	66
3.2.8	Định hướng quản lý, khai thác và giám sát hoạt động du lịch	67
3.3	MỤC TIÊU VÀ CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN	71
3.3.1	Mục tiêu	71
3.3.2	Các chỉ tiêu phát triển.....	71
3.4	ĐÁNH GIÁ CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI, NGHỈ DƯỠNG, GIẢI TRÍ GIAI ĐOẠN 2024 - 2030	72
3.4.1	Từ chính sách	72
3.4.2	Từ cộng đồng và các công ty du lịch.....	73
3.4.3	Từ nội tại Ban Quản lý	73
3.4.4	Từ các yếu tố khác.....	74
3.5	NỘI DUNG PHÁT TRIỂN CÁC ĐIỂM, TUYẾN DU LỊCH SINH THÁI, NGHỈ DƯỠNG, GIẢI TRÍ GIAI ĐOẠN 2024-2030	75
3.5.1	Định hướng và thuyết minh phương án lựa chọn các điểm du lịch	75
3.5.2	Định hướng và thuyết minh phương án lựa chọn các tuyến du lịch (sản phẩm du lịch).....	81
3.6	ĐỀ XUẤT CÁC DANH MỤC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ, KINH PHÍ THỰC HIỆN	83

3.6.1	Khái toán đầu tư, nguồn vốn, phân kỳ đầu tư (theo giai đoạn 2024-2025 và 2026-2030) và phương án huy động vốn	83
3.6.2	Các điểm đến ưu tiên đầu tư.....	86
4	GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI, NGHỈ DƯỠNG, GIẢI TRÍ GẮN VỚI BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC GIAI ĐOẠN 2024-2030	90
4.1	NHÓM GIẢI PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, BẢO TỒN THIÊN NHIÊN, DI SẢN GIẢI GIÁC DỤC VÀ ANH NINH AN TOÀN TRONG TỔ CHỨC DU LỊCH	90
4.2	NHÓM GIẢI PHÁP VỀ CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH	91
4.3	NHÓM GIẢI PHÁP NÂNG CAO NHẬN THỨC VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC DU LỊCH.....	92
4.4	NHÓM GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG, CƠ SỞ VẬT CHẤT KỸ THUẬT DU LỊCH	93
4.5	NHÓM GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN LOẠI HÌNH, SẢN PHẨM DU LỊCH	93
4.6	NHÓM GIẢI PHÁP ĐẦU TƯ DU LỊCH.....	94
4.7	NHÓM GIẢI PHÁP LIÊN KẾT VÀ XÚC TIẾN PHÁT TRIỂN DU LỊCH	94
4.8	NHÓM GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG VÀ BẢO TỒN, PHÁT HUY CÁC GIÁ TRỊ VĂN HOÁ BẢN ĐỊA	95
4.9	NHÓM GIẢI PHÁP VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ HƯỚNG ĐẾN DU LỊCH THÔNG MINH	96
5	TỔ CHỨC THỰC HIỆN, QUẢN LÝ GIÁM SÁT VÀ HIỆU QUẢ CỦA ĐỀ ÁN	97
5.1	TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN	97
5.2	TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ GIÁM SÁT ĐỀ ÁN	102
5.3	HIỆU QUẢ CỦA ĐỀ ÁN	111
5.3.1	Hiệu quả kinh tế	111
5.3.2	Hiệu quả văn hoá - xã hội	111
5.3.3	Hiệu quả bảo vệ môi trường.....	111
5.3.4	Hiệu quả an ninh - quốc phòng	111
6	KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	112
6.1	KẾT LUẬN	112
6.2	KIẾN NGHỊ	113
7	TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	114
8	PHỤ LỤC.....	115
	Phụ lục 1 Danh mục khái toán các dự án đầu tư	116
	Phụ lục 2 Định hướng và thuyết minh điểm du lịch.....	132
	Phụ lục 3 Diện tích xây dựng các công trình.....	155
	Phụ lục 4 Định hướng và thuyết minh tuyến du lịch.....	157
	Phụ lục 5 Thuyết minh chi tiết các sản phẩm du lịch ưu tiên thực hiện	170

Phụ lục 6 Kết quả đánh giá chi tiết các tiêu chí lựa chọn điểm tham quan, du lịch và dự án ưu tiên	183
Phụ lục 7 Hệ thống bản đồ chuyên đề	193
Phụ lục 8 Đề xuất tóm tắt các dự án ưu tiên Khu dự trữ thiên nhiên Động Châu – Khe Nước Trong giai đoạn 2024-2030	200
Phụ lục 9 Danh sách cá nhân tham gia cung cấp thông tin	206
Phụ lục 10 Hình ảnh khảo sát	207

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. Sơ đồ tổ chức của BQL Khu DTTN	16
Hình 2. Khu vực Cầu Khỉ	20
Hình 3. Khu vực Khe Nước Trong	21
Hình 4. Khu vực thác Khe Đan	22
Hình 5. Khu vực thác Tóc Tiên, Dương Cầm, Cổng Trời	23
Hình 6. Khu vực Bãi Đạn	24
Hình 7. Khu vực Chốt Dộp	25
Hình 8. Khu vực Khe Cau – Trạm Khe Cau	26
Hình 9. Bản Ho Rum – xã Kim Thủy	27
Hình 10. Khe Nước Lạnh	28
Hình 11. Hồ Bàu Sen	29
Hình 12. Hồ An Mã	30
Hình 13. Suối khoáng nóng Bang	31
Hình 14. Chùa Hoằng Phúc	32
Hình 15. Đền An Sinh Trồốc Vực	33
Hình 16. Nhà Đại tướng Võ Nguyên Giáp	34
Hình 17. Lăng mộ Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh	35

DANH MỤC BẢN ĐỒ

Bản đồ 1. Bản đồ vị trí Khu DTTN	5
Bản đồ 2. Hiện trạng tài nguyên thiên nhiên, du lịch Khu Dự trữ Thiên nhiên Đông Châu - Khe Nước Trong	19
Bản đồ 3. Phân khu chức năng Khu Dự trữ Thiên nhiên Đông Châu - Khe Nước Trong	58
Bản đồ 4. Vị trí cho thuê môi trường rừng Khu Dự trữ thiên nhiên Đông Châu - Khe Nước Trong	70
Bản đồ 5. Quy hoạch sử dụng đất và phát triển du lịch sinh thái Khu Dự trữ Thiên nhiên Đông Châu - Khe Nước Trong	81
Bản đồ 6. Bản đồ quy hoạch cụm du lịch Cầu Khỉ - Khe Nước Trong	132
Bản đồ 7. Bản đồ quy hoạch Cụm du lịch Bãi Đạn - Cổng Trời	138
Bản đồ 8. Bản đồ quy hoạch cụm du lịch Hà Lặc - Sông Rào Chân	143
Bản đồ 9. Bản đồ quy hoạch cụm du lịch Khe Đan	147
Bản đồ 10. Bản đồ quy hoạch cụm du lịch Khe Cau	151

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 1. Nguồn vốn theo phân kỳ đầu tư	84
Biểu đồ 2. Tỷ lệ các nguồn vốn đầu tư giai đoạn 2024-2030	84

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Hiện trạng sử dụng đất tính đến tháng 12 năm 2023	8
Bảng 2. Hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp Khu DTTN tính đến tháng 12/2023.....	9
Bảng 3. Các loài động, thực vật quý hiếm, đặc trưng của Khu DTTN	11
Bảng 4. Dân số và lao động các xã trong khu vực.....	13
Bảng 5. Hiện trạng nhân sự Khu DTTN đến tháng 12/2023	17
Bảng 6. Tổng hợp các nguồn chi từ 2020 - 2022	37
Bảng 7. Tình hình vi phạm bảo vệ và phát triển rừng Khu DTTN từ 2020 - 2022.....	39
Bảng 8. Tổng hợp các nguồn thu của Khu DTTN từ 2020 - 2022.....	40
Bảng 9. Các sản phẩm du lịch Khu DTTN.....	63
Bảng 10. Các tiêu chí đánh giá và lựa chọn điểm du lịch, điểm tham quan ưu tiên phát triển	76
Bảng 11. Các dự án, điểm đến du lịch có thể thực hiện trong quy hoạch.....	78
Bảng 12. Tổng hợp khái toán danh mục các dự án đầu tư	85
Bảng 13. Các điểm đến ưu tiên thực hiện	86
Bảng 14. Các điểm đến ưu tiên đầu tư, kinh phí thực hiện.....	88
Bảng 15. Vai trò của các bên liên quan.....	97
Bảng 16. Khung xác định giới hạn thay đổi có thể chấp nhận được (LAC) Khu DTTN	103
Bảng 17. Khung kế hoạch thực hiện	105
Bảng 18. Tọa độ ranh giới cụm du lịch Cầu Khỉ - Khe Nước Trong (VN2000, kinh tuyến trực 106 độ 00 phút, múi chiếu 3 độ).....	133
Bảng 19. Thuyết minh quy hoạch Trung tâm GDMT & DV	135
Bảng 20. Thuyết minh quy hoạch Khu trải nghiệm sinh thái Khe Nước Trong	136
Bảng 21. Tọa độ ranh giới cụm du lịch Bãi Đạn - Cổng Trời (VN2000, kinh tuyến trực 106 độ 00 phút, múi chiếu 3 độ).....	139
Bảng 22. Thuyết minh quy hoạch Khu sinh thái Cổng Trời - Suối Tiên.....	141
Bảng 23. Tọa độ ranh giới cụm du lịch Hà Lạc - Sông Rào Chân (VN2000, kinh tuyến trực 106 độ 00 phút, múi chiếu 3 độ).....	144
Bảng 24. Thuyết minh quy hoạch Điểm vui chơi giải trí sinh thái Rào Chân.....	145
Bảng 25. Tọa độ ranh giới cụm du lịch Khe Đạn (VN2000, kinh tuyến trực 106 độ 00 phút, múi chiếu 3 độ).....	147
Bảng 26. Thuyết minh quy hoạch Công viên sinh thái rừng Khe Đạn.....	149
Bảng 27. Tọa độ ranh giới cụm du lịch Khe Cau (VN2000, kinh tuyến trực 106 độ 00 phút, múi chiếu 3 độ).....	151
Bảng 28. Thuyết minh quy hoạch Điểm trải nghiệm sinh thái dược liệu Khe Cau	152
Bảng 29. Thuyết minh tuyến số 1	157

Bảng 30. Thuyết minh tuyến số 2.....	158
Bảng 31. Thuyết minh tuyến số 3.....	159
Bảng 32. Thuyết minh tuyến số 4.....	160
Bảng 33. Thuyết minh tuyến số 5.....	161
Bảng 34. Thuyết minh tuyến số 6.....	163
Bảng 35. Thuyết minh tuyến số 7.....	165
Bảng 36. Thuyết minh tuyến số 8.....	166
Bảng 37. Thuyết minh tuyến số 9.....	168

TÓM TẮT ĐỀ ÁN

Ban Quản lý Khu Dự trữ Thiên nhiên Động Châu - Khe Nước Trong được thành lập theo Quyết định số 2156/QĐ-UBND ngày 25/6/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình. Đây là khu rừng đặc dụng có ý nghĩa rất quan trọng trong công tác bảo tồn đa dạng sinh học, với nhiều loài động thực vật quý hiếm như các loài thú và chim lớn. Khu Dự trữ Thiên nhiên Động Châu - Khe Nước Trong là một trong 200 trung tâm đa dạng sinh học toàn cầu (Global 200) và một trong 62 vùng chim quan trọng và đặc hữu của Việt Nam.

Ngoài các giá trị về đa dạng sinh học, Khu Dự trữ Thiên nhiên Động Châu - Khe Nước Trong còn có giá trị văn hóa lịch sử và cảnh quan đẹp, thu hút du khách tham quan du lịch. Tuy nhiên, hoạt động du lịch hiện tại chưa thu hút được nhiều sự quan tâm và sự tham gia của cộng đồng địa phương, cũng như chưa đạt được hiệu quả trong việc bảo tồn. Việc xây dựng "Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí Khu Dự trữ Thiên nhiên Động Châu - Khe Nước Trong giai đoạn 2024-2030" là cần thiết và phù hợp với bối cảnh phát triển du lịch, nhằm khai thác tiềm năng tài nguyên thiên nhiên và văn hóa, thu hút đầu tư và phát triển du lịch bền vững.

Để triển khai Đề án đúng tiến độ, đề xuất 11 dự án, trong đó có 4 dự án ưu tiên thực hiện như sau:

- Dự án phát triển Trung tâm Giáo dục Môi trường và Dịch vụ
- Dự án phát triển Khu trải nghiệm sinh thái Khe Nước Trong
- Dự án phát triển Khu sinh thái Cổng Trời - Suối Tiên
- Dự án phát triển Điểm vui chơi giải trí sinh thái Rào Chân
- Dự án phát triển Công viên sinh thái rừng Khe Đan
- Dự án phát triển Điểm trải nghiệm sinh thái được liệu Khe Cau
- Dự án phát triển sản phẩm du lịch
- Dự án chuyển đổi số
- Dự án đào tạo, bồi dưỡng nhân lực du lịch
- Dự án quảng bá và xây dựng thương hiệu
- Vận hành và giám sát hoạt động du lịch

Trong đó, xác định 4 dự án ưu tiên là: (i) Dự án phát triển Trung tâm Giáo dục Môi trường và Dịch vụ; (ii) Khu trải nghiệm sinh thái Khe Nước Trong (iii) Khu sinh thái Cổng Trời - Suối Tiên; (iv) Điểm vui chơi giải trí sinh thái Rào Chân.

Tổng mức đầu tư của Đề án là: 343.500 triệu đồng, bao gồm nguồn vốn ngân sách nhà nước, nguồn vốn kêu gọi đầu tư xã hội hóa và nguồn thu hợp pháp khác trong giai đoạn từ 2024-2030.

Chia theo phân kỳ đầu tư

- Giai đoạn 2024 - 2025: 17.600 triệu đồng chiếm 5,12% tổng mức đầu tư, trong đó nguồn ngân sách Nhà nước: 0 đồng; xã hội hoá: 16.700 triệu đồng; nguồn khác chiếm 900 triệu đồng.

- Giai đoạn 2026 - 2030: 325.900 triệu đồng chiếm 94,88% tổng mức đầu tư, trong đó nguồn ngân sách Nhà nước: 49.350 triệu đồng; xã hội hoá: 274.600; nguồn khác chiếm 1.950 triệu đồng.

Chia theo nguồn vốn đầu tư

- Ngân sách Nhà nước: 49.350 triệu đồng, chiếm 14,37% tổng mức đầu tư.
- Kêu gọi đầu tư, xã hội hóa: 291.300 triệu đồng, chiếm 84,80% tổng mức đầu tư;
- Các nguồn vốn hợp pháp khác: 2.850 triệu đồng, chiếm 0,83% tổng mức đầu tư.

Đề án đưa ra 9 nhóm giải pháp thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu và chỉ tiêu đề ra. Cụ thể bao gồm các giải pháp sau:

- Nhóm giải pháp bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên, diễn giải giáo dục và an ninh an toàn trong tổ chức du lịch
- Nhóm giải pháp về cơ chế, chính sách
- Nhóm giải pháp nâng cao nhận thức và phát triển nguồn nhân lực du lịch
- Nhóm giải pháp phát triển cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch
- Nhóm giải pháp phát triển loại hình, sản phẩm du lịch
- Nhóm giải pháp đầu tư du lịch
- Nhóm giải pháp liên kết và xúc tiến phát triển du lịch
- Nhóm giải pháp phát triển cộng đồng và bảo tồn, phát huy các giá trị văn hoá bản địa
- Nhóm giải pháp về chuyển đổi số hướng đến du lịch thông minh

1 MỞ ĐẦU

1.1 SỰ CẦN THIẾT CỦA ĐỀ ÁN

Du lịch sinh thái (DLST), nghỉ dưỡng, giải trí là một trong những phương thức khai thác tài nguyên mang lại lợi ích kinh tế cho những khu rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, được coi là giải pháp tiềm năng để giải quyết mâu thuẫn giữa bảo tồn và phát triển. Trên lý thuyết và thực tế, DLST, nghỉ dưỡng và giải trí không chỉ tạo ra lợi ích kinh tế để bù đắp chi phí bảo tồn, mà còn tạo ra các phương thức liên kết giữa các khu rừng đặc dụng và rừng phòng hộ với cộng đồng địa phương thông qua việc tạo việc làm, cải thiện thu nhập và giáo dục nhận thức về môi trường. Điều này biến cộng đồng dân cư thành những chủ thể tích cực nhất trong việc bảo vệ di sản tự nhiên.

Việc đẩy mạnh các hoạt động DLST trong các khu rừng đặc dụng tại Việt Nam là một phương thức nhằm hài hòa mục tiêu bảo tồn và phát triển kinh tế, góp phần thực hiện 17 mục tiêu phát triển bền vững (Sustainable Development Goals - SDG) được Liên Hợp Quốc thông qua năm 2015, hướng tới xóa đói giảm nghèo, bảo vệ hành tinh và đảm bảo mọi người dân được hưởng hòa bình và thịnh vượng vào năm 2030. Nhiều văn bản pháp lý đã được ban hành để tạo điều kiện vững chắc cho các rừng đặc dụng phát triển loại hình du lịch này. Luật Lâm nghiệp 2017, Nghị định 156/2018/NĐ-CP, Nghị định 91/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 156/2018/NĐ-CP là những minh chứng cụ thể, định hướng rõ ràng về việc tổ chức và xây dựng các hoạt động DLST.

Trong những năm gần đây, tỉnh Quảng Bình đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển các sản phẩm và hoạt động DLST. Theo Quy hoạch tỉnh Quảng Bình thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 377/QĐ-TTg ngày 12/4/2023, huyện Lệ Thủy là phần quan trọng nhất thuộc không gian phát triển du lịch Cụm C - Trung tâm du lịch văn hóa, lịch sử và nghỉ dưỡng, trải nghiệm thiên nhiên phía nam tỉnh. Trong đó, Vườn quốc gia (VQG) Phong Nha - Kẻ Bàng và Khu Dự trữ Thiên nhiên Động Châu - Khe Nước Trong (sau đây gọi tắt là Khu DTTN) được đánh giá là những khu vực có tiềm năng lớn cho phát triển DLST. Đây là điều kiện thuận lợi để Khu DTTN triển khai các sản phẩm DLST, nghỉ dưỡng, giải trí hấp dẫn.

Khu DTTN được thành lập theo Quyết định số 2156/QĐ-UBND ngày 25/6/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình, với diện tích 22.210,22 ha. Đây là một trong 200 trung tâm đa dạng sinh học trên thế giới (Global 200, WWF 2000) và là một trong 62 vùng chim quan trọng và đặc hữu của Việt Nam (BirdLife International 2002). Nơi đây được ví như là “Vườn thượng uyển” đối với sự tồn tại của các hệ sinh thái rừng vùng thấp và các loài động thực vật phong phú, không chỉ đóng vai trò quan trọng trong việc bảo tồn các hệ sinh thái rừng mà còn là một khu vực có tiềm năng lớn để phát triển DLST, nghỉ dưỡng và giải trí.

Về tài nguyên tự nhiên, khu vực này nổi bật với sự đa dạng hệ sinh thái, bao gồm các rừng kín thường xanh mưa mùa á nhiệt đới, rừng kín thường xanh mưa ẩm nhiệt đới núi thấp, rừng phụ thuộc sinh, rừng phát triển trên núi đá vôi, trảng cỏ và sông suối. Đặc biệt, sự xuất hiện của các hệ sinh thái mặt nước càng làm tăng tính đa dạng và sức hấp dẫn cho Khu DTTN. Những hệ sinh thái này không chỉ cung cấp môi trường sống cho nhiều loài động thực vật quý hiếm mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển các loại hình du lịch mạo hiểm và khám phá.

Khu DTTN có tính đa dạng loài cao, với 1.030 loài thực vật thuộc 599 chi và 144 họ trong 5 ngành thực vật bậc cao có mạch. Trong số này, có tới 87 loài đặc hữu của Việt Nam và 51 loài được ghi trong sách đỏ hoặc thuộc loại quý hiếm cần bảo tồn. Về tài nguyên động vật, khu vực này ghi nhận 357 loài động vật có xương sống trên cạn, bao gồm 76 loài thú, 214 loài chim và 67 loài bò sát và ếch nhái¹. Đặc biệt, nhiều loài thú nguy cấp, quý hiếm cần được bảo tồn cũng có tại đây, tạo nên một hệ động thực vật phong phú và đa dạng.

Cảnh quan thiên nhiên tại Khu DTTN cũng vô cùng ấn tượng với những thác nước như thác Tóc Tiên, thác Cổng Trời, thác Dương Cầm cùng các dòng suối trong lành như suối Tiên, khe Nước Trong, khe Bung, khe Vàng, Khe Đan. Dù việc tiếp cận tới một số điểm này còn khó khăn, nhưng đây là điều kiện thuận lợi để phát triển các loại hình du lịch sinh thái và thể thao, mạo hiểm.

Khu DTTN sở hữu tài nguyên du lịch văn hóa đặc sắc. Các di tích lịch sử như đường Hồ Chí Minh nhánh Tây, Hệ thống đường Giao liên, Làng Ho, Bãi Đan, Cây Mít 100 tuổi và Cầu Khỉ là những điểm đến quan trọng, thu hút khách du lịch muốn tìm hiểu về lịch sử và văn hóa. Bên cạnh đó, khu vực vùng đệm của Khu DTTN có các giá trị văn hóa phi vật thể phong phú với các phong tục thờ cúng, lễ nghi trong các dịp lễ Tết, cưới hỏi và sinh hoạt cộng đồng đặc sắc của người Bru Vân Kiều. Văn hóa ẩm thực đa dạng với các món ăn đặc sản như bánh Ayoh, đọt mây, đọt chuối luộc, canh môn, cá suối và rau rừng cũng mang lại trải nghiệm độc đáo cho du khách.

Khu DTTN đã triển khai các hoạt động du lịch bằng cách phối hợp với Công ty TNHH Netin khai thác thí điểm một số điểm đến như thác Tóc Tiên, suối Tiên, thác Cổng Trời, thác Dương Cầm. Tuy nhiên, các sản phẩm chưa đa dạng, phát triển chưa tương xứng với tiềm năng và lợi thế, chưa thu hút được nhiều khách du lịch và sự tham gia của cộng đồng địa phương, nên hiệu quả từ các hoạt động du lịch chưa đóng góp nhiều cho mục tiêu bảo tồn của Khu DTTN. Ban Quản lý (BQL) Khu DTTN chưa có đề án phát triển du lịch làm căn cứ pháp lý cho việc kêu gọi đầu tư và phát triển. Hơn nữa, nguồn nhân lực chủ yếu làm công tác bảo vệ rừng (BVR), chưa có kinh nghiệm về quản lý và phát triển du lịch. Do đó, xây dựng **“Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí cho Khu Dự trữ thiên nhiên Động Châu - Khe Nước Trong giai đoạn 2024 - 2030”** là cấp thiết. Đề án sẽ giúp phát huy hiệu quả và bền vững các giá trị tiềm năng về tài nguyên thiên nhiên và văn hóa của Khu DTTN, mở ra cơ hội thu hút đầu tư, phát triển du lịch bền vững và đóng góp vào mục tiêu bảo tồn. Việc xây dựng đề án sẽ tạo nền tảng pháp lý vững chắc cho việc quản lý và phát triển du lịch, đồng thời thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng địa phương, tạo việc làm và cải thiện thu nhập cho người dân, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của khu vực.

1.2 NGUYÊN TẮC PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI, NGHỈ DƯỠNG, GIẢI TRÍ KHU DỰ TRỮ THIÊN NHIÊN ĐỘNG CHÂU - KHE NƯỚC TRONG

- Phù hợp với định hướng theo các công ước và hướng dẫn quốc tế như Công ước Đa dạng sinh học, các tiêu chuẩn tối thiểu về du lịch đối với các danh lam thắng cảnh và ngành du lịch do Ủy Ban Du lịch Bền vững Toàn cầu - GSTC² xây dựng; phù hợp với các tiêu chuẩn của danh lục xanh của IUCN³ về thực hành bảo tồn hiệu quả nhất.

¹ BQL Khu DTTN Động Châu - Khe Nước Trong (2024). Phương án Quản lý rừng bền vững Khu DTTN Động Châu - Khe Nước Trong tỉnh Quảng Bình, đến năm 2030.

² Global Sustainable Tourism Council.

³ Liên minh Quốc tế Bảo tồn Thiên nhiên và Tài nguyên Thiên nhiên, viết tắt là IUCN (International Union for Conservation of Nature and Natural Resources).

- Tuân thủ các quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành của Việt Nam như Luật Lâm nghiệp năm 2017, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp, Nghị định 91/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 156/2018/NĐ-CP, Luật Đa dạng sinh học năm 2018, và các chính sách, chiến lược khác của quốc gia, ngành và địa phương về phát triển du lịch; lâm nghiệp, đa dạng sinh học và phát triển kinh tế xã hội; Tuân thủ các hướng dẫn lập kế hoạch; quy định về sử dụng đất.
- Hoạt động DLST, nghỉ dưỡng, giải trí ở Khu DTTN phải phù hợp với Quy hoạch tỉnh Quảng Bình thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 377/QĐ-TTg ngày 12/4/2023; Phương án quản lý rừng bền vững Khu DTTN 2030.
- Cộng đồng địa phương và cộng đồng dân tộc thiểu số phải được khuyến khích tham gia tích cực vào các hoạt động phát triển DLST trong Khu DTTN. Nguyên tắc góp phần tạo việc làm, mang lại thu nhập bền vững, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho người dân. Việc khuyến khích cộng đồng tham gia vào hoạt động DLST nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm của người dân địa phương đối với hoạt động bảo tồn thiên nhiên, bảo vệ cảnh quan và các loài động, thực vật hoang dã.
- Hoạt động du lịch cộng đồng (DLCĐ) tại các xã vùng đệm phải được xem xét để lồng ghép, kết nối với hoạt động DLST, nghỉ dưỡng, giải trí trong Khu DTTN nhằm đảm bảo hài hòa cho cộng đồng địa phương và các bên tham gia. Hoạt động DLST, góp phần gìn giữ văn hóa địa phương và đem lại nguồn thu ổn định nhằm tái đầu tư du lịch cho cộng đồng, góp phần giảm tải sức ép của người dân tới tài nguyên và đa dạng sinh học (ĐDSH) của Khu DTTN.
- Hoạt động du lịch tại Khu DTTN phải chú trọng đến công tác giáo dục nâng cao nhận thức, hiểu biết cho du khách trong quá trình du lịch để tăng cường sự tham gia của họ vào công tác bảo tồn, tạo điều kiện cho các bên tham gia một cách công bằng và có trách nhiệm vào phát triển DLST.
- Hoạt động du lịch tại Khu DTTN phải có hệ thống giám sát, biện pháp ứng phó và giảm thiểu với các tác động của du lịch về môi trường thiên nhiên, sự tồn tại và phát triển của các loài động, thực vật hoang dã và giúp ngăn chặn sự phát triển của các loài ngoại lai xâm hại. Tuân thủ các khuyến nghị về giới hạn thay đổi có thể chấp nhận được đối với đa dạng sinh học và các giá trị văn hóa nhằm giảm thiểu tác động của du lịch đến thiên nhiên, sự phát triển của hệ thực vật và động vật hoang dã.
- Hoạt động du lịch tại Khu DTTN phải được quản lý, vận hành công bằng và minh bạch về thông tin, lợi ích giữa các bên liên quan. Trong đó chú trọng đẩy mạnh việc xã hội hóa các nguồn lực trong huy động đầu tư và khai thác du lịch, từ đó đảm bảo nguồn tài chính phục vụ bảo tồn và phát triển du lịch tại Khu DTTN.

Những nguyên tắc trên được áp dụng để hình thành bốn trụ cột mà quy hoạch tổng thể DLST của Khu DTTN dựa vào:

- Hoạt động DLST dựa vào thiên nhiên
- Tôn trọng văn hóa và lịch sử địa phương
- Đẩy mạnh giáo dục môi trường
- Góp phần bảo tồn thiên nhiên và sinh kế người dân địa phương

2 ĐIỀU KIỆN PHÁT TRIỂN DU LỊCH VÀ HIỆN TRẠNG HOẠT ĐỘNG DU LỊCH KHU DỰ TRỮ THIÊN NHIÊN ĐỘNG CHÂU - KHE NƯỚC TRONG

2.1 ĐIỀU KIỆN THIÊN NHIÊN VÀ TÀI NGUYÊN DU LỊCH TỰ NHIÊN

2.1.1 Vị trí địa lý, ranh giới và diện tích

Khu DTNN có tổng diện tích 22.210,22 ha, nằm trên địa giới hành chính của xã Kim Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình. Khu nằm trong tọa độ địa lý từ 16° 55' 19" đến 17° 4' 55" vĩ độ Bắc và từ 106° 32' 50" đến 106° 48' 26" kinh độ Đông⁴. Phía Bắc Khu DTTN giáp với Chi nhánh Lâm trường Khe Giũa, Chi nhánh Lâm trường Kiến Giang và một phần xã Lâm Thủy. Phía Nam giáp với xã Vĩnh Ô, huyện Vĩnh Linh và xã Hướng Lập, huyện Hướng Hóa thuộc tỉnh Quảng Trị. Phía Đông giáp với xã Vĩnh Hà và xã Vĩnh Ô, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị. Phía Tây giáp với một phần xã Lâm Thủy, Chi nhánh Lâm trường Khe Giũa và nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

Khu DTTN nằm cách thành phố Đồng Hới khoảng 60km về phía Tây Nam và cách biển Nhật Lệ khoảng 40km về hướng Đông. Khu DTTN giáp với Khu Bảo tồn Thiên nhiên (BTTN) Bắc Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị và Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào về phía Tây, tạo ra một hệ thống giao thông kết nối thuận tiện cho việc đi lại và giao thương hàng hóa. Như vậy, Khu DTTN không chỉ dễ dàng tiếp cận từ các thành phố lớn và các điểm du lịch phụ cận mà còn là một điểm kết nối quan trọng trong chuỗi các điểm du lịch của tỉnh Quảng Bình và tỉnh Quảng Trị, đặc biệt là Khu BTTN Bắc Hướng Hóa.

Du khách có thể tiếp cận Khu DTTN bằng nhiều phương tiện vận chuyển khác nhau. Từ thành phố Đồng Hới, du khách có thể di chuyển bằng ô tô hoặc xe máy với thời gian khoảng 1,5 giờ. Đồng Hới có sân bay kết nối với các thành phố lớn như Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh, giúp du khách dễ dàng tiếp cận Khu DTTN. Ngoài ra, từ các điểm du lịch lân cận khác như VQG Phong Nha - Kẻ Bàng, biển Nhật Lệ, du khách có thể di chuyển bằng ô tô khoảng 2 giờ.

⁴ Phương án quản lý rừng bền vững Khu DTTN Động Châu – Khe Nước Trong tỉnh Quảng Bình đến năm 2030.



Bản đồ 1. Bản đồ vị trí Khu DTTN

2.1.2 Địa chất và địa hình

Khu DTTN nằm trong vùng núi thấp với địa hình khá hiểm trở và tương đối dốc theo hướng Nam - Bắc. Độ cao trung bình trong khu vực khoảng 500 - 600m so với mực nước biển. Điểm thấp nhất 26m tại khu vực Đồi cơ động Khe Cau và đỉnh Động Châu cao nhất với độ cao 1.254m, Động Vàng Vàng cao 1.250m⁵. Địa hình có sự phân chia rõ rệt: sườn núi phía Quảng Bình rất dốc trong khi phía Quảng Trị thoải hơn. Các khe suối chủ yếu là chi lưu của sông Kiến Giang và sông Long Đại, bắt nguồn từ đỉnh Động Châu và Động Vàng Vàng. Đặc điểm địa hình góp phần hình thành hệ thống cảnh quan và hệ sinh thái đa dạng, từ rừng rậm nhiệt đới đến các khe suối và thác nước, tiêu biểu như thác Tóc Tiên, thác Dương Cầm, thác Cổng Trời, thác Khe Đan, khe Nước Trong, khe Nước Vàng, khe Bung, khe Đan, khe Le.

Với độ dốc lớn và địa hình hiểm trở, khu vực này thích hợp để phát triển các loại hình DLST, du lịch thể thao, mạo hiểm và du lịch trải nghiệm. Du khách có thể tham gia các hoạt động leo núi, đi bộ xuyên rừng, đu dây để leo và thăm quan thác nước, khám phá hệ động thực vật phong phú. Đặc biệt, các suối và thác có nhiều nước vào mùa mưa tạo nên những cảnh quan hùng vĩ và hấp dẫn, rất phù hợp cho các hoạt động du lịch mạo hiểm như chèo thuyền kayak hay vượt thác.

Tuy nhiên, địa hình dốc và phức tạp đặt ra những thách thức cho việc phát triển du lịch. Các hoạt động du lịch không được quản lý tốt có thể gây ra xói mòn và rửa trôi đất, làm giảm độ phì nhiêu của đất và ảnh hưởng đến hệ sinh thái rừng tự nhiên. Các khu vực có sườn dốc lớn dễ xảy ra hiện tượng xói mòn và lũ lụt, đòi hỏi phải có các biện pháp an toàn khi thiết kế các tuyến đường mòn và kế hoạch phòng chống, ứng phó kịp thời trong quá trình vận hành du lịch.

Các nhóm đất chính ở Khu DTTN được hình thành trên các loại phiến thạch sét, sa thạch và magma acid kết tinh chua, phân bố đan xen vào nhau tạo nên một hệ thống đất có độ phì khác nhau. Nhóm đất chủ yếu là đất Feralit nâu vàng phát triển trên đá granit, chiếm diện tích lớn và phân bố rộng rãi. Đặc điểm của nhóm đất này phù hợp với sự phát triển của nhiều loài thực vật quý hiếm như: Lim, Thông, Giáng hương, Dầu đọt tím, Dầu, Dầu cà lùn, Sao Hải Nam, Sao mặt quỷ, Dó trầm, Hải vân duyên... là cơ sở để Khu DTTN khai thác hoạt động du lịch chuyên đề về địa chất hoặc và thực vật quý hiếm hoặc đi bộ trong rừng chinh phục cây gỗ lớn.

Như vậy, điều kiện địa hình và địa chất tại Khu DTTN không chỉ tạo ra cảnh quan thiên nhiên đa dạng mà còn mở ra nhiều cơ hội phát triển các loại hình DLST, mạo hiểm và trải nghiệm. Tuy nhiên, trong quá trình khai thác, cần xây dựng kế hoạch quản lý bền vững, phòng tránh rủi ro để tránh gây xói mòn và rửa trôi đất, đồng thời phải đảm bảo an toàn cho du khách.

2.1.3 Khí hậu và mùa vụ du lịch

Khu DTTN nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, mang đặc trưng của khí hậu Quảng Bình. Khí hậu chia làm hai mùa rõ rệt: mùa khô và mùa mưa. Mùa khô kéo dài từ tháng 3 đến tháng 8 dương lịch, với gió Tây Nam thổi qua, tạo ra khí hậu khô và ít mưa. Mùa mưa kéo dài từ tháng 9 đến tháng 2 dương lịch năm sau, với gió mùa Đông Bắc mang theo ẩm mưa và khí hậu lạnh, lượng mưa tập trung nhiều nhất từ tháng 9 đến tháng 11, chiếm 60% đến 70% lượng mưa cả năm.

Nhiệt độ trung bình năm dao động từ 24°C đến 26°C, tuy nhiên trong mùa khô, nhiệt độ lên tới 35°C-40°C, đặc biệt trong các tháng 5 đến tháng 7. Độ ẩm trung bình năm dao động từ 80-

⁵ Phương án quản lý rừng bền vững Khu DTTN Động Châu – Khe Nước Trong tỉnh Quảng Bình đến năm 2030.

85%, tăng cao trong mùa mưa và giảm trong mùa khô. Lượng mưa hàng năm dao động từ 2.000 đến 2.500mm, tháng 9 đến tháng 11 có lượng mưa cao nhất. Vào mùa mưa, tốc độ gió tăng lên, kèm theo bão và lũ, gây khó khăn cho các hoạt động du lịch⁶.

Từ tháng 3 đến tháng 8, khí hậu khô ráo và ít mưa thích hợp nhất để tổ chức các hoạt động tham quan và trải nghiệm tại Khu DTTN. Du khách có thể tham gia trekking Cầu Khỉ - khe Nước Trong; trải nghiệm thác Dương Cầm, Tóc Tiên và Cổng trời; cắm trại tại Bãi Đạn và quan sát động vật hoang dã. Các hoạt động này không chỉ mang lại trải nghiệm thú vị mà còn đảm bảo an toàn cho du khách.

Tuy nhiên, trong quá trình vận hành du lịch tại Khu DTTN, các biện pháp bảo vệ môi trường và chuẩn bị kỹ cho các tình huống thời tiết xấu là cần thiết để đảm bảo sự an toàn cho du khách và bảo vệ hệ sinh thái tự nhiên của Khu DTTN.

2.1.4 Thủy văn

Khu DTTN nằm ở vùng đầu nguồn của sông Long Đại và sông Kiến Giang, hai nhánh quan trọng của sông Nhật Lệ, một trong những con sông lớn nhất tỉnh Quảng Bình. Hệ thống thủy văn Khu DTTN bao gồm nhiều khe suối chằng chịt, tạo thành hệ sông Sa Ram (khe Nước Trong) và sông Rào Chân. Trong đó, sông Sa Ram được cung cấp nước bởi Suối Vàng, Khe Bung và suối Sa Ram và sông Rào Chân cũng được tạo thành bởi nhiều suối lớn hợp thành.

Các thác và suối trong khu vực ngắn, có độ dốc lớn và xâm thực sâu nên có nguy cơ lũ lụt và sạt lở đất vào mùa mưa, gây ảnh hưởng đến giao thông và đi lại trong vùng. Tuy nhiên, các khe suối, thác nước của Khu DTTN có nhiều tiềm năng cho việc phát triển loại hình và sản phẩm DLST, du lịch thể thao, mạo hiểm và các hoạt động giải trí dưới nước. Một số thác nước, suối và bãi tắm đẹp như thác Tóc Tiên, thác Dương Cầm, thác Cổng Trời, suối Vàng, bãi tắm Khe Nước Trong, bãi tắm Chốt Dộp... Các địa điểm đều có phong cảnh ấn tượng, có thể thu hút du khách đến tham gia các hoạt động như dã ngoại, trekking, thám hiểm, vượt thác và cắm trại.

Mùa khô từ tháng 3 đến tháng 8, nước trong và dòng chảy êm tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức các tour du lịch khám phá thiên nhiên và các hoạt động giải trí ngoài trời. Tuy nhiên, vào mùa mưa từ tháng 9 đến tháng 2, xuất hiện tình trạng lũ lụt và sạt lở đất nên các hoạt động du lịch cần được quản lý và điều hành phù hợp để đảm bảo an toàn cho du khách.

Như vậy, Khu DTTN có hệ thống thủy văn phong phú với nhiều suối, thác không chỉ tạo nên cảnh quan thiên nhiên hùng vĩ và hấp dẫn mà còn mang lại nhiều cơ hội phát triển DLST, nghỉ dưỡng và giải trí trong Khu DTTN. Tuy nhiên, việc phát triển du lịch cần thực hiện một cách bền vững, có tính toán kỹ lưỡng và chuẩn bị đầy đủ các phương án phù hợp nhằm đảm bảo an toàn cho du khách và bảo vệ hệ sinh thái tự nhiên.

⁶ Phương án quản lý rừng bền vững Khu DTTN Động Châu – Khe Nước Trong tỉnh Quảng Bình đến năm 2030.

2.1.5 Hiện trạng sử dụng đất

Bảng 1. Hiện trạng sử dụng đất tính đến tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: ha

TT	Hạng mục	Tổng diện tích	Xã Kim Thủy
I	Tổng diện tích đất của chủ rừng quản lý	22.210,22	22.210,22
1	Đất nông nghiệp	22.204,71	22.204,71
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp		
-	Đất trồng cây hàng năm		
-	Đất trồng cây lâu năm		
1.2	Đất lâm nghiệp	22.204,71	22.204,71
1.2.1	Đất rừng đặc dụng	22.186,59	22.186,59
1.2.2	Đất rừng phòng hộ		
1.2.3	Đất rừng sản xuất	18,12	18,12
1.3	Đất nông nghiệp khác		
2	Đất phi nông nghiệp	5,51	5,51
	Đất trụ sở của đơn vị sự nghiệp	5,51	5,51

Nguồn: Khu DTTN, 2023

Khu DTTN có tổng diện tích 22.210,22 ha. Trong đó, diện tích rừng đặc dụng chiếm phần lớn diện tích với 22.204,71 ha (99,98%). Diện tích rừng đặc dụng chiếm tỷ lệ cao và được bảo vệ tốt nên Khu DTTN có hệ sinh thái phong phú, hệ động thực vật đa dạng, là điều kiện tốt để phát triển các hoạt động như trekking, thám hiểm, quan sát động thực vật, có thể thu hút các du khách yêu thiên nhiên.

Khu DTTN có một số khu vực đất trống, trảng cỏ là các chốt, trạm BVR như Bãi Đạn, Cầu Khỉ, Động Vàng Vàng, Hà Lạc... có tiềm năng lớn cho phát triển du lịch và phát triển các cơ sở hạ tầng (CSHT) và cơ sở vật chất kỹ thuật (CSVCKT) tuy nhiên cần cân nhắc kỹ trước khi đề xuất phát triển du lịch hoặc xây dựng công trình để không ảnh hưởng đến công tác bảo tồn rừng, đa dạng sinh học và các quy định của pháp luật.

Như vậy, hiện trạng sử dụng đất của Khu DTTN có nhiều tiềm năng phát triển DLST, nghỉ dưỡng và giải trí nhờ vào diện tích rừng đặc dụng lớn và ổn định. Tuy nhiên, các quy định của pháp luật, việc thiếu diện tích đất phi nông nghiệp và ranh giới không phù hợp là những thách thức cần được giải quyết để phát triển du lịch một cách bền vững.

2.1.6 Diện tích rừng

Tổng diện tích rừng và diện tích đất chưa có rừng quy hoạch cho lâm nghiệp tại Khu DTTN là 22.210,22 ha. Trong đó, diện tích đất có rừng là 21.937,17 ha, đạt độ che phủ rừng lên tới 98,78%. Diện tích đất chưa có rừng là 273,05 ha, chiếm 1,23% tổng diện tích, bao gồm đất

rừng trồng chưa thành rừng, đất có cây gỗ tái sinh, đất trống không có cây gỗ tái sinh và các loại đất khác.

Bảng 2. Hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp Khu DTTN tính đến tháng 12/2023

Đơn vị tính: ha

Loại đất loại rừng	Tổng diện tích quản lý	Tỷ lệ (%)	Đất rừng đặc dụng	Đất rừng sản xuất	Ngoài 3 loại rừng
Tổng cộng	22.210,22	100	22.186,59	18,12	5,51
I. Đất có rừng	21.937,17	98,78	21.919,05	18,12	-
1. Rừng tự nhiên	21.768,17	98,02	21.750,05	18,12	-
1.1. Rừng gỗ phân theo trữ lượng	21.645,49	97,46	21.627,37	18,12	-
- Rừng giàu	9.803,13	44,14	9.803,13		
- Rừng trung bình	4.687,04	21,10	4.687,04		
- Rừng nghèo	6.877,81	30,97	6.861,91	15,9	
- Rừng nghèo kiệt	275,29	1,24	275,29		
- Rừng chưa có trữ lượng	2,22	0,01		2,22	
1.2. Rừng tre nứa					
1.3. Rừng hỗn giao gỗ, tre nứa	122,68	0,56	122,68		
2. Rừng trồng	169,00	0,76	169,00	-	-
2.1. Rừng trồng gỗ	169,00	0,76	169		
2.2. Rừng trồng khác	-				
II. Đất chưa có rừng	273,05	1,23	267,54	-	5,51
1. Đất có rừng trồng nhưng chưa thành rừng	160,00	0,72	160,0		
2. Đất có cây gỗ tái sinh	58,33	0,26	58,33		
3. Đất trống không có cây gỗ tái sinh	13,51	0,06	13,51		
4. Đất có cây nông nghiệp	-	-			
5. Mặt nước	2,64	0,01	2,64		
6. Đất khác	38,57	0,17	33,06		5,51

(Nguồn: Kết quả theo dõi diễn biến rừng huyện Lệ Thủy năm 2022, có cập nhật bổ sung kết quả trồng mới, làm giàu rừng của Khu DTTN đến thời điểm lập Phương án)

Khu DTTN có ba phân khu chức năng chính gồm: phân khu bảo vệ nghiêm ngặt (BVNN), phân khu phục hồi sinh thái (PHST) và phân khu hành chính - dịch vụ (HCDV). Phân khu BVNN có tổng diện tích 13.674,96 ha, bao gồm 15 tiểu khu (515, 516, 517, 520, 522, 527, 528, 529, 530, 531, 535, 536, 537, 538, 539) được quản lý chặt chẽ với các biện pháp BVR và ĐDSH, bao gồm việc thường xuyên kiểm tra, tuần tra và thực hiện quy định phòng chống cháy rừng, cũng như ngăn chặn các hoạt động trái phép. Phân khu PHST có tổng diện tích 8.437,60 ha, bao gồm 11 tiểu khu (521, 523, 524, 526, 533, 534 và các tiểu khu 490, 496, 518, 525, 532), tập trung vào các hoạt động làm giàu rừng và quản lý BVR, với sự phối hợp chặt chẽ giữa

BQL Khu DTTN và các tổ cộng đồng tại địa phương. Phân khu HCDV có diện tích 20,37 ha, bao gồm trụ sở BQL và các trạm BVR. Khu vực chưa có các hạ tầng phục vụ phát triển DLST, nghỉ dưỡng và giải trí. Khu vực chốt BVR Lâm trường Khe Giũa, có địa hình bằng phẳng, diện tích đủ rộng nên Khu DTTN đang dự kiến xây dựng Trung tâm Giáo dục Môi trường và Dịch vụ (Trung tâm GDMT & DV).

Qua khảo sát, diện tích đất chưa có rừng và đất trống trong Khu DTTN chỉ chiếm 1,23% tổng diện tích, không đủ lớn để xây dựng các công trình du lịch và các tiện ích mà không ảnh hưởng đến hệ sinh thái tự nhiên. Trong khi đó, hạ tầng hiện tại đã xuống cấp và không đủ để đáp ứng nhu cầu của du khách cũng như cán bộ nhân viên Khu DTTN. Vì vậy, Khu DTTN cần xem xét điều chỉnh quy hoạch phân khu chức năng, theo kế hoạch sử dụng đất đến năm 2030 được duyệt theo phương án quản lý rừng bền vững để tăng diện tích phục vụ phát triển du lịch. Việc điều chỉnh cần tuân thủ hướng dẫn của Nghị định 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP. Theo đó, cần xác định những khu vực trống cỏ, đất có cây bụi hoặc đất trống theo độ tàn che của cây rừng để có phương án xây dựng các CSHT thân thiện với môi trường, hạn chế tác động đến hệ sinh thái. Đồng thời, cần sử dụng các vật liệu xây dựng từ nguồn tái chế và kỹ thuật xây dựng bền vững để giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường tự nhiên

2.1.7 Đa dạng sinh học

Đa dạng hệ thực vật

Khu DTTN là nơi sinh sống của 1.030 loài thực vật, thuộc 599 chi, 144 họ trong 5 ngành thực vật bậc cao có mạch. Trong đó, có 22 loài được ghi trong sách đỏ thế giới (IUCN), 26 loài ghi trong sách đỏ Việt Nam, và 15 loài được bảo vệ theo Nghị định 06 của Chính phủ Việt Nam (NĐ 84/2021/NĐ-CP)⁷. Một số loài thực vật đáng chú ý là các loài trong họ Dầu. Các loài cây này không chỉ có giá trị bảo tồn mà còn có giá trị cho các loại hình du lịch chuyên đề, thu hút những du khách yêu thiên nhiên và nghiên cứu khoa học.

Đa dạng hệ động vật

Khu DTTN là nơi cư trú của 357 loài động vật có xương sống trên cạn, bao gồm 76 loài thú, 214 loài chim, và 67 loài bò sát và ếch nhái. Trong đó, lớp thú có nhiều loài thú nguy cấp, quý hiếm như Chà vá chân nâu, Voọc Hà Tĩnh, Voọc siki, Cu li nhỏ, Thỏ vằn, Tê tê Java, Gấu ngựa, Mang trường sơn, Mang lớn, và Saola. Lớp chim có 4/214 loài phân bố hẹp ở vùng chim đặc hữu bao gồm Trĩ sao, Khướu mỏ dài, Chích chạch má xám, và Khướu má xám. Lớp bò sát, ếch nhái ghi nhận 15 loài đặc hữu của Việt Nam, 12 loài đặc hữu của Đông Dương và 17 loài bị đe dọa. Những loài này góp phần tạo nên sự đa dạng sinh học của khu vực và là tài nguyên hấp dẫn đối với các sản phẩm sinh thái như tour xem chim, tour khám phá động vật về đêm.

⁷ BQL Khu DTTN Động Châu - Khe Nước Trong (2024). Phương án Quản lý rừng bền vững Khu DTTN Động Châu - Khe Nước Trong tỉnh Quảng Bình, đến năm 2030.

Bảng 3. Các loài động, thực vật quý hiếm, đặc trưng của Khu DTTN

Loài	Tình trạng bảo tồn	Mối đe dọa	Khu vực/thời gian có thể quan sát
Cu li lớn (Nycticebus coucang)	IUCN ⁸ : VU; SĐVN ⁹ :VU; NĐCP: IB; CITES ¹⁰ : I	Đặt bẫy	TK: 515, 516, 517, 520, 530, 531, 535, 536, 537
Cu li nhỏ (Nycticebus pygmaeus)	IUCN: VU; SĐVN:VU ; NĐCP: IB; CITES: I	Đặt bẫy	TK: 515, 516, 517, 520, 530, 531, 535, 536, 537
Khỉ mặt đỏ (Macaca arctoides)	IUCN: VU; SĐVN:VU ; NĐCP: IIB; CITES: II	Đặt bẫy	TK: 515, 516, 517, 520, 530, 531, 535, 536, 537
Khỉ đuôi lợn (Macaca leonina)	IUCN: VU; SĐVN:VU ; NĐCP: IIB; CITES: II	Đặt bẫy	TK: 515, 516, 517, 520, 530, 531, 535, 536, 537
Chà vá chân nâu (Pygathrix nemaeus)	IUCN: EN; SĐVN:EN ; NĐCP: IB; CITES: I	Đặt bẫy	TK: 515, 516, 517, 520, 530, 531, 535, 536, 537
Mang trường sơn (Muntiacus truongsonensis)	IUCN: DD; SĐVN:DD ; NĐCP: IB; CITES: I	Đặt bẫy	TK: 515, 516, 517, 520, 530, 531, 535, 536, 537
Sóc đen (Ratufa bicolor)	IUCN: NT; SĐVN:VU ; NĐCP: IIB; CITES: II	Đặt bẫy	TK: 515, 516, 517, 520, 530, 531, 535, 536, 537
Trĩ sao (Rheinardia ocellata)	IUCN: NT, RRS; SĐVN:VU ; NĐCP: IB; CITES: I	Đặt bẫy	TK: 515, 516, 517, 520, 530, 531, 535, 536, 537, 538, 539
Đuôi cụt bụng đỏ (Red-bellied pitta)	IUCN: VU; SĐVN:VU	Đặt bẫy	TK: 515, 516, 517, 520, 530, 531, 535, 536, 537, 538, 539
Trăn gấm (Reticulated python)	SĐVN:CR; NĐCP: IIB; CITES: I	Đặt bẫy	TK: 515, 516, 517, 520, 530, 531, 535, 536, 537, 538, 539
Lim xanh (Erythrophleum fordii Oliv)	IUCN: EN; NĐCP: IIA	Khai thác gỗ	TK 525
Gụ mật (Sindora siamensis Teysm. ex Mi)	IUCN: LR; SĐVN:EN; NĐCP: IIA	Khai thác gỗ	TK 525
Sao mặt quỷ (H. molissima C.Y. Wu)	IUCN: CR; SĐVN:VU	Khai thác gỗ	TK 525

Nguồn: Phương án quản lý rừng bền vững Khu DTTN tỉnh Quảng Bình đến năm 2030.

⁸ Liên minh Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế

⁹ Sách đỏ Việt Nam

¹⁰ Công ước về thương mại quốc tế các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp

Qua khảo sát, du khách sẽ có cơ hội lớn nhìn thấy Vượn, Voọc, Khỉ và một số loài động vật quý hiếm khác tại khu vực TK 532, đặc biệt là trên tuyến đường từ Cầu Khỉ vào khe Nước Trong. Tuy nhiên, khu vực sinh sống, phân bố của các loài động thực vật khác tương đối rộng và ít bắt gặp. Do đó, hoạt động diễn giải môi trường, tìm hiểu hệ sinh thái thực vật, động vật đặt ra nhiều thách thức. Vì vậy, việc hài hòa giữa công tác bảo tồn đa dạng sinh học và hoạt động DLST, việc đẩy mạnh công tác bảo tồn đa dạng sinh học, phục hồi sinh cảnh sống cho các loài động, thực vật tại những khu vực có thể tiếp cận như khu vực Khe Nước Trong, Khe Bung, Khe Vàng, Bãi Đạn là cần thiết. Việc này sẽ góp phần đa dạng hóa các sản phẩm DLST. Song, khi triển khai đón khách, cần quản lý tốt các hành vi của du khách nhằm hạn chế các tác động tiêu cực tới tự nhiên.

2.1.8 Cảnh quan thiên nhiên

Khu DTTN nằm trong vùng Bắc Trường Sơn, sở hữu cảnh quan thiên nhiên phong phú và đa dạng, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển DLST, nghỉ dưỡng và giải trí. Trong đó, địa hình nơi đây dù khó tiếp cận bởi phần lớn là hệ thống sông suối, thác nước với nhiều đá tảng lớn, nhỏ nhưng chính đặc trưng này đã tạo nên nhiều điểm đến đẹp như thác Tóc Tiên, thác Dương Cầm, thác Cổng Trời và các bãi tắm đẹp tại Khe Nước Trong và Chốt Dộp. Kết hợp với khí hậu nhiệt đới gió mùa với hai mùa rõ rệt, mùa mưa và mùa khô, cảnh quan thiên nhiên nơi này càng thêm nhiều màu sắc, là điểm nhấn cho các hoạt động du lịch ngoài trời quanh năm, trong đó tiêu biểu là hoạt động tắm thác, vượt thác, trekking rừng nguyên sinh

Khu vực này còn có hệ sinh thái đa dạng gồm hệ sinh thái đất ngập nước và hệ sinh thái trên cạn với 7 kiểu rừng chính. Đặc biệt, thảm thực vật rừng kín thường xanh mưa ẩm nhiệt đới núi thấp là chủ yếu, mang lại vẻ đẹp hoang sơ và có nhiều tiềm năng hấp dẫn các du khách yêu thích leo núi, trekking, tắm rừng.

Có thể nói, Khu DTTN sở hữu lợi thế về điều kiện tự nhiên và cảnh quan, nhưng chưa được khai thác một cách bền vững và hiệu quả. Do vậy, trong thời gian tới, làm sao để nổi bật giá trị vốn có của những tài nguyên này thông qua du lịch là nhiệm vụ quan trọng của khu DTTN.

2.2 DÂN SINH, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ TIỀM NĂNG DU LỊCH VĂN HOÁ

2.2.1 Dân sinh

Theo kết quả tổng hợp số liệu năm 2022 tại các xã Kim Thủy và xã Lâm Thủy (vùng đệm của Khu DTTN) trong khu vực có 1.663 hộ, với 6.351 nhân khẩu. Mật độ dân số bình quân các xã 7,5 người/km².

Thành phần dân tộc chủ yếu là người Kinh và Vân Kiều, trong đó người Vân Kiều chiếm 79,9% dân số của hai xã, người Kinh chiếm 21,1%. Ngoài ra, còn có một số ít các dân tộc thiểu số khác sinh sống như Chứt, Tà Ôi, Mảng, Cơ Tu... Sự đa dạng các dân tộc đóng góp vào sự đa dạng hóa của địa phương, là tiềm năng để phát triển các loại hình và sản phẩm du lịch gắn với văn hóa bản địa.

Tổng số người trong độ tuổi lao động là 3.370 người (chiếm 53,1%). Trong đó, số lao động nam là 1.729 người (chiếm 51,3%), số lao động nữ là 1.641 (chiếm 48,7%) tổng số trong độ tuổi lao động. Số lao động tập trung chủ yếu ở xã Kim Thủy (chiếm 71,1% số lao động trong khu vực)¹¹.

¹¹ Phương án quản lý rừng bền vững Khu DTTN Động Châu – Khe Nước Trong tỉnh Quảng Bình đến năm 2030.

Theo kết quả điều tra của Cục thống kê tỉnh Quảng Bình năm 2022, vùng đệm Khu DTTN có tỷ lệ lao động tự làm và lao động gia đình cao. Điều này khiến các xã khó khăn trong việc tạo công ăn việc làm ổn định cho người dân. Tuy nhiên, đây là cơ hội để Khu DTTN sử dụng lao động địa phương trong các hoạt động DLST, từ bảo vệ môi trường đến các sản phẩm du lịch mang tính cộng đồng.

Như vậy, dân số đa dạng và cơ cấu lao động của các xã giáp ranh Khu DTTN mang lại cơ hội lớn cho phát triển du lịch, nhưng đồng thời cũng đòi hỏi quản lý chặt chẽ và chiến lược để tối ưu hóa lợi ích cho cả cộng đồng địa phương, du khách và Khu DTTN.

Bảng 4. Dân số và lao động các xã trong khu vực

TT	Đơn vị hành chính	Tổng số hộ	Nhân khẩu			Lao động		
			Tổng	Kinh	DT khác	Tổng	Nam	Nữ
	Huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình	1.663	6.351	1.789	4.562	3.370	1.729	1.641
1	Xã Kim Thủy	1.256	4.689	1.695	2.994	2.395	1.214	1.181
2	Xã Lâm Thủy	407	1.662	94	1.568	975	515	460

(Nguồn: Tổng hợp từ số liệu các xã vùng dự án, SFIPI, 2022)

2.2.2 Kinh tế - xã hội

Các xã giáp ranh Khu DTTN có sinh kế chủ yếu dựa vào nông nghiệp và chăn nuôi. Hoạt động trồng trọt tại đây bao gồm các loại cây hàng năm như lúa, ngô, khoai, sắn, lạc, đậu; các cây lâu năm như cao su, hồ tiêu; cùng một số cây ăn quả như cam, bưởi, chôm chôm, chuối, mít, và chanh. Khu vực này chủ yếu chăn nuôi các loài thông thường như bò, lợn, dê, gà, vịt, ngan. Mặc dù có tiềm năng, nhưng do điều kiện tự nhiên bất lợi và kỹ thuật hạn chế nên sản lượng cũng chưa cao.

Nguồn thu nhập chính của người dân trong khu vực là từ nông nghiệp, với thu nhập bình quân mỗi hộ gia đình khoảng 28 triệu đồng/năm¹², thấp hơn nhiều so với mức bình quân của tỉnh Quảng Bình. Điều này cho thấy mức sống của người dân còn nhiều khó khăn, đặc biệt là trong bối cảnh thiếu đất canh tác và phụ thuộc nhiều vào tài nguyên rừng.

Về giáo dục, các xã đều có trường mầm non và tiểu học, với chương trình phổ cập giáo dục đạt hiệu quả cao, tỷ lệ trẻ em đến trường đạt 100%. Tuy nhiên, tỷ lệ mù chữ vẫn còn tồn tại ở những người lớn tuổi. Về y tế, các trạm y tế đã được trang bị đầy đủ trang thiết bị cơ bản, nhưng trình độ nghiệp vụ của cán bộ y tế vẫn còn hạn chế, đòi hỏi cần đào tạo thêm.

Những điều kiện kinh tế - xã hội này đã cơ bản đáp ứng được nhu cầu sinh hoạt của cộng đồng vùng đệm Khu DTTN nhưng chưa đảm bảo được sự phát triển bền vững. Đây là điều kiện để người dân địa phương tham gia vào các hoạt động kinh tế đa dạng hơn, không chỉ riêng về du lịch mà còn về công tác quản lý BVR. Một mặt, lực lượng lao động dồi dào từ ngành nông nghiệp có thể được huy động tham gia vào các dịch vụ du lịch như hướng dẫn viên, porter. Mặt khác, Khu DTTN cũng có thể huy động nguồn lao động này hỗ trợ công tác

¹² Phương án quản lý rừng bền vững Khu DTTN Động Châu – Khe Nước Trong tỉnh Quảng Bình đến năm 2030.

bảo tồn, tuần tra rừng, giúp giảm sự phụ thuộc của sinh kế vào tài nguyên rừng, giảm áp lực đối với công tác quản lý BVR.

Như vậy, phát triển du lịch tại Khu DTTN có thể mang lại nhiều lợi ích kinh tế cho cộng đồng địa phương, nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống. Đào tạo và nâng cao nhận thức, kỹ năng cho người dân về du lịch bền vững, kết hợp với chính sách hỗ trợ phát triển hạ tầng và kỹ thuật canh tác, chăn nuôi sẽ là chìa khóa để đạt được mục tiêu phát triển toàn diện cho Khu DTTN.

2.2.3 Tiềm năng du lịch văn hoá

Các xã giáp ranh Khu DTTN có tiềm năng phát triển du lịch văn hóa dựa trên các giá trị tài nguyên du lịch văn hóa phong phú, bao gồm cả tài nguyên du lịch văn hóa vật thể và phi vật thể.

Về văn hóa vật thể, khu vực này có nhiều di tích lịch sử và kiến trúc mỹ thuật có giá trị. Khu DTTN nằm gần vĩ tuyến 17, một địa danh lịch sử quan trọng gắn liền với các trận đánh ác liệt trên đường Hồ Chí Minh nhánh Tây, đặc biệt là tại khu vực Khe Nước Trong, Bãi Đạn và bản Trung Đoàn. Ngoài ra, các xã vùng đệm và khu vực lân cận còn có nhiều di tích nổi tiếng khác như Chùa Hoằng Phúc, lăng mộ lễ Thành Hầu - Nguyễn Hữu Cảnh, nhà lưu niệm Đại tướng Võ Nguyên Giáp, di tích lịch sử Làng Ho, và các điểm lịch sử trên đường Hồ Chí Minh như ngã 3 Mít - Cát và ngã 3 đường 10. Những di tích này không chỉ mang giá trị lịch sử mà còn là những điểm tham quan hấp dẫn và thu hút du khách tìm về cội nguồn.

Về văn hóa phi vật thể, khu vực này là nơi sinh sống của đồng bào dân tộc Bru - Vân Kiều, với phong tục, tập quán đặc trưng và khác biệt so với các dân tộc khác. Người Bru - Vân Kiều có nhiều lễ hội truyền thống, trang phục đặc trưng, phong tục tập quán, và các hình thức nghệ thuật dân gian phong phú. Các lễ hội truyền thống như lễ hội mừng cơm mới, lễ hội mừng nhà mới, và các nghi lễ tín ngưỡng tôn giáo là những sự kiện văn hóa thu hút nhiều du khách tham gia. Âm nhạc dân gian, múa truyền thống và các hình thức biểu diễn nghệ thuật sử dụng sạp và cồng chiêng của người Bru - Vân Kiều cũng là những yếu tố hấp dẫn, mang lại trải nghiệm văn hóa độc đáo cho du khách.

Ngoài ra, các tài nguyên du lịch văn hóa khác như danh nhân và địa danh nổi tiếng cũng góp phần tạo nên sức hút du lịch cho khu vực. Nhà lưu niệm Đại tướng Võ Nguyên Giáp là một điểm đến quan trọng, không chỉ vì giá trị lịch sử mà còn vì tầm ảnh hưởng của Đại tướng trong lòng người dân Việt Nam và bạn bè quốc tế.

Tóm lại, tiềm năng du lịch văn hóa tại các xã vùng đệm Khu DTTN rất lớn, với sự đa dạng của các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể. Phát triển du lịch văn hóa, DLCĐ tại đây không chỉ góp phần bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống mà còn tạo động lực kinh tế, cải thiện đời sống người dân và thúc đẩy sự phát triển bền vững cho toàn huyện. Bên cạnh đó, điều này sẽ tạo điều kiện để Khu DTTN kết hợp các sản phẩm, tour tuyến DLST, nghỉ dưỡng, giải trí với các sản phẩm mà cộng đồng địa phương tổ chức, hướng tới mục tiêu cân bằng lợi ích giữa cộng đồng và Khu DTTN.

2.3 GIAO THÔNG

2.3.1 Giao thông đường bộ

Hệ thống giao thông đường bộ nội bộ Khu DTTN có tổng chiều dài là 128km, bao gồm nhiều loại đường khác nhau. Cụ thể, có 4km đường nhựa với chiều rộng từ 6 - 9m, 13km đường bê

tông xi măng với bề rộng từ 6 - 10m, và 38km là đường đất có chiều rộng từ 2-5m. Phần còn lại, khoảng 56,7km là đường mòn với chiều rộng từ 1,5 - 2m¹³.

Khu DTTN có lợi thế phát triển du lịch lớn nhờ tuyến đường Hồ Chí Minh chạy qua với chiều dài khoảng 10km, bắt đầu từ trạm BVR Cầu Khỉ đến địa phận giáp ranh tỉnh Quảng Trị và Khu BTTN Bắc Hướng Hóa. Đây là tuyến đường bê tông, trải nhựa, hai xe tránh nhau và có thể lưu thông quanh năm. Do vậy, khi hoạt động du lịch đi vào triển khai, Khu DTTN có thể dễ dàng đón khách từ hai hướng và kết nối chặt chẽ với tỉnh Quảng Trị, đặc biệt là Khu BTTN Bắc Hướng Hóa.

Tuy nhiên, mặc dù đã có một số đoạn được rải bê tông như đoạn từ trạm Cầu Khỉ vào Khe Nước Trong, nhưng việc đi lại trong Khu DTTN vẫn gặp nhiều khó khăn do phần lớn các tuyến đường còn lại là đường mòn. Tiêu biểu như các tuyến đi khe Le, khe Đan, Chốt Dộp, thác Tóc Tiên, thác Dương Cầm, thác Cổng Trời, dù nhiều tiềm năng phát triển du lịch nhưng khó tiếp cận do đường giao thông nội khu chưa được đầu tư. Những tuyến đường này trở nên đặc biệt khó đi và trơn trượt vào mùa mưa, gây trở ngại lớn cho các hoạt động tuần tra BVR cũng như cho việc phát triển DLST. Để cải thiện tình hình này, việc nâng cấp các tuyến đường mòn, cũng như phát triển thêm một số tuyến đường chính là rất cần thiết. Điều này không chỉ giúp đảm bảo an toàn và hiệu quả cho công tác tuần tra BVR mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp cận các điểm du lịch trong Khu DTTN, góp phần thúc đẩy phát triển DLST trong tương lai.

2.3.2 Giao thông đường thủy

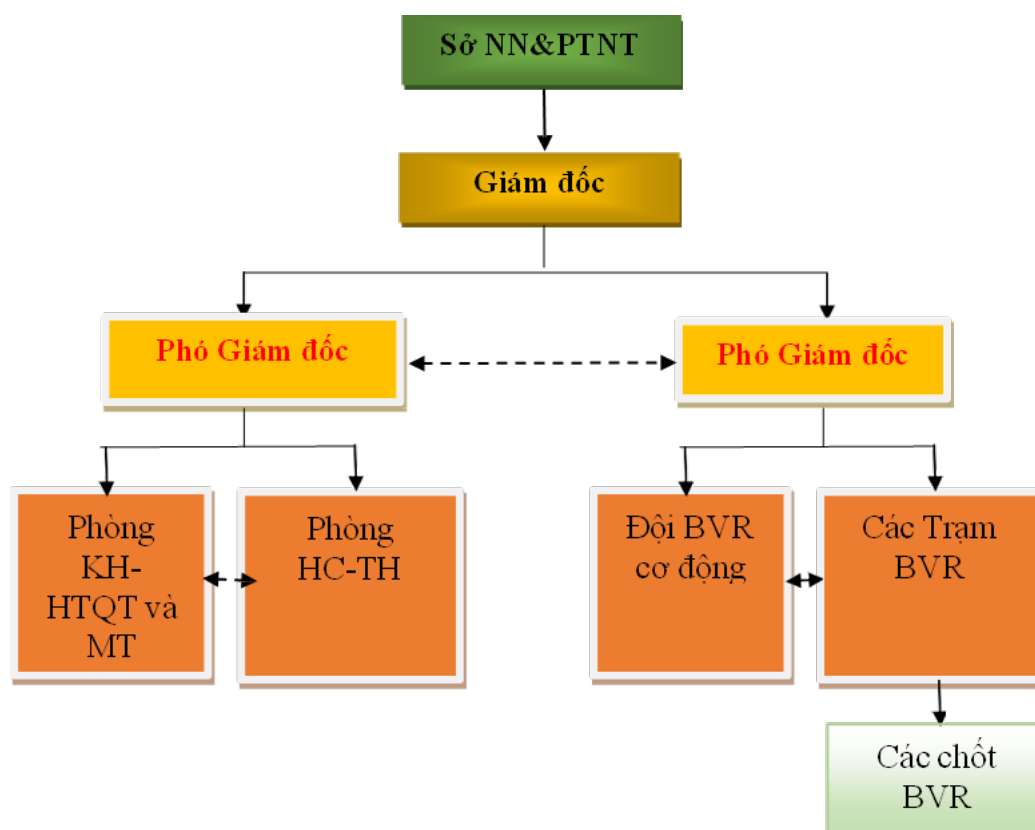
Khu DTTN không có hệ thống giao thông đường thủy, chủ yếu là các sông, suối tự nhiên. Tuy nhiên, nó vẫn đóng vai trò quan trọng trong công tác BVR và phòng cháy chữa cháy rừng. Để nâng cao hiệu quả của các hoạt động này, cần đầu tư thêm các phương tiện tuần tra phù hợp để có thể di chuyển trên các sông, suối trong khu vực.

2.4 HIỆN TRẠNG HOẠT ĐỘNG DU LỊCH

2.4.1 Công tác tổ chức quản lý và nguồn nhân lực

Cơ cấu tổ chức của Khu DTTN gồm Ban Giám đốc, 2 phòng chức năng (Phòng Hành chính - Tổng hợp và Phòng Khoa học - Hợp tác quốc tế và Môi trường), 03 trạm quản lý BVR và 01 đội BVR cơ động. Sơ đồ tổ chức của BQL Khu DTTN được thể hiện như sau:

¹³ Phương án quản lý rừng bền vững Khu DTTN Động Châu – Khe Nước Trong tỉnh Quảng Bình đến năm 2030.



Hình 1. Sơ đồ tổ chức của BQL Khu DTTN

Nguồn: BQL Khu DTTN, 2023

Tổng số cán bộ, viên chức và người lao động tính đến tháng 12/2023 là 50 người, trong đó 32 người là viên chức và 18 người hợp đồng. Tuy nhiên, cơ cấu tổ chức và trình độ chuyên môn hiện nay chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển du lịch, đặc biệt là trong bối cảnh nhiều công ty, nhà đầu tư quan tâm và có nhu cầu khai thác du lịch trong khu DTTN. Mặc dù các cán bộ từ cấp quản lý, kỹ thuật đến cán bộ BVR đều có trình độ khá cao, với tỷ lệ trình độ đại học và trên đại học đạt 72%, nhưng đều được đào tạo với chuyên môn quản lý và BVR, không có chuyên môn về du lịch, cũng chưa được đào tạo chính thức về phát triển du lịch. Khu DTTN đã cử cán bộ tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn về lãnh đạo, quản lý cấp phòng và bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ nhưng năng lực của một bộ phận cán bộ trẻ, đặc biệt là lực lượng BVR chuyên trách, vẫn còn hạn chế, đặc biệt thiếu hụt về chuyên môn trong lĩnh vực quản lý và vận hành du lịch. Vấn đề này đang là thách thức lớn đối với Khu DTTN, không chỉ trong công tác quản lý và khai thác du lịch mà còn trong việc phối hợp và kết nối với cộng đồng địa phương tại các xã giáp ranh. Do đó, việc trang bị bổ sung kỹ năng và kiến thức chuyên môn cho các cán bộ là một trong những nhiệm vụ quan trọng để đảm bảo Khu DTTN có thể đáp ứng tốt hơn các yêu cầu phát triển và khai thác du lịch bền vững.

Bảng 5. Hiện trạng nhân sự Khu DTTN đến tháng 12/2023

TT	Đơn vị	Biên chế nhân sự			Phân theo trình độ			
		Tổng số	Biên chế và HD trong biên chế	Hợp đồng khác	Trên đại học	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Các chuyên môn khác
1	Ban giám đốc	3	3		2	1		
2	Phòng Hành chính – Tổng hợp	8	7	1		6	1	1
3	Phòng Khoa học-Hợp tác quốc tế và Môi trường	6	6		1	5		
4	Lực lượng chuyên trách BVR	33	16	17	0	21	12	0
-	Đội BVR Cơ động	14	7	7		6	8	
-	Trạm BVR số 1 (Hà Lạc)	5	2	3		5		
-	Trạm BVR số 2 (525)	4	3	1		3	1	
-	Trạm BVR Số 3 (Cầu Khỉ)	10	4	6		7	3	
	Tổng	50	32	18	3	33	13	1

Nguồn: BQL Khu DTTN, 2023

2.4.2 Hiện trạng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch

Khu DTTN có một số CSHT và trang thiết bị đã được đầu tư, tuy nhiên quy hoạch và bố trí công trình còn phân tán, chưa đồng bộ và khoa học. Hơn nữa, CSHT, CSVCKT đều phục vụ công tác quản lý BVR, không đầu tư phục vụ du lịch. Các chốt, trạm BVR xuống cấp, thiếu công trình phụ, hệ thống điện, nước sạch và thông tin liên lạc nên không chỉ gây khó khăn cho các cán bộ trong công việc mà còn ảnh hưởng đến tiềm năng phát triển du lịch của khu.

Khu DTTN chưa được kết nối với lưới điện quốc gia. Các trạm BVR và người dân các xã giáp ranh vẫn phải sử dụng năng lượng điện mặt trời nên tạo ra hạn chế lớn đối với sinh hoạt và công tác tuần tra BVR của các cán bộ Khu DTTN. Đối với phát triển du lịch, cần thiết phải đầu tư đồng bộ hệ thống điện lưới để đảm bảo các dịch vụ cơ bản của một điểm đến.

Các trạm BVR và các xã giáp ranh sử dụng nguồn nước từ các khe suối. Để đưa du lịch vào hoạt động, việc hoàn thiện hệ thống nước sạch không chỉ cho cộng đồng địa phương mà còn cho các trạm, hạt kiểm lâm của Khu DTTN là rất cần thiết.

Hệ thống thông tin liên lạc chưa được đầu tư. Các trạm BVR không có sóng và mạng viễn thông ngoại trừ trạm BVR Hà Lạc nên sẽ ảnh hưởng đến khả năng liên lạc và quản lý, cũng như trải nghiệm của du khách.

Hiện nay, Khu DTTN chưa được trang bị các hạ tầng phục vụ du lịch như Trung tâm GDMT & DV, khu tiếp đón, khu ăn uống, mua sắm, các biển diễn giải, chỉ đường. Các điểm du lịch có

tiềm năng như khu vực Cầu Khỉ, Bãi Đạn, Chốt Dộp... vẫn còn hoang sơ và chưa được đầu tư. Tình trạng này khiến việc thu hút khách du lịch và cung cấp các dịch vụ cơ bản trở nên khó khăn, đồng thời hạn chế khả năng phát triển du lịch của khu vực. Do đó, cần thiết phải đầu tư và kêu gọi huy động các nguồn vốn từ ngân sách và đặc biệt là vốn xã hội hóa để phát triển hạ tầng du lịch tại đây.

2.4.3 Hiện trạng loại hình và sản phẩm du lịch

Khu DTTN chưa cung cấp các sản phẩm và dịch vụ du lịch để phục vụ du khách do còn nhiều hạn chế về CSHT, CSVCKT và nguồn nhân lực có kinh nghiệm. Các sản phẩm chủ yếu do đơn vị hợp tác tổ chức triển khai và kết hợp với Khu DTTN khai thác một số sản phẩm du lịch mạo hiểm.

Năm 2021, Khu DTTN đã liên kết với Công ty TNHH Netin khai thác sản phẩm du lịch “Khám phá Khe Nước Trong, suối Tiên và chinh phục Thác Cổng Trời - Bãi Đạn”. Sản phẩm được tổ chức theo 2 lịch trình: 1 ngày và 2 ngày 1 đêm. Để tham gia, du khách phải đảm bảo các điều kiện sức khỏe, mang đầy đủ các thiết bị bảo hộ và nghe hướng dẫn viên giới thiệu từng loại thiết bị, hướng dẫn kỹ năng sử dụng dây, móc khóa an toàn, kỹ thuật leo núi, di chuyển. Từng người theo sự hướng dẫn của các trợ lý an toàn bước đến chân thác, nắm chặt sợi dây thừng và dùng lực kéo bằng cả hai tay cộng thêm lực hỗ trợ phía trên thác của hai nhân viên với một dây chuyên dụng vừa để hãm, vừa để trợ lực.

Năm 2023, Khu DTTN liên kết với Công ty TNHH Thương mại và Du lịch HS khai thác sản phẩm du lịch “Khám phá thiên nhiên thác Mụ Mệ, vườn Địa Đàng, hang Vàng và thác Lụa tại xã Lâm Thủy, huyện Lệ Thủy”. Chương trình tham quan gồm hai lộ trình: một lộ trình trong 1 ngày và 2 ngày 1 đêm.

Ngoài ra, Khu DTTN còn phối hợp với Tổ chức Helvetas Việt Nam và Công ty TNHH Netin xây dựng hai mô hình homestay tại Bản Ho Rum, xã Kim Thủy. Các mô hình gắn kết chặt chẽ với các sản phẩm DLST và du lịch mạo hiểm trong Khu DTTN với sự tham gia tích cực của cộng đồng. Hiện nay, bản cung cấp nhiều dịch vụ hấp dẫn như ẩm thực mang đậm bản sắc dân tộc Bru - Vân Kiều, ngâm chân thảo dược, tắm suối, bắt cá suối, và làm bánh Ayoh.

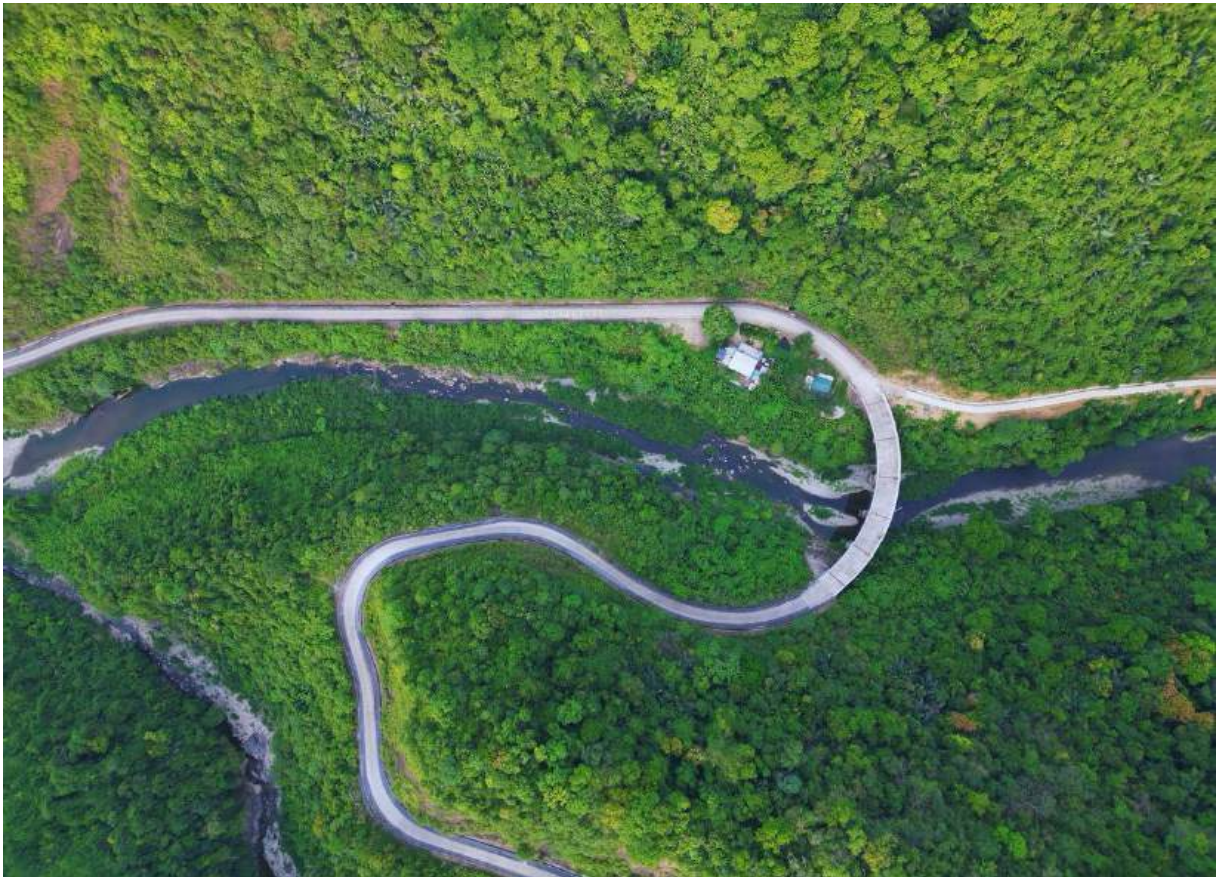
(1) Khu vực Cầu Khi - Bãi Đạn

Trạm BVR Cầu Khi

Tài nguyên du lịch hiện có: Trạm BVR Cầu Khi hiện có 10 cán bộ làm việc và lưu trú, nằm ở vị trí trung tâm thuận lợi để di chuyển đến các điểm tham quan quan trọng như khe Nước Trong, thác Cổng Trời, Bãi Đạn và các bản DLCĐ Mít Cát, Trung Đoàn, Ho Rum. Khu vực này có tiềm năng trở thành điểm tiếp đón du khách.

Đặc điểm, tính chất, giá trị của tài nguyên: Vị trí chiến lược gần nhiều điểm tham quan nổi bật với cảnh quan thiên nhiên hoang sơ, hùng vĩ và ĐDSH cao. Đây là khu vực tiềm năng để phát triển CSHT du lịch.

Hiện trạng khai thác: Trạm đã xuống cấp, không có điện lưới và nước sạch, chỉ sử dụng năng lượng mặt trời. Hiện tại chưa khai thác và có sự đầu CSHT phục vụ du lịch.



Hình 2. Khu vực Cầu Khi

Khu vực khe Nước Trong, khe Bung, khe Vàng

Tài nguyên du lịch hiện có: Cảnh quan rừng tự nhiên, suối, các bãi tắm tự nhiên, động vật hoang dã và cây cổ thụ lớn.

Đặc điểm, tính chất, giá trị của tài nguyên: Khu vực này nổi bật với cảnh quan đẹp, tính ĐDSH cao và nhiều điểm dừng chân lý tưởng có thể quan sát các loài động vật hoang dã như khỉ, các loài chim... và nghe vượn hót. Đây là cơ hội lớn để phát triển DLST và mang đến trải nghiệm thiên nhiên hoang sơ.

Hiện trạng khai thác: Tuyến đường tiếp cận còn khó khăn, phần lớn là đường mòn ven suối, chưa được đầu tư phát triển du lịch đầy đủ. Tuyến đường tuần tra BVR từ trạm BVR Cầu Khi

đến đập tràn, ngã ba khe Nước Trong, khe Bung và khe Vàng dài khoảng 3,3km đã được đầu tư đường bê tông tuy nhiên chưa đưa và khai thác du lịch.



Hình 3. Khu vực Khe Nước Trong

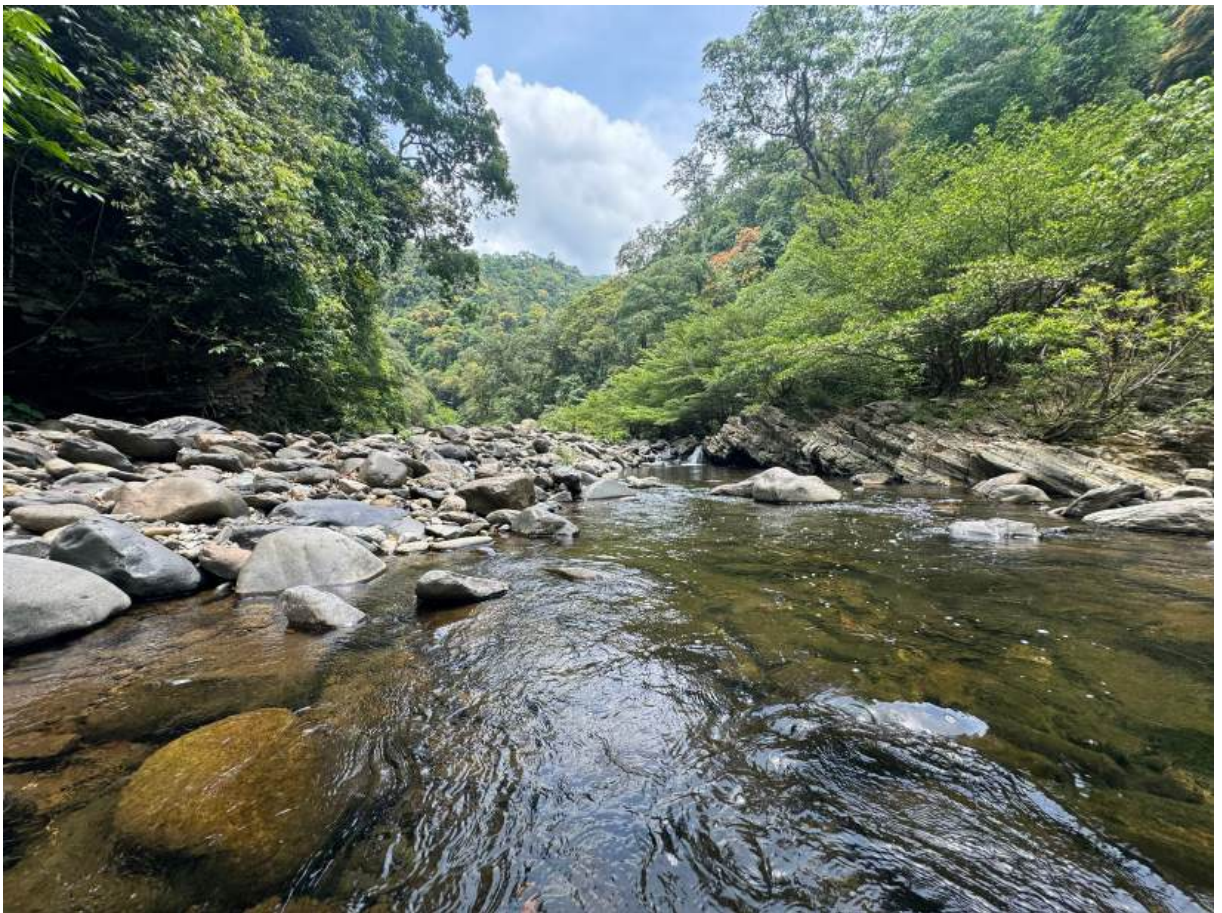
Khu vực Khe Đan

Tài nguyên du lịch hiện có: Tuyến trekking xuyên rừng với nhiều loài cây lớn, các vũng nước và bãi đá lớn, thác Khe Đan cao khoảng 30m.

Đặc điểm, tính chất, giá trị của tài nguyên: Đây là tuyến trekking khó khăn nhưng có cảnh quan thiên nhiên đẹp và hoang sơ, có thể quan sát động vật trong môi trường tự nhiên. Khu vực có tiềm năng để phát triển DLST mạo hiểm, đặc biệt là thác Khe Đan.

Hiện trạng khai thác: Chưa có khách du lịch trải nghiệm, chưa được đầu tư phát triển. Cần có CSHT như tuyến đường trekking, bảng chỉ dẫn và khu dừng chân.

Hình 4. Khu vực thác Khe Đan



Thác Tóc Tiên, thác Dương Cầm, thác Cổng Trời

Tài nguyên du lịch hiện có: Ba thác nước đẹp thuộc đầu nguồn của Khe Le, nằm gần khu vực Bãi Đạn.

Đặc điểm, tính chất, giá trị của tài nguyên: Thác Tóc Tiên và thác Dương Cầm đang được khai thác cho các hoạt động du lịch mạo hiểm như vượt thác và đi bộ xuyên rừng. Đây là khu vực có tiềm năng phát triển DLST mạo hiểm và khám phá thiên nhiên.

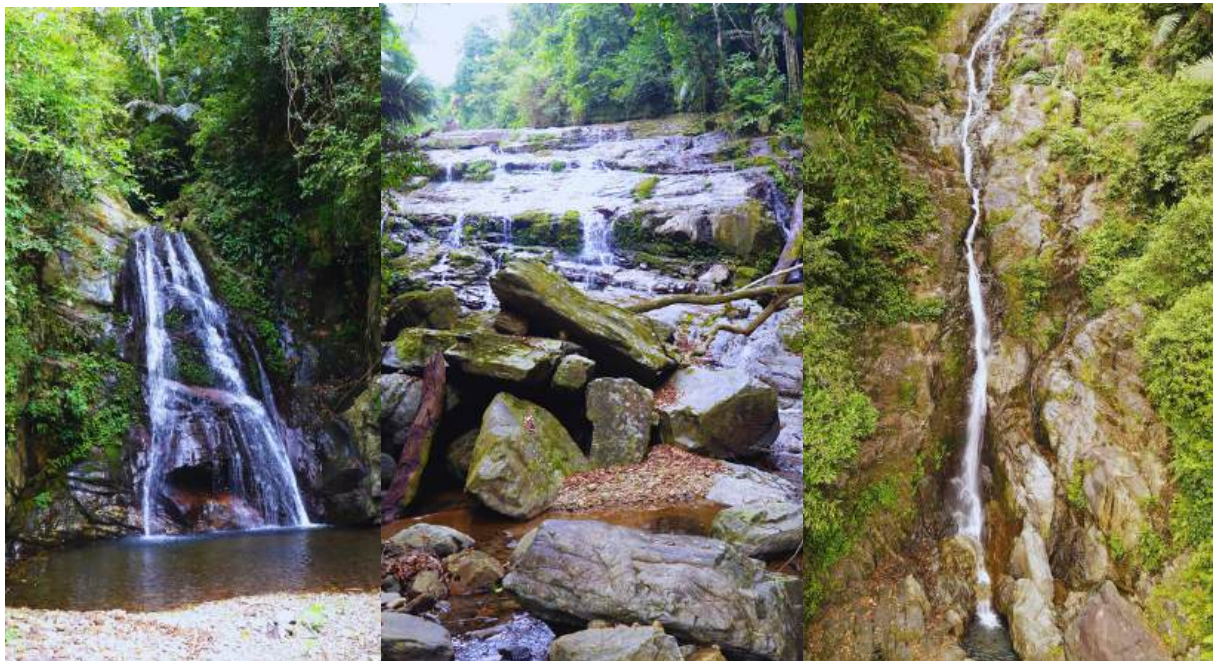
Hiện trạng khai thác: Chưa có sự đầu tư lớn vào CSHT du lịch ngoài các hoạt động du lịch mạo hiểm của một số công ty du lịch Công ty TNHH Netin. Trong thời gian tới, với sự đầu tư thích hợp, khu vực này có thể trở thành một điểm đến hấp dẫn nhất của khu DTTN.

Khu vực trạm BVR Bãi Đạn

Tài nguyên du lịch hiện có: Trạm BVR Bãi Đạn, diện tích đất trống 4ha, khí hậu mát mẻ quanh năm, có tầm nhìn cao và rộng.

Đặc điểm, tính chất, giá trị của tài nguyên: Với vị trí thuận lợi và diện tích đất lớn, khu vực này có tiềm năng phát triển thành khu nghỉ dưỡng sinh thái cao cấp. Gần các thác nước, bãi tắm tự nhiên và có tầm nhìn đẹp ra thác Cổng Trời.

Hiện trạng khai thác: Trạm đã xuống cấp, hiện không sử dụng do sáp nhập các trạm BVR. Tuy nhiên, với quy hoạch đến năm 2030, khu vực này dự kiến sẽ được đầu tư thành khu nghỉ dưỡng sinh thái.



Hình 5. Khu vực thác Tóc Tiên, Dương Cầm, Cổng Trời



Hình 6. Khu vực Bãi Đạn

(2) Khu vực Hà Lọc - Chốt Dập

Trạm BVR Hà Lọc

Tài nguyên du lịch hiện có: Trạm BVR kiên cố, có điện lưới, gần suối và bản Hà Lọc.

Đặc điểm, tính chất, giá trị của tài nguyên: Khu vực có tiềm năng trở thành điểm dừng chân và trung chuyển lý tưởng cho du khách, nhờ điều kiện hạ tầng cơ bản và vị trí thuận lợi gần suối và bản cộng đồng.

Hiện trạng khai thác: Chưa khai thác du lịch, tuy nhiên trạm đã xuống cấp, cần cải tạo và nâng cấp để phục vụ du lịch.

Chốt BVR Dập

Tài nguyên du lịch hiện có: Khu vực suối Rào Chân với cảnh quan đẹp, phù hợp cho các hoạt động dưới nước như chèo thuyền, kayak, chèo mảng.

Đặc điểm, tính chất, giá trị của tài nguyên: Khu vực này thích hợp cho du lịch mạo hiểm và trải nghiệm hoang dã với cảnh quan đẹp và sự biệt lập. Khu vực ven bờ suối có diện tích đất bằng phẳng, chủ yếu là cây bụi, tạo tiềm năng cho việc phát triển các điểm dừng chân hoặc cắm trại.

Hiện trạng khai thác: Có thể tiếp cận bằng đường bộ hoặc đường thủy tuy nhiên các tuyến đường đều khó khăn. Hiện chưa có cơ sở vật chất hạ tầng du lịch hoàn chỉnh, cần đầu tư phát triển. Với việc đầu tư và phát triển đúng cách, khu vực này sẽ trở thành điểm dừng chân lý tưởng cho các sản phẩm DLST, du lịch mạo hiểm, các trò chơi dưới nước.



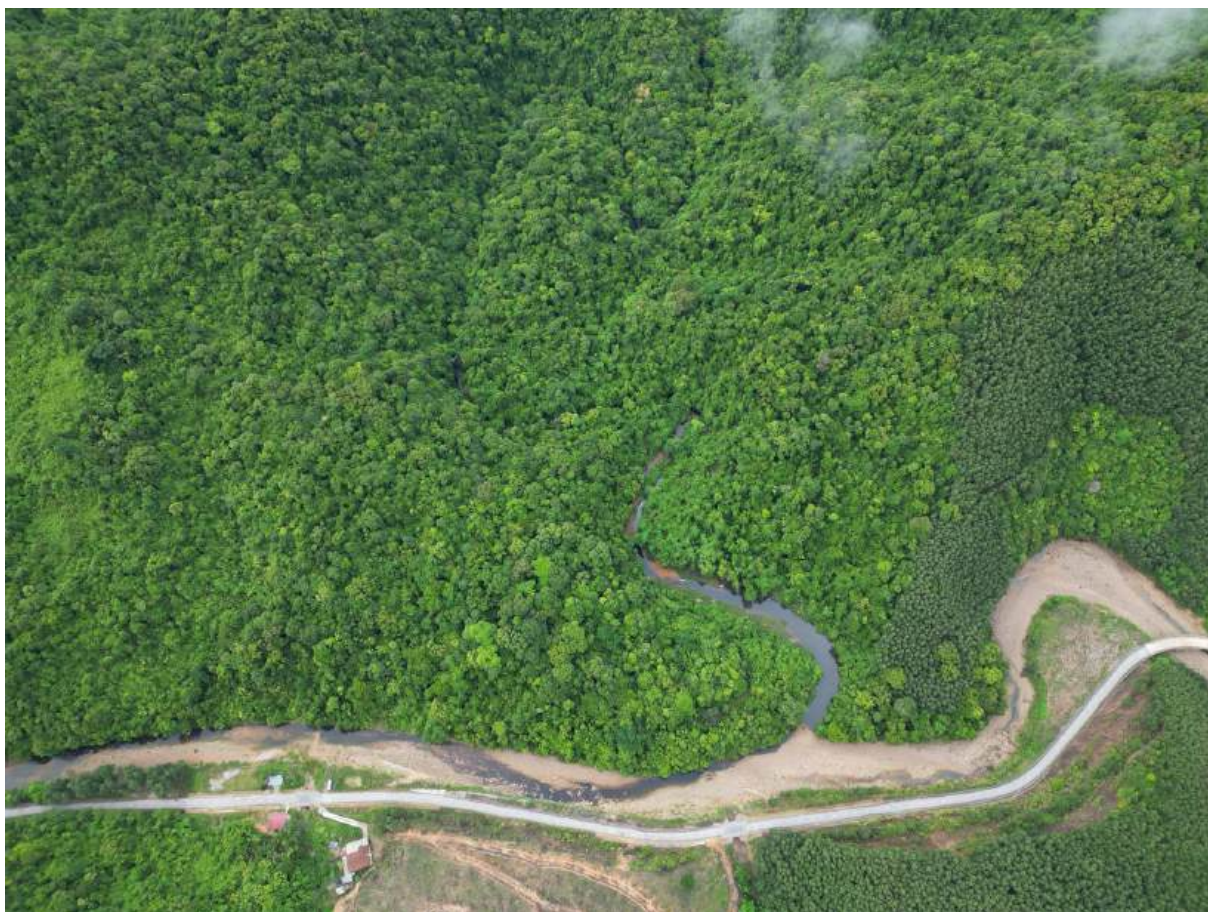
Hình 7. Khu vực Chốt Dẹp

(3) Khu vực Khe Cau - Trạm Khe Cau

Tài nguyên du lịch hiện có: Dòng suối và rừng tái sinh thuộc phân khu phục hồi sinh thái. Là khu vực quy hoạch trồng được liệu dưới tán rừng lớn.

Đặc điểm, tính chất, giá trị của tài nguyên: Khu vực này có tiềm năng phát triển các hoạt động dã ngoại, picnic và giáo dục bảo tồn thiên nhiên. Trong đó tập trung vào trải nghiệm và giáo dục gắn với các loài thực vật, dược liệu bản địa quý.

Hiện trạng khai thác: Đã thu hút một số gia đình lui tới tắm suối và dã ngoại dịp cuối tuần, nhưng số lượng còn ít. Cần đầu tư thêm vào CSHT để phát triển thành điểm đến du lịch hấp dẫn.



Hình 8. Khu vực Khe Cau – Trạm Khe Cau

(4) Các điểm tham quan, du lịch tại vùng đệm

Các bản cộng đồng xã Kim Thủy, huyện Lệ Thủy

Tài nguyên du lịch hiện có: Các bản Ho Rum, Trung Đoàn, Mít Cát của đồng bào dân tộc Bru - Vân Kiều. Các cộng đồng vẫn giữ được nét nguyên sơ trong đời sống.

Đặc điểm, tính chất, giá trị của tài nguyên: Các bản cộng đồng vẫn giữ gìn văn hóa truyền thống, là điểm kết nối lý tưởng để phát triển DLST cộng đồng.

Hiện trạng khai thác: Các bản này chưa được nhiều du khách biết tới, cần sự đầu tư và hỗ trợ từ các tổ chức để phát triển du lịch. Cuộc sống của người dân hiện phụ thuộc vào khai thác lâm sản và chăn nuôi nhỏ, nếu phát triển du lịch sẽ giúp tạo nguồn thu từ việc cung cấp dịch vụ du lịch như lưu trú homestay, hướng dẫn tham quan, và trải nghiệm văn hóa.



Hình 9. Bản Ho Rum – xã Kim Thủy

Khu du lịch sinh thái khe Nước Lạnh - huyện Lệ Thủy

Tài nguyên du lịch hiện có: Cảnh quan rừng nguyên sinh, suối nước trong xanh.

Đặc điểm, tính chất, giá trị của tài nguyên: Đây là một điểm du lịch nổi tiếng với cảnh quan thiên nhiên hoang sơ và môi trường trong lành.

Hiện trạng khai thác: Đã trở thành điểm check-in quen thuộc của nhiều bạn trẻ, nhưng cần được kết nối với các điểm tham quan khác để mở rộng tiềm năng du lịch. Với những tiềm năng sẵn có và sự đầu tư đúng mức, Khu DLST Khe Nước Lạnh có thể kết nối chặt chẽ với các bản cộng đồng và các điểm tham quan khác trong Khu DTTN, tạo nên một chuỗi hành trình khám phá đầy thú vị và đa dạng cho du khách.



Hình 10. Khe Nước Lạnh

Hồ Bàu Sen - xã Sen Thủy

Tài nguyên du lịch hiện có: Hồ nước ngọt nằm sát biển, bao quanh bởi đồi cát.

Đặc điểm, tính chất, giá trị của tài nguyên: Khung cảnh tự nhiên độc đáo, thích hợp cho các hoạt động thư giãn, câu cá và khám phá.

Hiện trạng khai thác: Hiện tại chưa có nhiều dịch vụ du lịch phát triển, nhưng là điểm tham quan tiềm năng có thể kết nối với các khu vực khác. Xung quanh hồ đã có một số nhà hàng, nơi du khách có thể thưởng thức các món đặc sản được đánh bắt trực tiếp từ lòng hồ và chế biến bởi người dân địa phương. Các dịch vụ du lịch khác như mua sắm, lưu trú tại đây vẫn chưa phát triển. Tuy nhiên đây vẫn là một điểm tham quan phụ cận hấp dẫn, có thể kết nối thành tuyến trước hoặc sau khi du khách trải nghiệm tại Khu DTTN.



Hình 11. Hồ Bàu Sen

Hồ An Mã

Tài nguyên du lịch hiện có: Hồ nước với nhiều cù lao lớn nhỏ, cảnh quan đẹp.

Đặc điểm, tính chất, giá trị của tài nguyên: Điểm du lịch hấp dẫn với không gian yên bình, thích hợp cho các hoạt động tham quan và khám phá hệ sinh thái.

Hiện trạng khai thác: Cần kết nối với các tour tuyến du lịch sinh thái để phát huy tiềm năng.



Hình 12. Hồ An Mã

Suối khoáng nóng Bang

Tài nguyên du lịch hiện có: Suối khoáng nóng với nhiệt độ cao nhất Việt Nam.

Đặc điểm, tính chất, giá trị của tài nguyên: Khu nghỉ dưỡng và phục hồi sức khỏe mang đến trải nghiệm thư giãn độc đáo cho du khách. du khách có thể trải nghiệm những hoạt động thú vị như tắm suối, ngâm chân ... mang đến cho du khách những kỷ niệm khó quên.

Hiện trạng khai thác: Đã được đầu tư phát triển khu nghỉ dưỡng và thu hút du khách, hứa hẹn là điểm kết nối quan trọng với khu DTTN. Với sự đầu tư bài bản, suối khoáng nóng Bang Quảng Bình không chỉ là một điểm đến hấp dẫn tự thân mà còn là một điểm kết nối lý tưởng cho du khách khi thăm Khu DTTN. Sự kết hợp giữa vẻ đẹp tự nhiên của khu bảo tồn và dịch vụ nghỉ dưỡng, phục hồi sức khỏe tại suối khoáng nóng sẽ tạo ra một trải nghiệm du lịch toàn diện, đáp ứng nhu cầu đa dạng của du khách.



Hình 13. Suối khoáng nóng Bang

Chùa Hoàng Phúc - xã Mỹ Thủy, huyện Lệ Thủy

Tài nguyên du lịch hiện có: Chùa Hoàng Phúc là một di tích lịch sử quốc gia, nằm trên một khu đất rộng gần 10.000m², thuộc xã Mỹ Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình. Nơi đây lưu giữ nhiều hiện vật cổ từ thời nhà Trần như tượng Phật Bà Quan Thế Âm Bồ Tát, chuông đồng từ thời vua Minh Mạng, Địa Tạng Vương Bồ Tát, và nhiều hiện vật quý giá khác.

Đặc điểm, tính chất, giá trị của tài nguyên: Chùa Hoàng Phúc có giá trị lớn về mặt lịch sử và văn hóa, là một điểm hành hương tâm linh quan trọng của địa phương. Với lịch sử lâu đời, chùa vẫn giữ được nhiều nét cổ kính và các hiện vật có giá trị văn hóa cao, là điểm nhấn trong hành trình khám phá di sản văn hóa của vùng.

Hiện trạng khai thác: Hiện tại, chùa thu hút rất đông du khách và người dân địa phương đến hành hương, đặc biệt vào mùa lễ hội tổ chức hàng năm vào tháng Giêng âm lịch. Tuy nhiên, các dịch vụ du lịch và hạ tầng hỗ trợ vẫn còn cần được đầu tư thêm để đáp ứng lượng khách ngày càng tăng.



Hình 14. Chùa Hoàng Phúc

Đền An Sinh

Tài nguyên du lịch hiện có: Đền An Sinh nằm ở vực An Sinh, nơi hội tụ của ba con sông đầu nguồn Kiến Giang. Đây là địa điểm văn hóa tâm linh mang đậm dấu ấn truyền thuyết và huyền thoại địa phương.

Đặc điểm, tính chất, giá trị của tài nguyên: Đền An Sinh là một địa điểm có giá trị văn hóa tâm linh lớn, được người dân tôn vinh như vùng đất thiêng. Sự kết hợp giữa cảnh quan thiên nhiên hùng vĩ và các giá trị tín ngưỡng truyền thống tạo nên một điểm tham quan hấp dẫn cho cả du khách và người dân địa phương.

Hiện trạng khai thác: Đền An Sinh đã được phục hồi và xây dựng lại với sự tài trợ của các doanh nghiệp, trở thành điểm hành hương và chiêm bái quan trọng. Tuy nhiên, cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ vẫn chưa được phát triển nhiều.



Hình 15. Đền An Sinh Truớc Vực

Nhà Đại tướng Võ Nguyên Giáp

Tài nguyên du lịch hiện có: Nhà lưu niệm Đại tướng Võ Nguyên Giáp, nằm tại làng An Xá, xã Lộc Thủy, huyện Lệ Thủy, Quảng Bình, là ngôi nhà gắn liền với tuổi thơ của Đại tướng. Ngôi nhà đã được phục dựng nhưng vẫn giữ được nét xưa cũ và những kỷ vật như cây khế cổ thụ, là nhân chứng cho cuộc sống giản dị của vị tướng tài ba.

Đặc điểm, tính chất, giá trị của tài nguyên: Đây là một di tích lịch sử quan trọng, mang giá trị lớn về mặt giáo dục và lòng tự hào dân tộc. Du khách đến đây có thể tìm hiểu về cuộc đời và sự nghiệp của Đại tướng Võ Nguyên Giáp, một trong những nhà quân sự vĩ đại nhất trong lịch sử Việt Nam.

Hiện trạng khai thác: Nhà lưu niệm là điểm đến thu hút nhiều du khách, đặc biệt vào các dịp lễ lớn như sinh nhật Đại tướng và ngày chiến thắng Điện Biên Phủ. Cơ sở vật chất phục vụ du lịch đã được nâng cấp, nhưng vẫn cần mở rộng thêm các dịch vụ du lịch như hướng dẫn viên và các tiện ích hỗ trợ.



Hình 16. Nhà Đại tướng Võ Nguyên Giáp

Lăng mộ Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh

Tài nguyên du lịch hiện có: Lăng mộ của Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh, nằm tại xã Trường Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, được xây dựng trên một ngọn đồi thuộc dãy núi An Mã, tựa lưng vào núi và hướng mặt ra sông Kiến Giang. Đây là di tích lịch sử quốc gia, ghi dấu ấn một trong những vị anh hùng dân tộc nổi bật của Việt Nam.

Đặc điểm, tính chất, giá trị của tài nguyên: Lăng mộ của Nguyễn Hữu Cảnh là điểm tham quan có giá trị lịch sử, thể hiện lòng tôn kính đối với một vị tướng có công lớn trong việc mở cương vực đất nước. Khung cảnh núi non hùng vĩ quanh lăng tạo nên một điểm đến kết hợp giữa tham quan lịch sử và thưởng ngoạn thiên nhiên.

Hiện trạng khai thác: Lăng mộ đã được bảo tồn và duy trì tốt, trở thành điểm dừng chân quan trọng trong các tuyến du lịch văn hóa, lịch sử của tỉnh Quảng Bình. Tuy nhiên, các dịch vụ du lịch và cơ sở vật chất tại khu vực lăng vẫn còn khá đơn sơ, chưa phát huy hết tiềm năng.



Hình 17. Lăng mộ Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh

Các tuyến du lịch

Khu DTTN chưa chính thức khai thác các tuyến du lịch do chưa xây dựng đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí và Dự án du lịch sinh thái được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Một số tuyến du lịch đã được UBND tỉnh Quảng Bình đồng ý cho một số đơn vị khai thác thử nghiệm vào năm 2021 và năm 2023 như sau:

Sản phẩm du lịch “Khám phá Khe Nước Trong, suối Tiên và chinh phục Thác Cổng Trời - Bãi Đạn” do Ban Quản lý Khu DTTN chủ trì liên kết với Công ty TNHH Netin khai thác.

Chương trình 1 ngày bao gồm:

Đồng Hới - Thác Tóc Tiên - Suối Tiên - Chinh phục Thác Cổng Trời.

Đồng Hới - Khe Nước Trong - Bãi Đạn.

Chương trình 2 ngày 1 đêm bao gồm:

Ngày 1: Đồng Hới - Thác Tóc Tiên - Suối Tiên - Cổng Trời - Bãi Đạn.

Ngày 2: Bãi Đạn - Khe Nước Trong - Đồng Hới.

Hoặc:

Ngày 1: Đồng Hới - Thác Tóc Tiên - Suối Tiên - Cổng Trời - Bãi Đạn.

Ngày 2: Chinh phục Thác Cổng Trời.

Sản phẩm du lịch “Khám phá thiên nhiên thác Mụ Mệ, vườn Địa Đàng, hang Vàng và thác Lụa tại xã Lâm Thủy, huyện Lệ Thủy”.

Chương trình 1 ngày bao gồm:

Đồng Hới - thác Mụ Mệ - vườn Địa Đàng - hang Vàng - Đồng Hới.

Đồng Hới - hang Vàng - thác Lụa - Đồng Hới.

Chương trình 2 ngày 1 đêm bao gồm:

Ngày 1: Đồng Hới - thác Mụ Mệ - vườn Địa Đàng - hang Vàng.

Ngày 2: thác Lụa - Đồng Hới.

Ngoài ra, Khu DTTN còn phối hợp với Tổ chức Helvetas Việt Nam và Công ty TNHH Netin khai thác thử nghiệm sản phẩm du lịch kết nối với Bản Ho Rum, xã Kim Thủy.

Có thể thấy, dù mới ở giai đoạn khai thác thử nghiệm và đánh giá hiệu quả, nhưng các tuyến du lịch được thiết kế hợp lý, giúp du khách tiếp cận được nhiều điểm đến tiềm năng của Khu DTTN như khu vực Cầu Khỉ, khe Nước Trong, khe Bung, Khe Vàng và khu vực Bãi Đạn. Trong thời gian tới, với sự phối hợp chặt chẽ hơn và sự đầu tư thêm các hạ tầng, cơ sở vật chất cần thiết, các tuyến du lịch này hứa hẹn sẽ được khai thác hiệu quả, đem lại nguồn thu cho Khu DTTN và các bên liên quan, đặc biệt là cộng đồng địa phương. Việc khai thác thành công các tuyến du lịch không chỉ mang lại lợi ích kinh tế mà còn góp phần bảo tồn và phát huy các giá trị tự nhiên, văn hóa của khu vực, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển bền vững của Khu DTTN.

2.4.5 Hiện trạng đầu tư

Trong ba năm qua, nguồn chi chính của Khu DTTN bao gồm lương, các khoản đóng góp và chi hoạt động thường xuyên 38%, khoán BVR 25%, phát triển rừng 14%, phòng cháy chữa cháy rừng (PCCCR) 2%, công tác bảo tồn 1%, xây dựng cơ bản 16%, mua sắm, sửa chữa 4%. Tuy nhiên, chưa có sự đầu tư cho hoạt động du lịch.

Từ bảng tổng hợp, thấy rằng các khoản chi lương và các khoản đóng góp chiếm tỷ lệ cao nhất trong tổng nguồn chi. Điều này thể hiện sự quan tâm đến nhân lực và hoạt động thường xuyên của khu vực. Tuy nhiên, các khoản chi khác như công tác bảo tồn và mua sắm sửa chữa, xây dựng cơ bản chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ trong tổng nguồn chi.

Để phát triển du lịch ở khu vực này, cần tăng cường đầu tư vào các hạ tầng du lịch như tuyến đường mòn, Trung tâm GDMT & DV và các điểm dừng chân. Ngoài ra, việc sử dụng nguồn xã hội hóa một cách hiệu quả có thể bổ sung nguồn vốn cho các hoạt động du lịch và nâng cao chất lượng dịch vụ.

Bảng 6. Tổng hợp các nguồn chi từ 2020 - 2022*Đơn vị tính: Triệu đồng*

TT	Hạng mục chi	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Tổng
1	Chi lương, các khoản đóng góp và chi hoạt động thường xuyên	1.648	5.975	7.219	14.842
2	Khoán BVR	1.844	3.869	3.981	9.694
3	Phát triển rừng	2.270	1.901	1.460	5.631
4	Cải tạo rừng trồng đặc dụng				
5	Trồng cây lâm nghiệp phân tán				
6	Phòng cháy chữa cháy rừng		500	270	770
7	Nghiên cứu khoa học		0	0	0
8	Công tác bảo tồn		132	132	264
9	Xây dựng cơ bản		0	6.136,5	6.136,5
10	Mua sắm, sửa chữa	1.200	200	100	1.500
	Tổng	6.962	12.577	19.298,5	38.837,5

*(Nguồn: Khu DTTN, 2023)***2.4.6 Các bên liên quan và hợp tác trong phát triển du lịch**

Trong thời gian qua, các cơ quan quản lý nhà nước, hiệp hội du lịch, doanh nghiệp, tổ chức phi chính phủ và cộng đồng địa phương đã có sự phối hợp và tham gia tích cực trong việc lập các kế hoạch phát triển kinh tế xã hội cho các xã vùng đệm Khu DTTN, xây dựng đề án phát triển du lịch, cũng như hợp tác khai thác thử nghiệm sản phẩm du lịch và nâng cao năng lực cho cộng đồng. Đây là nền tảng vững chắc để tổ chức các hoạt động du lịch tại Khu DTTN trong thời gian tới.

Trong đó, phải kể đến sự phối hợp với Công ty TNHH Netin triển khai Đề án khai thác thử nghiệm sản phẩm DLST "Khám phá Khe Nước Trong, Suối Tiên và chinh phục thác Cổng Trời - Bãi Đạn" vào năm 2021; phối hợp với Công ty TNHH Thương mại và Du lịch HS xây dựng Đề án khai thác thử nghiệm sản phẩm du lịch "Khám phá thiên nhiên thác Mụ Mệ, vườn Địa Đàng, hang Vàng và thác Lụa xã Lâm Thủy, huyện Lệ Thủy" vào năm 2023; và phối hợp với Tổ chức Helvetas Việt Nam cùng Công ty TNHH Netin xây dựng 02 mô hình homestay tại Bản Ho Rum, kết hợp với đào tạo và nâng cao năng lực cho cộng đồng.

Qua khảo sát, các hoạt động hợp tác về du lịch trên đã mang lại hiệu quả tốt. Cụ thể, các sản phẩm du lịch thử nghiệm do khu DTTN phối hợp với Công ty TNHH Netin và Công ty TNHH Thương mại và Du lịch HS đã thu hút đông đảo du khách quan tâm. Trong điều kiện về hạ tầng và nhân lực còn hạn chế, đây là một tín hiệu tốt, cho thấy tiềm năng phát triển lớn của Khu DTTN. Điều này không chỉ mở ra cơ hội cho việc phát triển du lịch bền vững mà còn góp phần quan trọng vào công tác tồn đa dạng sinh học và nâng cao đời sống cho cộng đồng địa phương.

2.4.7 Hiện trạng hoạt động xúc tiến, quảng bá

Hoạt động xúc tiến và quảng bá du lịch đã được triển khai nhưng vẫn còn yếu và chưa được quan tâm đúng mức, dẫn đến việc chưa nhiều du khách biết đến Khu DTTN hay những điểm đẹp trong khu vực này.

Trong thời gian qua, BQL Khu DTTN đã thu thập thông tin từ các khách sạn, nhà khách và công ty du lịch trên địa bàn để phối hợp truyền thông. Nhóm truyền thông bảo tồn cộng đồng tại xã Kim Thủy đã được thành lập với 25 thành viên, tổ chức các sự kiện truyền thông lưu động với thông điệp về BVR và bảo tồn đa dạng sinh học, và tập huấn kiến thức đa dạng sinh học, Luật Lâm nghiệp, cùng kỹ năng truyền thông cho các thành viên. Trang thiết bị cần thiết cũng đã được cung cấp cho nhóm truyền thông bảo tồn cộng đồng. Bên cạnh đó, phối hợp với tổ chức Helvetas, BQL đã hoàn thành kế hoạch thu thập thông tin hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm tại 05 thôn/bản vùng đệm (An Bai, Hà Lạc, Ho Rum, Trung Đoàn, Mít Cát) của xã Kim Thủy. Đây là những bước đi tích cực, giúp nâng cao nhận thức và kỹ năng của cộng đồng địa phương, tạo nền tảng cho việc phát triển du lịch bền vững trong tương lai. Tuy nhiên, hiệu quả của các hoạt động này cần được nâng cao hơn nữa thông qua việc phát triển các chiến dịch quảng bá sáng tạo và hấp dẫn.

Khu DTTN đã xây dựng fanpage và website. Tuy nhiên, các nội dung về du lịch, công tác BVR, bảo tồn đa dạng sinh học được đăng tải đơn xen, chưa chuyên môn hóa, dẫn đến lượng tương tác của các nền tảng này còn thấp và chưa hấp dẫn được những đối tượng quan tâm cụ thể.

Việc truyền thông trên nền tảng số đang là một trong những phương thức xúc tiến du lịch hiệu quả. Xu hướng du lịch tự do ngày càng phát triển mạnh mẽ, và mạng xã hội đóng vai trò quan trọng trong sự bùng nổ này. Sự phát triển của các mạng xã hội như Facebook, Instagram và đặc biệt là TikTok, cùng với xu hướng chia sẻ hình ảnh đẹp lên mạng xã hội, đang góp phần lan tỏa hình ảnh điểm đến một cách mạnh mẽ. Do đó, Khu DTTN cần tăng cường đầu tư vào các chiến dịch quảng bá trên nền tảng số, tận dụng sức mạnh của các kênh truyền thông này để thu hút du khách, nâng cao nhận thức về các giá trị tự nhiên và văn hóa, và thúc đẩy phát triển du lịch bền vững.

2.4.8 Hiện trạng tham gia của cộng đồng

Trong các bản cộng đồng nằm tại vùng đệm, sự tham gia của cộng đồng bản Ho Rum, đã được thể hiện rõ ràng và tích cực nhất. Với sự hỗ trợ từ Tổ chức Helvetas Việt Nam và Công ty TNHH Netin, cộng đồng bản Ho Rum đã được tư vấn và tập huấn để có đủ kiến thức và kỹ năng làm du lịch một cách bài bản, kết nối chặt chẽ với các điểm đến tiềm năng của Khu DTTN như thác Dương Cầm.

Đời sống của bà con bản Ho Rum trước đây chủ yếu dựa vào nương rẫy, dẫn đến nhiều khó khăn kinh tế. Tuy nhiên, từ khi có sự khảo sát và phát triển du lịch, người dân đã có thêm cơ hội kiếm thêm thu nhập qua việc phục vụ du khách, cải thiện đáng kể mức sống. Đồng bào Bru - Vân Kiều tại bản Ho Rum đã vận hành hai homestay với nhiều dịch vụ hấp dẫn như ẩm thực mang đậm bản sắc dân tộc, ngâm chân thảo dược, tắm suối, bắt cá suối, và làm bánh Ayoh. Những dịch vụ này không chỉ thu hút du khách mà còn giữ gìn và phát huy văn hóa truyền thống của dân tộc Bru - Vân Kiều.

Nếu được quan tâm, hỗ trợ và đầu tư thích đáng, trong tương lai không xa, không chỉ bản Ho Rum mà những bản cộng đồng khác của đồng bào Bru-Vân Kiều sẽ trở thành những điểm sáng đáng tự hào về DLCĐ ở miền Tây tỉnh Quảng Bình và Khu DTTN. Điều này sẽ không chỉ

nâng cao đời sống kinh tế cho người dân mà còn đóng góp vào việc bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa, tự nhiên của khu vực.

2.4.9 Hiện trạng công tác bảo vệ môi trường

Công tác bảo vệ môi trường tại Khu DTTN đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Từ năm 2020 đến 2023, lực lượng BVR chuyên trách của Khu DTTN đã phát hiện và lập hồ sơ xử lý 20 vụ vi phạm liên quan đến quản lý rừng, phát triển rừng, BVR và quản lý lâm sản. Các hành vi vi phạm chủ yếu bao gồm khai thác gỗ và lâm sản trái phép, và vi phạm quy định về phòng cháy chữa cháy rừng. Các vụ vi phạm này đã được xử lý kịp thời, cho thấy hiệu quả cao trong công tác quản lý và BVR.

Bảng 7. Tình hình vi phạm bảo vệ và phát triển rừng Khu DTTN từ 2020 - 2022

Hành vi vi phạm	Tổng	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Tổng số vụ vi phạm	20	7	7	5	1
Vi phạm quy định về khai thác gỗ và lâm sản khác	17	6	5	5	1
Vi phạm các quy định của Nhà nước về phòng cháy, chữa cháy rừng gây cháy rừng	3	1	2	0	0

Nguồn: Phương án quản lý rừng bền vững Khu DTTN tỉnh Quảng Bình đến năm 2030.

Công tác phòng cháy chữa cháy rừng luôn được xác định là nhiệm vụ trọng tâm trong công tác BVR. Khu DTTN đã xây dựng và thực hiện phương án PCCCR phù hợp với điều kiện thực tế, thi công hệ thống đường băng cản lửa đúng thời gian, đảm bảo khối lượng và chất lượng theo thiết kế. Công tác trực ban chỉ đạo, tuần tra canh gác PCCCR được thực hiện nghiêm túc và triệt để, nhờ đó chỉ xảy ra một số vụ cháy nhỏ trong giai đoạn từ 2020 đến nay, không gây ảnh hưởng lớn đến tài nguyên rừng.

Nhìn chung, công tác bảo vệ môi trường tại Khu DTTN đã được triển khai tích cực và đạt nhiều kết quả tốt, nhưng vẫn cần sự quan tâm và đầu tư hơn nữa để bảo vệ tốt tài nguyên thiên nhiên của khu vực, tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động du lịch diễn ra.

2.4.10 Hiện trạng hoạt động diễn giải thông qua hoạt động du lịch

Hoạt động diễn giải thông qua du lịch có vai trò đặc biệt quan trọng trong công tác bảo vệ môi trường nói riêng và bảo vệ tài nguyên rừng nói chung. Hoạt động diễn giải góp phần nâng cao nhận thức cho khách du lịch và người dân về bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, BVR, cũng như hỗ trợ công tác giám sát hiệu quả hoạt động du lịch tại các điểm tham quan. Tuy nhiên, do mới chỉ khai thác các sản phẩm thử nghiệm, phần lớn tập trung vào du lịch mạo hiểm, DLST kết hợp với cộng đồng, lượng khách chưa nhiều, nên công tác diễn giải môi trường thông qua du lịch chưa được quan tâm.

Hệ thống bảng biển chỉ dẫn, diễn giải thông tin trong Khu DTTN chưa có, phần lớn là biển tên địa danh, tên cây và biển chỉ đường. Do đó, có thể nói, công tác diễn giải thông qua du lịch tại Khu DTTN còn thiếu.

Có nhiều nguyên nhân của hạn chế này, Một là: Khu DTTN chưa chính thức tổ chức du lịch nên lượng khách du lịch còn ít, nhu cầu nghe diễn giải không nhiều nên ít cơ hội thực hành. Hai là: Các cán bộ Khu DTTN chưa được đào tạo bài bản về chuyên ngành quản lý du lịch. Ba là: chưa xây dựng kế hoạch phát triển các sản phẩm diễn giải môi trường cũng như các tài liệu diễn giải. Đồng thời, công tác truyền thông như giới thiệu cho du khách qua các kênh thông tin, đặt các biển báo tuyên truyền chưa được thực hiện.

Hoạt động hướng dẫn du lịch, đặc biệt là diễn giải môi trường đóng vai trò là sản phẩm quan trọng đối với loại hình DLST. Vì vậy, cần chú trọng đến công tác đào tạo, nâng cao năng lực diễn giải môi trường cho cán bộ nhân viên trong thời gian tới.

2.4.11 Kết quả hoạt động kinh doanh

Do chưa chính thức vận hành hoạt động du lịch cũng như chưa có đủ lượng nhân sự phụ trách hoạt động du lịch nên các số liệu và đánh giá về lượng khách, kết quả kinh doanh chưa được thống kê.

Bảng 8. Tổng hợp các nguồn thu của Khu DTTN từ 2020 - 2022

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Hạng mục	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Tổng
1	Nguồn từ ngân sách nhà nước	4.692	10.544	17.706,5	32.942,5
2	Nguồn thu từ phí, lệ phí		-	-	
3	Nguồn thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh				
4	Nguồn thu từ liên kết, liên doanh		132	132	264
5	Nguồn thu dịch vụ du lịch		-	-	-
6	Nguồn thu từ DV môi trường rừng		-	-	-
7	Nguồn thu từ nghiên cứu khoa học				
8	Nguồn thu khác (Trồng rừng thay thế)	2.270	1.901	1.460	5.631
	Tổng	6.962	12.577	19.298,5	38.837,5

Nguồn: Khu DTTN, 2023

Kết quả tổng hợp cho thấy, Khu DTTN chỉ có 03 nguồn thu, trong đó chủ yếu vẫn là nguồn thu từ ngân sách Nhà nước (chiếm 84,8%), 02 nguồn thu còn lại chỉ chiếm 15,2%. Điều này cho thấy Khu DTTN vẫn phụ thuộc nhiều vào sự hỗ trợ tài chính từ nhà nước, chưa khai thác hiệu quả các tiềm năng từ du lịch.

Nguồn thu từ liên kết, liên danh với tổng thu là 264 triệu đồng (chỉ có 0,7%), nguồn thu từ dịch vụ môi trường và dịch vụ DLST chưa có. Do vậy, trong thời gian tới cần tập trung vào việc phát triển các hoạt động DLST và dịch vụ liên quan để đa dạng hóa nguồn thu, giảm dần sự phụ thuộc vào ngân sách nhà nước.

Ngoài ra, cần chú trọng đến việc đào tạo và nâng cao năng lực cho cán bộ vườn và cộng đồng địa phương để họ có thể tham gia và hưởng lợi từ các hoạt động DLST. Điều này không chỉ giúp tăng nguồn thu cho Khu DTTN mà còn góp phần cải thiện đời sống của người dân, bảo vệ và phát triển bền vững tài nguyên thiên nhiên.

2.5 ĐÁNH GIÁ TỔNG QUAN VỀ ĐIỀU KIỆN VÀ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH KHU DỰ TRỮ THIÊN NHIÊN ĐỘNG CHÂU - KHE NƯỚC TRONG

2.5.1 Thuận lợi

Vị trí thuận lợi: Khu DTTN nằm cách thành phố Đồng Hới khoảng 60km về phía Tây Nam và cách bãi biển gần nhất (biển Lệ Thủy) khoảng 40km về hướng Đông; giáp với Khu Bảo tồn thiên nhiên Bắc Hướng Hóa ở tỉnh Quảng Trị và nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào về phía Tây; không chỉ dễ dàng tiếp cận từ các thành phố lớn và các điểm du lịch lân cận mà còn là điểm kết nối quan trọng trong chuỗi các điểm du lịch của tỉnh Quảng Bình và tỉnh Quảng Trị.

Cảnh quan tự nhiên giàu tiềm năng: Không có địa hình bằng phẳng như nhiều khu vực, địa hình nơi đây khá hiểm trở và tương đối dốc theo hướng Nam - Bắc, hình thành hệ thống cảnh quan và hệ sinh thái đa dạng, từ rừng rậm nhiệt đới đến các khe suối và thác nước, thích hợp cho việc phát triển các loại hình DLST, du lịch mạo hiểm và du lịch trải nghiệm.

Tính đa dạng sinh học cao: Khu DTTN là nơi sinh sống của 1.030 loài thực vật và 357 loài động vật có xương sống trên cạn. Du khách sẽ có cơ hội lớn nhìn thấy Voọc, khỉ và một số loài động vật quý hiếm khác tại khu vực TK 532, đặc biệt là trên tuyến đường từ Cầu Khỉ vào Khe Nước Trong.

Tài nguyên du lịch văn hóa độc đáo: Khu DTTN nằm gần vĩ tuyến 17, một địa danh lịch sử quan trọng gắn liền với các trận đánh ác liệt trên đường Hồ Chí Minh nhánh Tây. Khu vực này còn là nơi sinh sống của đồng bào dân tộc Bru - Vân Kiều, với phong tục, tập quán rất đặc trưng và khác biệt so với các dân tộc khác. Điều này tạo điều kiện để Khu DTTN kết hợp các sản phẩm, tour tuyến DLST, nghỉ dưỡng, giải trí với các sản phẩm mà cộng đồng địa phương tổ chức.

DLCĐ đang mạnh mẽ phát triển: Bản Ho Rum đã nhận được sự hỗ trợ từ Dự án Quản lý rừng bền vững và Bảo tồn đa dạng sinh học (VFBC) do USAID tài trợ, giúp phát triển mô hình DLST dựa vào cộng đồng. Hiện nay, dù mới có 2 hộ gia đình kinh doanh dịch vụ homestay nhưng với sự hướng dẫn bài bản từ đầu, bản Ho Rum sẽ là một điểm sáng để kết nối với hoạt động du lịch của khu DTTN.

Được sự quan tâm của chính quyền địa phương: Được sự quan tâm của UBND tỉnh Quảng Bình, các sở ban ngành cấp tỉnh trong việc phát triển du lịch. Trong đó, UBND tỉnh Quảng Bình đã đồng ý chủ trương cho phép BQL Khu DTTN chủ trì liên kết với các công ty tư nhân để khai thác các sản phẩm thử nghiệm trong Khu DTTN.

Có sự tham gia của doanh nghiệp: Được sự đồng ý về chủ trương của UBND tỉnh Quảng Bình, BQL Khu DTTN đã liên kết với Công ty TNHH Netin, Công ty TNHH Thương mại và Du lịch HS và Tổ chức Helvetas Việt Nam để khai thác thử nghiệm các sản phẩm du lịch, là cơ sở để chính thức vận hành các sản phẩm đó trong thời gian tới.

Một số điểm đến đã được khai thác thử nghiệm: Khe Nước Trong; suối Tiên; thác Tóc Tiên; Thác Cổng Trời; Bãi Đạn, bản Ho Rum, ... là những điểm đến đang được các công ty khai thác thử nghiệm, với sự phối hợp chặt chẽ từ BQL Khu DTTN.

2.5.2 Khó khăn

Hệ thống đường giao thông: Việc đi lại trong Khu DTTN gặp nhiều khó khăn do phần lớn các tuyến đường còn lại là đường mòn, đặc biệt như các tuyến đi Khe Le, Khe Đạn, Chốt Dộp,

thác Tóc Tiên, thác Dương Cầm, thác Cổng Trời, dù nhiều tiềm năng phát triển du lịch nhưng khó tiếp cận do đường giao thông nội khu chưa được đầu tư.

Chưa nguồn nhân lực có kinh nghiệm và chuyên môn: Mặc dù các cán bộ từ cấp quản lý, kỹ thuật đến kiểm lâm đều có trình độ khá cao, với tỷ lệ trình độ đại học và trên đại học đạt 72%, nhưng không có chuyên môn về du lịch và cũng chưa được đào tạo chính thức về phát triển du lịch. Đây là điểm yếu của Khu DTTN trong bối cảnh nhu cầu và mục tiêu phát triển du lịch ngày càng tăng.

Thiếu CSHT, cơ sở vật chất phục vụ du lịch: Điện lưới trong khu DTTN chưa được kết nối với lưới điện quốc gia; Các trạm BVR và các xã giáp ranh vẫn phải sử dụng nguồn nước từ các khe suối; Sóng viễn thông chưa có hoặc rất yếu; Chưa được trang bị các hạ tầng phục vụ du lịch như Trung tâm GDMT & DV, khu tiếp đón, khu ăn uống, mua sắm, các biển diễn giải, chỉ đường. Điều này khiến việc thu hút khách du lịch và cung cấp các dịch vụ cơ bản trở nên khó khăn, đồng thời hạn chế khả năng phát triển du lịch.

Chưa có nguồn thu từ hoạt động du lịch: Khu DTTN vẫn phụ thuộc nhiều vào sự hỗ trợ tài chính từ nhà nước, thiếu hụt các nguồn thu từ hoạt động kinh doanh DLST và dịch vụ môi trường rừng.

Truyền thông quảng bá chưa hiệu quả: Khu DTTN có các trang thông tin là website và fanpage, tuy nhiên những nội dung tuyên truyền về du lịch không được cập nhật thường xuyên. Hơn nữa, Khu DTTN chưa có nhân sự chính thức phụ trách công tác truyền thông nên chưa tiếp cận được đến du khách cũng như nhà đầu tư tiềm năng.

Khu DTTN, gần biên giới với Lào, đối mặt với nhiều thách thức trong quản lý du lịch. Vị trí đặc biệt này đòi hỏi phải có hệ thống giám sát an ninh chặt chẽ để ngăn chặn các hoạt động trái phép và đảm bảo an toàn. Du khách lưu trú, đặc biệt là người nước ngoài, cần khai báo thông tin tạm trú, tạo nên nhu cầu về một hệ thống quản lý thông tin hiệu quả. Việc kiểm soát phương tiện vào ra khu vực biên giới cũng là một thách thức lớn, đòi hỏi sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng và đầu tư vào cơ sở hạ tầng giám sát hiện đại. Sự phối hợp chặt chẽ này sẽ góp phần vào sự phát triển du lịch bền vững và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên quý giá của khu vực.

2.5.3 Cơ hội

Việt Nam phục hồi du lịch thích ứng với đại dịch: Thực hiện theo chỉ đạo của thủ tướng chính phủ, toàn bộ hoạt động du lịch tại Việt Nam sẽ được mở cửa trở lại trong điều kiện bình thường mới nhưng vẫn “thích ứng linh hoạt, an toàn, kiểm soát hiệu quả dịch bệnh COVID-19”. Do đó, đây là cơ hội lớn để Khu DTTN tích cực mời gọi đầu tư, phát triển để đáp ứng nhu cầu của thị trường du lịch.

Thị trường du lịch nội địa ngày càng phát triển mạnh: Qua từng thời kỳ dịch bệnh Covid-19, du khách quan tâm nhiều hơn đến tính an toàn của điểm đến, cùng với tâm lý muốn đi du lịch sau thời gian bị hạn chế di chuyển và sự hạn hẹp về tài chính, du lịch nội địa sẽ là lựa chọn của rất nhiều du khách.

Xu hướng du lịch của du khách thay đổi: Khách du lịch ngày càng có xu hướng lựa chọn sản phẩm DLST, du lịch có trách nhiệm, trở về với thiên nhiên; xu hướng lựa chọn những nơi hoang sơ, còn giữ nét nguyên bản của văn hóa địa phương thay vì một số điểm DLST nổi trội, đây chính là lợi thế của Khu DTTN.

Sự phát triển khoa học công nghệ: Sự phát triển không ngừng của nền kinh tế tri thức giúp các nền tảng khoa học công nghệ được ứng dụng ngày càng rộng rãi và hiệu quả trong mọi lĩnh vực, trong đó có du lịch. Đây là điều kiện tốt cho ngành du lịch trong việc ứng dụng các nền tảng để quảng bá và tiếp cận khách hàng một cách nhanh chóng và thuận lợi nhất.

Các chính sách phát triển DLST trong rừng đặc dụng: Các chính sách tiền đề như Luật lâm nghiệp, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 và Nghị định số 27/2024/NĐ-CP của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP, Nghị định 91/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 156/2018/NĐ-CP là cơ sở vững chắc để các rừng đặc dụng, phòng hộ phát triển DLST. Bên cạnh đó, văn bản số 1183/TCLN-ĐDPH của Tổng cục Lâm nghiệp quy định hình thức xây dựng Đề án DLST, nghỉ dưỡng, giải trí cho các khu rừng đặc dụng đã khẳng định hơn cơ hội cho các KBT, các Vườn quốc gia phát triển hoạt động DLST, nghỉ dưỡng, giải trí trong tương lai.

2.5.4 Thách thức

Biến đổi khí hậu: Biến đổi khí hậu ảnh hưởng đến hoạt động sống và quá trình sinh trưởng của nhiều loài sinh vật như chim, côn trùng, bò sát, lưỡng cư. Điều này ảnh hưởng trực tiếp tới đa dạng sinh học tại Khu DTTN. Bên cạnh đó, biến đổi khí hậu còn ảnh hưởng tới mùa vụ nông nghiệp, cảnh quan thiên nhiên, là thách thức không nhỏ đối với các sản phẩm du lịch trong tương lai.

Thiên tai: Huyện Lệ Thủy là nơi thường hứng chịu ảnh hưởng của những trận bão lũ lớn. Do đó, tình trạng lũ lụt, sạt lở dẫn đến cản trở giao thông hay ảnh hưởng tới an toàn du lịch là điều phải lường trước để có phương án dự phòng. Đặc biệt Khu DTTN có nhiều hệ thống sông, suối, tính an toàn và dự báo thiên tai cần phải đề cao.

Bị cạnh tranh bởi các điểm du lịch hấp dẫn khác: Quảng Bình nổi tiếng với loại hình DLST, du lịch mạo hiểm, tiêu biểu ở Phong Nha – Kẻ Bàng và du lịch biển như biển Nhật Lệ, biển Đá Nhảy. Do đó, nếu không tạo được đặc trưng riêng thì Khu DTTN sẽ không hấp dẫn du khách khi đến với Quảng Bình.

Thách thức khi phát triển CSHT du lịch: Việc xây dựng hạ tầng du lịch (cơ sở lưu trú, cơ sở vui chơi giải trí) sẽ tác động đến cảnh quan thiên nhiên, sinh thái và đa dạng sinh học. Do đó, công tác đầu tư phải tuân thủ nguyên tắc vừa khai thác vừa bảo tồn, phát triển bền vững đòi hỏi nguồn đầu tư lớn và dài hạn.

Tác động tiêu cực về môi trường, văn hóa, xã hội: Khi du lịch phát triển nóng sẽ dễ gây tác động trái chiều đến tình hình văn hóa xã hội như: xuất hiện các tệ nạn xã hội, mất đi bản sắc văn hóa, chuẩn mực đạo đức của cộng đồng; Đối với môi trường và hệ sinh thái: Phát triển DLST nếu không có quy chế quản lý chặt chẽ sẽ tạo nguy cơ tiêu diệt các loài động vật hoang dã trong Khu DTTN để làm các món ăn đặc sản cho các nhà hàng. Ngoài ra, việc hình thành quá nhiều cơ sở lưu trú sẽ dần ảnh hưởng đến cảnh quan của khu vực.

3 QUAN ĐIỂM, ĐỊNH HƯỚNG, MỤC TIÊU, NỘI DUNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI, NGHỈ DƯỠNG, GIẢI TRÍ GIAI ĐOẠN 2024-2030

3.1 CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

3.1.1 Căn cứ pháp lý

Nghị quyết của Trung ương

Nghị quyết số 08-NQ/TW, ngày 16/1/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn;

Nghị quyết số 82/NQ-CP ngày 10/5/2023 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đẩy nhanh phục hồi, tăng tốc phát triển du lịch hiệu quả, bền vững.

Các Luật

Luật Biên giới Quốc gia số 06/2003/QH11, ngày 17/6/2003;

Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29/6/2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18/6/2009;

Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014;

Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15/11/2017;

Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017;

Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017;

Luật ĐDSH số 20/2008/QH12 ngày 13/11/2008 và Văn bản hợp nhất số 32/VBHN-VPQH ngày 10/12/2018;

Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Luật số 62/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;

Luật Biên phòng Việt Nam số 66/2020/QH14 ngày 01/01/2022;

Luật Đất đai 2024 số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024.

Các nghị quyết và nghị định Chính phủ

Nghị định số 65/2010/NĐ-CP, ngày 11/6/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đa dạng sinh học;

Nghị định số 98/2010/NĐ-CP, ngày 21/9/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa;

Nghị định số 34/2014/NĐ-CP ngày 29/4/2014 của Chính phủ: Về Quy chế khu vực biên giới đất liền nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Nghị quyết số 92/NQ-CP ngày 08/12/2014 của Chính phủ về một số giải pháp đẩy mạnh phát triển du lịch Việt Nam trong thời kỳ mới;

Nghị định số 168/2017/NĐ-CP, ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật du lịch;

Nghị định số 156/2018/NĐ-CP, ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Nghị định số 37/2019/NĐ-CP, ngày 07/5/2019 của Chính phủ hướng dẫn Luật Quy hoạch;

Nghị định số 148/2020/NĐ-CP, ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Nghị định số 31/2021/NĐ-CP, ngày 26/03/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư;

Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

Nghị định số 58/2023/NĐ-CP, ngày 12/8/2023 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch;

Nghị định số 91/2024/NĐ-CP, ngày 18/7/2024 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

Các quyết định của Chính phủ, Bộ VH TT&DL và các Thông tư, văn bản có liên quan

Quyết định số 201/QĐ-TTg, ngày 22/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt “Quy hoạch tổng thể phát triển Du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”;

Quyết định số 2714/QĐ-BVHTTDL ngày 3/8/2016 của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch về Chiến lược phát triển sản phẩm du lịch Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quy định về quản lý rừng bền vững;

Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 22/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030”;

Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng về việc Ban hành QCVN01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Công văn số 1183/TCLN-ĐDPH, ngày 31/8/2021 của Tổng cục Lâm nghiệp - Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc hướng dẫn xây dựng Đề án DLST, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng, rừng phòng hộ;

Quyết định 992/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Quyết định số 377/QĐ-TTg, ngày 12/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Bình thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Quyết định số 509/QĐ-TTg, ngày 13/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hệ thống du lịch thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Văn bản địa phương

Quyết định số 4534/QĐ-UBND ngày 25/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch ba loại rừng tỉnh Quảng Bình đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 4527/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch BV&PTR tỉnh Quảng Bình đến 2020, định hướng đến năm 2025;

Nghị quyết của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Bình lần thứ XVII ngày 8/10/2020, nhiệm kỳ 2020-2025;

Chương trình số 03-CTr/HU ngày 18/10/2020 của BCH Đảng bộ huyện Lệ Thủy về phát triển du lịch, giai đoạn 2020 - 2025;

Chương trình hành động số 02/CTr/TU ngày 09/12/2020 của BCH Đảng bộ Tỉnh và Kế hoạch số 195/KH-UBND ngày 04/02/2021 của UBND tỉnh về 61 hành động số 02/CTr/TU ngày 09/12/2020 của BCH Đảng bộ Tỉnh về xây dựng kết cấu hạ tầng Kinh tế - Xã hội giai đoạn 2021-2025 theo hướng đồng bộ, từng bước hiện đại;

Quyết định số 2165/QĐ-UBND ngày 25/6/2020 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc thành lập Khu dự trữ thiên nhiên Động Châu - Khe Nước Trong;

Quyết định số 3208/QĐ-UBND ngày 04/9/2020 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc thành lập Ban Quản lý Khu dự trữ thiên nhiên Động Châu - Khe Nước Trong;

Kế hoạch số 2554/KH-UBND ngày 28/12/2020 thực hiện Chương trình hành động số 03-CTr/HU của huyện Lệ Thủy;

Chương trình hành động số 01/CTr/TU ngày 09/12/2020 của BCH Đảng bộ tỉnh và Kế hoạch số 117/KH-UBND ngày 22/01/2021 của UBND tỉnh về phát triển du lịch thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, giai đoạn 2021 - 2025;

Kế hoạch số 117/KH-UBND ngày 22/01/2021 của UBND tỉnh thực hiện Chương trình hành động số 01-CTr/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển du lịch thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, giai đoạn 2021 - 2025;

Quyết định số 1278/QĐ-UBND ngày 07/5/2021 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc Phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Lệ Thủy.

Công văn số 2667/UBND-NCVX ngày 01/12/2021 của UBND tỉnh về việc khai thác thử nghiệm sản phẩm du lịch “Khám phá khe Nước Trong, suối Tiên và chinh phục thác Cổng Trời - Bãi Đạn”;

Công văn số 2631/VPUBND-NCVX ngày 14/7/2022 về việc phương án sử dụng nguồn thu dịch vụ tham quan, dịch vụ môi trường rừng của Ban Quản lý Khu DTTN.

Công văn số 2016/UBND-NCVX ngày 05/10/2023 của UBND tỉnh tiếp tục khai thác thử nghiệm sản phẩm du lịch “Khám phá khe Nước Trong, suối Tiên và chinh phục thác Cổng Trời - Bãi Đạn”;

Quyết định số 685/QĐ-UBND tỉnh Quảng Bình ngày 16/3/2024 về việc phê duyệt Danh mục các dự án tiềm năng của tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2022-2024;

Quyết định số 933/QĐ-UBND ngày 15/4/2024 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt Phương án Quản lý bền vững Khu dự trữ thiên nhiên Châu Động - Khe Nước Trong đến năm 2030;

Các tài liệu liên quan

Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030.

Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030.

Quy hoạch kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Bình đến năm 2030, tầm nhìn 2050.

Quy hoạch tỉnh Quảng Bình thời kỳ 2021 - 2030, đến năm 2030.

Phương án quản lý rừng bền vững Khu DTTN tỉnh Quảng Bình, đến năm 2030.

Chương trình hành động của Ban chấp hành đảng bộ huyện Lệ Thủy năm 2020 về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.

Báo cáo của Phòng Văn hóa và Thông tin huyện Lệ Thủy năm 2024 về tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn trên địa bàn huyện giai đoạn 2020-2025.

3.1.2 Căn cứ khoa học và thực tiễn

Xu hướng phát triển du lịch trên thế giới

Theo báo cáo Xu hướng Kinh tế du lịch thế giới 2023, số lượng khách du lịch toàn cầu trong năm 2023 dự kiến sẽ đạt 10,78 tỷ lượt người, bằng 74,4% so với mức của năm 2019¹⁴. Trong năm 2022, số lượng khách du lịch toàn cầu đạt 9,57 tỷ lượt người, đem lại nguồn doanh thu 4.600 tỷ USD. Đây là năm tăng trưởng thứ mười liên tiếp kể từ năm 2009. Trong báo cáo cũng dự báo, đến năm 2030 lượng khách du lịch quốc tế trên toàn cầu đạt 1,8 tỷ lượt khách. Khách đi du lịch với mục đích thăm viếng, sức khỏe, tôn giáo sẽ chiếm 31% tổng lượng khách du lịch; với mục đích tham quan, nghỉ dưỡng, vui chơi, giải trí chiếm 54%; với mục đích công việc và nghề nghiệp chiếm 15%. Trong đó, Đông Nam Á sẽ trở thành khu vực thu hút khách quốc tế lớn thứ 4 trên thế giới¹⁵. Báo cáo cũng nhận định với lượng khách du lịch tăng nhanh, xu hướng các loại hình du lịch đã và đang thay đổi đáng kể. Sự lựa chọn của khách du lịch trên toàn cầu cho thấy những loại hình du lịch thân thiện với môi trường như DLST, DLCĐ, du lịch nghỉ dưỡng và du lịch phục vụ nhu cầu sức khỏe, làm đẹp ngày càng được lựa chọn và ưa chuộng hơn.

Dự kiến lượt khách trong những điểm đến mới nổi sẽ tăng với tốc độ gấp đôi so với các nền kinh tế tiên tiến (2,2%/năm); thị phần của các nền kinh tế mới nổi đến năm 2030 đạt 57%, tương đương với hơn một tỷ lượt khách du lịch quốc tế trong cùng thời gian¹⁶. Trên thực tế, ngành du lịch thế giới đang chứng kiến sự phát triển của nhiều xu hướng du lịch khác như: các chương trình tự thiết kế - tự trải nghiệm, du lịch mạo hiểm, DLST, du lịch nghỉ dưỡng, du lịch lịch sử và tâm linh với các thiết bị hiện đại. Xu hướng khách du lịch quan tâm nhiều hơn tới chất lượng trải nghiệm tại điểm đến thay vì hình ảnh điểm đến đơn thuần, du khách sẽ lưu lại nhiều ngày hơn nếu điểm đến có nhiều trải nghiệm thú vị và ngược lại. Nếu trước đây, du lịch biển theo trào lưu là phổ biến thì những năm gần đây đã chuyển hướng sang du lịch trải nghiệm văn hóa địa phương. Khách du lịch theo xu thế mới là những người yêu môi trường, tôn trọng và có trách nhiệm với môi trường, quan tâm tới nghỉ dưỡng, giá trị tinh thần và sức khỏe của bản thân, vì vậy xu hướng tìm về những giá trị văn hóa đặc sắc và sinh thái nguyên sơ cũng đang trở nên thịnh hành trong đời sống xã hội hiện nay.

Trong bối cảnh đó, DLST được coi là một trong những xu hướng phát triển của ngành du lịch thế giới và đây được coi là phương thức phát triển du lịch bền vững vì có sự gắn kết chặt chẽ các yếu tố cảnh quan thiên nhiên - văn hóa dân tộc - văn hóa lịch sử và có những đóng góp cho phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương - điểm đến du lịch. Trên thế giới, DLST

¹⁴ <https://baodantoc.vn/luong-khach-du-lich-toan-cau-nam-2023>.

¹⁵ Tổ chức Du lịch thế giới (2019). Du lịch kết hợp chăm sóc sức khỏe sẽ tăng mạnh. Báo Điện tử Chính phủ, truy cập ngày 25/11/2022.

¹⁶ Huy Lê (2019). Xu hướng phát triển của du lịch thế giới tác động mạnh mẽ tới du lịch Việt Nam. Báo Điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, truy cập ngày 25/11/2022.

được hiểu là “du lịch có trách nhiệm tới các khu vực tự nhiên nơi lưu giữ bảo tồn môi trường tự nhiên, đảm bảo phát triển thịnh vượng bền vững của người dân địa phương và có các hoạt động liên quan đến giáo dục và có nhiệm vụ điển giải”¹⁷. Như vậy, việc thực hiện “Đề án phát triển DLST, nghỉ dưỡng và giải trí tại Khu DTTN đoạn 2024-2030” là phù hợp với xu hướng phát triển du lịch thế giới hiện nay.

Xu hướng phát triển du lịch tại Việt Nam

Nghị quyết số 08/NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị nêu rõ một số quan điểm phát triển du lịch như sau: (i) Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn là định hướng chiến lược quan trọng để phát triển đất nước, tạo động lực phát triển các ngành, lĩnh vực khác; (ii) Phát triển du lịch thực sự là ngành kinh tế dịch vụ tổng hợp, có tính liên ngành, liên vùng, có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả, có thương hiệu và khả năng cạnh tranh cao; xã hội hóa cao và có nội dung văn hóa sâu sắc; tăng cường liên kết trong nước và quốc tế, chú trọng liên kết giữa ngành Du lịch với các ngành, lĩnh vực khác trong chuỗi giá trị hình thành nên các sản phẩm du lịch; (iii) Phát triển du lịch bền vững; bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa và giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc; bảo vệ môi trường; giải quyết tốt vấn đề lao động, việc làm và an sinh xã hội; bảo đảm an ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội.

Trong chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030 cũng nêu rõ phát triển du lịch thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, tạo động lực thúc đẩy sự phát triển các ngành và lĩnh vực khác, góp phần quan trọng hình thành cơ cấu kinh tế hiện đại. Phát triển du lịch bền vững và bao trùm, trên nền tảng tăng trưởng xanh, tối đa hóa sự đóng góp của du lịch cho các mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc; quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường và ĐDSH, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Năm 2023, du lịch Việt Nam khẳng định vị thế là một trong những điểm đến được yêu thích hàng đầu thế giới. Với những nỗ lực không ngừng trong truyền thông, xúc tiến quảng bá, phát triển sản phẩm, nâng cao chất lượng dịch vụ, tạo thuận lợi cho đi lại du lịch..., Việt Nam đã vinh dự nhận hàng loạt giải thưởng danh giá từ các tổ chức quốc tế uy tín trên toàn cầu và nhiều lần được truyền thông báo chí quốc tế vinh danh, ca ngợi là điểm đến hấp dẫn hàng đầu thế giới. Đáng chú ý, Việt Nam lần thứ 4 được vinh danh là “Điểm đến Di sản hàng đầu thế giới”, lần thứ 5 liên tiếp được bình chọn là “Điểm đến hàng đầu châu Á”. Với những nỗ lực nhằm xây dựng cơ chế, chính sách thuận lợi cho ngành Du lịch và thúc đẩy sự phục hồi mạnh mẽ của toàn ngành, Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam đã lần thứ 4 được trao danh hiệu “Cơ quan quản lý du lịch hàng đầu châu Á”.

Năm 2023 ngành du lịch đón 12,6 triệu lượt khách quốc tế, vượt 57% so mục tiêu ban đầu và đạt mục tiêu đã điều chỉnh (12-13 triệu lượt). Khách nội địa đạt 108 triệu lượt, vượt 6% so kế hoạch năm 2023. Tổng thu từ du lịch ước đạt 678.000 tỷ đồng, vượt 4,3% so kế hoạch năm 2023¹⁸. Tiếp đà phát huy thế mạnh, năm 2024, ngành Du lịch Việt Nam đặt mục tiêu đón 18 triệu lượt khách quốc tế, phục vụ 110 triệu lượt khách nội địa, tổng thu từ du lịch ước đạt 850.000 tỷ đồng. Để thực hiện được mục tiêu này, ngành Du lịch cần nỗ lực thực hiện đồng bộ các giải pháp thúc đẩy công tác hoạch định chính sách, quản lý nhà nước trong các lĩnh vực chuyên môn, tăng cường hoạt động xúc tiến quảng bá du lịch...

¹⁷ Theo Hiệp hội Du lịch Sinh Thái Quốc tế - The International Ecotourism Society - TIES (1990). What Is Ecotourism?. Trang thông tin Điện tử Hiệp hội Du lịch Sinh Thái Quốc tế, truy cập ngày 25/11/2022 tại <<https://ecotourism.org/what-is-ecotourism/>> .

¹⁸ <https://s.net.vn/ixct>

Năm 2024, khách Việt có xu hướng dùng mạng xã hội tìm thông tin du lịch, ưu tiên trải nghiệm hơn chi phí và thích du lịch tự phát hơn đặt tour trọn gói. Kết quả nghiên cứu cho thấy khách Việt là những tín đồ du lịch nhiệt huyết nhất khu vực, trong đó 90% khách Việt cho biết đã có kế hoạch và đặt chuyến du lịch giai đoạn từ nay đến nửa cuối năm. Nhóm khách thị trường Việt cũng có xu hướng du lịch tự phát cao nhất khu vực khi một nửa số người trả lời thường đặt các trải nghiệm và hoạt động du lịch chỉ sau khi đến nơi hoặc khi đang ở điểm đến thay vì đặt tour trọn gói¹⁹. Khách Việt Nam dẫn đầu khu vực trong việc sử dụng Facebook (95%) và TikTok (83%) làm nền tảng truyền cảm hứng du lịch. 91% du khách Việt đặt các dịch vụ du lịch dựa trên đề xuất và đánh giá từ người sáng tạo nội dung trên mạng xã hội. Trong đó, 63% người Việt tiếp cận các thông tin du lịch thông qua định dạng video vì có sức hút trực quan mạnh mẽ.

Trong “Chiến lược phát triển sản phẩm Du lịch Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”, du lịch Việt Nam đã định hướng bốn loại hình du lịch ưu tiên phát triển bao gồm du lịch biển đảo, du lịch văn hóa, DLST và du lịch đô thị. Trong đó, phát triển DLST, nghỉ dưỡng, giải trí tại các VQG, các KBT từ lâu đã được nhà nước quan tâm và chỉ đạo. Từ Luật Lâm Nghiệp (2017) và Luật Đa dạng sinh học (2008), các VQG đã được xác định phát triển mô hình DLST đi kèm. Tính đến năm 2022, Việt Nam có 25/34 VQG và 36/133 Khu BTTN và khu bảo vệ cảnh quan đang triển khai hoạt động DLST. Hoạt động DLST có ý nghĩa quan trọng trong lộ trình xã hội hóa công tác bảo tồn, góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm của cộng đồng trong quản lý, BVR, bảo tồn đa dạng sinh học, cảnh quan môi trường cũng như các di sản thiên nhiên, văn hóa, lịch sử.

Nguồn thu từ dịch vụ DLST đã hỗ trợ đáng kể cho các hoạt động BVR, giảm ngân sách nhà nước và tăng thêm thu nhập cho lực lượng BVR. Hiện nay, ở Việt Nam có nhiều VQG, KBT đã và đang phát huy thế mạnh trong việc khai thác bền vững tài nguyên rừng nhằm phục vụ cho hoạt động DLST như tại VQG Cát Tiên, VQG Cúc Phương, VQG Phong Nha Kẻ Bàng, VQG Ba Vì và các KBT khác ở Việt Nam. Nhìn chung, hoạt động DLST tại các VQG, KBT có xu hướng phát triển và đạt được kết quả đáng khích lệ nhưng vẫn còn nhiều hạn chế và bất cập. Với mục tiêu đến năm 2025, có khoảng 50% các khu rừng đặc dụng, phòng hộ tổ chức hoạt động DLST, nghỉ dưỡng, giải trí, hàng năm thu hút tối thiểu từ 15-20% lượng khách du lịch tại Việt Nam, cần sự nỗ lực và quyết tâm rất lớn²⁰.

Sau đại dịch COVID-19, nhiều xu hướng du lịch mới đã và đang hình thành ở Việt Nam. Trong đó, sự phát triển của thị trường du lịch nội địa với các chương trình du lịch ngắn ngày, hạn chế tiếp xúc tại các điểm đến an toàn sẽ là những xu hướng phát triển mạnh mẽ trong thời gian tới. Bên cạnh đó, các xu hướng du lịch thông minh; du lịch sáng tạo; du lịch tại chỗ; du lịch chăm sóc sức khỏe; du lịch xanh; DLST, nghỉ dưỡng, giải trí và du lịch bền vững sẽ lên ngôi trong giai đoạn tới. Như vậy, việc thực hiện “Đề án phát triển DLST, nghỉ dưỡng và giải trí tại Khu DTTN giai đoạn 2024 - 2030” là phù hợp với xu hướng phát triển du lịch của Việt Nam hiện nay.

Tổng quan về du lịch sinh thái

Khoảng thời gian những năm 60 đến cuối những năm 90 của thế kỷ XX được coi là khởi đầu của phong trào DLST trên toàn cầu. Trong thời kỳ đó, những quốc gia đang phát triển như Costa Rica, Ecuador, Kenya và Nepal đã nhận ra tiềm năng về tài nguyên thiên nhiên và văn hóa của họ và sử dụng chúng để thu hút khách du lịch. Cũng vào những năm 90 của thế kỷ XX, thuật ngữ DSLT được xem là thuật ngữ mới tại Việt Nam và bước đầu gắn liền với hoạt

¹⁹ <https://vnexpress.net/xu-huong-du-lich-cua-khach-viet-nam-2024>.

²⁰ <https://s.net.vn/gfll>

động du lịch tại một số địa phương như Quảng Ninh, Nha Trang, Bà Rịa – Vũng Tàu. Song, do là loại hình mới nên các sản phẩm lúc bấy giờ mới chỉ mang màu sắc của DLST chứ chưa hoàn toàn chuyên nghiệp và tạo được màu sắc riêng.

DLST lần đầu tiên được khái niệm hóa vào đầu những năm 1980 như một loại hình du lịch dành cho những người muốn tìm hiểu về các môi trường tự nhiên khác nhau mà không gây ra tác hại hoặc thiệt hại về môi trường như các hình thức du lịch khác. Nhưng không dừng lại ở đấy, khái niệm về DLST vẫn luôn thu hút được sự quan tâm của nhiều người hoạt động trong nhiều lĩnh vực khác nhau, từ đó giới khoa học ghi nhận nhiều góc độ tiếp cận khác nhau đối với định nghĩa này.

Đầu tiên, người được phần đông các nhà khoa học cho là cha đẻ của thuật ngữ DLST là Hector Ceballos-Lascuráin, một nhà môi trường học và kiến trúc sư người Mexico. Ông cho rằng “DLST là loại hình du lịch liên quan đến hoạt động đi đến khu vực tự nhiên tương đối nguyên vẹn hoặc không bị ô nhiễm, với những mục đích cụ thể là nghiên cứu, tham quan phong cảnh và hệ động thực vật hoang dã” (Hector Ceballos-Lascurain, 1987). Trong định nghĩa này, trọng tâm mối quan tâm của Hector Ceballos – Lascurain là vấn đề bảo vệ môi trường.

Ziffer (1989) cho rằng: “DLST là một loại hình du lịch sinh ra chủ yếu bởi các yếu tố tự nhiên và yếu tố văn hóa bản địa. Khách du lịch đến thăm các khu vực chưa thực sự phát triển và được thực hành việc không sử dụng và tiêu thụ động vật hoang dã và tài nguyên thiên nhiên. Thông qua các hoạt động du lịch, mục đích chính là mang lại lợi ích cho công tác bảo tồn các giá trị sinh thái và đem lại phúc lợi về kinh tế cho cộng đồng địa phương”.

“DLST là du lịch thiên nhiên góp phần bảo tồn, thông qua tạo quỹ cho các khu bảo tồn, tạo cơ hội việc làm cho cộng đồng địa phương và cung cấp giáo dục môi trường” (Boo, 1991). Cùng với đó du lịch dựa vào thiên nhiên tập trung vào việc cung cấp các cơ hội học tập đồng thời mang lại lợi ích cho địa phương và khu vực, đồng thời thể hiện sự bền vững về môi trường, xã hội, văn hóa và kinh tế (Forestry Tasmania, 1994).

Năm 2015, Hiệp hội DLST Quốc tế phát biểu như sau về DLST: “DLST là du lịch có trách nhiệm tới các khu vực tự nhiên nơi lưu giữ bảo tồn môi trường tự nhiên, đảm bảo phát triển thịnh vượng bền vững của người dân địa phương và có các hoạt động liên quan đến giáo dục và có nhiệm vụ diễn giải” và làm sáng tỏ những giá trị của môi trường và nền văn hoá bản địa (TIES, 2015).

Có thể thấy, những định nghĩa trên đã nêu lên được những đặc trưng, đa chiều của DLST và được sử dụng trong nhiều nghiên cứu của các học giả và tổ chức quốc tế. Song, căn cứ vào đặc thù và mục tiêu, các quốc gia đều phát triển những định nghĩa riêng về DLST.

Năm 1999, Tổng cục Du lịch Việt Nam phối hợp với Tổ chức Bảo tồn Thiên nhiên Thế giới (IUCN) và Ủy ban Kinh tế - Xã hội Châu Á - Thái Bình Dương (ESCAP) tổ chức Hội thảo Quốc tế về xây dựng khung chiến lược phát triển DLST tại Việt Nam. Hội thảo này đã đưa ra định nghĩa về DLST: “DLST là loại hình du lịch dựa vào thiên nhiên và văn hóa, có giáo dục môi trường, có đóng góp cho nỗ lực bảo tồn và phát triển bền vững, có sự tham gia tích cực của cộng đồng địa phương” (Tổng cục Du lịch Việt Nam, 1999).

Trong Luật Du lịch Việt Nam (Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam 2017), DLST được định nghĩa “DLST là loại hình du lịch dựa vào thiên nhiên gắn với bản sắc văn hóa địa phương, có sự tham gia của cộng đồng dân cư, kết hợp giáo dục về bảo vệ môi trường”.

Khái niệm và hiểu biết về du lịch đã được khái quát hóa và thống nhất thông qua thảo luận giữa các thành viên trong nhóm lập kế hoạch. DLST trong Khu DTTN là loại hình du lịch khai

thác, phát huy các giá trị tài nguyên thiên nhiên và văn hóa cộng đồng địa phương trong vùng đệm Khu DTTN gắn với các hoạt động bảo vệ môi trường và bảo tồn ĐDSH. Lợi nhuận từ hoạt động du lịch được chuyển trực tiếp vào quỹ bảo vệ tài nguyên sinh vật tự nhiên và văn hóa vùng đệm, cũng như quỹ phát triển rừng của Khu DTTN. DLST tại Khu DTTN góp phần tăng trưởng kinh tế, nâng cao đời sống, tạo cơ hội việc làm cho người dân vùng đệm; góp phần giảm áp lực của cộng đồng địa phương đối với tài nguyên thiên nhiên và ĐDSH. Các hoạt động DLST cũng sẽ mang tính giáo dục nhằm nâng cao hiểu biết của khách du lịch về sự cần thiết của việc bảo tồn hệ sinh thái và môi trường. Hơn nữa, DLST tại Khu DTTN sẽ giúp thúc đẩy sự tương tác văn hóa giữa các khu vực, cộng đồng và quốc gia. Để hoạt động du lịch phát triển hiệu quả, hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học, DLST tại đây sẽ dựa trên sáu nguyên tắc chính được trình bày tại mục 1.2 trong đó hướng tới: Hoạt động DLST dựa vào thiên nhiên; tôn trọng văn hoá, lịch sử địa phương; đề cao tính giáo dục môi trường; đóng góp cho bảo tồn thiên nhiên và sinh kế địa phương.

Các quy hoạch, đề án phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, và giải trí

Lệ Thủy là huyện phía nam của tỉnh Quảng Bình với địa hình phong phú, đa dạng hội đủ các yếu tố rừng núi, sông ngòi, đồng bằng và bờ biển, là vùng đất “Địa linh, nhân kiệt” với nhiều di tích lịch sử văn hóa như Khu lăng mộ Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh, Khu nhà lưu niệm Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Di tích lịch sử quốc gia chùa Hoàng Phúc; những điểm du lịch nghỉ dưỡng như suối nước khoáng nóng Bang, khe Nước Lạnh, bãi tắm Tân Hải... Bên cạnh đó, Lệ Thủy có nền văn hóa truyền thống lâu đời với làn điệu Hò khoan Lệ Thủy, Lễ hội đua, bơi thuyền truyền thống trên sông Kiến Giang... Đó là những yếu tố thuận lợi để phát triển du lịch. Tuy nhiên, huyện Lệ Thủy đến nay chưa có các quy hoạch cụ thể về du lịch, cũng như các đề án phát triển du lịch, sản phẩm du lịch. Các hoạt động quy hoạch du lịch mới dừng lại ở mặt chủ trương Nghị quyết và chương trình hành động của huyện.

Theo Quyết định số 685/QĐ-UBND tỉnh Quảng Bình ngày 16/03/2024, huyện Lệ Thủy được quy hoạch một số điểm tiềm năng để phát triển du lịch, bao gồm: (i) Khu vực Bàu Sen, xã Sen Thủy với diện tích 280 ha, quy hoạch phát triển khách sạn và khu nghỉ dưỡng 4-5 sao, vốn đầu tư khoảng 50 tỷ đồng/ha; (ii) Bãi biển Tân Hòa, xã Ngư Thủy Bắc với diện tích 50 ha, quy hoạch phát triển khách sạn và khu nghỉ dưỡng 4-5 sao, vốn đầu tư 50 tỷ đồng/ha; (iii) Tuyến du lịch sinh thái đường sông kết nối các điểm du lịch trên địa bàn huyện; (iv) Hệ thống hạ tầng chợ và trung tâm thương mại với diện tích 1,2-1,8 ha, dự kiến đầu tư 100-120 tỷ đồng.

Theo Công văn số 835/SDL-KHPTDL ngày 07/8/2023 của Sở Du lịch tỉnh Quảng Bình, các xã phía Tây huyện Lệ Thủy, bao gồm Kim Thủy, Lâm Thủy, Ngân Thủy, Trường Thủy, có tiềm năng du lịch lớn nhờ tài nguyên thiên nhiên và văn hóa đặc trưng. Khu Dự trữ Thiên nhiên Động Châu - Khe Nước Trong, Suối nước nóng Bang, Hồ An Mã, và các di tích lịch sử gắn với hệ thống đường Hồ Chí Minh, cùng với Khu lăng mộ Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh, cửa khẩu Chút Mút - Lả Vin, đều có khả năng phát triển thành khu du lịch cấp tỉnh. Để đáp ứng các tiêu chí quy định tại Điều 12, Nghị định số 168/2017/NĐ-CP, tỉnh Quảng Bình đã lên kế hoạch phát triển khu du lịch cấp tỉnh cho các xã này trong giai đoạn 2021-2030, đồng thời kêu gọi đầu tư và hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật.

Tuy nhiên, nhiều hạng mục trong quyết định và công văn vẫn chưa được thực hiện do thiếu nhà đầu tư và nguồn kinh phí hạn chế. Việc hoàn thiện "Đề án phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí Khu DTTN giai đoạn 2024-2030" sẽ là cơ sở để thu hút các nhà đầu tư tiềm năng, phát triển khu du lịch cấp tỉnh tại các xã phía Tây huyện Lệ Thủy, và thúc đẩy các sản phẩm du lịch đặc trưng. Ngoài ra, trên địa bàn tỉnh Quảng Bình còn có VQG Phong Nha - Kẻ Bàng là một trong những điểm đến du lịch hấp dẫn và có nguồn thu rất lớn từ phát triển du lịch sinh thái. Năm 2024 UBND tỉnh Quảng Bình đã phê duyệt Đề án phát triển du lịch sinh

thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong VQG Phong Nha - Kẻ Bàng giai đoạn 2021-2030, đây là cơ sở để 2 Khu DTTN có thể kết nối và phát huy giá trị tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch văn hóa nhằm phát triển du lịch hiệu quả trong giai đoạn tới.

Tiềm năng du lịch và nhu cầu phát triển du lịch sinh thái của Khu DTTN

Nằm trong hệ thống dãy núi Trung Trường Sơn, ở phía Tây Nam của tỉnh Quảng Bình thuộc địa phận huyện Lệ Thủy cách thành phố Đồng Hới khoảng 60 km về phía Tây Nam. Khu DTTN giáp Khu BTTN Bắc Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị về phía Nam, giáp nước Lào về phía Tây, cách biển Đông 40km về phía Đông. Khu DTTN được các chuyên gia, các nhà khoa học gọi với cái tên trù mên là “Khu rừng hy vọng”.

Khu DTTN là nơi có giá trị đa dạng sinh học cao và phong phú, với nhiều hệ sinh thái khác nhau như: rừng kín thường xanh mưa mùa á nhiệt đới, rừng kín thường xanh mưa ẩm nhiệt đới núi thấp; rừng phụ thứ sinh sau khai thác kiệt; rừng phụ thứ sinh phục hồi trên đất mất rừng; rừng phát triển trên núi đá vôi; rừng trồng; trảng cỏ, cây bụi, cây gỗ rải rác, sông suối, đất khác. Ngoài các giá trị về đa dạng sinh học, Khu DTTN còn có các giá trị văn hóa, lịch sử và các điểm tham quan du lịch tiềm năng có thể khai thác và phát triển du lịch. Một số điểm tham quan tiềm năng không thể bỏ qua khi nhắc đến Khu DTTN như: Thác Tóc Tiên, thác Thiên Cầm, thác Cổng trời, khe Nước Trong, khe Nước Vàng, khe Bung, khe Le, thác Khe Đan, Bãi Đan, khu vực chốt Dộc, trạm Cầu Khỉ, trạm Khe Cau...

Với các tiềm năng phát triển du lịch sinh thái UBND tỉnh Quảng Bình đã ban hành Công văn số 2667/UBND-NCVX ngày 01/12/2021; Công văn số 2016/UBND-NCVX ngày 05/10/2023, Công văn số 2631/VPUBND-NCVX ngày 14/07/2022 về việc phương án sử dụng nguồn thu dịch vụ tham quan, dịch vụ môi trường rừng của Ban Quản lý Khu DTTN nhằm khai thác thí điểm sản phẩm du lịch “Khám phá khe Nước Trong, suối Tiên và chinh phục thác Cổng Trời - Bãi Đan”.

Hiện nay, Khu DTTN đang phối hợp với Công ty TNHH Netin triển khai Đề án khai thác thử nghiệm sản phẩm DLST “Khám phá Khe Nước Trong, Suối Tiên và chinh phục thác Cổng Trời, - Bãi Đan”; Phối hợp với Công ty TNHH Thương mại và Du lịch HS xây dựng Đề án khai thác thử nghiệm sản phẩm du lịch “Khám phá thiên nhiên thác Mụ Mệ, vườn Địa Đàng, hang Vàng và thác Lụa xã Lâm Thủy, huyện Lệ Thủy; Phối hợp với Tổ chức Helvetas Việt Nam, Công ty TNHH Netin xây dựng 02 mô hình Homestay tại Bản Ho Rum, xã Kim Thủy và tổ chức các lớp tập huấn về các kỹ năng làm DLCĐ tại Bản.

Ngoài ra tại vùng đệm của Khu DTTN còn có các cộng đồng người Bru Vân Kiều sinh sống tại bản Ho Rum, bản Trung Đoàn, bản An Bai cũng có tiềm năng để phát triển du lịch cộng đồng. Khách du lịch khi đến với Khu DTTN có thể kết nối với các điểm du lịch khác trên địa bàn huyện Lệ Thủy như: Nhà Lưu niệm của Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Khu du lịch Suối nước nóng Bang Onsen Resort, hang Chà Lòi - bản Còi Đá, khe Nước Lạnh tại xã Ngân Thủy, hồ nước ngọt Bàu Sen, hồ nước ngọt An Mã, chùa Hoằng Phúc, lăng mộ Lễ thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh, điểm di tích lịch sử làng Ho, điểm di tích lịch sử Kho Đan, điểm di tích lịch sử đường Hồ Chí Minh nhánh Tây...

Sự phát triển mạnh mẽ của DLST cùng với những xu hướng du lịch gắn với thiên nhiên ngày càng ưa chuộng, chắc chắn sẽ là cơ hội để du lịch Việt Nam phát triển trong đó có Khu DTTN. Với thị trường khách rộng mở, Khu DTTN cần xác định khách hàng mục tiêu và cần có những phương án đón đầu xu hướng du lịch nhằm định hình các loại hình, sản phẩm du lịch đặc trưng phù hợp trong thời gian tới.

Tóm tắt một số kinh nghiệm phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng và giải trí ở trong nước và quốc tế có thể vận dụng

Kinh nghiệm trong nước: Các hoạt động trải nghiệm liên quan đến động vật hoang dã, giáo dục môi trường, trải nghiệm thiên nhiên, quản lý du khách cũng như phát triển các sản phẩm, tuyến du lịch hấp dẫn tại VQG Cát Tiên, VQG Phong Nha Kẻ Bàng, VQG Cúc Phương và VQG Ba Vì là những trải nghiệm rất ấn tượng mà Khu DTTN có thể tham khảo và vận dụng linh hoạt trong quy hoạch và phát triển du lịch. Trong đó, công tác diễn giải về môi trường ở VQG Cát Tiên và VQG Cúc Phương là một trong những điểm mạnh, được coi là hàng đầu ở Việt Nam và có nhiều điểm tương đồng với phát triển DLST tại Khu DTTN. Vì vậy, trong Đề án này sẽ tham khảo những kinh nghiệm trong phát triển DLST của VQG Cát Tiên, VQG Phong Nha Kẻ Bàng, VQG Cúc Phương để vận dụng trong điều kiện thực tế nhằm hình thành nên các loại hình du lịch, tuyến du lịch và sản phẩm du lịch gắn với thế mạnh của Khu DTTN.

Kinh nghiệm quốc tế: Trên thế giới có rất nhiều mô hình DLST có thể áp dụng được tại Khu DTTN, trong đó có nhiều mô hình như xây dựng nhà lều (glamping) cao cấp ở Thái Lan đã thành công giảm tác động đến môi trường, mang lại doanh thu và hiệu quả cao. Các khu vực có thể áp dụng được như khu vực Bãi Đạn, khu vực Chốt Dộp và khu vực Khe Nước Trong. Ngoài ra, các mô hình trong quản lý khách du lịch, tổ chức các điểm cắm trại dã ngoại, vui chơi giải trí, các đường mòn xuyên rừng, diễn giải môi trường có thể học hỏi tại các VQG ở Palau, Malaysia, Singapore và áp dụng được tại tuyến tuần tra bảo vệ rừng khe Nước Trong và đường đi vào chốt Dộp. Trong quy hoạch sẽ đưa ra các kinh nghiệm của VQG Galápagos, Ecuador; VQG Yosemite, Hoa Kỳ; KBT Sian Ka'an, Mexico; VQG Yellowstone, Hoa Kỳ; VQG Torres del Paine, Chile; VQG Fiordland, New Zealand; VQG Kruger, Nam Phi; VQG Grand Teton, Hoa Kỳ; KBT Amazon, Nam Mỹ; VQG Bwindi Impenetrable, Uganda; KBT Great Barrier Reef, Australia; VQG Banff, Canada; VQG Serengeti, Tanzania trong bảo vệ cảnh quan, xây dựng các sản phẩm ngắm cảnh, thăm động vật hoang dã, diễn giải môi trường, dựa trên nguyên tắc ít tác động vào cảnh quan thiên nhiên và động vật hoang dã.

3.2 QUAN ĐIỂM, ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

3.2.1 Quan điểm phát triển du lịch

Phát triển DLST tại Khu DTTN phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật của Nhà nước và các quy định về quản lý rừng đặc dụng, BVR.

Phát triển DLST phải dựa trên các nguyên tắc phát triển xanh, bền vững gắn với bảo vệ môi trường và các nguyên tắc của du lịch bền vững, có trách nhiệm.

Phát triển DLST không làm mất rừng, suy giảm sinh cảnh tự nhiên và ảnh hưởng đến sự tồn tại, phát triển của các loài sinh vật cũng như các chu trình tự nhiên.

Ưu tiên phát triển các sản phẩm du lịch ít phát thải, thân thiện với môi trường, góp phần BVR, đa dạng sinh học và các hoạt động có tính giáo dục.

Phát triển du lịch phải phù hợp quy hoạch của địa phương; có tính liên kết với các điểm du lịch phụ cận và hỗ trợ được các hoạt động DLCD, DLST ở vùng đệm.

3.2.2 Nguyên tắc phát triển du lịch

Nhằm phát triển du lịch theo hướng chuyên nghiệp và bền vững, Khu DTTN cần đảm bảo các nguyên tắc phát triển du lịch như:

- Đảm bảo quyền sở hữu của Nhà nước về rừng, đất rừng và các dịch vụ hệ sinh thái rừng.

- Sử dụng bền vững và khôn khéo các giá trị thiên nhiên, đa dạng sinh học và bản sắc văn hóa của địa phương cho việc phát triển du lịch.
- Đúng theo quy định của pháp luật và các quy định, nguyên tắc về quản lý rừng đặc dụng, đa dạng sinh học.
- Đóng góp vào mục tiêu và tôn chỉ của Khu DTTN về BVR, bảo tồn thiên nhiên, phục hồi các hệ sinh thái, các loài bị đe dọa.
- Góp phần nâng cao nhận thức và trách nhiệm và sự tham gia của các bên liên quan vào các hoạt động bảo tồn thiên nhiên, BVR và bảo vệ các loài động, thực vật hoang dã;
- Mang lại nguồn thu bền vững cho các hoạt động bảo tồn và tạo cơ hội việc làm, thu nhập cho cộng đồng địa phương và các bên tham gia khác.
- Các hoạt động du lịch, dịch vụ phải có hệ thống giám sát và các giải pháp giảm thiểu các tác động tới thiên nhiên, sự tồn tại và phát triển của các loài động, thực vật hoang dã và giúp ngăn chặn sự phát triển của các loài ngoại lai xâm hại.
- Khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên một cách hợp lý, tránh khai thác và tiêu thụ quá mức làm suy kiệt tài nguyên. Phát triển du lịch phải chú trọng công tác nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, bảo vệ đa dạng sinh học đồng thời phải phù hợp với sự phát triển kinh tế xã hội địa phương.

3.2.3 Định hướng phát triển không gian du lịch

Phát triển không gian du lịch tại Khu DTTN cần tuân thủ các quy định của Luật lâm nghiệp và các kế hoạch, quy hoạch phát triển chung của huyện Lệ Thủy và tỉnh Quảng Bình. Hoạt động du lịch cũng cần thực hiện đúng theo quan điểm, nguyên tắc đã nêu cũng như tuân thủ Phương án quản lý rừng bền vững Khu DTTN đến năm 2030 được UBND tỉnh Quảng Bình phê duyệt.

Định hướng phát triển không gian du lịch tại Khu DTTN cần hình thành không gian du lịch theo các khu, cụm du lịch tại các phân khu dịch vụ hành chính, phân khu phục hồi sinh thái. Phát triển Khu vui chơi giải trí ven khe Nước Trong, Khu nghỉ dưỡng Bãi Đạn, Trung tâm cứu hộ động vật, vườn thực vật, khu bảo tàng tiêu bản động thực vật; Phát triển dọc suối đi các thác nước thác Tóc Tiên, thác Dương Cầm; thác Cổng Trời... khai thác các sản phẩm khám phá thiên nhiên và trải nghiệm các thác nước; trải nghiệm đi, leo dốc; khám phá hệ sinh thái rừng...

Tại Điều 7. Sửa đổi, bổ sung Điều 15. Quản lý, xây dựng công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng đã nêu: Công trình xây dựng phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng và giải trí trong rừng đặc dụng được xem là công trình thương mại, dịch vụ theo quy định của pháp luật về xây dựng. Những công trình này phải phù hợp với đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng và giải trí đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Điều 14 của Nghị định Số 91/2024/NĐ-CP, đồng thời tuân thủ các nguyên tắc sau: không ảnh hưởng tiêu cực đến mục tiêu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, không chặt phá rừng; các công trình phải dựa vào thiên nhiên, hài hòa với cảnh quan thiên nhiên và khuyến khích sử dụng vật liệu thân thiện với môi trường; không làm mất quyền sở hữu của Nhà nước về rừng và tài nguyên thiên nhiên; không ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, danh lam thắng cảnh và di tích lịch sử - văn hóa. Chủ dự án phải chịu trách nhiệm bảo vệ, bảo tồn và phát triển tài nguyên rừng trong phạm vi hoạt động du lịch sinh thái, đồng thời chịu sự hướng dẫn, kiểm tra và giám sát của chủ rừng.

Trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt (BVNN), các tuyến đường tuần tra bảo vệ rừng có thể kết hợp tổ chức tham quan du lịch sinh thái và giáo dục môi trường rừng. Việc này bao gồm tận dụng các tuyến đường mòn, xây dựng các trụ đỡ của đường cáp trên không, đường cáp

ngầm dưới mặt đất, trạm quan sát cảnh quan, lều trú chân, cầu dành cho người đi bộ và biển chỉ dẫn bảo vệ rừng kết hợp du lịch sinh thái.

Trong phân khu phục hồi sinh thái (PHST), được phép lập các tuyến đường bộ phù hợp nhưng tối đa không vượt quá quy mô đường ô tô cấp IV miền núi. Các công trình như trạm quan sát cảnh quan, lều trú chân, biển chỉ dẫn, các trụ đỡ của đường cáp trên không, đường cáp ngầm dưới mặt đất và cầu dành cho người đi bộ có thể được xây dựng. Công trình nghỉ dưỡng, lưu trú phải sử dụng vật liệu lắp ghép, dễ tháo dỡ và không tác động tiêu cực đến sinh trưởng và phát triển của cây rừng. Quy mô, vật liệu, chiều cao và mật độ các công trình phải được xác định trong đề án du lịch sinh thái đã được thẩm định và phê duyệt, với tổng diện tích công trình không vượt quá 2% diện tích hợp đồng hợp tác hoặc cho thuê môi trường rừng. Nếu vượt quá, UBND cấp tỉnh có thể gửi đề nghị tới Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét và chấp thuận.

Trong phân khu dịch vụ hành chính (DVHC), được phép xây dựng các công trình phục vụ du lịch sinh thái trên trảng cỏ, đất có cây bụi hoặc nơi đất trống. Các công trình nghỉ dưỡng, lưu trú dưới tán rừng hoặc nổi trên mặt nước phải đảm bảo không tác động tiêu cực đến cây rừng và phải hài hòa với cảnh quan thiên nhiên. Quy mô, vật liệu, chiều cao và mật độ các công trình phải được xác định trong đề án du lịch sinh thái đã được thẩm định và phê duyệt, với tổng diện tích công trình không vượt quá 5% diện tích hợp đồng hợp tác hoặc cho thuê môi trường rừng. Nếu vượt quá, UBND cấp tỉnh có thể gửi đề nghị tới Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét và chấp thuận. Vì vậy, không gian phát triển du lịch trong Khu DTTN giai đoạn 2024-2030 được định hướng như sau²¹:

Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt

Phân khu BVNN có diện tích 13.674,96 ha, phạm vi bao gồm 15 tiểu khu: 515, 516, 517, 520, 522, 527, 528, 529, 530, 531, 535, 536, 537, 538, 539 với hệ sinh thái rừng kín thường xanh mưa mùa á nhiệt đới núi thấp, rừng kín thường xanh mưa ẩm nhiệt đới, kiểu phụ thứ sinh sau khai thác. Đây là vùng phân bố chủ yếu của các loài động thực vật quý hiếm như: Chà vá chân nâu, Voọc Hà Tĩnh, Vượn siki, Cu li nhỏ, Thỏ vằn, Tê tê Java, Gấu ngựa, Mang trường sơn, Mang lớn, Lim, Sến Mật, Gụ Lau... Do đó, định hướng bảo vệ nghiêm ngặt và hạn chế tối đa các tác động tiêu cực lên hệ sinh thái rừng trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt cần thực hiện xuyên suốt trong quá trình phát triển du lịch.

Cụ thể, hoạt động du lịch trong phân khu BVNN tại Khu DTTN chỉ khai thác các tuyến trekking, tuyến đi bộ trải nghiệm trong ngày tại khu vực khe Bung, khe Vàng tại tiểu khu 535 và 536. Trên các tuyến du lịch này tuyệt đối không quy hoạch, xây dựng các công trình xây dựng, chỉ cải tạo các khu đất trống thành các điểm nghỉ thân thiện với môi trường và không làm ảnh hưởng đến cảnh quan tự nhiên. Các hoạt động phát triển du lịch sinh thái trong phân khu BVNN cần tuân thủ đúng quy định tại Điều 15 Nghị định 156/2018/NĐ-CP và Nghị định 91/2024/NĐ-CP.

Phân khu phục hồi sinh thái

Phân khu PHST có diện tích 8.437,60 ha, bao gồm 11 tiểu khu: 490, 496, 518, 521, 523, 524, 525, 526, 532, 533 và 534 với hệ sinh thái rừng kín thường xanh mưa mùa á nhiệt đới núi thấp, rừng kín thường xanh mưa ẩm nhiệt đới, kiểu phụ thứ sinh sau khai thác, kiểu phụ thứ sinh phục hồi trên đất mất rừng.

²¹ Diện tích của các phân khu chức năng được cập nhật theo kế hoạch sử dụng đất trong Phương án Quản lý rừng bền vững Khu DTTN giai đoạn 2021 - 2030.

Khu vực là nơi tập trung các điểm tham quan, điểm du lịch có tiềm năng phát triển nhất của Khu DTTN như: Thác Tóc Tiên, thác Cổng Trời, thác Dương Cầm, khe Nước Trong, khu Bung, khe Vàng, khe Đan, Bãi Đan, khu vực trạm bảo vệ rừng Cầu Khỉ (tập trung tại tiểu khu 518, 532, 533, 534), khu vực chốt Dộp - suối Rào Chân (tiểu khu 496 và 523) và trạm bảo vệ rừng Khe Cau (tiểu khu 490)... Các điểm tham quan được kết nối bởi đường Tây Trường Sơn, Đường Quốc lộ 9C và các tuyến đường mòn tuần tra bảo vệ rừng, khe suối. Dựa trên đánh giá hiện trạng tài nguyên du lịch và phân tích SWOT, Khu DTTN định hướng phát triển du lịch đến năm 2030 tại 5 cụm điểm du lịch chính trong phân khu PHST như sau:

- **Cụm số 1 (Cầu Khỉ - Khe Nước Trong):** Ưu tiên phát triển khu vực trạm bảo vệ rừng Đồng Vàng Vàng, Cầu Khỉ, Khe Nước Trong, Khe Vàng và Khe Bung (tập trung tại tiểu khu 532 và 533). Lấy tuyến đường Hồ Chí Minh Tây kéo dài từ bản Mít Cát đến ranh giới tỉnh Quảng Trị và tuyến đường tuần tra bảo vệ rừng đi khe Nước Trong làm trọng tâm để kết nối phát triển các điểm tham quan, điểm du lịch. Các loại hình và sản phẩm du lịch ưu tiên phát triển gồm:
 - Du lịch sinh thái: Một ngày làm Kiểm Lâm, Trại hè rừng xanh/Lớn lên cùng đại ngàn, Cắm trại và ăn uống dã ngoại, Trải nghiệm đa giác quan, Safari đêm, Safari ngày.
 - Du lịch thể thao: Dấu chân Trường Sơn, Bánh xe Trường Sơn, Trekking Đại Ngàn.
 - Du lịch bổ trợ: Hội nghị, hội thảo (MICE)
- **Cụm số 2 (Bãi Đan - Cổng Trời):** Ưu tiên phát triển tại thác Tóc Tiên, thác Cổng Trời, thác Dương Cầm, khu nghỉ dưỡng sinh thái Bãi Đan. Các loại hình và sản phẩm du lịch ưu tiên phát triển gồm:
 - Du lịch sinh thái: Nghỉ dưỡng sinh thái và Chăm sóc sức khỏe
 - Du lịch sinh thái: Trại hè rừng xanh/Lớn lên cùng đại ngàn, Cắm trại và ăn uống dã ngoại, Trải nghiệm đa giác quan, Safari đêm, Safari ngày, Nhìn sang nước bạn Lào/Động Châu trong mắt tôi/Miền biên viễn trong mơ.
 - Du lịch thể thao, mạo hiểm: Trekking Đại Ngàn, Ngọn nước mạo hiểm, Trải nghiệm zipline, chinh phục thác cổng Trời.
- **Cụm số 3 (Hà Lặc - Sông Rào Chân):** Ưu tiên phát triển du lịch sinh thái tại khu vực chốt Dộp (tiểu khu 496 và 523, 524, 525). Tại đây, lấy chốt Dộp làm trọng tâm kết nối với khu vực cắm trại và trải nghiệm lòng suối Rào Chân - điểm du lịch đặc sắc và ấn tượng nhất tại khu vực (dài khoảng 2km). Các loại hình và sản phẩm du lịch ưu tiên phát triển gồm:
 - Du lịch sinh thái: Một ngày làm Kiểm Lâm, Trại hè rừng xanh/Lớn lên cùng đại ngàn, Cắm trại và ăn uống dã ngoại, Trải nghiệm đa giác quan, Safari đêm, Safari ngày.
 - Du lịch thể thao: Xuôi dòng Rào Chân và Trekking Đại Ngàn.
- **Cụm số 4 (Khe Đan):** Phát triển du lịch sinh thái dựa vào tự nhiên gắn với suối khe Đan, thác Khe Đan, hệ thống động thực vật đặc trưng trên tuyến. Tập trung phát triển hoạt động trekking, tham quan và diễn giải môi trường. Các loại hình và sản phẩm du lịch ưu tiên phát triển gồm:
 - Du lịch sinh thái: Cắm trại và ăn uống dã ngoại, Trải nghiệm đa giác quan, Safari đêm, Safari ngày.
 - Du lịch thể thao: Trekking Đại Ngàn.

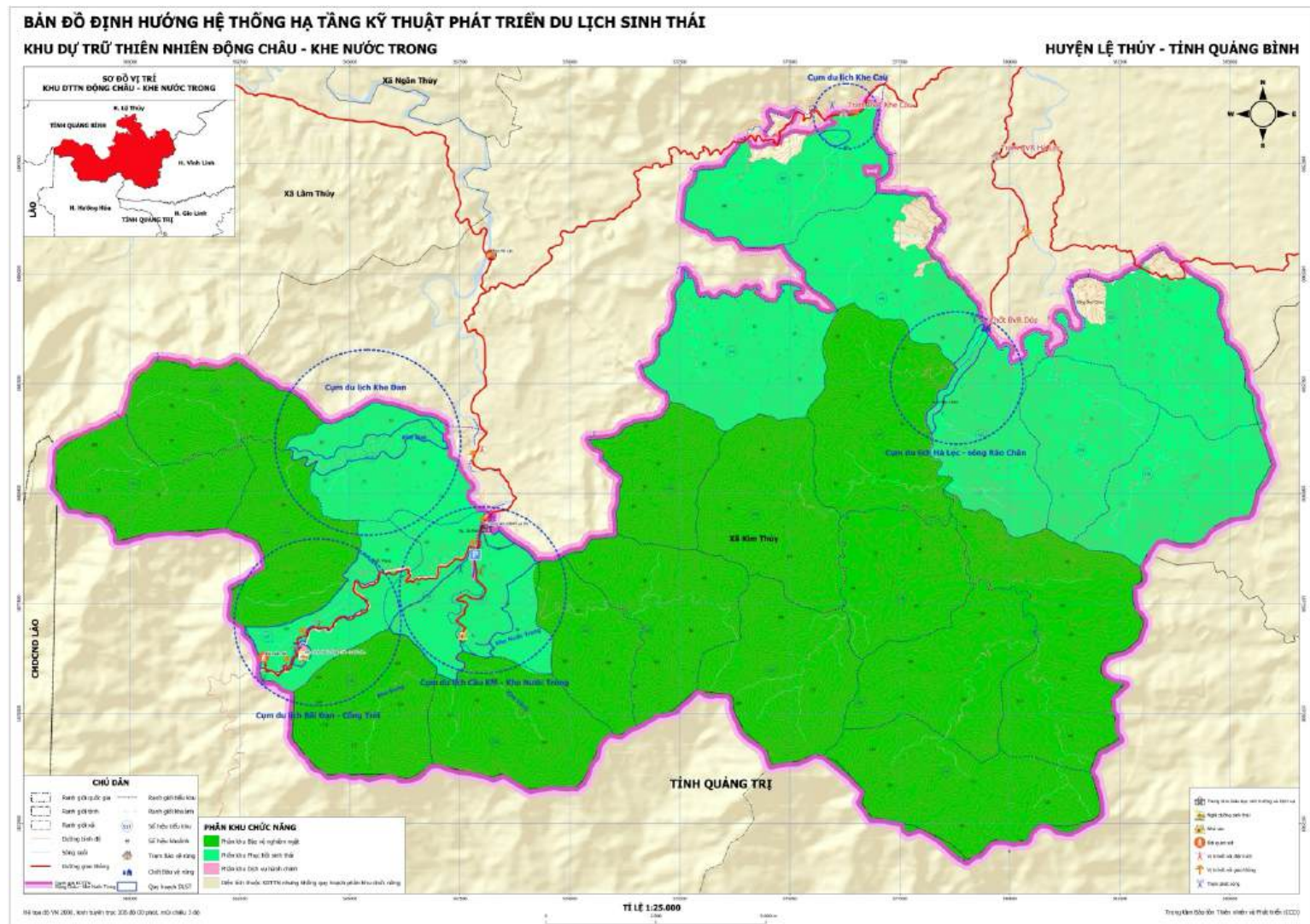
- **Cụm số 5 (Khe Cau):** Phát triển thành điểm dừng chân kết hợp trải nghiệm tắm suối, trải nghiệm vườn dược liệu cho du khách khi di chuyển từ TP Đồng Hới, huyện Lệ Thủy đi cụm du lịch số 1, 2 và 3. Các loại hình và sản phẩm du lịch ưu tiên phát triển gồm:
 - Du lịch sinh thái: Một ngày làm Kiểm Lâm, Cắm trại và ăn uống dã ngoại, Trải nghiệm đa giác quan.
 - Du lịch thể thao: Trekking Đại Ngàn.

Phân khu dịch vụ hành chính

Phân khu DVHC của Khu DTTN có diện tích 20,37 ha, trong đó có 16 ha nằm trong ranh giới của khu và 4,37ha nằm ngoài ranh giới của khu. Cụ thể:

- Trụ sở Ban Quản lý và các Trạm BVR 1,37 ha, trong đó: 0,5 ha nằm trong ranh giới Khu DTTN và 0,87 ha nằm ngoài ranh giới Khu DTTN.
- Các công trình dịch vụ khác 19,0 ha, trong đó có 15,5 ha nằm trong ranh giới Khu DTTN và 3,5 ha nằm ngoài ranh giới Khu (Trụ sở BQL Khu DTTN diện tích 0,46 ha, tại ngã ba đường Hồ Chí Minh nhánh Đông và đường Quốc lộ 9C, các trạm BVR 1,37 ha, gồm trạm Hà Lạc diện tích 0,17ha, trạm 525 diện tích 0,14ha, trạm Cầu Khỉ, Đội BVR cơ động - Khe Cau diện tích 0,1 ha, trạm Bãi Đạn diện tích 0,2 ha).
- Dựa trên phân tích hiện trạng, việc quy hoạch phát triển du lịch trong phân khu DVHC giai đoạn 2024-2030 được định hướng như sau:
 - Ưu tiên phát triển Khu nghỉ dưỡng sinh thái và phát triển cây dược liệu tại khu vực Bãi Đạn với diện tích 4,66 ha. Khu vực quy hoạch gần đường Hồ Chí Minh Tây, gần chốt bảo vệ rừng Bãi Đạn, gần với khu vực thác Cổng trời và đài quan sát bảo vệ rừng và có diện tích đất trống phù hợp để phát triển xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển du lịch.
 - Quy hoạch khu vui trải nghiệm sinh thái Khe Nước Trong nằm cạnh Cầu Khỉ.
 - Quy hoạch, xây dựng chòi canh lửa kết hợp phát triển du lịch nằm trên tuyến Bãi Đạn - Cổng Trời - Tóc Tiên - Dương Cầm. Vị trí quy hoạch nằm sát với đường Hồ Chí Minh Tây và nằm giáp ranh với tỉnh Quảng Trị, cách vị trí Khu nghỉ dưỡng sinh thái Bãi Đạn khoảng 1km.
 - Quy hoạch Trung tâm GDMT & DV, vườn thực vật, bảo tàng, nhà công vụ. Khu vực này nằm sát với đường Hồ Chí Minh Tây, gần Cầu Khỉ và cách khu sinh thái Cổng Trời - Suối Tiên khoảng 10km.

Như vậy, về định hướng không gian phát triển du lịch tại Khu DTTN giai đoạn 2024-2030 sẽ tập trung phát triển chính tại 2 phân khu PHST và DVHC với 5 cụm du lịch đã xác định ở trên. Các địa điểm khai thác du lịch được bố trí nằm gần đường Hồ Chí Minh Tây nhằm tận dụng lợi thế về giao thông. Đối với phân khu BVNN chỉ tổ chức các hoạt động trải nghiệm sinh thái như đi bộ trong rừng, trải nghiệm suối, nghiên cứu chuyên đề... nhằm hạn chế tối đa các tác động đến hệ sinh thái rừng, các hoạt động vui chơi, giải trí sẽ tập trung ở phân khu DVHC và PHST.



Bản đồ 3. Phân khu chức năng Khu Dự trữ Thiên nhiên Động Châu - Khe Nước Trong

3.2.4 Định hướng phát triển loại hình du lịch

Với hiện trạng các loại hình du lịch hiện có cũng như các thế mạnh về tài nguyên thiên nhiên như đã được phân tích trên, Khu DTTN nên tập trung phát triển các loại hình du lịch trọng tâm sau đây:

Loại hình du lịch sinh thái

Đây là loại hình du lịch trọng tâm và xuyên suốt quá trình phát triển du lịch của Khu DTTN. DLST khai thác bền vững các nguồn tài nguyên du lịch hiện có, mặt khác sẽ góp phần nâng cao nhận thức của khách tham quan, người dân địa phương về rừng và đa dạng sinh học. Đồng thời, DLST sẽ tạo ra nguồn thu bền vững hỗ trợ cho các hoạt động quản lý và phát triển rừng của KBT. Các loại tài nguyên tự nhiên của Khu DTTN sẽ được tiếp cận và sử dụng một cách hợp lý để phục vụ phát triển DLST bao gồm: Các giá trị về cảnh quan (cảnh quan hệ sinh thái rừng, suối, thác...); các giá trị về đa dạng sinh học (các loài động thực vật, các cây gỗ lớn, các loài dược liệu quý); giá trị về khí hậu và thủy văn (khí hậu trong lành, mát mẻ). Đây đều là những yếu tố quan trọng giúp tạo ra sự khác biệt về loại hình DLST trong Khu DTTN.

Loại hình du lịch thể thao

Với địa hình đa dạng, nhiều tuyến đường dễ tiếp cận nên loại hình du lịch thể thao khá tiềm năng và dễ khai thác tại cụm du lịch số 1, 2 trong Khu DTTN giai đoạn 2024-2030. Các sản phẩm du lịch thể thao như đạp xe, chạy marthon, đi bộ dọc tuyến đường du lịch từ Cầu Khỉ đi điểm nghỉ dưỡng sinh thái Bãi Đạn, Đài quan sát, từ cầu Khỉ khám phá khe Nước Trong hay trải nghiệm các hoạt động chèo thuyền, tắm tại khu vực chốt Dộp đều là những sản phẩm du lịch thể thao tiềm năng có thể khai thác sớm trong Khu DTTN.

Loại hình du lịch mạo hiểm

Với mục đích cung cấp đa dạng loại hình du lịch trong Khu DTTN nhằm đáp ứng đa dạng nhu cầu của từng du khách, loại hình du lịch mạo hiểm cũng cần được khai thác như một cách kích thích sự tò mò và mong muốn chinh phục của du khách khi đến. Theo đó, các sản phẩm vui chơi giải trí cảm giác mạnh như chinh phục thác Cổng Trời, thác Tóc Tiên, Thác Dương Cầm hay trải nghiệm lội suối tại khe Nước Trong, khe Bung, khe Vàng, khe Le, khe Đạn sẽ mang lại những cảm giác khác biệt và thú vị cho những du khách ưa mạo hiểm và thích khám phá thiên nhiên.

Loại hình du lịch nghỉ dưỡng và chăm sóc sức khỏe

Dịch bệnh, ô nhiễm môi trường, áp lực trong công việc và cuộc sống là những yếu tố khiến loại hình du lịch nghỉ dưỡng và chăm sóc sức khỏe trở thành nhu cầu cần thiết cho mỗi cá nhân, tổ chức. Khu DTTN với những điều kiện thuận lợi về thổ nhưỡng, thủy văn và khí hậu đã cho thấy tiềm năng để khai thác loại hình này. Kết quả điều tra, đánh giá tài nguyên du lịch cho thấy trong Khu DTTN có Khu nghỉ dưỡng sinh thái Bãi Đạn là phù hợp nhất để khai thác loại hình du lịch này.

Loại hình du lịch nghiên cứu chuyên đề

Với diện tích rừng rộng lớn và đa dạng động, thực vật rừng nên loại hình du lịch nghiên cứu chuyên đề trong Khu DTTN là khá phù hợp. Khu vực khai thác loại hình du lịch chuyên đề có thể khai thác ở cả 5 cụm du lịch trong đó tập trung vào các hoạt động nghiên cứu về các hệ sinh thái rừng hay các loài động vật, thực đặc trưng. Đối tượng hướng đến loại hình này là

các bạn học sinh, các sinh viên các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước thích khám phá thiên nhiên và các hoạt động nghiên cứu.

Du lịch MICE (Meeting, Incentive, Conference, Exhibition)

Du lịch MICE được định hướng tổ chức tại Trung tâm GDMT & DV tập trung vào việc cung cấp các dịch vụ hội nghị, hội thảo chất lượng giữa thiên nhiên hoang sơ. Trung tâm sẽ được trang bị cơ sở hạ tầng hiện đại, phòng họp tiện nghi cùng các dịch vụ hỗ trợ như tổ chức sự kiện, team building và các hoạt động trải nghiệm môi trường. Ngoài ra, du khách tham gia MICE có thể kết hợp với các tour du lịch sinh thái, trekking, và tham quan các khu vực bảo tồn động vật, tạo nên một trải nghiệm vừa chuyên nghiệp, vừa gần gũi với thiên nhiên, góp phần vào phát triển bền vững.

Loại hình du lịch cộng đồng

Khu vực vùng đệm của Khu DTTN hiện có nhiều bản có người Bru Vân Kiều sinh sống như bản Ho Rum, bản Trung Đoàn, bản Mít Cát... Cộng đồng người Bru Vân Kiều nơi đây vẫn gìn giữ được cơ bản các nét văn hóa và sinh hoạt truyền thống có thể khai thác loại hình DLCĐ. Một số hộ gia đình tại bản Ho Rum bước đầu triển khai hoạt động kinh doanh dịch vụ lưu trú và dẫn khách đi trải nghiệm trong bản. Việc triển khai DLCĐ tại các bản sẽ tạo việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân địa phương, góp phần nâng cao nhận thức của người dân về bảo vệ thiên nhiên và gìn giữ truyền thống văn hóa dân tộc. Đồng thời, kéo theo những loại hình, sản phẩm du lịch khác trong Khu DTTN phát triển theo hướng bền vững.

Các loại hình du lịch khác

Ngoài các loại hình du lịch trên, Khu DTTN có thể phát triển thêm các loại hình du lịch khác như: như du lịch tìm hiểu văn hoá và con người; du lịch tâm linh, lịch sử; du lịch ẩm thực, du lịch có trách nhiệm... Các loại hình này sẽ phối hợp tổ chức cùng với UBND huyện Lệ Thủy để thực hiện. Bên cạnh đó, Khu DTTN có thể liên kết và hợp tác phát triển các mô hình OCOP, HTX du lịch và HTX nông nghiệp với các bên liên quan. Việc này nhằm tạo ra một mạng lưới hợp tác đa chiều, gắn kết các doanh nghiệp, cộng đồng địa phương, và các tổ chức xã hội trong việc phát triển bền vững. Trong sự liên kết và hợp tác phát triển các mô hình OCOP, HTX du lịch, và HTX nông nghiệp, Khu DTTN đóng vai trò điều phối và kết nối các bên liên quan, đảm bảo sự tuân thủ các tiêu chuẩn bảo tồn và phát triển bền vững. Đồng thời, Khu DTTN cung cấp hỗ trợ kỹ thuật, giám sát quá trình thực hiện, và thúc đẩy quảng bá các sản phẩm du lịch và OCOP. Vai trò này không chỉ giúp định hướng các hoạt động liên kết mà còn đảm bảo rằng sự phát triển kinh tế đi đôi với bảo vệ môi trường và lợi ích cộng đồng. Nhìn chung phát triển đa dạng các loại hình du lịch Khu DTTN góp phần quan trọng tạo ra đa dạng các sản phẩm du lịch góp phần mang đến trải nghiệm thú vị hơn cho khách du lịch.

3.2.5 Định hướng phát triển các sản phẩm du lịch

Sản phẩm du lịch là tập hợp các dịch vụ cần thiết để thoả mãn nhu cầu của khách du lịch trong chuyến du lịch gồm các chương trình du lịch, dịch vụ du lịch được xây dựng trên cơ sở khai thác tài nguyên du lịch. Để thực sự phát triển được hoạt động du lịch, Khu DTTN cần tạo ra được các sản phẩm du lịch đặc trưng và có khả năng cạnh tranh cao và hấp dẫn nhiều đối tượng, thành phần khách du lịch.

Với định hướng khai thác và phát triển hoạt động DLST, nghỉ dưỡng và vui chơi giải trí, nhóm sản phẩm DLST, nhóm du lịch thể thao, nhóm du lịch mạo hiểm và nhóm du lịch chuyên đề là các nhóm sản phẩm du lịch quan trọng nhất của Khu DTTN.

Khách du lịch mục tiêu là nhóm khách gia đình, học sinh, sinh viên, nhà nghiên cứu, nhóm khách ưa thể thao, mạo hiểm và có sức khỏe. Các sản phẩm du lịch được xây dựng trên nguyên tắc đảm bảo thân thiện với môi trường, không phá vỡ cảnh quan tự nhiên và gây tác động xấu đến các hệ sinh thái rừng. Các sản phẩm được tập trung khai thác và phát triển tại 3 cụm điểm du lịch của Khu DTTN, trong đó sẽ tập trung vào cụm điểm số 1 và số 2 trong giai đoạn từ 2024-2030.

Nhóm sản phẩm du lịch sinh thái

Sản phẩm DLST là sản phẩm chủ lực của Khu DTTN, tập trung khai thác các giá trị về cảnh quan tự nhiên và đa dạng sinh học gắn với diễn giải môi trường. Các sản phẩm được tập trung khai thác tại các điểm đến của Khu DTTN nhưng tập trung chủ yếu tại cụm du lịch Cầu Khỉ - Khe Nước Trong và cụm du lịch Bãi Đạn - Cổng Trời.

Nhóm sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng và chăm sóc sức khỏe

Sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng và chăm sóc sức khỏe được định hướng khai thác trọng tâm tại Điểm Bãi Đạn. Các sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng và chăm sóc sức khỏe, sẽ mang đến cho du khách một trải nghiệm toàn diện về thư giãn, phục hồi sức khỏe và kết nối với thiên nhiên và văn hóa địa phương.

Nhóm sản phẩm du lịch thể thao, mạo hiểm

Sản phẩm du lịch thể thao mạo hiểm tại Khu DTTN được định hướng bao gồm đạp xe, chạy marathon, đi bộ từ Cầu Khỉ đến Bãi Đạn và đài quan sát, khám phá khe Nước Trong, trải nghiệm chèo thuyền và tắm tại chót Dộp. Ngoài ra, du khách có thể chinh phục thác Cổng Trời, thác Tóc Tiên, thác Dương Cầm và lội suối tại khe Nước Trong, khe Bung, khe Vàng, khe Le, khe Đạn. Những hoạt động này sẽ mang lại cảm giác khác biệt và thú vị cho du khách ưa mạo hiểm và khám phá thiên nhiên.

Nhóm sản phẩm du lịch cộng đồng

Sản phẩm DLCĐ được định hướng khai thác tập trung tại bản Ho Rum, Trung Đoàn, Mít Cát, Hà Lọc và An Bai bao gồm tham quan và trải nghiệm văn hóa Bru Vân Kiều như học làm thủ công mỹ nghệ, tham gia các buổi biểu diễn nghệ thuật dân gian và thưởng thức ẩm thực địa phương. Du khách cũng có thể tham gia vào các hoạt động nông nghiệp cùng người dân, khám phá các nghi lễ truyền thống và tham quan các khu vực sản xuất địa phương. Các trải nghiệm giúp du khách hiểu sâu hơn về văn hóa và đời sống của cộng đồng địa phương, đồng thời thúc đẩy phát triển bền vững cho khu vực.

Nhóm sản phẩm hình du lịch bổ trợ

Sản phẩm du lịch bổ trợ được định hướng tập trung vào tổ chức hội nghị, hội thảo (MICE) với các phòng họp hiện đại, không gian ngoài trời rộng rãi cho các buổi thảo luận và hội nghị, kết hợp với các hoạt động team-building. Ngoài ra, du khách có thể tham gia vào các chuyến cắm trại và ăn uống dã ngoại tại các địa điểm đẹp như khu vực suối và thác nước, thưởng thức bữa ăn giữa thiên nhiên và tham gia vào các hoạt động nhóm.

Khu DTTN sẽ phát triển đa dạng các sản phẩm du lịch theo từng giai đoạn, nhằm thu hút du khách và thúc đẩy phát triển bền vững. Giai đoạn đầu, khu vực tập trung vào các sản phẩm DLST và du lịch thể thao mạo hiểm dựa trên các điều kiện có sẵn của khu. Giai đoạn tiếp theo, Khu DTTN tiếp tục phát triển các sản phẩm DLST, thể thao mạo hiểm mới và mở rộng các sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe, DLCĐ và các sản phẩm du lịch bổ trợ khác. Các sản phẩm được tập trung phát triển theo giai đoạn sẽ giúp nâng cao trải nghiệm cho du khách, thúc đẩy bảo tồn, phát triển bền vững và tối ưu hóa nguồn lực của Khu DTTN.

Bảng 9. Các sản phẩm du lịch Khu DTTN

TT	Địa điểm	Địa danh và phân khu	Sản phẩm du lịch	Loại hình	Thị trường khách mục tiêu	Giai đoạn phát triển
1	Trung tâm GDMT & DV	Khoảnh 92 và 84, tiểu khu 532 thuộc phân khu DVHC và PHST.	- Một ngày làm Kiểm Lâm - Trại hè rừng xanh/Lớn lên cùng đại ngàn - Tour thực tế ảo - Cắm trại và ăn uống dã ngoại	Du lịch sinh thái	Khách phổ thông (Học sinh, sinh viên, gia đình)	2024
			- Dấu chân Trường Sơn - Bánh xe Trường Sơn	Du lịch thể thao	Khách từ 8 - 65 tuổi, có sức khỏe	2026-2030
			Hội nghị, hội thảo (MICE)	Du lịch hỗ trợ	- Khách hàng doanh nghiệp - Chuyên gia và nhà quản lý - Đối tác kinh doanh và nhà đầu tư - Nhân viên và khách hàng quan trọng - Các tổ chức phi chính phủ và chính phủ.	
2	Khu trải nghiệm sinh thái Khe Nước Trong	Khoảnh 92, 96, 99 của tiểu khu 532; khoảnh 95 của tiểu khu 533; khoảnh	Một ngày làm Kiểm Lâm	Du lịch sinh thái	Khách phổ thông (Học sinh, sinh viên, gia đình)	2024

		103, 105, 108, 112, 113, 114 của tiểu khu 535; khoảnh 109, 109, 111, 112, 115 của tiểu khu 536 thuộc phân khu DVHC, PHST và BVNN.	- Trải nghiệm đa giác quan - Safari đêm - Safari ngày			2025
			- Trại hè rừng xanh/Lớn lên cùng đại ngàn - Cắm trại và ăn uống dã ngoại			2026-2030
			Trekking Đại Ngàn	Du lịch thể thao	Khách từ 12 - 65 tuổi, có sức khỏe	
3	Khu sinh thái Cổng Trời - Suối Tiên	Khoảnh 100, tiểu khu 534 thuộc phân khu DVHC và PHST.	- Nghỉ dưỡng sinh thái - Chăm sóc sức khỏe	Du lịch nghỉ dưỡng và chăm sóc sức khỏe	Khách cao cấp	2026-2030
		Khoảnh 83, 91, tiểu khu 533; khoảnh 80, 86, 93, 94, 100, tiểu khu 534 thuộc phân khu DVHC, PHST và BVNN.	- Trải nghiệm đa giác quan - Safari đêm - Safari ngày	Du lịch sinh thái	Khách phổ thông (Học sinh, sinh viên, gia đình)	2025
			- Trại hè rừng xanh/Lớn lên cùng đại ngàn - Nhìn sang nước bạn Lào/Động Châu trong mắt tôi/Miền biên viễn trong mơ - Cắm trại và ăn uống dã ngoại			
		Khoảnh 94, 100, tiểu khu 534 thuộc phân khu PHST.	- Ngon nước mào hiểm - Trekking Đại Ngàn - Trải nghiệm zipline, chinh phục thác cổng Trời	Du lịch thể thao, mào hiểm	Khách từ 12 - 65 tuổi, có sức khỏe	2026-2030

4	Điểm vui chơi giải trí sinh thái Rào Chân	Khoảnh 2, tiểu khu 525; khoảnh 1, 2, 3, tiểu khu 523; khoảnh 62, 69, 70, 78, tiểu khu 522 thuộc phân khu PHST.	• Một ngày làm Kiểm Lâm	Du lịch sinh thái	Khách phổ thông (Học sinh, sinh viên, gia đình)	2024
			• Trải nghiệm đa giác quan • Safari đêm • Safari ngày			2025
			• Trại hè rừng xanh/Lớn lên cùng đại ngàn • Cắm trại và ăn uống dã ngoại			2026-2030
			• Xuôi dòng Rào Chân • Trekking Đại Ngàn	Du lịch thể thao, mạo hiểm	Khách từ 12 - 65 tuổi, có sức khỏe	
5	Công viên sinh thái rừng Khe Đan	Khoảnh 61, 63, 69, 71, 77, tiểu khu 518 thuộc phân khu PHST.	• Trải nghiệm đa giác quan • Safari đêm • Safari ngày	Du lịch sinh thái		2025
			• Cắm trại và ăn uống dã ngoại			2026-2030
			• Trekking Đại Ngàn	Du lịch thể thao	Khách từ 12 - 65 tuổi, có sức khỏe	
6	Điểm trải nghiệm sinh thái được liệu Khe Cau	Khoảnh 106, 107, tiểu khu 490 thuộc phân khu PHST.	• Một ngày làm Kiểm Lâm	Du lịch sinh thái	Khách phổ thông (Học sinh, sinh viên, gia đình)	2024
			• Trải nghiệm đa giác quan			2025
			• Cắm trại và ăn uống dã ngoại			2026-2030
			• Trekking Đại Ngàn	Du lịch thể thao	Khách từ 12 - 65 tuổi, có sức khỏe	
7	Ho Rum, Trung Đoàn, Mít Cát, Hà Lặc, An Bai	Ho Rum, Trung Đoàn, Mít Cát, Hà Lặc, An Bai	• Trải nghiệm không gian văn hóa Bru Vân Kiều	• Du lịch cộng đồng • Du lịch văn hoá - lịch sử • Du lịch sáng tạo	Khách phổ thông	2026-2030

Các sản phẩm du lịch đều được khai thác và phát triển trên diện tích rừng tự nhiên và rừng đặc dụng. Chi tiết thuyết minh các sản phẩm du lịch được trình bày tại Phụ lục 4.

3.2.6 Định hướng phát triển kết cấu hạ tầng du lịch

Giai đoạn 2024-2025

Khu DTTN sẽ tận dụng các nguồn lực và cơ sở hạ tầng đã có để phát triển DLST như: Trạm BVR Cầu Khỉ, Bãi Đạn, Hà Lạc, Khe Cau... để phát triển du lịch. Đồng thời, đầu tư xây dựng mới CSHT, CSVCKT phục vụ du lịch như:

- Đầu tư phát triển Trung tâm GDMT & DV cung ứng dịch vụ du lịch, giáo dục diễn giải môi trường, hội nghị hội thảo, trải nghiệm bảo tàng, vườn thực vật.
- Nâng cấp Trạm BVR Cầu Khỉ, Bãi Đạn, Hà Lạc, Khe Cau và chốt Dộp kết hợp phát triển thành điểm dừng chân, chia sẻ thông tin cho khách.
- Lắp đặt hệ thống bản biển chỉ dẫn, biển tên cây, biển giới thiệu các loài động, thực vật đặc trưng dọc tuyến đường tuần tra bảo vệ rừng dài 3,3km từ Cầu Khỉ đi khe Nước Trong.

Giai đoạn 2026-2030

Khu DTTN sẽ hoàn thiện cơ bản các hạng mục đầu tư theo bản thuyết minh các điểm du lịch, điểm tham quan trong KBT trong đó bao gồm:

- Quy hoạch phát triển Khu trải nghiệm sinh thái Khe Nước Trong.
- Quy hoạch phát triển Khu sinh thái Cổng Trời - Suối Tiên.
- Quy hoạch phát triển Điểm vui chơi giải trí sinh thái Rào Chân.
- Quy hoạch phát triển Công viên sinh thái rừng Khe Đạn.
- Quy hoạch phát triển Điểm trải nghiệm sinh thái dược liệu Khe Cau.
- Tiếp tục nâng cấp, cải tạo một số chốt, trạm BVR kết hợp thành các điểm dừng chân cho du khách. Đối với các điểm có công trình xây dựng trên đất rừng sẽ được đầu tư như thuyết minh điểm du lịch theo định hướng gần gũi với thiên nhiên và tuân thủ theo các quy định của Luật lâm nghiệp và Nghị định số 156/2018/NĐ-CP.
- Liên kết hợp tác, kêu gọi đầu tư xã hội hóa, cho thuê MTR để nâng cấp và xây dựng các công trình du lịch tại các điểm du lịch, điểm tham quan được quy hoạch.

3.2.7 Định hướng xúc tiến, quảng bá du lịch

Hoạt động xúc tiến quảng bá DLST trong Khu DTTN được xác định theo định hướng hướng chậm - chắc, làm được đến đâu quảng bá đến đó và xác định từng đối tượng khách hàng để truyền tải thông điệp. Vì vậy, trong giai đoạn tới việc đầu tiên sẽ được thực hiện chính là xây dựng và thiết kế website, fanpage, các tài khoản mạng xã hội Facebook, Zalo, Instagram, Tiktok, Twitter của Khu DTTN và trung tâm DLST trong đó nhấn mạnh các hoạt động về DLST và các sản phẩm du lịch đi kèm. Trong quá trình thực hiện xúc tiến, quảng bá, cần xác định rõ thị trường mục tiêu, đối tượng khách hàng mà khu dự trữ hướng tới. Trong đó tập trung phát triển đa dạng các thị trường bao gồm thị trường khách du lịch trong nước và quốc tế. Mỗi đối tượng khách du lịch có nhu cầu trải nghiệm sinh thái và khả năng chi trả khác nhau.

Thị trường khách nội địa

Đối tượng khách du lịch trong độ tuổi từ 12 đến 40 tuổi, sống tại khu vực đô thị, đi du lịch theo gia đình, cặp đôi hoặc theo nhóm có sở thích khám phá thiên nhiên kết hợp nghỉ dưỡng; đi du

lich vào dịp nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ. Đối tượng khách du lịch tiềm năng và cần đẩy mạnh khai thác là khách du lịch đến từ các đô thị, các cơ sở đào tạo, cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

Đối tượng trên 40 tuổi: Thường đi du lịch theo nhóm, có sở thích chụp ảnh check-in, nghỉ dưỡng và chăm sóc sức khỏe.

Đối tượng học sinh, sinh viên: thường kết hợp với các chương trình tham quan, giáo dục trải nghiệm của trường, có xu hướng sử dụng các dịch vụ diễn giải, vui chơi giải trí.

Thị trường khách quốc tế

Khách đến từ các thị trường Châu Âu (Đức, Pháp), Châu Á (Hàn Quốc, Đài Loan, Nhật Bản, Trung Quốc, Ấn Độ), Châu Úc (Úc, New Zealand), Đông Nam Á (Campuchia, Thái Lan, Singapore).

Khách từ 40 tuổi trở xuống: Có sở thích khám phá và nghiên cứu thiên nhiên, văn hóa dân tộc thiểu số; đi theo nhóm nhỏ, kết hợp đi du lịch dài ngày khám phá Việt Nam (xuyên Việt).

Khách trên 41 tuổi: Có sở thích nghỉ ngơi tại không gian trong lành, tham quan thiên nhiên, trải nghiệm văn hóa; có xu hướng du lịch cùng gia đình trong dịp lễ, nghỉ đông.

Nhằm thúc đẩy công tác xúc tiến quảng bá du lịch hiệu quả trong giai đoạn tới, Khu DTTN cần tổ chức các hội thảo chuyên đề về DLST để mời lãnh đạo UBND huyện Lệ Thủy, sở du lịch, các công ty du lịch, đơn vị lữ hành, cộng đồng, các chuyên gia du lịch cùng tham gia với mục đích góp ý trực tiếp các hoạt động du lịch, các sản phẩm du lịch, các tuyến du lịch. Qua hội thảo, hội nghị chuyên đề cũng là cơ hội để các sở, ngành, công ty biết đến hoạt động du lịch của Khu DTTN và tạo ra cơ hội kết nối để quảng bá hoạt động du lịch, phối hợp tổ chức các chương trình trải nghiệm cho du khách.

3.2.8 Định hướng quản lý, khai thác và giám sát hoạt động du lịch

Để khai thác hoạt động du lịch hiệu quả, Khu DTTN sẽ tổ chức đồng bộ 3 hình thức quản lý, khai thác và giám sát hoạt động du lịch gồm: (i) Tự thực hiện; (ii) Hợp tác, liên kết; (iii) cho thuê MTR.

Về hình thức tự thực hiện: Khu DTTN chủ động quản lý các nguồn lực để triển khai và giám sát hoạt động du lịch tại hầu hết các điểm tham quan, điểm du lịch trong Khu DTTN bên cạnh hình thức hợp tác, liên kết và cho thuê MTR. Khu DTTN sẽ tự tổ chức bán vé tham quan cho tất cả khách du lịch vào Khu DTTN theo quy định. Ngoài ra, Khu DTTN chủ động phát triển các dịch vụ thuyết minh viên tại điểm; dịch vụ hướng dẫn, giám sát, thu mẫu của các đoàn trong nghiên cứu khoa học; dịch vụ bảo tồn, phát triển các giống loài sinh vật theo quy định; các dịch vụ du lịch cơ bản như dịch vụ lưu trú, cắm trại; dịch vụ ăn uống, nghỉ dưỡng, giải trí... ở các địa điểm có các công trình (được đầu tư hoặc nâng cấp, sửa chữa từ nguồn vốn Nhà nước hoặc nguồn tự có). Trường hợp Khu DTTN có nhu cầu đầu tư các hạng mục xây mới thì cần phải lập dự án tự tổ chức DLST trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để thực hiện. Ngoài ra, Khu DTTN có trách nhiệm xây dựng các sản phẩm du lịch, dịch vụ, các Tour tuyến trọn gói để tự tổ chức nhằm đa dạng hóa các sản phẩm, dịch vụ.

Ngoài các đầu tư về cơ sở hạ tầng, Khu DTTN sẽ đầu tư các hoạt động nhằm nâng cao chất lượng DLST, xúc tiến quảng bá du lịch, nghiên cứu phát triển các sản phẩm phù hợp, tăng cường năng lực cho đội ngũ cán bộ thực hiện DLST, nghỉ dưỡng, giải trí của Khu DTTN, cải thiện, kiện toàn các qui trình và công tác quản lý, hướng tới ứng dụng các kiến thức, công nghệ, thực hành mới thể hiện thông qua các chứng nhận về quản lý ISO 9000 và ISO 14001, tăng cường hợp tác với các công ty du lịch, lữ hành, các nhà đầu tư và điều phối giữa các

đơn vị liên kết, thuê MTR kinh doanh DLST, nghỉ dưỡng, giải trí thuộc diện tích của Khu DTTN, tăng cường hợp tác và hỗ trợ năng lực từ các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội dân sự hoạt động trong lĩnh vực du lịch, phát triển cộng đồng, các trường, viện và các đơn vị hỗ trợ chuyên gia.

Về hình thức hợp tác, liên kết: Thực hiện các dự án hợp tác, liên kết với các cá nhân, công ty, tổ chức, cộng đồng du lịch trên phạm vi cả nước để đa dạng hóa nguồn tài chính cũng như các sản phẩm du lịch. Với hình thức này, Khu DTTN có cơ hội huy động các nguồn lực tư nhân để xây dựng CSHT, CSVCKT, từ đó mở rộng thị trường khách du lịch và tăng cường quảng bá hình ảnh. Các điểm tham quan có thể liên danh, liên kết thực hiện du lịch nằm trong phân khu PHST và phân khu DVHC. Khu DTTN sẽ chủ động hợp tác, liên kết với các đơn vị tổ chức các Tour, tuyến trọn gói. Trong trường hợp phát triển các sản phẩm du lịch, dịch vụ DLST, nghỉ dưỡng, giải trí tại các điểm, tuyến du lịch được quy hoạch theo Đề án mà cần có sự đầu tư xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng các cơ sở hạ tầng hiện có với sự tham gia hợp tác, liên kết đầu tư với các cá nhân, tổ chức thì Khu DTTN phải phối hợp lập thành dự án hợp tác, liên kết để trình cấp trên thẩm định/phê duyệt để thực hiện. Các loại hình có thể hợp tác, liên kết để tăng tính chuyên nghiệp và chất lượng sản phẩm, dịch vụ như: dịch vụ vận chuyển nội tuyến; dịch vụ ăn uống, nghỉ dưỡng, giải trí (zipline, tắm suối, cắm trại,...), các mô hình trải nghiệm bảo tồn, phát triển các sản phẩm đặc trưng của Khu DTTN, ... tại các khu vực, hạ tầng được quy hoạch phát triển DLST, nghỉ dưỡng, giải trí theo Đề án được duyệt.

Về hình thức cho thuê MTR: Đây là hình thức đang được nhiều VQG, KBT trên cả nước áp dụng nhằm tạo ra nguồn thu bền vững cũng như lựa chọn được các nhà đầu tư tiềm năng để cho thuê MTR lâu dài. Trong Khu DTTN một số Điểm DLST cũng được định hướng khai thác và phát triển theo hướng cho thuê MTR. Khu DTTN sẽ thực hiện cho thuê môi trường rừng đối với một hoặc nhiều vị trí mà nhà đầu tư quan tâm để phát triển dịch vụ du lịch sinh thái theo quy định của pháp luật. Việc xây dựng mới các công trình phục vụ DLST, nghỉ dưỡng, giải trí phải tuân thủ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP và Nghị định số 91/2024/NĐ-CP. Trong đó:

- Trong phân khu BVNN, các tuyến đường tuần tra bảo vệ rừng có thể kết hợp tổ chức tham quan du lịch sinh thái và giáo dục môi trường rừng. Việc này bao gồm tận dụng các tuyến đường mòn, xây dựng các trụ đỡ của đường cáp trên không, đường cáp ngầm dưới mặt đất, trạm quan sát cảnh quan, lều trú chân, cầu dành cho người đi bộ và biển chỉ dẫn bảo vệ rừng kết hợp du lịch sinh thái.
- Trong phân khu PHST, được phép lập các tuyến đường bộ phù hợp nhưng tối đa không vượt quá quy mô đường ô tô cấp IV miền núi. Các công trình như trạm quan sát cảnh quan, lều trú chân, biển chỉ dẫn, các trụ đỡ của đường cáp trên không, đường cáp ngầm dưới mặt đất và cầu dành cho người đi bộ có thể được xây dựng. Công trình nghỉ dưỡng, lưu trú phải sử dụng vật liệu lắp ghép, dễ tháo dỡ và không tác động tiêu cực đến sinh trưởng và phát triển của cây rừng. Quy mô, vật liệu, chiều cao và mật độ các công trình phải được xác định trong đề án du lịch sinh thái đã được thẩm định và phê duyệt, với tổng diện tích công trình không vượt quá 2% diện tích hợp đồng hợp tác hoặc cho thuê môi trường rừng. Nếu vượt quá, UBND cấp tỉnh có thể gửi đề nghị tới Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét và chấp thuận.
- Trong phân khu DVHC, được phép xây dựng các công trình phục vụ du lịch sinh thái trên trảng cỏ, đất có cây bụi hoặc nơi đất trống. Các công trình nghỉ dưỡng, lưu trú dưới tán rừng hoặc nổi trên mặt nước phải đảm bảo không tác động tiêu cực đến cây rừng và phải hài hòa với cảnh quan thiên nhiên. Quy mô, vật liệu, chiều cao và mật độ các công trình phải được xác định trong đề án du lịch sinh thái đã được thẩm định và phê duyệt, với tổng

diện tích công trình không vượt quá 5% diện tích hợp đồng hợp tác hoặc cho thuê môi trường rừng.

Kế hoạch các điểm cho thuê MTR phát triển du lịch của Khu DTTN cụ thể:

- Trung tâm GDMT & DV, quy mô 21 ha.
- Khu trải nghiệm sinh thái Khe Nước Trong, quy mô 506,67 ha
- Khu sinh thái Cổng Trời - Suối Tiên, quy mô 225,43 ha
- Công viên sinh thái rừng Khe Đan, quy mô 138,84 ha
- Điểm vui chơi giải trí sinh thái Rào Chân, quy mô 58,58 ha
- Điểm trải nghiệm sinh thái được liệu Khe Cau, quy mô 18,12 ha

Khu DTTN sẽ thực hiện cho thuê môi trường rừng đối với một hoặc nhiều vị trí mà nhà đầu tư quan tâm để phát triển dịch vụ du lịch sinh thái theo quy định của pháp luật. Việc xây dựng mới các công trình phục vụ DLST phải tuân thủ quy định theo nghị định số 156/2018/NĐ-CP và Nghị định số 91/2024/NĐ-CP.

Khu DTTN căn cứ hồ sơ đăng ký của tổ chức, cá nhân, tổ chức đánh giá để lựa chọn tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng bảo đảm theo tiêu chí của hồ sơ kỹ thuật và chịu trách nhiệm về việc lựa chọn của mình. Trường hợp chỉ có một tổ chức, cá nhân đủ điều kiện, chủ rừng tiến hành đàm phán, ký hợp đồng cho thuê môi trường rừng, bảo đảm giá thuê môi trường rừng không thấp hơn 1% tổng doanh thu thực hiện trong năm, thuộc phạm vi diện tích cho thuê môi trường rừng. Trường hợp có hai tổ chức, cá nhân trở lên đủ điều kiện thì chủ rừng lựa chọn tổ chức, cá nhân có số điểm đánh giá hồ sơ cao nhất; trong đó, yếu tố giá là một tiêu chí trong hồ sơ kỹ thuật, bảo đảm không thấp hơn 1% tổng doanh thu thực hiện trong năm, thuộc phạm vi diện tích cho thuê môi trường rừng.

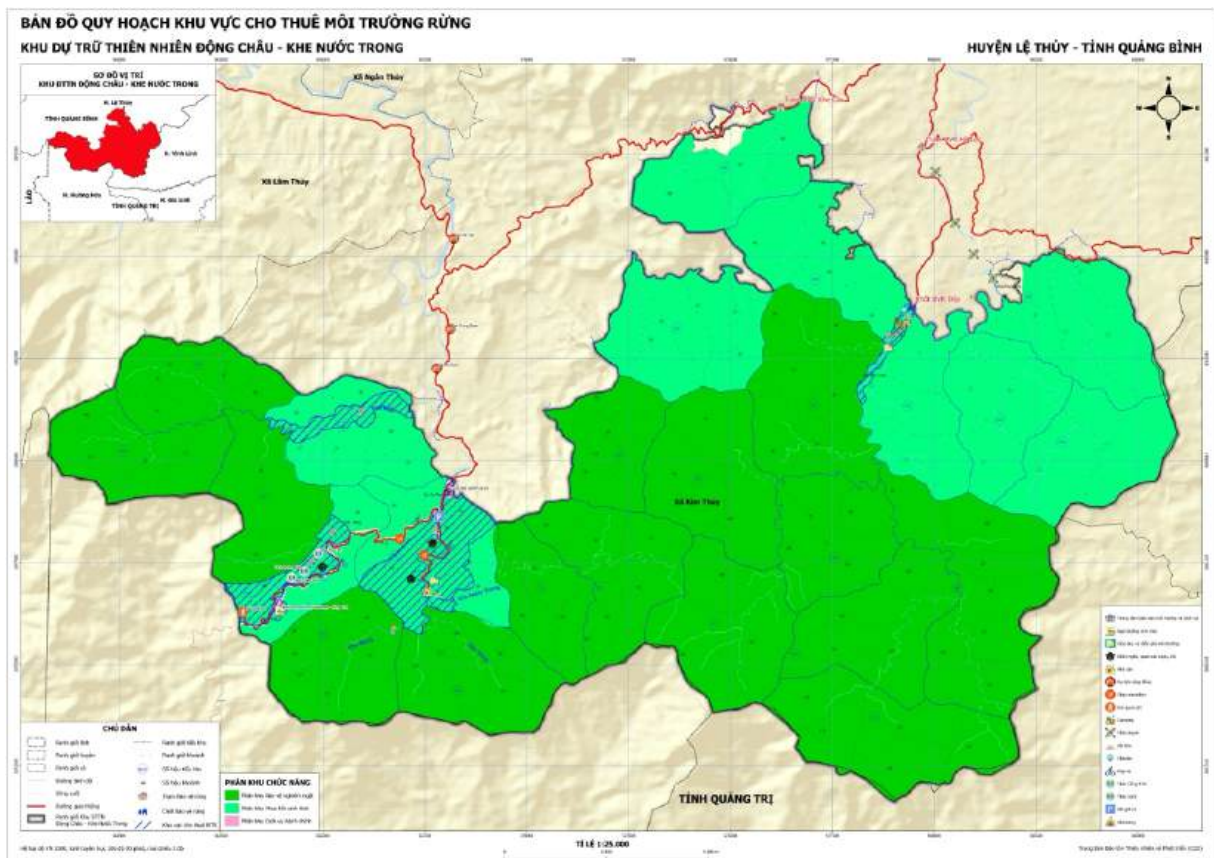
Giá cho thuê môi trường rừng trong hồ sơ đăng ký của tổ chức, cá nhân được tính theo tỷ lệ phần trăm trên tổng doanh thu và phải quy ra giá trị tuyệt đối để chủ rừng đánh giá, được ghi rõ trong hợp đồng cho thuê môi trường rừng. Trường hợp sau khi ký hợp đồng, tỷ lệ phần trăm trên tổng doanh thu theo thực tế được quy ra giá trị tuyệt đối thấp hơn mức giá trị tuyệt đối ghi trong hợp đồng ký kết thì số tiền tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng nộp cho chủ rừng tối thiểu bằng số tiền ghi trong hợp đồng.

Thời gian thuê môi trường rừng không quá 30 năm, định kỳ 05 năm đánh giá việc thực hiện hợp đồng, hết thời gian cho thuê nếu bên thuê thực hiện đúng hợp đồng và có nhu cầu gia hạn thì chủ rừng xem xét kéo dài thời gian cho thuê không quá hai phần ba thời gian thuê lần đầu.

Trước khi ký hợp đồng cho thuê môi trường rừng theo mẫu tại Phụ lục IA kèm theo Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/07/2024, chủ rừng phải thực hiện kiểm kê, thống kê hiện trạng rừng theo trạng thái trên diện tích cho thuê môi trường rừng để làm căn cứ bàn giao mốc giới, hiện trạng và quản lý, giám sát, đánh giá việc thực hiện hợp đồng. Bên thuê phải lập phương án và kế hoạch thực hiện để trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Trong phương án phải bao gồm bản vẽ tổng mặt bằng các tuyến, điểm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí, tổ chức không gian kiến trúc và hạ tầng du lịch của khu rừng đặc dụng tỷ lệ 1/10.000 hoặc 1/25.000: xác định chỉ tiêu sử dụng mặt bằng xây dựng, chiều cao công trình đối với từng tuyến, điểm; vị trí, quy mô các công trình ngầm; các yêu cầu khác bảo đảm khai thác, quản lý rừng bền vững (nếu có); Bản đồ tỷ lệ 1/10.000 hoặc 1/25.000 theo hệ quy chiếu VN2000 và thuyết minh về định hướng hệ thống hạ tầng kỹ thuật: khu vực dự kiến điểm đầu nối và mạng lưới giao thông; đường cáp trên không gồm tuyến cáp, nhà ga và trụ đỡ; hệ thống đầu nối và khả năng cấp điện, cấp nước, thoát nước, thông tin liên lạc, phòng cháy, chữa cháy.

Phương án xử lý một số hạ tầng có sẵn ở khu vực du lịch: Đối với một số hạ tầng sẵn có của Khu DTTN, nếu không có đủ nguồn kinh phí để đầu tư nâng cấp, sửa chữa thì Khu DTTN cần lập Phương án thanh lý hoặc Phương án sử dụng tài sản công để cho thuê hoặc liên kết để trình cấp trên phê duyệt, thực hiện. Trong trường hợp này, doanh nghiệp đủ điều kiện ký hợp đồng thuê hoặc hợp tác, liên kết cần lập phương án xử lý tài sản này (phá dỡ hoàn toàn hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng) trong Dự án hợp tác, liên kết với Khu DTTN để trình cấp trên thẩm định, phê duyệt thực hiện.

Trong thời gian tới, các khu, điểm du lịch đề xuất tại Khu DTTN Động Châu - Khe Nước Trong (Trung GDMT & DV; Khu trải nghiệm sinh thái Khe Nước Trong; Khu sinh thái Cổng Trời - Suối Tiên; Điểm vui chơi giải trí sinh thái Rào Chân; Công viên sinh thái rừng Khe Đan; Điểm trải nghiệm sinh thái được liệu Khe Cau) sẽ tổ chức khai thác phục vụ khách du lịch theo phương thức Tự tổ chức; hợp tác, liên kết và cho thuê MTR.



Bản đồ 4. Vị trí cho thuê môi trường rừng Khu Dự trữ thiên nhiên Động Châu - Khe Nước Trong

Tuy nhiên dựa trên hiện trạng nguồn lực du lịch của Khu DTTN, hình thức tự thực hiện dựa trên nguồn lực nội tại của đơn vị chưa phải là thế mạnh. Vì vậy để phát triển du lịch trong Khu DTTN một cách hiệu quả, cần đẩy mạnh hai phương án hợp tác, liên kết và cho thuê MTR.

Với chức năng và nguồn lực của Khu DTTN, hoạt động cho thuê MTR và hợp tác, liên kết để phát triển du lịch tại các cụm du lịch là phương án tối ưu nhất. Khu DTTN có thể phối hợp với các công ty du lịch chuyên nghiệp để thực hiện các hoạt động phát triển và khai thác du lịch. Phương án cho thuê MTR sẽ giúp Khu DTTN tận dụng được các nguồn lực từ khối tư nhân và giảm thiểu gánh nặng về đầu tư quản lý và rủi ro trong kinh doanh. Hai phương thức này trước mắt giúp Khu DTTN giảm thiểu được nhân sự, chi phí và nguồn lực cho hoạt động du lịch, có thể dành thời gian để tập trung vào lĩnh vực chuyên môn chính là quản lý và bảo vệ tài nguyên rừng, kiểm tra và giám sát thường xuyên hoạt động của đối tác thuê MTR để phát

triển du lịch nhằm đảm bảo các chủ đầu tư thực hiện đúng các quy hoạch, kế hoạch đã được phê duyệt. Hoạt động kiểm tra giám sát góp phần giảm thiểu các tác động tiêu cực từ hoạt động du lịch tới đa dạng sinh học trong Khu DTTN.

3.3 MỤC TIÊU VÀ CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN

3.3.1 Mục tiêu

Mục tiêu cụ thể

Phát triển DLST tại Khu DTTN như một mô hình du lịch kiểu mẫu, chuyên nghiệp có tính bền vững và trách nhiệm. Nguồn thu từ du lịch sẽ góp phần từng bước tự chủ một phần kinh phí chi thường xuyên cho công tác quản lý BVR và bảo tồn quả đa dạng sinh học.

Mục tiêu cụ thể

Xác định được hiện trạng tài nguyên du lịch tự nhiên và văn hoá để quy hoạch phát triển các loại hình, sản phẩm du lịch phù hợp với Khu DTTN.

Quy hoạch được các cụm, điểm du lịch có giá trị chiến lược cho việc phát triển du lịch bền vững và trách nhiệm cho Khu DTTN.

Quy hoạch và thúc đẩy các hoạt động DLCĐ ở vùng đệm, thu hút được lao động địa phương tham gia các hoạt động du lịch, qua đó nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, bảo vệ đa dạng sinh học.

Đưa ra được các định hướng, giải pháp phát triển và thu hút đầu tư, liên kết, hợp tác trong phát triển du lịch trong Khu DTTN.

Đưa ra lộ trình phát triển và giải pháp thực hiện các hoạt động du lịch trong Khu DTTN.

3.3.2 Các chỉ tiêu phát triển

Đến năm 2025

Đến năm 2025 số lượt khách du lịch đến với Khu DTTN đạt 2.000 lượt (khách quốc tế tối thiểu chiếm 10%, khách nội địa 90%). Tỷ lệ số lượt khách nghỉ qua đêm đạt 15% tổng số, tương đương khoảng 300 lượt²²; tổng thu từ hoạt động DLST đạt trên 1 tỷ đồng/năm²³; trong đó nguồn thu từ cho thuê MTR hàng năm đạt ít nhất 100 triệu đồng.

Thu hút được ít nhất 02 nhà đầu tư để hợp tác, liên kết và thuê MTR để phát triển du lịch tại cụm du lịch số 1 và 2 trong Khu DTTN. Đưa vào khai thác vận hành Trung Tâm du khách, tuyến du lịch Khe nước Trong, điểm nghỉ dưỡng sinh thái Bãi Đạn, thác Tóc Tiên, thác Cổng Trời, thác Dương Cầm và nghiên cứu triển khai các hoạt động du lịch tại khu vực chốt Dộp.

Khai thác hiệu quả 03 sản phẩm du lịch gồm: Một ngày làm kiểm lâm; Trải nghiệm đa giác quan; Ngọn nước mạo hiểm và tạo việc làm cho trên 100 người (kể cả trực tiếp và gián tiếp).

Kết nối hoạt động du lịch sinh thái Khu DTTN với các điểm du lịch phụ cận và các cộng đồng người Bru Vân Kiều trên địa bàn huyện Lệ Thủy nhằm tạo thành các sản phẩm, tuyến du lịch

²² Lượng khách đề xuất căn cứ vào nhu cầu khai thác du lịch của Khu DTTN và công suất tối đa các dự án, loại hình, sản phẩm du lịch được vận hành và khai thác đến năm 2025

²³ Đây là doanh thu dự kiến tối thiểu của Khu DTTN, không bao gồm thu nhập của các cá nhân, đơn vị từ hoạt động du lịch.

bổ trợ cho du khách cũng như tăng nguồn thu cho cộng đồng địa phương nhằm giảm áp lực lên rừng.

Đến năm 2030

Đến năm 2030 số lượt khách du lịch đến Khu DTTN đạt 10.000 lượt khách (khách quốc tế chiếm 20%, khách nội địa 80%). Tỷ lệ số lượt khách nghỉ qua đêm chiếm hơn 30%, tương đương với khoảng 3.000 lượt²⁴; tổng thu từ hoạt động DLST 10 tỉ đồng²⁵, trong đó nguồn thu từ cho thuê MTR hàng năm đạt ít nhất 200 triệu đồng.

Hoàn thiện và vận hành hiệu quả Trung tâm GDMT & DV và toàn bộ các tuyến, điểm khai thác du lịch tại cụm số 1, cụm số 2, cụm số 3 trong Khu DTTN. Trong đó, khai thác hiệu quả tuyến du lịch khe Nước Trong, tuyến du lịch Chốt Dộp, điểm nghỉ dưỡng sinh thái Bãi Đạn và các thác, khe gắn với tuyến đường mòn Hồ Chí Minh Tây.

Kêu gọi được ít nhất 03 nhà đầu tư để hợp tác, liên kết và thuê MTR để phát triển du lịch Khu DTTN Động Châu - Khe Nước Trong; tạo công ăn việc làm cho khoảng 200 lao động địa phương (cả trực tiếp và gián tiếp).

Hợp tác, liên kết và hỗ trợ cộng đồng vùng đệm xã Kim Thủy và phát triển hoạt động DLST, du lịch cộng đồng và du lịch nông nghiệp góp phần xóa đói giảm nghèo và giảm tải sức ép đến tài nguyên rừng của Khu DTTN. Hỗ trợ tổ chức hiệu quả các khóa tập huấn nâng cao năng lực về kỹ năng DLCĐ, kỹ năng hướng dẫn du lịch và kỹ năng quảng bá xúc tiến du lịch cho các cộng đồng, doanh nghiệp du lịch.

Phấn đấu đến năm 2030, Khu DTTN Động Châu - Khe Nước Trong là trung tâm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng khu vực phía Nam của tỉnh, là hạt nhân quan trọng trong việc xây dựng khu du lịch cấp tỉnh đối với khu vực các xã phía Tây huyện Lệ Thủy, có tính chuyên nghiệp, có cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch đồng bộ, hiện đại; sản phẩm du lịch đa dạng, đặc trưng, chất lượng cao; kết nối hiệu quả với các điểm du lịch phụ cận trong và ngoài tỉnh Quảng Bình.

Doanh thu từ hoạt động du lịch từng bước góp phần tự chủ một phần kinh phí chi thường xuyên ngân sách Nhà nước đầu tư cho Khu DTTN Động Châu - Khe Nước Trong.

3.4 ĐÁNH GIÁ CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI, NGHỈ DƯỠNG, GIẢI TRÍ GIAI ĐOẠN 2024 - 2030

3.4.1 Từ chính sách

Du lịch được coi là một hoạt động phát triển trọng tâm của Quốc gia và được nhà nước quan tâm và thúc đẩy. Trong đó, Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/1/2017 của Bộ Chính trị “Về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn”, đây là Nghị quyết có ý nghĩa lịch sử đối với sự nghiệp phát triển du lịch Việt Nam. Căn cứ vào Nghị quyết đó, Quốc hội đã cụ thể hóa thông qua việc ban hành Luật Du lịch (2017) có hiệu lực từ ngày 01/01/2018, là cơ sở vững chắc để các địa phương thực hiện phát triển du lịch một cách đồng bộ và nhất quán.

Đối với tỉnh Quảng Bình, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh khóa XVII, nhiệm kỳ 2020-2025 xác định du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn, là một trong những điểm tạo đột phá trong phát triển kinh tế-xã hội tỉnh giai đoạn 2020-2025 và những năm tiếp theo. Quảng Bình hướng đến mục tiêu phát triển du lịch với phương châm “Liên kết chặt chẽ - Phối hợp nhịp nhàng - Hợp tác

²⁴ Lượng khách đề xuất đến năm 2030 sẽ tăng lên 250% so với năm 2025 do Khu DTTN đưa vào khai thác tất cả các tuyến, điểm du lịch.

²⁵ Đây là doanh thu dự kiến tối thiểu của Khu DTTN, không bao gồm thu nhập của các cá nhân và cơ quan từ hoạt động du lịch.

sâu rộng - Bao trùm toàn diện - Hiệu quả bền vững”. Đồng thời, huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức của các cấp, các ngành và toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và các tầng lớp Nhân dân đối với công tác phát triển du lịch.

Có thể thấy, với những chủ trương thuận lợi mà tỉnh Quảng Bình đã đề ra đối với ngành du lịch, cũng như tinh thần chủ động của chính quyền địa phương, việc phát triển du lịch trong Khu DTTN sẽ thuận lợi và gặt hái nhiều thành công.

3.4.2 Từ cộng đồng và các công ty du lịch

Hoạt động của cộng đồng và các công ty du lịch đối với Khu DTTN đã và đang tạo ra những tác động tích cực, góp phần thúc đẩy sự phát triển DLST, nghỉ dưỡng và giải trí trong giai đoạn 2024 - 2030. Trước hết, sự tham gia của cộng đồng bản Ho Rum là một minh chứng rõ ràng. Với sự hỗ trợ của Tổ chức Helvetas Việt Nam và Công ty TNHH Netin, cộng đồng đã được trang bị kiến thức và kỹ năng cần thiết để phát triển du lịch. Việc này không chỉ cải thiện đời sống kinh tế của người dân địa phương mà còn giúp bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, tạo nên những sản phẩm du lịch độc đáo và hấp dẫn. Sự vận hành của các homestay tại bản Ho Rum, cùng các dịch vụ du lịch mang đậm bản sắc dân tộc Bru - Vân Kiều như ẩm thực, ngâm chân thảo dược, tắm suối, bắt cá suối, làm bánh Ayoh, không chỉ thu hút du khách mà còn góp phần giữ gìn các giá trị văn hóa đặc trưng.

Đồng thời, các công ty du lịch đã tích cực tham gia vào việc khai thác và phát triển các điểm đến trong khu DTTN. Sự liên kết giữa Ban Quản lý Khu DTTN với các công ty như Công ty TNHH Netin và Công ty TNHH Thương mại và Du lịch HS đã tạo nên những sản phẩm du lịch phong phú, từ Khe Nước Trong, suối Tiên, thác Tóc Tiên, Thác Cổng Trời đến Bãi Đạn. Các hoạt động này không chỉ giúp khai thác tiềm năng du lịch của khu vực mà còn tạo thêm nhiều cơ hội việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân địa phương.

Trong giai đoạn 2024 - 2030, với sự tham gia tích cực của cộng đồng và các công ty du lịch, khu DTTN dự báo sẽ trở thành một điểm đến DLST hấp dẫn. Tuy nhiên, để đạt được hiệu quả tối đa, cần tiếp tục đầu tư vào CSHT, cải thiện hệ thống giao thông nội khu, và mở rộng các dịch vụ du lịch. Đồng thời, việc đào tạo nguồn nhân lực du lịch chuyên nghiệp, tăng cường quảng bá và xúc tiến du lịch là những yếu tố quan trọng.

3.4.3 Từ nội tại Ban Quản lý

Ban Quản lý khu DTTN đã cho thấy sự nỗ lực và cam kết mạnh mẽ trong việc bảo vệ và phát triển rừng, thể hiện qua việc xử lý nghiêm các vi phạm về khai thác gỗ và phòng cháy, chữa cháy rừng. Điều này dự báo sẽ gia tăng sự tin tưởng của du khách vào sự an toàn và tính bền vững của khu vực.

Tuy nhiên, BQL cũng đối mặt với nhiều thách thức nội tại cần khắc phục để phát triển du lịch hiệu quả hơn trong tương lai. Thiếu hụt nguồn nhân lực chuyên môn về du lịch, CSHT còn hạn chế và chưa có các dịch vụ tiện ích cần thiết là những yếu tố cần cải thiện. Việc đào tạo nhân lực, nâng cấp hạ tầng giao thông và cơ sở vật chất, cùng với việc tăng cường công tác truyền thông quảng bá là những nhiệm vụ cấp bách.

Dự báo trong giai đoạn 2024 - 2030, nếu Ban Quản lý Khu DTTN tiếp tục phát huy những điểm mạnh hiện có, đồng thời khắc phục được những hạn chế nội tại, khu vực này sẽ trở thành một điểm đến DLST hấp dẫn, góp phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Bình.

3.4.4 Từ các yếu tố khác

Có nhiều yếu tố có thể ảnh hưởng tới việc phát triển DLST, nghỉ dưỡng, giải trí tại Khu DTTN giai đoạn 2024 - 2030, như môi trường, đa dạng sinh học, dịch bệnh, và biến đổi khí hậu. Trong bối cảnh này, Việt Nam cũng như các nước trên thế giới đang dần thích ứng với đại dịch COVID-19 và bắt đầu có những chuyển đổi trong giai đoạn bình thường mới. Do đó, dự báo giai đoạn sau sẽ là giai đoạn phục hồi và phát triển của hoạt động du lịch.

Tuy nhiên, biến đổi khí hậu trong những năm gần đây diễn ra bất thường và có thể tác động đến sự phát triển DLST tại Khu DTTN thông qua các hiện tượng như nhiệt độ tăng, lượng mưa biến đổi thất thường và sự thay đổi của các mùa. Những thay đổi này có thể ảnh hưởng đến hệ sinh thái tự nhiên, làm giảm sức hấp dẫn của điểm đến đối với du khách. Biến đổi khí hậu đang thay đổi mùa vụ du lịch, tăng nguy cơ cháy rừng và lũ lụt, ảnh hưởng đến các hoạt động du lịch. Để đảm bảo an toàn cho du khách và bảo vệ môi trường, việc thiết lập các kế hoạch ứng phó với lũ lụt và hạn chế khai thác du lịch vào mùa mưa là cần thiết. Các chương trình giáo dục môi trường cho du khách về tác động của biến đổi khí hậu cần được phát triển, cùng với việc triển khai các giải pháp công nghệ cao như dự báo thời tiết chính xác và hệ thống cảnh báo sớm.

Tác động đến cảnh quan và đa dạng sinh học

Xâm lấn đất rừng: Các dự án phát triển du lịch thường yêu cầu không gian lớn cho cơ sở hạ tầng như khách sạn, đường mòn và các tiện ích khác. Điều này có thể dẫn đến việc phá rừng, ảnh hưởng trực tiếp đến hệ sinh thái địa phương, làm gián đoạn nơi trú ngụ của động vật hoang dã và gây xói mòn đất. Khu DTTN cần thực hiện quy hoạch sử dụng đất cẩn thận, bảo vệ các khu vực rừng nguyên sinh và thiết lập các khu bảo tồn mới. Tăng cường giám sát và kiểm soát để ngăn chặn sự xâm nhập bất hợp pháp vào rừng.

Tác động của du lịch đến đa dạng sinh học: Tăng trưởng du lịch dẫn đến sự gia tăng lượng khách du lịch có thể quấy rối động vật hoang dã, đặc biệt là trong các hoạt động quan sát động vật. Sự hiện diện và tiếng ồn của con người có thể ảnh hưởng đến các mô hình di chuyển và sinh sản của động vật. Khu DTTN cần giới hạn số lượng du khách trong các khu vực nhạy cảm, đặt ra các quy tắc rõ ràng về quan sát động vật mà không gây phiền nhiễu, và tổ chức các buổi tập huấn về bảo tồn cho du khách và nhân viên du lịch.

Sinh kế phụ thuộc vào rừng

Thu nhập từ sản phẩm rừng: Nhiều cộng đồng địa phương phụ thuộc vào sản phẩm rừng như thực phẩm, dược liệu và nguyên liệu thủ công mỹ nghệ. Sự phát triển không kiểm soát của du lịch có thể đe dọa nguồn lực này. Khu DTTN cần khuyến khích và hỗ trợ cộng đồng phát triển các mô hình du lịch cộng đồng, nơi du khách có thể học hỏi và trải nghiệm cách thức sử dụng bền vững các sản phẩm rừng. Điều này cũng giúp tạo ra nguồn thu nhập ổn định hơn cho người dân địa phương.

Ô nhiễm từ hoạt động du lịch

Ô nhiễm rác thải và nước thải: Tăng lượng khách du lịch có thể dẫn đến lượng lớn rác thải và nước thải không được xử lý, gây ô nhiễm đất và nguồn nước. Khu DTTN sẽ xây dựng hệ thống xử lý chất thải và nước thải hiện đại, sử dụng các công nghệ xanh để giảm thiểu tác động môi trường. Thực hiện các chương trình giáo dục cộng đồng về tái chế và xử lý rác thải.

Ô nhiễm không khí từ phương tiện giao thông: Sự gia tăng phương tiện giao thông đưa đón du khách có thể làm tăng lượng khí thải độc hại, ảnh hưởng đến chất lượng không khí. Khu DTTN sẽ khuyến khích sử dụng phương tiện giao thông công cộng và xe điện trong khu vực du lịch, cũng như thực hiện các tuyến đường mòn đi bộ để giảm thiểu sự phụ thuộc vào xe cộ.

cá nhân. Để đối phó với những thách thức này, việc phát triển các mô hình du lịch bền vững và giảm thiểu tác động đến môi trường và đa dạng sinh học là rất cần thiết. Các biện pháp bảo tồn và phục hồi hệ sinh thái sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì và tăng cường tính hấp dẫn của khu vực. Điều này không chỉ giúp bảo vệ tài nguyên thiên nhiên mà còn tạo ra một hình ảnh tích cực, thân thiện với môi trường, thu hút du khách trong và ngoài nước.

3.5 NỘI DUNG PHÁT TRIỂN CÁC ĐIỂM, TUYẾN DU LỊCH SINH THÁI, NGHỈ DƯỠNG, GIẢI TRÍ GIAI ĐOẠN 2024-2030

3.5.1 Định hướng và thuyết minh phương án lựa chọn các điểm du lịch

Nguyên tắc, tiêu chí chung về việc chọn các điểm tham quan, du lịch

Nguyên tắc

Các điểm du lịch được chọn ít ảnh hưởng đến chu kỳ tự nhiên, ĐDSH, sự tồn tại và phát triển của các loài động thực vật hoang dã.

Điểm du lịch được chọn có tài nguyên du lịch đặc trưng thu hút du khách và mang lại nhiều trải nghiệm, thời gian và chi phí tài chính phù hợp nhất cho đối tượng khách du lịch mà VQG/KBT đang hướng tới. Vì vậy, một số nguyên tắc quan trọng trong việc lựa chọn điểm đến du lịch hấp dẫn để đầu tư phát triển là:

- **Nhanh - Chậm:** thời gian di chuyển tới các điểm nhanh và thuận tiện nhất, thời gian trải nghiệm lâu nhất.
- **Nhiều - Ít:** có nhiều trải nghiệm thiên nhiên nhất, ít gây tác động nhất và có nhiều đóng góp cho thiên nhiên nhất.
- **Cao - Thấp:** có sức hấp dẫn và tính độc đáo cao nhất, với chi phí và ảnh hưởng tới thiên nhiên thấp nhất.
- **Dài - Ngắn:** cho phép khai thác với thời gian dài – ngắn thích hợp, phụ thuộc vào sự hấp dẫn của tài nguyên du lịch, cũng như các sản phẩm du lịch kèm theo.
- **Trong lành - Thư thái:** Điểm đến cần có môi trường trong lành và cho người trải nghiệm sự thư thái, tái tạo năng lượng cao nhất.

Ngoài ra một số nguyên tắc quan trọng khác cũng cần được lưu ý để đảm bảo việc lựa chọn, đầu tư xây dựng các điểm du lịch với sức hút, đạt hiệu quả kinh tế, giáo dục lâu dài như:

- Lưu giữ du khách được dài nhất;
- Cho du khách có được nhiều trải nghiệm và nhiều hiểu biết nhất;
- Cho du khách có những ấn tượng và cảm xúc cao nhất;
- Cho du khách có được cảm giác thoải mái và an toàn nhất;
- Cho du khách có được cảm giác hài lòng nhất;
- Cho du khách cơ hội tham gia và đóng góp nhiều nhất.

Đối với việc lựa chọn các điểm du lịch, điểm tham quan trong Khu DTTN cũng cần tuân thủ các quy định về QLBNR, bảo tồn ĐDSH của quốc gia, tỉnh và của KBT; đồng thời lưu ý ở các khía cạnh xã hội, kinh tế, môi trường nhằm đảm bảo sự tham gia của các bên, nhất là cộng đồng địa phương; đảm bảo sự cân bằng lợi ích giữa KBT, cộng đồng, doanh nghiệp, và các bên liên quan khác; đảm bảo các nguyên tắc phát triển bền vững, bảo tồn tốt các giá trị thiên nhiên, phát huy các giá trị văn hóa địa phương.

Tiêu chí

Các điểm tham quan, du lịch được lựa chọn để khai thác và phát triển dựa trên đánh giá theo các tiêu chí trong bảng dưới đây:

Bảng 10. Các tiêu chí đánh giá và lựa chọn điểm du lịch, điểm tham quan ưu tiên phát triển

Nhóm	Tiêu chí
Nhóm 1: Giá trị tài nguyên du lịch tự nhiên	- Điểm đến tài nguyên du lịch tự nhiên gắn với các hệ sinh thái, các hiện tượng, đặc điểm tự nhiên khác (Hệ sinh thái; Địa chất, địa mạo; Khí hậu). - Điểm đến có tài nguyên du lịch tự nhiên gắn với cảnh quan đặc trưng và hấp dẫn (Địa hình núi cao; Hang động, thác nước; Thủy văn: Sông, suối, hồ). - Điểm đến có sự xuất hiện của các loài đặc hữu hoặc loài trong sách đỏ Việt Nam. - Điểm đến có ít nhu cầu bảo tồn tự nhiên trong khu vực.
Nhóm 2: Giá trị tài nguyên du lịch văn hóa	- Mức độ hấp dẫn văn hóa các dân tộc đặc trưng trong khu vực (phong tục, tập quán, trang phục, tín ngưỡng, lễ hội, phong cảnh làng bản, cánh đồng, sinh hoạt làng xã). - Điểm đến có mục tiêu mạnh mẽ là bảo tồn văn hóa truyền thống và có mong muốn liên kết, hợp tác khai thác, phát triển du lịch.
Nhóm 3: Kết cấu hạ tầng phát triển DLST và các hoạt động du lịch	- Sử dụng tối đa CSVCKT có sẵn, có thể cải tạo và nâng cấp để khai thác hiệu quả, bền vững và trách nhiệm hơn. - Điểm tổ chức hoạt động du lịch không trong vùng sinh cảnh và xa khu vực sinh sống và phát triển của các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp. - Không làm gián đoạn, thay đổi các hệ sinh thái rừng, cảnh quan thiên nhiên và sinh cảnh của các loài động, thực vật trong KBT. - Đảm bảo về sức chịu tải du lịch, nằm trong giới hạn có thể tự phục hồi của thiên nhiên. - Dễ tiếp cận và kết nối với các điểm du lịch khác. - Trang thiết bị phục vụ du lịch và hệ thống cung cấp nước sạch. - Cơ sở dịch vụ du lịch đảm bảo về an ninh, an toàn cho du khách. - Hệ thống xử lý rác thải và nước thải đảm bảo về môi trường sinh thái.
Nhóm 4: Khả năng phát triển sản phẩm du lịch	- Có thể gắn với các hoạt động giáo dục và nâng cao nhận thức về thiên nhiên, về ĐDSH. - Có khả năng khai thác nhiều nhất trong năm (không bị hạn chế về tính mùa vụ). - Khả năng nuôi trồng và khai thác sản phẩm địa phương để xây dựng và phát triển sản phẩm du lịch. - Có thể tạo ra nhiều sản phẩm du lịch phù hợp với nhiều đối tượng khách.
Nhóm 5:	Cộng đồng tham gia tích cực vào dự án.

Sự tham gia của cộng đồng địa phương	18. Cộng đồng có thể tham gia vào việc quản lý và phát triển dự án. 19. Mức độ tham gia của doanh nghiệp và nhà cung cấp dịch vụ du lịch địa phương. 20. Mức độ tham gia của các tổ chức xã hội, cơ quan quản lý địa phương.
Nhóm 6: Ảnh hưởng của dự án	21. Khả năng xây dựng thương hiệu DLST của điểm đến. 22. Kết quả tích cực của dự án đóng góp vào kinh tế-xã hội của địa phương. 23. Khả năng kết nối và mở rộng mạng lưới DLST trong và ngoài khu vực với các dự án khác.

Ngoài các tiêu chí chung đã nêu ở trên, cần lưu ý thêm các tiêu chí đặc trưng trong Khu DTTN như tiêu chí về: phong tục, tập quán của cộng đồng người dân địa phương; ưu tiên các điểm du lịch nằm trong các tuyến du lịch đã hình thành trong Phương án Quản lý rừng bền vững Khu DTTN, các điểm du lịch trên địa bàn huyện Lệ Thủy.

Đánh giá

Mỗi một điểm tham quan, điểm du lịch được đánh giá dựa trên 25 tiêu chí, thuộc 6 nhóm, mỗi tiêu chí tương ứng với 4 điểm, tổng điểm của các tiêu chí là 100 điểm. Điểm tổng kết là căn cứ để lựa chọn các điểm du lịch, điểm tham quan và dự án ưu tiên thực hiện (điểm số cao nhất). Việc cho điểm dựa trên nguyên tắc tăng dần từ điểm 0-4, theo các mức độ xuất hiện, mức độ tham gia, mức độ quan trọng, mức độ hấp dẫn.

Kết quả đánh giá chi tiết các điểm tham quan, điểm du lịch được thể hiện tại Phụ lục 5. Từ kết quả đánh giá, các điểm tham quan, điểm du lịch có thể thực hiện trong quy hoạch được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống, cụ thể trong Bảng 17.

Thuyết minh chi tiết các điểm tham quan, du lịch có thể thực hiện trong quy hoạch

Bên cạnh các nguyên tắc, tiêu chí nêu trên, việc lựa chọn, thuyết minh các điểm, tuyến du lịch căn cứ theo Điều số 14 của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp²⁶ và quy định về quản lý xây dựng các công trình phục vụ DLST, nghỉ dưỡng, giải trí trong RĐĐ được quy định tại Điều 15 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp. Thuyết minh chi tiết các điểm du lịch được trình bày tại Phụ lục 2.

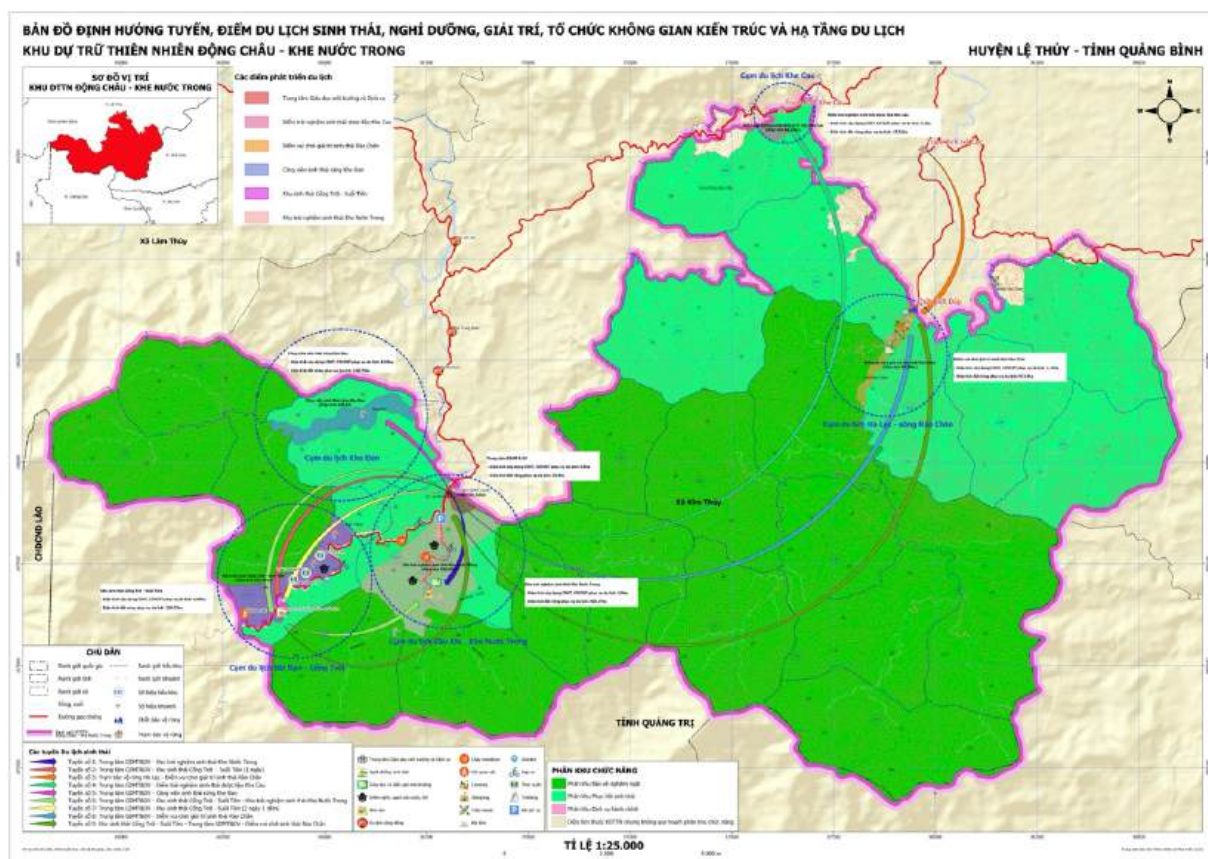
²⁶ Điều 14. Trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng.

Bảng 11. Các dự án, điểm đến du lịch có thể thực hiện trong quy hoạch

TT	Điểm du lịch	Đặc điểm hấp dẫn du khách	Định hướng loại hình du lịch	Địa danh	Phân khu chức năng	Quy mô quy hoạch
1	Trung tâm GDMT & DV	- Trung tâm GDMT & DV cung cấp thông tin cần thiết về các tuyến đi, hoạt động, quy định an toàn và các lựa chọn tham quan, dịch vụ để du khách có thể lựa chọn theo sở thích và nhu cầu. - Vườn thực vật là nơi lý tưởng để du khách, đặc biệt là các nhà nghiên cứu, sinh viên và trẻ em, học hỏi về đa dạng sinh học. (tách riêng) - Trung tâm cứu hộ ĐVHD hấp dẫn với các hoạt động như cứu hộ và chăm sóc động vật, mang lại cơ hội khám phá và học hỏi về bảo tồn. Du khách có thể tham gia các chương trình giáo dục, trải nghiệm thực tế với động vật hoang dã, và hiểu rõ hơn về tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường. - Bảo tàng tổ chức các triển lãm để giới thiệu chi tiết về đa dạng sinh học, địa chất và văn hóa của khu vực. - Khám phá văn hóa và trải nghiệm cuộc sống của người Bru Vân Kiều tại bản Ho Rum, Trung Đoàn và Mít Cát.	- DLST - Du lịch sáng tạo - Du lịch văn hoá - lịch sử - Du lịch MICE	Khoảnh 92 và 84, tiểu khu 532.	Phân khu DVHC và PHST.	21ha

2	Khu trải nghiệm sinh thái Khe Nước Trong	- Điểm quan sát khỉ và nghe vượn hót thu hút khách yêu thích thiên nhiên và động vật hoang dã - Khu rừng xung quanh Cầu Khỉ có nhiều loài cây gỗ lớn và đa dạng sinh học phong phú, tạo nên bối cảnh tự nhiên hùng vĩ và bắt mắt. - Khe Vàng, khe Bung, khe Nước Trong mang lại cảnh quan nên thơ và có nhiều bãi tắm tự nhiên, tạo điều kiện cho du khách thư giãn và tận hưởng không khí trong lành. - Cầu Khỉ và các khu vực xung quanh có nhiều điểm check-in đẹp, lý tưởng cho những bức ảnh kỷ niệm và chia sẻ trên mạng xã hội.	- DLST - Du lịch nghiên cứu chuyên đề	Khoảnh 92, 96, 99 của tiểu khu 532 Khoảnh 95 của tiểu khu 533	Phân khu DVHC và PHST.	506,67ha
3	Khu sinh thái Cổng Trời - Suối Tiên	- Bãi Đạn có giá trị lịch sử và có địa thế cao, lý tưởng để phát triển lưu trú dạng sinh thái, mang lại trải nghiệm đặc biệt cho du khách. - Ba thác nước đẹp (thác Dương Cầm, thác Tóc Tiên, thác Cổng Trời) cung cấp cơ hội leo thác và trải nghiệm thiên nhiên. - Ngắm cảnh quan rừng tự nhiên và chụp hình từ đài quan sát tại vị trí ranh giới giữa Quảng Bình và Quảng Trị. - Trekking chinh phục các đỉnh núi cao và tìm hiểu về đa dạng sinh học.	- DLST - Du lịch nghiên cứu chuyên đề - Du lịch nghỉ dưỡng và chăm sóc sức khỏe - Du lịch thể thao, mạo hiểm - Du lịch văn hoá - lịch sử	Khoảnh 94 và 100 của tiểu khu 534.	Phân khu DVHC và PHST.	225,43ha

4	Điểm vui chơi giải trí sinh thái Rào Chân	- Cung cấp cơ hội khám phá thiên nhiên qua các hoạt động trekking và đi thuyền dọc theo suối Rào Chân. - Vũng tắm dài 400m thích hợp cho bơi lội, camping và các hoạt động vui chơi giải trí dưới nước như kayak và chèo thuyền, măng. - Khám phá văn hóa và trải nghiệm cuộc sống của người Bru Vân Kiều tại bản Hà Lọc và An Bai.	- DLST và vui chơi giải trí - DLST - Du lịch nghiên cứu chuyên đề	Khoảnh 1, 2 tiểu khu 523; khoảnh 62, tiểu khu 496.	Phân khu PHST.	58,58ha
5	Công viên sinh thái rừng Khe Đan	- Trekking thử thách hấp dẫn với cảnh quan thiên nhiên hùng vĩ và cơ hội quan sát động vật hoang dã. Tuyến đường đòi hỏi đi theo đường tuần tra của cán bộ khu DTTN, với điểm đến cuối là thác Khe Đan cao 30m.	- DLST - Du lịch nghiên cứu chuyên đề	Khoảnh 61, 63, 69, 71, 77, tiểu khu 518.	Phân khu PHST.	138,84ha
6	Điểm trải nghiệm sinh thái được liệu Khe Cau	- Đi bộ lội suối và ăn uống dã ngoại cho khách yêu thích thiên nhiên và muốn trải nghiệm một ngày ngoài trời, thưởng thức bữa ăn giữa cảnh quan thanh bình. - Cơ hội để trekking khám phá rừng phục hồi, vùng trồng được liệu và tìm hiểu biết về các biện pháp bảo tồn và nhận diện giải môi trường từ các chuyên gia.	- DLST - Du lịch nghiên cứu chuyên đề - Du lịch sáng tạo	Khoảnh 106, 107, tiểu khu 490.	Phân khu PHST.	18,12ha
Tổng diện tích các dự án, điểm đến du lịch tiềm năng						968,64



Bản đồ 5. Quy hoạch sử dụng đất và phát triển du lịch sinh thái Khu Dự trữ Thiên nhiên Động Châu - Khe Nước Trong

3.5.2 Định hướng và thuyết minh phương án lựa chọn các tuyến du lịch (sản phẩm du lịch)

Tuyến du lịch là lộ trình liên kết các khu du lịch, điểm du lịch, điểm tham quan, cơ sở cung cấp các dịch vụ du lịch, gắn với các tuyến giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy, đường hàng không. Các tuyến du lịch được xem là những sản phẩm du lịch đặc biệt, việc xác định các tuyến du lịch phải dựa vào một số tiêu chí nhất định để đảm bảo được tính hấp dẫn cao của sản phẩm du lịch. Cũng như việc lựa chọn và xây dựng các điểm, việc lựa chọn và phát triển các tuyến du lịch cũng cần tuân thủ các nguyên tắc và có tiêu chí lựa chọn nhất định.

Nguyên tắc và tiêu chí lựa chọn tuyến du lịch

Tuyến du lịch được lựa chọn là tuyến có khả năng kết nối ít nhất 2 điểm du lịch hoặc 2 điểm tham quan trở lên; có khả năng hấp dẫn khách du lịch; mang lại lợi ích hài hòa và lâu dài đối với các bên tham gia hoạt động du lịch.

Việc xây dựng tuyến du lịch cho Khu DTTN dựa vào các tiêu chí sau:

- Có sức hấp dẫn và có điểm nhấn nổi bật về cảnh quan thiên nhiên, các đặc điểm văn hóa xã hội, tâm linh và lịch sử;
- Có khả năng kết nối các điểm du lịch và điểm tham quan;
- Có điều kiện về CSHT tốt, dễ tiếp cận tới các điểm tham quan trên tuyến;

- Có nhiều hoạt động trải nghiệm các giá trị tự nhiên, giá trị sinh thái;
- Có thể cung ứng nhiều vụ chất lượng với giá cả phù hợp;
- Có thể gắn với các hoạt động giáo dục và nâng cao nhận thức về thiên nhiên, về ĐDSH;
- Không khí trong lành, cảnh quan tự nhiên đẹp và gắn với văn hóa dân tộc;
- Đạt hiệu quả tối ưu trong quá trình xây dựng và khai thác;
- Có khả năng khai thác với khoảng thời gian thích hợp;
- Đảm bảo về an ninh, an toàn cho du khách.

Thuyết minh chi tiết các tuyến du lịch

Dựa trên các tiêu chí về lựa chọn các tuyến du lịch, xác định được 9 tuyến du lịch. Thuyết minh chi tiết các tuyến du lịch được trình bày tại Phụ lục 4.

Tuyến du lịch 1 ngày

- Tuyến 1: Trung tâm GDMT & DV - Khu trải nghiệm sinh thái Khe Nước Trong - 15Km
- Tuyến 2: Trung tâm GDMT & DV - Khu sinh thái Cổng Trời - Suối Tiên - 15km
- Tuyến 3: Trạm QL BVR Hà Lặc - Điểm vui chơi giải trí sinh thái Rào Chân - 48km
- Tuyến 4: Trung tâm GDMT & DV - Điểm trải nghiệm sinh thái được liệu Khe Cau: 16km
- Tuyến 5: Trung tâm GDMT & DV - Công viên sinh thái rừng Khe Đan - 15km

Tuyến du lịch 2 ngày 1 đêm

- Tuyến 6: Trung tâm GDMT & DV - Khu sinh thái Cổng Trời - Suối Tiên - Khu trải nghiệm sinh thái Khe Nước Trong - 25km
- Tuyến 7: Trung tâm GDMT & DV - Khu sinh thái Cổng Trời - Suối Tiên - 15km
- Tuyến 8: Trung tâm GDMT & DV - Điểm vui chơi giải trí sinh thái Rào Chân - 20km
- Tuyến 9: Khu sinh thái Cổng Trời - Suối Tiên - Trung tâm GDMT & DV - Điểm vui chơi giải trí sinh thái Rào Chân - 58km

3.6 ĐỀ XUẤT CÁC DANH MỤC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ, KINH PHÍ THỰC HIỆN

3.6.1 Khái toán đầu tư, nguồn vốn, phân kỳ đầu tư (theo giai đoạn 2024-2025 và 2026-2030) và phương án huy động vốn

Tổng mức đầu tư của Đề án là: **343.500 triệu đồng**, bao gồm nguồn vốn ngân sách nhà nước, nguồn vốn kêu gọi đầu tư xã hội hóa và nguồn hợp pháp khác trong giai đoạn từ 2024-2030. Tổng vốn của các dự án được tạm xác định theo quy hoạch tổng mặt bằng bố trí công trình. Trong quá trình triển khai từng dự án cụ thể, chủ đầu tư có thể nâng hoặc giảm tổng mức đầu tư để đảm bảo hiệu quả đầu tư cao nhất. Chủ đầu tư được điều chỉnh giá trị vốn đầu tư nhưng phải xây dựng công trình phục vụ DLST trong rừng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Ghi chú:

- Nguồn vốn dự kiến đầu tư, phân kỳ đầu tư dưới đây và theo Bảng 12, Phụ lục 1 chỉ là dự kiến, trong quá trình thực hiện có thể thay đổi theo tình hình thực tế đặc biệt là nguồn vốn xã hội hóa.
- Khi các dự án được thực hiện, kinh phí cụ thể có thể được xác định lại và lập dựa trên nguyên tắc sau:
 - Đối với phương thức tự tổ chức, kinh phí lập dự án được cân đối trong kế hoạch tài chính hằng năm, từ nguồn thu dịch vụ môi trường rừng của chủ rừng hoặc từ nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.
 - Đối với phương thức hợp tác, liên kết, kinh phí lập dự án do các bên thỏa thuận.
 - Đối với phương thức cho thuê môi trường rừng, kinh phí lập dự án do tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng bảo đảm.

Phương án huy động vốn

- Kêu gọi đầu tư: Chủ yếu từ hình thức cho thuê MTR, hợp tác, liên kết để phát triển DLST.
- Xã hội hóa nguồn vốn: Đây là phương thức huy động chính từ các tổ chức, cá nhân có mong muốn đầu tư phát triển DLST trong Khu DTTN giai đoạn 2024-2030;
- Các nguồn vốn hợp pháp khác: bán vé điểm tham quan, chi trả dịch vụ môi trường rừng, tài trợ từ các tổ chức.
- Đề án xác định tối ưu nguồn lực kêu gọi đầu tư bằng hình thức cho thuê môi trường, hợp tác, liên kết để phát triển DLST trong Khu DTTN giai đoạn 2024-2030 nhằm đạt được mục tiêu chung của đề án và hiệu quả kinh tế cao nhất.

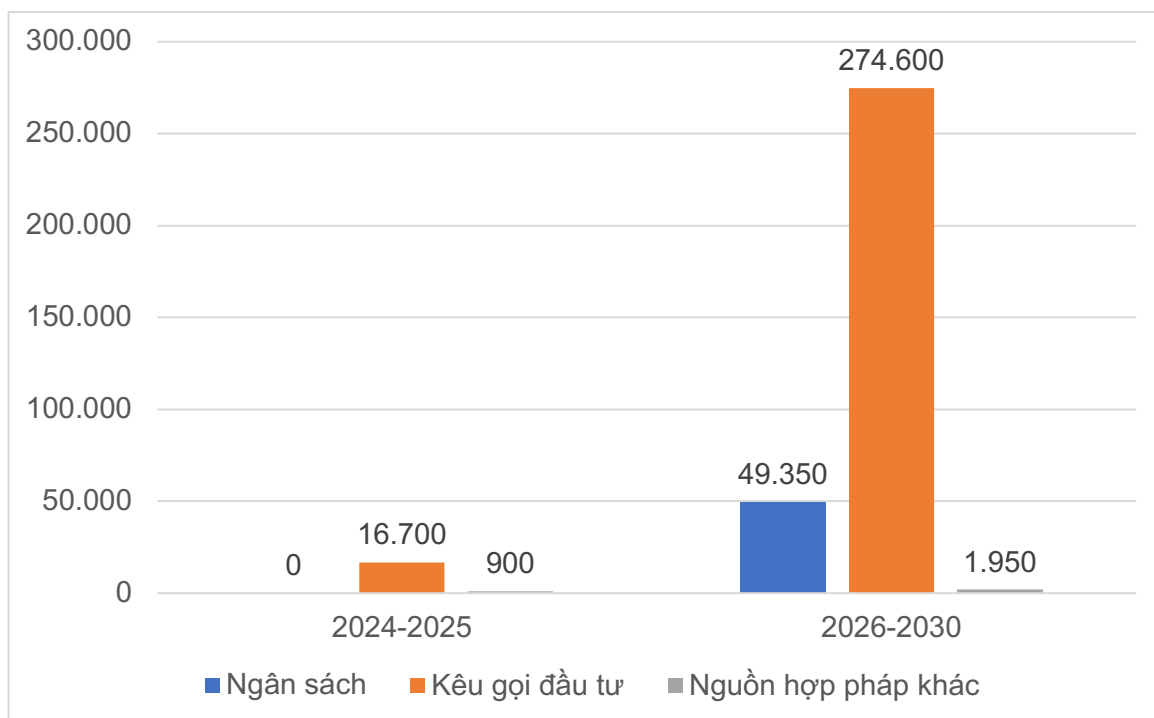
Chia theo phân kỳ đầu tư

- Giai đoạn 2024 - 2025: 17.600 triệu đồng chiếm 5,12% tổng mức đầu tư, trong đó nguồn ngân sách Nhà nước: 0 đồng; xã hội hoá: 16.700 triệu đồng; nguồn khác chiếm 900 triệu đồng.
- Giai đoạn 2026 - 2030: 325.900 triệu đồng chiếm 94,88% tổng mức đầu tư, trong đó nguồn ngân sách Nhà nước: 49.350 triệu đồng; xã hội hoá: 274.600; nguồn khác chiếm 1.950 triệu đồng.

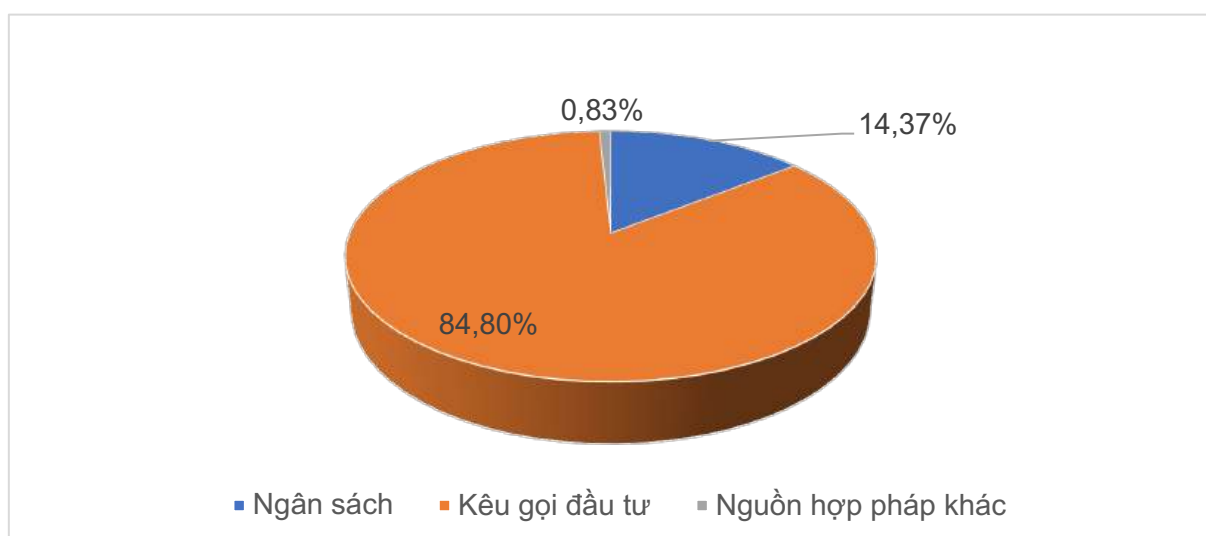
Chia theo nguồn vốn đầu tư

- Ngân sách Nhà nước: 49.350 triệu đồng, chiếm 14,37% tổng mức đầu tư.
- Kêu gọi đầu tư, xã hội hóa: 291.300 triệu đồng, chiếm 84,80% tổng mức đầu tư;
- Các nguồn vốn hợp pháp khác: 2.850 triệu đồng, chiếm 0,83% tổng mức đầu tư.

Các dự án đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước đa số đều được kế thừa từ các dự án đã được UBND tỉnh phê duyệt trong Phương án Quản lý rừng bền vững Khu DTTN Động Châu - Khe Nước Trong giai đoạn 2021-2030. Các dự án lớn được đề xuất từ nguồn kêu gọi đầu tư và xã hội hoá. Chi tiết các dự án trọng điểm kêu gọi đầu tư được trình bày tại Phụ lục 2.



Biểu đồ 1. Nguồn vốn theo phân kỳ đầu tư



Biểu đồ 2. Tỷ lệ các nguồn vốn đầu tư giai đoạn 2024-2030

Bảng 12. Tổng hợp khái toán danh mục các dự án đầu tư

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục, dự án đầu tư	Tổng	Phân theo giai đoạn									
			2024-2025					Giai đoạn 2026-2030				
			Tổng giai đoạn	Ngân sách Nhà nước		Xã hội hoá	Nguồn khác	Tổng giai đoạn	Ngân sách Nhà nước		Xã hội hoá	Nguồn khác
				Ngân sách chi đầu tư	Ngân sách chi thường xuyên				Ngân sách chi đầu tư	Ngân sách chi thường xuyên		
A	LẬP QUY HOẠCH CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ	5.000	3.800	3.800	0	0	0	1.200	1.200	0	0	0
B	CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ	338.500	19.600	2.000	0	16.700	900	318.900	39.500	2.850	274.600	1.950
1	Trung tâm GDMT & DV	50.800	11.500	0	0	11.000	500	39.300	27.000	0	12.300	0
2	Khu trải nghiệm sinh thái Khe Nước Trong	23.400	3.500	2.000	0	1.500	0	19.900	0	0	19.900	0
3	Khu nghỉ dưỡng sinh thái Cổng Trời - Suối Tiên	125.700	1.400	0	0	1.400	0	124.300	2.000	0	122.300	0
4	Điểm vui chơi giải trí sinh thái Rào Chân	87.500	0	0	0	0	0	87.500	7.500	0	80.000	0
5	Công viên sinh thái rừng Khe Đan	11.900	0	0	0	0	0	11.900	0	0	11.900	0
6	Điểm trải nghiệm sinh thái dược liệu Khe Cau	16.000	0	0	0	0	0	16.000	2.000	0	14.000	0
7	Dự án phát triển sản phẩm du lịch	1.800	0	0	0	0	0	1.800	0	0	1.800	0
8	Dự án chuyển đổi số	2.500	0	0	0	0	0	2.500	1.000	0	1.500	0
9	Dự án đào tạo, bồi dưỡng nhân lực ngành du lịch và hỗ trợ cộng đồng	7.200	500	0	0	400	100	6.700	0	1.050	5.400	250
10	Dự án quảng bá và xây dựng thương hiệu	4.500	1.200	0	0	900	300	3.300	0	600	2.500	200
11	Vận hành và giám sát hoạt động du lịch	7.200	1.500	0	0	1.500	0	5.700	0	1.200	3.000	1.500
TỔNG CỘNG:		343.500	23.400	5.800	0	16.700	900	320.100	40.700	2.850	274.600	1.950

3.6.2 Các điểm đến ưu tiên đầu tư

Tiêu chí lựa chọn các điểm đến ưu tiên đầu tư

Mỗi một điểm tham quan, điểm du lịch được đánh giá dựa trên 25 tiêu chí, thuộc 6 nhóm, mỗi tiêu chí tương ứng với 4 điểm, tổng điểm của các tiêu chí là 100 điểm. Điểm tổng kết là căn cứ để lựa chọn các điểm du lịch, điểm tham quan và dự án ưu tiên thực hiện (điểm số cao nhất). Việc cho điểm dựa trên nguyên tắc tăng dần từ điểm 0 - 4, theo các mức độ xuất hiện, mức độ tham gia, mức độ quan trọng, mức độ hấp dẫn. Kết quả đánh giá chi tiết các điểm tham quan, du lịch và dự án đầu tư được nêu tại Phụ lục 5.

Các điểm đến ưu tiên đầu tư

Với những tiêu chí lựa chọn các điểm đến ưu tiên trên, trong giai đoạn 2024-2025 và định hướng đến 2030 các dự án sau đây cần được ưu tiên triển khai. Tuy nhiên, các dự án có sử dụng đất RĐD dưới đây nếu được triển khai, chủ đầu tư phải lập các dự án đầu tư trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và thực hiện các trình tự thủ tục giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật hiện hành để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Các dự án ưu tiên đầu tư được xếp theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống, chi tiết trong Bảng 13 và Bảng 14.

Bảng 13. Các điểm đến ưu tiên thực hiện

TT	Tên dự án ưu tiên	Điểm đánh giá	Lý do lựa chọn
1	Trung tâm GDMT & DV	74	- Nằm trong quy hoạch xây dựng và Phương án Quản lý rừng bền vững Khu DTTN. - Nằm trên tuyến đường Hồ Chí Minh Tây nên dễ thu hút và thuận tiện đón khách du lịch. - Có mặt bằng và diện tích đất trống phù hợp để triển khai dự án: Dự án ưu tiên cải tạo và sử dụng diện tích của các Trạm QLBR hoặc xây dựng trên khu vực đất trống nên không tác động tới tài nguyên tự nhiên. - Không thuộc phạm vi hoặc nằm xa khu vực sinh sống và phát triển của các loài động, thực vật rừng quý hiếm được ghi nhận.
2	Khu trải nghiệm sinh thái Khe Nước Trong	69	- Nằm trong quy hoạch xây dựng và Phương án Quản lý rừng bền vững Khu DTTN. - Nằm trên tuyến đường Hồ Chí Minh Tây nên dễ thu hút và thuận tiện đón khách du lịch. - Có mặt bằng và diện tích đất trống phù hợp để triển khai dự án: Dự án ưu tiên cải tạo và sử dụng diện tích của các Trạm QLBR hoặc xây dựng trên khu vực đất

			trống nên không tác động tới tài nguyên tự nhiên. ● Không thuộc phạm vi hoặc nằm xa khu vực sinh sống và phát triển của các loài động, thực vật rừng quý hiếm được ghi nhận. ● Tuyến Khe Nước Trong có sự hấp dẫn, có tiềm năng khai thác và phát triển du lịch.
3	Khu sinh thái Cổng Trời - Suối Tiên	69	● Nằm trong quy hoạch xây dựng và Phương án Quản lý rừng bền vững Khu DTTN. ● Nằm trên tuyến đường Hồ Chí Minh Tây nên dễ thu hút và thuận tiện đón khách du lịch. ● Có mặt bằng và diện tích đất trống phù hợp để triển khai dự án: Dự án ưu tiên cải tạo và sử dụng diện tích của các Trạm QLVR hoặc xây dựng trên khu vực đất trống nên không tác động tới tài nguyên tự nhiên. ● Không thuộc phạm vi hoặc nằm xa khu vực sinh sống và phát triển của các loài động, thực vật rừng quý hiếm được ghi nhận. ● Cảnh quan rừng tự nhiên đẹp với hệ thống Thác Tóc Tiên, Thác Dương Cầm và Thác Cổng Trời hấp dẫn khách du lịch.
4	Điểm vui chơi giải trí sinh thái Rào Chân	64	● Nằm trong quy hoạch xây dựng và Phương án Quản lý rừng bền vững Khu DTTN. ● Có mặt bằng và diện tích đất trống phù hợp để triển khai dự án: Dự án ưu tiên cải tạo và sử dụng diện tích của các Trạm QLVR hoặc xây dựng trên khu vực đất trống nên không tác động tới tài nguyên tự nhiên. ● Không thuộc phạm vi hoặc nằm xa khu vực sinh sống và phát triển của các loài động, thực vật rừng quý hiếm được ghi nhận. ● Cảnh quan rừng tự nhiên đẹp với hệ thống suối Rào Chân có tiềm năng khai thác hoạt động vui chơi, giải trí hấp dẫn khách du lịch.

Bảng 14. Các điểm đến ưu tiên đầu tư, kinh phí thực hiện

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên dự án	Nội dung các công việc	Giai đoạn triển khai	Khái toán kinh phí	Nguồn vốn
1	Trung tâm GDMT & DV	- Quy hoạch chi tiết các hạng mục đầu tư cho Trung tâm GDMT & DV - Diện tích quy hoạch: 50ha - Nội dung: thực hiện quy hoạch chi tiết theo tỷ lệ 1:500 - Tổ chức thực hiện các hạng mục đầu tư theo phần thuyết minh Trung tâm GDMT & DV, mục 1.1, phụ lục 2. - Tổ chức vận hành.	2024-2025 2026-2030	50.800	- Ngân sách - Xã hội hóa
2	Khu trải nghiệm sinh thái Khe Nước Trong	- Quy hoạch chi tiết các hạng mục đầu tư cho Khu trải nghiệm sinh thái Khe Nước Trong. - Diện tích quy hoạch: 518,170ha - Nội dung: thực hiện quy hoạch chi tiết theo tỷ lệ 1:500. - Tổ chức thực hiện các hạng mục đầu tư theo phần thuyết minh Khu trải nghiệm sinh thái Khe Nước Trong, mục 1.2, phụ lục 2. - Tổ chức vận hành.	2024-2025 2026-2030	23.400	- Ngân sách - Xã hội hóa
3	Khu sinh thái Cổng Trời - Suối Tiên	- Quy hoạch chi tiết các hạng mục đầu tư cho Khu sinh thái Cổng Trời - Suối Tiên. - Diện tích quy hoạch: 225,425ha - Nội dung: thực hiện quy hoạch chi tiết theo tỷ lệ 1:500. - Tổ chức thực hiện các hạng mục đầu tư theo phần thuyết minh Khu sinh thái Cổng Trời - Suối Tiên, mục 2.1, phụ lục 2.	2024-2025 2026-2030	125.700	- Ngân sách - Xã hội hóa

TT	Tên dự án	Nội dung các công việc	Giai đoạn triển khai	Khái toán kinh phí	Nguồn vốn
		Tổ chức vận hành.			
4	Điểm vui chơi giải trí sinh thái Rào Chân	- Quy hoạch chi tiết các hạng mục đầu tư cho Điểm vui chơi giải trí sinh thái Rào Chân. - Diện tích quy hoạch: 58,58ha - Nội dung: thực hiện quy hoạch chi tiết theo tỉ lệ 1:500. - Tổ chức thực hiện các hạng mục đầu tư theo phần thuyết minh Điểm vui chơi giải trí sinh thái Rào Chân, mục 3.1, phụ lục 2. - Tổ chức vận hành.	2024-2025 2026-2030	87.500	- Ngân sách - Xã hội hóa
Tổng ngân sách thực hiện				287.400	

4 GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI, NGHỈ DƯỠNG, GIẢI TRÍ GẮN VỚI BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC GIAI ĐOẠN 2024-2030

4.1 NHÓM GIẢI PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, BẢO TỒN THIÊN NHIÊN, DIỄN GIẢI GIÁO DỤC VÀ ANH NINH AN TOÀN TRONG TỔ CHỨC DU LỊCH

Tất cả các hoạt động xây dựng mới hoặc nâng cấp công trình du lịch phải tuân thủ các quy định hiện hành trong Luật Lâm nghiệp và Luật Bảo vệ Môi trường, đặc biệt cần thực hiện đánh giá tác động môi trường cho các dự án quy mô lớn.

Xây dựng khung giám sát hiệu quả đến năm 2030 nhằm quản lý và giảm thiểu tác động môi trường trong quá trình khai thác du lịch. Tổ chức hệ thống phân loại và thu gom rác thải tại nguồn với các thùng rác sinh thái được bố trí hợp lý, cùng các khẩu hiệu khuyến khích du khách phân loại rác đúng cách.

Vận động cộng đồng địa phương tham gia bảo vệ môi trường, phân loại rác và tham gia vào các chương trình “vì thiên nhiên” như đổi rác lấy cây, trồng rừng, và dọn rác, qua đó nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho du khách và người dân.

Khuyến khích việc đầu tư và sử dụng các phương tiện thay thế thân thiện với môi trường như xe đạp, xe điện hoặc thuyền không gây tiếng ồn và khói thải cho các tuyến tham quan như Khe Nước Trong, Chốt Dộp. Điều này giúp bảo vệ môi trường sống của các loài động thực vật trong khu vực.

Thiết kế hệ thống biển báo, tờ rơi và tài liệu giáo dục môi trường tại các điểm du lịch. Các nội dung diễn giải này tập trung vào việc nâng cao nhận thức của du khách về Luật Lâm nghiệp, Luật Bảo vệ Môi trường, và Luật Đa dạng Sinh học. Đặc biệt, cần xây dựng mô hình diễn giải môi trường dọc tuyến Cầu Khỉ - Khe Nước Trong và Chốt Dộp.

Đào tạo, tập huấn cho đội ngũ cán bộ về kỹ năng diễn giải môi trường, đồng thời trang bị các thiết bị hỗ trợ như loa, micro, và màn hình hiển thị để nâng cao chất lượng diễn giải. Cùng với đó, xây dựng sản phẩm giáo dục sinh thái tại Trung tâm GDMT & DV nhằm tạo trải nghiệm giáo dục độc đáo cho du khách.

Cung cấp các ưu đãi về chi phí và quyền lợi cho du khách tham gia vào các chương trình diễn giải môi trường, nhằm thu hút nhiều khách du lịch đến với Khu DTTN và góp phần lan tỏa giá trị bảo vệ thiên nhiên.

Xây dựng chi tiết các biện pháp đảm bảo an toàn đối với các sản phẩm du lịch có nguy cơ ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe của khách du lịch như đu dây mạo hiểm (zipline), đu dây vượt thác, chèo thuyền vượt ghềnh thác... Cụ thể gồm: Có cảnh báo, chỉ dẫn về điều kiện khí hậu, thời tiết, sức khỏe và các yếu tố liên quan khi cung cấp các sản phẩm du lịch có nguy cơ ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe của khách du lịch; Có phương án cứu hộ, cứu nạn; bố trí lực lượng cứu hộ khách du lịch và can thiệp, xử lý, ứng cứu kịp thời các sự cố, tai nạn, rủi ro xảy ra; duy trì, bảo đảm thông tin liên lạc với khách du lịch trong suốt thời gian cung cấp sản phẩm; Bố trí, sử dụng huấn luyện viên, kỹ thuật viên, hướng dẫn viên có chuyên môn phù hợp; Phổ biến các quy định về bảo đảm an toàn cho khách du lịch; hướng dẫn các thao tác kỹ thuật cho khách du lịch trước khi cung cấp sản phẩm du lịch; Cung cấp, hướng dẫn sử

dụng và giám sát việc sử dụng trang thiết bị, dụng cụ hỗ trợ theo quy chuẩn, tiêu chuẩn, bảo đảm an toàn cho khách du lịch.

Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng để giữ gìn an ninh, trật tự tại các khu du lịch, ngăn chặn tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật. Tăng cường thanh tra, kiểm tra các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch để đảm bảo tuân thủ các quy định về an toàn và bảo vệ môi trường.

Xây dựng và triển khai phương án PCCCR, đặc biệt tại các khu vực có nguy cơ cao trong mùa khô. Cần lập bảng cấm lửa, tăng cường tuần tra và kiểm tra, đồng thời bố trí lực lượng bảo vệ rừng và kiểm lâm trực tại các khu vực trọng điểm. Thực hiện tốt công tác PCCCR kết hợp với tuyên truyền nâng cao nhận thức về nguy cơ cháy rừng.

Thiết lập hệ thống cảnh báo sớm kết nối với cơ quan khí tượng và xây dựng kịch bản ứng phó khẩn cấp, hướng dẫn an toàn cho du khách khi xảy ra sự cố thiên tai. Tổ chức các buổi tập huấn về an ninh, an toàn cho nhân viên và cộng đồng, đảm bảo sự an toàn trong mọi loại hình du lịch, đặc biệt là các hoạt động du lịch mạo hiểm và khám phá thiên nhiên.

Tăng cường bộ phận y tế và lực lượng cứu hộ trong mùa cao điểm du lịch, đặc biệt tại các khu vực có du lịch mạo hiểm. Đồng thời, định kỳ kiểm tra CSHT du lịch và tổ chức các khóa tập huấn về an toàn cho nhân viên và đối tác du lịch tại Khu DTTN.

4.2 NHÓM GIẢI PHÁP VỀ CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH

Đây là nhóm giải pháp quan trọng làm tiền đề cho các nhóm giải pháp tiếp theo trong việc thực hiện Đề án. Nếu cơ chế, chính sách và quản lý tốt sẽ góp phần thu hút được các nhà đầu tư quan tâm và ngược lại sẽ rất khó để xã hội hoá công tác phát triển du lịch tại Khu DTTN. Dưới đây là nhóm giải pháp về cơ chế, chính sách và quản lý nhằm thực hiện Đề án:

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia hoạt động DLST dưới các hình thức hợp tác liên kết, cho thuê môi trường rừng, với ưu tiên cho các dự án phát triển sản phẩm DLST xanh, thân thiện với môi trường.
- Hoàn thiện cơ chế chia sẻ lợi ích giữa cộng đồng, doanh nghiệp và chính quyền, đảm bảo công bằng và minh bạch. Thành lập quỹ phát triển cộng đồng từ nguồn thu DLST, phân bổ lợi ích cho các hoạt động bảo vệ môi trường, sinh kế và phát triển hạ tầng địa phương, với cơ chế giám sát và điều chỉnh linh hoạt.
- Hỗ trợ phát triển kinh doanh cá thể trong cộng đồng vùng đệm thông qua mô hình hộ kinh doanh và tổ hợp tác.
- Tăng cường tự chủ tài chính của Ban Quản lý Khu DTTN từ 2026-2030, khi bắt đầu có nguồn thu từ DLST, nhằm hướng đến quản lý bền vững gắn với bảo tồn hệ sinh thái.
- Điều chỉnh phân khu chức năng, đảm bảo phát triển phù hợp với thực tế, mở rộng diện tích phân DVHC như Cụm Cầu Khỉ - Khe Nước Trong, Khe Đan, Bãi Đan - Cổng Trời, Hà Lọc - Sông Rào Chân.
- Kiến nghị BCH Bộ đội Biên phòng, Công an tỉnh và Cục Hải quan tạo hành lang pháp lý thuận lợi, triển khai hệ thống cấp phép trực tuyến, đơn giản hóa thủ tục giấy tờ và cung cấp thông tin đa ngôn ngữ để hỗ trợ du khách nước ngoài.
- Kiến nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính đơn giản hóa thủ tục hành chính, phát triển dịch vụ hỗ trợ đầu tư và đảm bảo cơ chế khuyến khích an toàn vốn, thu hút các nhà đầu tư vào phát triển hạ tầng và sản phẩm du lịch. Ưu tiên về vốn vay và ổn định giá thuê đất, khuyến khích đầu tư vào các khu vui chơi giải trí, phát triển thương hiệu và xúc tiến quảng bá DLST.

- Kiến nghị Sở Du lịch và Sở Tài nguyên và Môi trường hỗ trợ phát triển các chính sách du lịch có trách nhiệm với môi trường và xã hội, hỗ trợ phát triển du lịch dựa vào cộng đồng, nâng cao năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu trong hoạt động và dịch vụ du lịch.

4.3 NHÓM GIẢI PHÁP NÂNG CAO NHẬN THỨC VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC DU LỊCH

Tuyển mới cán bộ có kinh nghiệm trong điều phối du lịch, có kỹ năng mềm như điều hành tour, diễn giải môi trường, truyền thông (Quản lý; Bộ phận Marketing; Bộ phận Lễ tân; Bộ phận buồng phòng; Bộ phận nhà hàng và bếp; Bộ phận hành chính) để phục vụ hoạt động du lịch tại Khu DTTN.

Liên kết với các tổ chức/doanh nghiệp mở các lớp đào tạo, nâng cao năng lực quản lý và điều hành du lịch cho các cán bộ, viên chức của BQL Khu DTTN nhằm đáp ứng nhân sự khi các điểm tham quan/du lịch được đề xuất đi vào hoạt động.

Cử cán bộ tham gia tập huấn nghiệp vụ du lịch và học kỹ năng hướng dẫn, diễn giải môi trường và cấp thẻ hướng dẫn viên cho các cán bộ BQL cũng như các cộng tác viên cộng đồng tham gia hoạt động du lịch, giáo dục môi trường, tuyên truyền về bảo tồn và bảo vệ đa dạng sinh học.

Nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, tin học và các kỹ năng đối với cán bộ điều hành, đặc biệt là đội ngũ nhân viên làm công tác dịch vụ, DLST để đáp ứng tốt công việc trong thời đại công nghệ 5.0.

Liên kết đào tạo cho cán bộ của BQL và cộng đồng địa phương về kiến thức, kỹ năng liên quan đến cung ứng dịch vụ du lịch (nhà hàng, cơ sở lưu trú, bán hàng dịch vụ): Kỹ năng quản lý và vận hành mô hình du lịch; Kỹ năng giao tiếp và quy tắc ứng xử văn minh du lịch; Nghiệp vụ lễ tân, buồng bàn; Nghiệp vụ chế biến món ăn; Nghiệp vụ thuyết minh hướng dẫn; Trình độ ngoại ngữ...

Liên kết đào tạo cho cán bộ của BQL và cộng đồng địa phương những nội dung nâng cao (đào tạo theo nhu cầu) như: kỹ năng tiếp cận khách hàng mục tiêu; kỹ năng ứng dụng công nghệ trong liên lạc, quảng bá hình ảnh, marketing online;... Lưu ý đa dạng hoá các hình thức đào tạo như đào tạo từ xa, đào tạo trực tiếp, đào tạo thông qua học tập thực tế...

Phối hợp các trường đại học/cao đẳng xây dựng các chương trình thực tập dành cho sinh viên du lịch/lâm nghiệp theo hình thức không phí/có trả phí để tăng cường thu hút nhân lực du lịch cho BQL.

Xây dựng cơ chế lương, cơ chế hỗ trợ ưu đãi dành cho sinh viên du lịch/lao động du lịch chất lượng cao: (Hỗ trợ tạm trú và thường trú, bồi hoàn học phí sau khi tuyển dụng chính thức, cơ chế thưởng...).

Xây dựng kế hoạch rà soát, đánh giá nhân sự định kỳ theo quý, theo năm. Việc xem xét và đánh giá hiệu quả công việc của từng nhân viên nhằm kịp thời bổ trợ các mặt yếu cũng như khen thưởng các cá nhân có thành tích tốt trong hoạt động du lịch.

Tổ chức các buổi tập huấn và tuyên truyền về du lịch sinh thái và bảo vệ môi trường cho người dân địa phương qua các phương tiện truyền thông và hội thảo trực tiếp.

Khuyến khích cộng đồng tham gia vào du lịch sinh thái thông qua mô hình homestay, hướng dẫn du lịch và cung cấp các dịch vụ liên quan.

Tổ chức các chiến dịch trồng cây, dọn rác và các hoạt động "đổi rác lấy cây" để tăng cường trách nhiệm của cộng đồng.

Thiết lập cơ chế chia sẻ lợi nhuận công bằng từ du lịch sinh thái, đảm bảo lợi ích cho cộng đồng qua các dự án phát triển địa phương và bảo vệ môi trường.

Phát triển các sản phẩm du lịch gắn với nông sản và thủ công mỹ nghệ địa phương, giúp người dân tạo thêm thu nhập từ du lịch.

4.4 NHÓM GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG, CƠ SỞ VẬT CHẤT KỸ THUẬT DU LỊCH

Lập kế hoạch tổng thể đầu tư phát triển CSHT, CSVCKT tại Trung tâm GDMT & DV, 3 cụm điểm tham quan, du lịch quan theo những hạng mục được đề xuất trong Đề án.

Trên cơ sở đề án, khuyến khích các cá nhân, tổ chức lập dự án thuê môi trường rừng, liên kết, nhận khoán kinh doanh dịch vụ du lịch để đầu tư các công trình phục vụ du lịch trong Khu DTTN. Từ đó tạo ra sự phong phú, đa dạng và nâng cao chất lượng các dịch vụ du lịch, sản phẩm du lịch như lưu trú, ăn uống, vui chơi giải trí...

Xây dựng Trung tâm GDMT & DV, bảo tàng, vườn thực vật để phát triển thành điểm du lịch cho du khách, cung cấp các dịch vụ lưu trú, ăn uống, mua sắm và các dịch vụ bổ trợ khác.

Đối với các dự án như Khu DLST nghỉ dưỡng Bãi Đạn... nếu được triển khai, chủ đầu tư phải lập các dự án đầu tư trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và thực hiện các trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật hiện hành.

Tại các điểm du lịch cần xây dựng các điểm dừng chân hấp dẫn để thu hút khách du lịch, tạo hiệu ứng truyền thông mạnh, giúp du khách thấy thoải mái trước khi tham gia các hoạt động du lịch như đặt băng rôn, khẩu hiệu, biển chỉ dẫn bắt mắt và mang thông điệp tích cực tới du khách (các tuyến trải nghiệm khe Nước Trong, chót Dộp, các thác và khe cụm du lịch số 1, 2)

Ưu tiên xây dựng, cải tạo các tuyến đường mòn tiếp cận đến các điểm tham quan/ du lịch như đỉnh thác Dương Cầm, thác Tóc Tiên, thác Cổng Trời, đường vào chót Dộp....

Xây dựng các mô hình chụp ảnh độc đáo, khuyến khích sử dụng nguyên liệu tự nhiên như gỗ tận dụng, gạch tái chế... để vừa hấp dẫn khách du lịch vừa góp phần nâng cao ý thức người dân về bảo vệ môi trường.

Thúc đẩy đầu tư hệ thống cấp, thoát nước đạt chuẩn để phục vụ du lịch. Cần tính toán phương án xây dựng các trạm bơm, bể lọc nước theo tiêu chuẩn tại từng điểm du lịch nhằm đảm bảo sự tiện lợi cũng như an toàn vệ sinh cho du khách.

4.5 NHÓM GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN LOẠI HÌNH, SẢN PHẨM DU LỊCH

Hiện tại, cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ du lịch và các sản phẩm du lịch tại Khu DTTN còn thiếu và yếu, chưa đáp ứng được nhu cầu tham quan, nghỉ dưỡng, khám phá thiên nhiên của du khách. Vì vậy, việc đầu tư phát triển sản phẩm và định hướng thị trường sẽ phải tập trung xây dựng hệ thống sản phẩm, loại hình du lịch đặc trưng và chất lượng cao trên cơ sở phát huy giá trị tài nguyên du lịch độc đáo, đặc sắc để giới thiệu và thu hút du khách:

Trưng bày các tiêu bản động, thực vật, các bản đồ, sơ đồ, sa bàn mô tả hệ sinh thái và các tài liệu trưng bày khác. Qua đó giới thiệu cho du khách thấy được vai trò và ý nghĩa của rừng phòng hộ để du khách tham quan.

Xây dựng thêm các điểm dừng quan sát, điểm nghe động vật và một số điểm DLST mới. Đồng thời, xây dựng thêm các tuyến đường mòn thiên nhiên có các biển báo chỉ dẫn, diễn giải môi trường dọc tuyến để du khách có thể trải nghiệm, khám phá các HST rừng tự nhiên, thác nước, các di tích lịch sử.

Liên kết phát triển các sản phẩm du lịch với các doanh nghiệp trong khu vực như công ty NETIN, Bang OSEN Lệ Thủy hay các cộng đồng bản Ho Rùm, bản Trung Đoàn xã Kim Thủy.

Phối hợp với các công ty du lịch lữ hành xây dựng các tour du lịch chuyên đề như GDMT, khám phá thiên nhiên, thể thao mạo hiểm cho học sinh, sinh viên và các du khách ưa cảm giác mạnh.

Khuyến khích cộng đồng địa phương gìn giữ và bảo tồn bản sắc văn hoá; đảm bảo an ninh, an toàn và vệ sinh an toàn thực phẩm trong quá trình phát triển du lịch.

Phát huy các giá trị di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh gắn với phát triển DLST, nghỉ dưỡng, giải trí trong Khu DTTN.

4.6 NHÓM GIẢI PHÁP ĐẦU TƯ DU LỊCH

BQL Khu DTTN chủ động tham gia các hội nghị xúc tiến đầu tư, liên kết du lịch được tổ chức tại Quảng Bình và các địa phương với mục tiêu kết nối và tìm kiếm các nhà đầu tư tiềm năng đầu tư vào hoạt động du lịch.

Phối hợp với UBND huyện Lệ Thủy tổ chức các buổi tọa đàm, xúc tiến đầu tư, kết nối với các doanh nghiệp, các nhà đầu tư trong việc đầu tư vào phát triển du lịch tại Khu DTTN.

Sau khi Đề án phát triển du lịch sinh thái trong Khu DTTN giai đoạn 2024-2030 được phê duyệt, BQL khu DTTN cần sớm xin chủ trương của tỉnh Quảng Bình ban hành quyết định và công khai các dự án tiềm năng để kêu gọi các nhà đầu tư tiềm năng.

BQL Khu DTTN xây dựng bộ tiêu chí lựa chọn các nhà đầu tư nhằm chọn lọc những nhà đầu tư chất lượng, giàu kinh nghiệm và có định hướng phát triển phù hợp với phát triển du lịch Khu DTTN.

Kết hợp với các chương trình sử dụng nguồn ngân sách địa phương tổ chức các đoàn famtrip (*có sự tham gia của doanh nghiệp, đơn vị lữ hành, báo chí trong nước*) nhằm nâng cao hiệu quả quảng bá đồng thời tìm kiếm các cơ hội hợp tác, đầu tư tiềm năng.

4.7 NHÓM GIẢI PHÁP LIÊN KẾT VÀ XÚC TIẾN PHÁT TRIỂN DU LỊCH

Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan cấp tỉnh như Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Du lịch, Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch, và UBND huyện Lệ Thủy nhằm liên kết phát triển du lịch với các địa phương trong tỉnh như TP. Đồng Hới, huyện Lệ Thủy và các địa phương khác trong vùng như Hà Tĩnh, Quảng Trị.

Kết nối các điểm du lịch trọng điểm tại Khu DTTN với các điểm đến nổi bật của huyện Lệ Thủy và tỉnh Quảng Bình, đặc biệt là Di sản thiên nhiên thế giới Vườn Quốc gia Phong Nha Kẻ Bàng, nhằm xây dựng các chương trình và tuyến du lịch đặc sắc.

Khuyến khích và tạo điều kiện cho các tổ chức trong nước và quốc tế, các trường học tổ chức các chương trình du lịch, ngoại khóa và tình nguyện tại Khu DTTN, kết nối với các địa phương lân cận để tăng cường hiệu ứng truyền thông và lan tỏa giá trị du lịch.

Kết nối với các đơn vị lữ hành, các nền tảng bán tour trực tuyến như Booking, Agoda, Airbnb, Tripadvisor để quảng bá các sản phẩm du lịch tại Khu DTTN, đồng thời khuyến khích cộng đồng địa phương hợp tác với các đại lý lữ hành để mở rộng thị trường và tạo thêm nguồn thu nhập.

Thành lập bộ phận truyền thông chuyên trách để thực hiện các hoạt động xúc tiến, quảng bá, cập nhật thông tin thường xuyên trên các nền tảng trực tuyến, đồng thời tham gia các hội chợ và sự kiện du lịch trong và ngoài tỉnh.

Xây dựng bộ nhận diện thương hiệu du lịch cho Khu DTTN (logo, khẩu hiệu, thông điệp và hình ảnh quảng bá), cùng chiến lược quảng bá và xúc tiến du lịch phù hợp với từng giai đoạn phát triển, tập trung vào các thị trường trọng điểm và tiềm năng.

Thúc đẩy quảng bá du lịch trên các nền tảng số, tận dụng các kênh truyền thông mạng xã hội như Facebook, Instagram, Zalo và các diễn đàn du lịch để lan tỏa hình ảnh và giá trị DLST của Khu DTTN đến với đông đảo du khách.

Phối hợp với các doanh nghiệp du lịch như khách sạn, nhà hàng trong và ngoài tỉnh để tổ chức famtrip và các tour khám phá, giới thiệu sản phẩm du lịch mới đến du khách trong và ngoài nước.

Thực hiện các nghiên cứu định kỳ về thị trường du lịch, cập nhật diễn biến nhu cầu và xu hướng để làm cơ sở cho các chiến dịch xúc tiến và quảng bá sản phẩm du lịch.

Xây dựng hệ thống thông tin xúc tiến du lịch (website, bản đồ, quầy thông tin, tờ rơi) và các chương trình quảng bá gắn với hoạt động du lịch chung của tỉnh Quảng Bình và huyện Lệ Thủy, nhằm thu hút khách du lịch trong nước và quốc tế có khả năng chi trả cao, ưu thích khám phá thiên nhiên.

4.8 NHÓM GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG VÀ BẢO TỒN, PHÁT HUY CÁC GIÁ TRỊ VĂN HOÁ BẢN ĐỊA

BQL Khu DTTN phối hợp với các cơ quan, chính quyền địa phương trong công tác tuyên truyền vận động người dân tham gia vào bảo vệ môi trường gắn với hoạt động phát triển du lịch, xây dựng đời sống văn hoá. Trong đó cần chú trọng đến bảo tồn các giá trị văn hoá truyền thống trong đời sống của cộng đồng tại các xã, thôn vùng đệm có người Bru Vân Kiều sinh sống.

BQL và chính quyền địa phương cần khuyến khích cộng đồng giữ gìn và phát huy các giá trị lối sống và bản sắc văn hóa thông qua các hoạt động khác nhau như: có chính sách hỗ trợ các hộ gia đình sản xuất sản phẩm địa phương; chính sách hỗ trợ các đội văn nghệ cộng đồng, chính sách hỗ trợ làm dịch vụ lưu trú...

Hỗ trợ tìm kiếm cơ hội hợp tác với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước nhằm nghiên cứu và thực hiện phương án bảo tồn, khôi phục và phát huy các giá trị văn hóa hoá - văn nghệ truyền thống như kiến trúc nhà sàn, trang phục, nghề thủ công, ẩm thực, ngôn ngữ, nghệ thuật diễn xướng, phong tục tập quán, tín ngưỡng của đồng bào Bru Vân Kiều gắn với phát triển du lịch tại bản Ho Rum, bản Trung Đoàn, bản Mít Cát...

Xây dựng kế hoạch phát triển đa dạng sản phẩm du lịch gắn liền với những đặc trưng văn hóa - nghệ thuật truyền thống của các dân tộc. Đồng thời định hướng người dân là đối tượng chính cung cấp những sản phẩm đó trong chuỗi sản phẩm du lịch của Khu DTTN.

Xây dựng phim tài liệu về văn hóa lịch sử, đồng thời tuyên truyền để người dân nâng cao ý thức giữ gìn văn hóa truyền thống, các phim quảng bá về du lịch về văn hoá truyền thống của người Bru Vân Kiều.

Khuyến khích cộng đồng giữ gìn và phát huy các giá trị lối sống và bản sắc văn hóa thông qua các hoạt động khác nhau như: có chính sách hỗ trợ các hộ gia đình sản xuất sản phẩm địa phương; chính sách hỗ trợ các đội văn nghệ cộng đồng, chính sách hỗ trợ làm dịch vụ lưu trú...

Chú trọng bồi dưỡng kiến thức về môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu cho các hướng dẫn viên du lịch, các cán bộ quản lý và nhân viên ngành du lịch trên địa bàn huyện, nhất là nhân lực du lịch ở vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số để từng bước nâng cao ý thức

bảo vệ tài nguyên, môi trường cũng như nâng cao năng lực tham gia của cộng đồng dân cư địa phương trong phát triển du lịch bền vững.

4.9 NHÓM GIẢI PHÁP VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ HƯỚNG ĐẾN DU LỊCH THÔNG MINH

Nghiên cứu các đề án, chương trình chuyển đổi số trong ngành du lịch tỉnh Quảng Bình và huyện Lệ Thủy nhằm liên kết, áp dụng phù hợp trong Khu DTTN. Tăng cường hợp tác, phối hợp với các cơ quan, đơn vị của tỉnh, huyện trong tiếp cận thông tin, phân tích thông tin và ứng dụng công nghệ cao trong hoạt động du lịch.

Tiếp cận các quỹ hỗ trợ quốc tế và trong nước về các thiết bị khoa học kỹ thuật mới, đặc biệt là các thiết bị khoa học trong hoạt động chuyển đổi số du lịch phù hợp với bối cảnh phát triển của Khu DTTN.

Tăng cường đầu tư trang thiết bị để áp dụng công nghệ kỹ thuật hiện đại phục vụ công tác nghiên cứu, điều tra, giám sát, theo dõi diễn biến đa dạng sinh học phục vụ diễn giải môi trường và du lịch sinh thái tại Khu DTTN.

Xây dựng cơ chế hợp tác trong chuyển đổi số trong du lịch, huy động sự tham gia của các nhà đầu tư trong lĩnh vực chuyển đổi số trong du lịch, marketing điện tử trong du lịch, phát triển các sản phẩm du lịch thông minh, các công cụ hỗ trợ thanh toán du lịch, tìm hiểu thông tin du lịch thông tin trong Khu DTTN.

Hướng tới đầu tư hệ thống đặt vé/đặt chỗ online nhằm quản lý lượng du khách đến và đi để đánh giá được sức chứa. Việc quan tâm đến sức chứa là rất quan trọng và phải chú ý tới nó trong các hoạt động du lịch nhằm giảm thiểu những tác động tiêu cực của du khách đến Khu DTTN.

Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nhân lực của BQL Khu DTTN về các kiến thức, kỹ năng và hiểu biết về công nghệ, chuyển đổi số. Tập huấn các kỹ năng trong việc sử dụng các thiết bị công nghệ trong hoạt động du lịch đồng thời tiến hành số hóa toàn bộ thông tin các điểm, tuyến du lịch Khu DTTN.

5 TỔ CHỨC THỰC HIỆN, QUẢN LÝ GIÁM SÁT VÀ HIỆU QUẢ CỦA ĐỀ ÁN

5.1 TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

Bảng 15. Vai trò của các bên liên quan

Các bên liên quan	Vai trò
Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Bình	Chỉ đạo Khu DTTN và UBND huyện Lệ Thủy công khai rộng rãi nội dung của Đề án trên các phương tiện truyền thông để các ban, ngành, các xã và nhân dân trên địa bàn biết và thực hiện; kiểm tra giám sát hoạt động du lịch liên quan đến phát triển nông, lâm nghiệp. Kiểm tra, đôn đốc Khu DTTN trong suốt quá trình triển khai, thực hiện các nội dung, hoạt động của Đề án được phê duyệt, đảm bảo chấp hành đầy đủ các quy định về đầu tư, đất đai, lâm nghiệp, du lịch, bảo vệ môi trường và các quy định khác của pháp luật liên quan. Chỉ đạo BQL Khu DTTN và các đơn vị có liên quan tổ chức tốt công tác bảo vệ tài nguyên rừng, bảo vệ cảnh quan, môi trường rừng. Lồng ghép thực hiện các chương trình, dự án liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp và nông thôn gắn với phát triển du lịch trên địa bàn Khu DTTN. Phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan xây dựng các cơ chế, chính sách hỗ trợ đẩy mạnh đầu tư phát triển DLST tại Khu DTTN, giai đoạn 2024-2030 như trong đề xuất của Đề án.

BQL Khu DTTN	Công bố công khai các nội dung của Đề án; phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện hiệu quả các nội dung Đề án. Xây dựng kế hoạch thực hiện các nội dung đã phê duyệt trong Đề án. Chủ trì, phối hợp với tổ chức, cá nhân lập dự án đầu tư theo phương thức tự tổ chức, liên kết hoặc cho thuê môi trường rừng theo từng giai đoạn trình cấp thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện. Phối hợp cho các doanh nghiệp thuê môi trường rừng để phát triển DLST, khi các doanh nghiệp có đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Giám sát các doanh nghiệp thi công các công trình trên diện tích được thuê, khoán rừng nhằm thực hiện đúng pháp luật của Nhà nước và những quy định của Khu DTTN. Phối hợp, liên kết với người dân xã giáp ranh phát triển sản phẩm du lịch; phát huy các loại hình văn hóa, nghệ thuật dân gian truyền thống. Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động du lịch, đề xuất cơ quan thẩm quyền xem xét, xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai hoạt động du lịch trên địa bàn. Sử dụng hợp lý có hiệu quả nguồn kinh phí đầu tư, tiền thuê khoán môi trường rừng để đầu tư cho các hoạt động quản lý BVR, phục hồi vốn rừng, xây dựng CSHT và góp phần phát triển kinh tế xã hội vùng đệm. Thực hiện chế độ thống kê, báo cáo hoạt động du lịch định kỳ hàng năm. Xây dựng quy định cho du khách, nhà phát triển và doanh nghiệp du lịch. Giám sát các quy định này. Phát triển thêm LAC và giám sát các tác động du lịch.
Sở Du lịch	Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực du lịch; phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc định hướng phát triển sản phẩm du lịch, thẩm định các dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng giải trí tại Khu DTTN Động Châu - Khe Nước Trong theo phân công của UBND tỉnh và các quy định của pháp luật. Hỗ trợ công tác quảng bá, xúc tiến đầu tư và liên kết, hợp tác phát triển du lịch giữa Ban quản lý Khu DTTN Động Châu – Khe Nước Trong với các khu, điểm du lịch trong và ngoài tỉnh. Phối hợp tham mưu UBND tỉnh các chính sách khuyến khích đầu tư, hỗ trợ các doanh nghiệp du lịch tham gia vào việc phát triển sản phẩm du lịch tại Khu DTTN. Đẩy mạnh quảng bá, truyền thông, giới thiệu giá trị tài nguyên du lịch, các sản phẩm du lịch của Khu DTTN ở trong nước và quốc tế. Phối hợp với các sở, ngành, đơn vị địa phương liên quan triển khai công tác bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao chất lượng nhân lực du lịch theo giai đoạn và hàng năm đáp ứng nhu cầu phát triển du lịch của Khu DTTN Động Châu - Khe Nước Trong.

Sở Văn hoá và Thể thao	Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của các cộng đồng dân tộc thiểu số tại vùng đệm của Khu DTTN, đảm bảo sự kết hợp hài hòa giữa phát triển du lịch và bảo tồn văn hóa. Tổ chức các sự kiện, lễ hội văn hóa, thể thao gắn liền với hoạt động du lịch tại Khu DTTN, nhằm thu hút khách du lịch và nâng cao giá trị văn hóa của khu vực. Phát triển các sản phẩm du lịch mang tính văn hóa, nghệ thuật như các tour du lịch trải nghiệm văn hóa địa phương, chương trình nghệ thuật dân gian, nhằm làm phong phú thêm các trải nghiệm du lịch tại Khu DTTN. Tổ chức các chương trình đào tạo, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ văn hóa, hướng dẫn viên du lịch và cộng đồng địa phương về phát triển du lịch bền vững gắn với bảo tồn văn hóa.
Sở Tài nguyên và Môi trường	Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp & PTNT, các sở, ban, ngành cấp tỉnh và các đơn vị có liên quan hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc Khu DTTN triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Đề án liên quan đến công tác quản lý đất đai, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, lập hồ sơ môi trường, xử lý chất thải đối với các dự án đầu tư; các hoạt động DLST, nghỉ dưỡng, giải trí và dân sinh trên địa bàn
Sở Xây dựng	Hướng dẫn BQL Khu DTTN và các đơn vị liên quan chấp hành, triển khai các hoạt động liên quan đến lĩnh vực quy hoạch xây dựng, đầu tư xây dựng các dự án xây dựng thuộc phạm vi đề án. Hướng dẫn, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật trong lĩnh vực xây dựng khi triển khai xây dựng các công trình phục vụ phát triển du lịch.
Sở Giao thông Vận tải	Phối hợp Sở Nông nghiệp và PTNT chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn Khu DTTN chấp hành, triển khai các hoạt động liên quan đến lĩnh vực giao thông của các dự án đầu tư du lịch trên địa bàn; quản lý hoạt động giao thông, các công trình giao thông, các phương tiện theo phân công, phân cấp quản lý.
Sở Ngoại vụ	Hỗ trợ phát triển kinh tế đối ngoại và du lịch thông qua các chương trình hợp tác, liên kết quốc tế, thúc đẩy liên kết, hợp tác về du lịch, đầu tư vào du lịch tỉnh cũng như Khu DTTN. Giới thiệu về tài nguyên du lịch văn hoá, lịch sử, cảnh quan thiên nhiên, con người đến các cơ quan đối ngoại của các nước thông qua các cuộc gặp gỡ, trao đổi giữa các đoàn ngoại giao quốc tế.
Sở Kế hoạch Đầu tư	Hướng dẫn, cung cấp thông tin, tư vấn, tạo điều kiện thuận lợi về thủ tục hành chính cho các nhà đầu tư các dự án kinh doanh DLCĐ, DLST trên địa bàn. Chủ trì thẩm định các dự án đầu tư phát triển du lịch theo thẩm quyền.
Sở Tài chính	Hàng năm, căn cứ khả năng cân đối ngân sách và nhu cầu kinh phí của Sở NN&PTNT và các cơ quan liên quan, Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu cơ chế, chính sách phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả đề án. Tham mưu về công tác quản lý, sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, liên doanh, liên kết, xử lý tài sản công theo quy định.

Sở Giáo dục và Đào tạo	Khuyến khích và hỗ trợ tích hợp các chương trình giáo dục về bảo vệ môi trường và bảo tồn thiên nhiên vào các cấp học, từ tiểu học đến trung học. Điều này giúp nâng cao nhận thức của học sinh về giá trị của Khu DTTN. Khuyến khích và hỗ trợ xây dựng các chương trình ngoại khóa, học kỳ xanh, hoặc các chuyến tham quan thực tế tại Khu DTTN để học sinh, sinh viên có cơ hội tiếp xúc với thiên nhiên, học hỏi về hệ sinh thái và bảo tồn.
Sở Thông tin và Truyền thông	Hỗ trợ xây dựng và triển khai các chiến dịch truyền thông nhằm quảng bá hình ảnh và giá trị của Khu DTTN đến với công chúng trong và ngoài nước. Hỗ trợ phát triển và nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, bao gồm các hệ thống truyền thông số và cổng thông tin điện tử, giúp tăng cường khả năng tiếp cận thông tin và dịch vụ du lịch tại Khu DTTN. Hỗ trợ và hướng dẫn đảm bảo an ninh mạng và bảo mật thông tin liên quan đến các hoạt động quảng bá và tiếp cận du khách trực tuyến, đặc biệt là qua các nền tảng mạng xã hội và website của Khu DTTN.
Sở Công Thương	Hỗ trợ và hướng dẫn phát triển các sản phẩm du lịch địa phương, như hàng thủ công mỹ nghệ, đặc sản nông sản, nhằm gia tăng giá trị và thu hút khách du lịch. Hỗ trợ thúc đẩy các hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối Khu DTTN với các doanh nghiệp du lịch, nhà hàng, khách sạn và các cơ sở kinh doanh khác, từ đó tạo nên một mạng lưới kinh tế hỗ trợ cho phát triển du lịch tại khu vực. Hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng thương mại tại Khu DTTN và các khu vực lân cận để phát triển và quản lý hiệu quả, trong đó tập trung vào hỗ trợ các hoạt động kinh doanh du lịch.
Sở Khoa học và Công nghệ	Hỗ trợ nghiên cứu và ứng dụng các công nghệ mới trong việc bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và phát triển du lịch bền vững tại Khu DTTN. Hỗ trợ tổ chức các chương trình hỗ trợ chuyển giao công nghệ và kỹ thuật hiện đại cho các doanh nghiệp và cơ quan quản lý Khu DTTN, giúp nâng cao hiệu quả trong quản lý tài nguyên và phục vụ du khách.
Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	Chủ trì đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật, hoạt động của các thế lực thù địch, phòng chống các tổ chức và cá nhân vi phạm ở khu vực biên giới nơi có các hoạt động khai thác của Dự án, theo quy định của pháp luật.

Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Đảm bảo an ninh quốc phòng trong khu vực, đặc biệt là tại các khu vực gần biên giới, nơi Khu DTTN tọa lạc. Phối hợp trong công tác phòng chống và ứng phó với thiên tai, đảm bảo an toàn cho cơ sở hạ tầng du lịch và du khách trong trường hợp xảy ra các sự cố thiên nhiên. Hỗ trợ trong các hoạt động cộng đồng, đặc biệt là trong việc xây dựng cơ sở hạ tầng và cải thiện điều kiện sống của người dân vùng đệm, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển du lịch.
Công an tỉnh	Chỉ đạo Công an huyện Lệ Thủy tạo điều kiện thuận lợi cho khách du lịch là người nước ngoài đăng ký làm thủ tục theo quy định. Phân công cán bộ theo dõi, phụ trách địa bàn có điểm du lịch, các cơ sở kinh doanh du lịch, đảm bảo an ninh, an toàn cho du khách. Tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở kinh doanh du lịch thu hút và tổ chức các hoạt động dịch vụ cho khách du lịch, hướng dẫn thực hiện theo quy định của pháp luật.
Ban Dân tộc tỉnh	Hỗ trợ bảo vệ và phát triển các giá trị văn hóa truyền thống của các cộng đồng dân tộc thiểu số trong vùng đệm của Khu DTTN, đồng thời thúc đẩy các hoạt động du lịch văn hóa. Hỗ trợ xây dựng các chương trình hỗ trợ kinh tế, giúp các cộng đồng dân tộc thiểu số tham gia vào các hoạt động du lịch, từ đó nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống. Phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc phát triển các mô hình du lịch cộng đồng, giúp du khách có cơ hội trải nghiệm văn hóa và cuộc sống của các dân tộc thiểu số tại Khu DTTN.
UBND huyện Lệ Thủy	Phối hợp với BQL Khu DTTN triển khai hoạt động du lịch trên địa bàn. Chỉ đạo các ban ngành, UBND xã Kim Thủy xây dựng kế hoạch tôn tạo, phát huy các giá trị văn hóa, truyền thống, lễ hội, trên địa bàn để phục vụ du lịch. Chỉ đạo các ban ngành, UBND các xã tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động du lịch, quản lý hoạt động, đảm bảo an toàn cho du khách; tăng cường giữ gìn trật tự trị an, vệ sinh môi trường tại các điểm trên địa bàn. Tăng cường quảng bá, xúc tiến đầu tư thu hút các nhà đầu tư du lịch; tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia các hoạt động du lịch. Tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư đến đầu tư du lịch tại địa bàn. Ưu tiên cân đối từ nguồn ngân sách huyện để thực hiện một số hạng mục đầu tư trong Đề án.
UBND các xã vùng đệm	Xây dựng kế hoạch bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của cộng đồng địa phương và xây dựng các sản phẩm du lịch đặc trưng của địa phương. Tổ chức tuyên truyền, khuyến khích nhân dân đầu tư, tham gia các hoạt động DLCĐ, DLST trên địa bàn.

Cộng đồng địa phương	Đầu tư các dịch vụ phục vụ du lịch như: nhà nghỉ, dịch vụ ăn uống, các sản phẩm thủ công, các lễ hội truyền thống của địa phương. Hình thành các nhóm DLCĐ của từng làng, bản, phân chia theo dịch vụ du lịch. Đồng thời, xây dựng cơ cấu tổ chức quản lý DLCĐ, phương thức chia sẻ lợi ích, hướng tới phục vụ chuyên nghiệp và có tổ chức. Tham gia các hoạt động QLTVR, bảo tồn thiên nhiên, bảo tồn văn hóa truyền thống, giữ gìn vệ sinh môi trường, cảnh quan, góp phần bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội.
Khu vực tư nhân: Cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp tham gia đầu tư phát triển DLST	Tuân thủ pháp luật của nhà nước, những quy của chính quyền địa phương và Khu DTTN. Có trách nhiệm quản lý bảo tồn, tôn tạo cảnh quan môi trường, giữ gìn các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc, thực hiện DLST theo hướng phát triển bền vững. Có trách nhiệm quản lý, bảo vệ toàn bộ diện tích rừng và đất rừng được thuê, khoán môi trường. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước, địa phương và Khu DTTN. Tổ chức thực hiện theo dự án được phê duyệt, dưới sự kiểm tra, giám sát của BQL Khu DTTN và các cơ quan chức năng của địa phương. Tôn trọng các cộng đồng địa phương và văn hóa truyền thống của người dân bản địa, Góp phần tích cực vào việc xây dựng CSHT, tôn tạo các di tích văn hoá, lịch sử, các công trình phúc lợi trên địa bàn. Ưu tiên sử dụng và đào tạo lao động địa phương. Tham gia tuyên truyền, vận động nhân dân nêu cao ý thức TVR, bảo vệ môi trường sinh thái và truyền thống văn hoá của địa phương, giúp đồng bào phát triển kinh tế, tăng thu nhập.
Khách du lịch	- Giữ gìn vệ sinh chung tại các điểm đến. Rác phải được đổ đúng quy định, không khạc nhổ, tuân thủ các quy định về vệ sinh nơi công cộng (ví dụ: không hút thuốc, không sử dụng túi nilon, không mang vào phạm vi của Khu DTTN). - Quan tâm và tôn trọng văn hóa địa phương và văn hóa cộng đồng trong vùng đệm của Khu DTTN. - Sử dụng hợp lý tài nguyên tại các điểm đến. Tiết kiệm điện, nước khi sử dụng và lựa chọn phương tiện giao thông công cộng khi có thể để giảm lượng khí thải carbon. - Không mua các sản phẩm làm từ thực vật hoặc động vật. Việc mua bán này có thể làm gia tăng hoạt động buôn bán bất hợp pháp các loài động thực vật quý hiếm. - Góp phần phát triển kinh tế cho cộng đồng địa phương vùng đệm và quỹ phát triển rừng của Khu DTTN.

5.2 TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ GIÁM SÁT ĐỀ ÁN

Ban quản lý Khu DTTN phối hợp với các chủ đầu tư, chính quyền địa phương và các cơ quan liên quan thường xuyên đánh giá và giám sát những nội dung sau:

- Giám sát hoạt động đầu tư xây dựng và hoạt động kinh doanh du lịch theo báo cáo tác động môi trường, hoặc cam kết bảo vệ môi trường để đảm bảo tính tuân thủ và việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu, bồi hoàn.
- Giám sát và đánh giá việc xây dựng các công trình theo đúng quy hoạch và tiến độ để đảm bảo không có các vi phạm và quản lý các tác động và ô nhiễm nếu có.

- Giám sát các các yếu tố an toàn du lịch.
- Giám sát hoạt động phối hợp giữa các bên tham gia hoạt động DLST trong Khu DTTN.

Các hoạt động đầu tư xây dựng và du lịch trong Khu DTTN sẽ tuân thủ đúng quy định của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP, ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp và Nghị định 91/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 156/2018/NĐ-CP.

Các giới hạn thay đổi có thể chấp nhận được xác định theo khung dưới đây, là cơ sở để BQL Khu DTTN thực hiện nhiệm vụ giám sát.

Bảng 16. Khung xác định giới hạn thay đổi có thể chấp nhận được (LAC) Khu DTTN

Chỉ số	Loại tác động	Phương thức quản lý tác động	Bộ phận nghiên cứu
Tỷ lệ diện tích được sử dụng để phát triển du lịch	Tác động đến môi trường tự nhiên	Khoanh vùng, quy định tỷ lệ được phép xây dựng tối đa đối với hoạt động du lịch	BQL Khu DTTN thiết lập bản đồ vị trí phát triển và xây dựng công trình du lịch và đưa ra các quy định cụ thể.
Tỷ lệ động vật biến mất khỏi môi trường sống tự nhiên	Tác động đến môi trường tự nhiên	Khoanh vùng phân tách khu vực bảo vệ và khu vực diễn ra hoạt động du lịch	BQL Khu DTTN thiết lập bản đồ vị trí giữa các khu vực bảo vệ và khu vực diễn ra hoạt động du lịch.
Tỷ lệ nước thải sinh hoạt xả thẳng ra môi trường	Tác động đến môi trường tự nhiên	Các phương pháp xử lý nước thải, rác thải	- BQL Khu DTTN phối hợp với đơn vị thu gom và xử lý nước thải, rác thải. - Hai bên tiến hành nghiên cứu, đánh giá và đưa ra các chiến lược quản lý chất thải theo quý và theo năm.
Tỷ lệ khói bụi từ hoạt động du lịch	Tác động đến môi trường tự nhiên	- Phương án hạn chế phương tiện giao thông cá nhân - Phương án sử dụng phương tiện thay thế	- BQL Khu DTTN ban hành quy định các phương tiện được sử dụng trong khu DTTN. - BQL Khu DTTN phối hợp với đơn vị tư vấn để đánh giá tỷ lệ khói bụi từ các phương tiện vận chuyển du lịch nhằm đưa ra các phương án sử dụng phương tiện vận chuyển phù hợp.
Mức độ tiếng ồn tối đa có thể ảnh hưởng tới môi trường sống của các loài.	Tác động đến môi trường tự nhiên	Quy định về các hoạt động, dịch vụ có thể gây tiếng ồn	- BQL Khu DTTN ban hành quy định hạn chế các hoạt động, dịch vụ có thể gây tiếng ồn. - BQL Khu DTTN phối hợp với đơn vị tư vấn để đánh giá mức độ tiếng ồn gây ra từ hoạt động du lịch nhằm

Chỉ số	Loại tác động	Phương thức quản lý tác động	Bộ phận nghiên cứu
			đưa ra các phương án quản lý phù hợp.
Mật độ khách tối đa trong một khu vực nhất định	Tác động đến chất lượng hoạt động du lịch	Giới hạn lượng khách tại một điểm nhằm tránh ùn tắc	- Phòng Khoa học - Hợp tác quốc tế và Môi trường tiến hành phối hợp với đơn vị tư vấn để đánh giá sức chịu và ban hành quy định về giới hạn lượng khách tại cửa các điểm đến. - Trung tâm Giáo dục Môi trường và Dịch vụ kiểm soát lượng khách tại các điểm đến.
Mức độ thay đổi đời sống của cộng đồng dân cư	Tác động đến yếu tố văn hóa xã hội	- Đánh giá kỹ năng của cộng đồng địa phương - Đánh giá tính nguyên bản của các giá trị văn hóa - Hỗ trợ cộng đồng địa phương	Phòng Hành chính Tổng hợp và UBND xã Kim Thủy, huyện Lệ Thủy phối hợp đánh giá sự thay đổi đời sống của người dân dựa vào hoạt động du lịch (bao gồm nhân viên của Khu DTTN là cư dân vùng đệm và các cộng đồng liên kết và hợp tác với Khu DTTN trong phát triển du lịch).
Giá các sản phẩm và dịch vụ du lịch	Tác động đến chất lượng hoạt động du lịch	Thống nhất và niêm yết giá tại các cơ sở kinh doanh tại các điểm đến của Khu DTTN	BQL Khu DTTN và các cơ sở kinh doanh du lịch tiến hành thống nhất nhằm ban chính sách và quy định về giá tại các điểm đến của Khu DTTN.

Giám sát việc thực hiện Đề án theo khung sau:

Bảng 17. Khung kế hoạch thực hiện

Các mục tiêu, nhiệm vụ và hoạt động của đề án	Chỉ số	Giá trị ban đầu	Giá trị mục tiêu	Căn cứ	Giả định rủi ro	Giải pháp giảm thiểu rủi ro
Mục tiêu: Phát triển DLST tại Khu DTTN như một mô hình du lịch kiểu mẫu, chuyên nghiệp có tính bền vững và trách nhiệm. Nguồn thu từ du lịch sẽ góp phần từng bước tự chủ một phần kinh phí chi thường xuyên cho công tác quản lý BVR và bảo tồn quả đa dạng sinh học.						
Du lịch đem lại nguồn thu đáng kể cho bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học và phát triển kinh tế địa phương	- Tổng doanh thu từ hoạt động DLST tăng % doanh thu từ DLST đóng góp cho kinh tế địa phương (ngân sách nhà nước) % doanh thu từ DLST đóng góp cho cộng đồng vùng đệm % doanh thu từ DLST đóng góp cho công tác bảo tồn thiên nhiên của Khu DTTN	- Số liệu này sẽ được Khu DTTN thống kê kể từ năm đầu tiên thực hiện dự án - Số liệu này sẽ được Khu DTTN thống kê kể từ năm đầu tiên thực hiện dự án - Số liệu này sẽ được Khu DTTN thống kê kể từ năm đầu tiên thực hiện dự án - Số liệu này sẽ được Khu DTTN thống kê kể từ năm đầu tiên thực hiện dự án	- Năm 2025: 1 tỷ VND - Năm 2030: 10 tỉ VND - Năm 2025: 10% - Năm 2030: 15% - Năm 2025: 1%²⁷ - Năm 2030: 1,5% - Năm 2025: 15% - Năm 2030: 20%²⁸	- Các báo cáo tài chính quý và báo cáo tài chính năm về hoạt động kinh doanh du lịch cho đến 2030 - Báo cáo kinh tế xã hội của huyện Lệ Thủy - Các khảo sát, nghiên cứu về kinh tế xã hội của địa phương	- Các dịch bệnh bùng phát ảnh hưởng đến nhu cầu du lịch - Bị cạnh tranh bởi các điểm du lịch khác - Biến đổi khí hậu, phát thải từ phương tiện tăng làm suy giảm tính hấp dẫn của tài nguyên du lịch - Hoạt động du lịch bị ảnh hưởng bởi khủng hoảng kinh tế toàn cầu và Việt Nam, bởi tình hình chính trị thế giới	- Lập kế hoạch ứng phó với dịch bệnh trong tương lai, áp dụng các biện pháp phòng chống kịp thời. - Tập trung quảng bá các sản phẩm đặc trưng, mang thương hiệu của Khu DTTN nhằm định vị hình ảnh điểm đến. - Xây dựng kế hoạch quản lý rủi ro cho Khu DTTN

²⁷ Tham khảo mức cho thuê dịch vụ môi trường rừng tối thiểu 1% tổng doanh thu thực hiện trong kỳ quy định tại Điểm d, Khoản 2, Điều 63, Luật lâm nghiệp 2017

²⁸ Tham khảo nhu cầu thực tiễn và việc sử dụng nguồn thu từ hoạt động du lịch của Khu DTTN.

Các mục tiêu, nhiệm vụ và hoạt động của đề án	Chỉ số	Giá trị ban đầu	Giá trị mục tiêu	Căn cứ	Giả định rủi ro	Giải pháp giảm thiểu rủi ro
		tiên thực hiện dự án				
Kết quả						
Kết quả 1: Phát triển được các điểm, tuyến DLST đặc trưng	- Số lượng các điểm tham quan du lịch được quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) - Số lượng các tuyến du lịch được thiết lập và khai thác	- Số liệu này sẽ được Khu DTTN thống kê kể từ năm đầu tiên thực hiện dự án - Số liệu này sẽ được Khu DTTN thống kê kể từ năm đầu tiên thực hiện dự án	2025: 06 điểm tham quan du lịch được quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500: Khu trải nghiệm sinh thái Khe Nước Trong, Khu sinh thái Cổng Trời - Suối Tiên, Trung tâm GDMT&DV, Điểm vui chơi giải trí sinh thái Rào Chân, Công viên sinh thái rừng Khe Đan, Điểm trải nghiệm sinh thái được liệu Khe Cau 2030: 9 tuyến được quy hoạch và khai thác trong giai đoạn 2024 - 2030	- Quyết định phê duyệt phát triển các điểm du lịch - Kế hoạch triển khai việc quy hoạch các điểm đến đã đề cập - Báo cáo kết quả hoạt động của các điểm, tuyến (bao gồm lượng khách, doanh thu)	- Các quy hoạch chưa hoàn thiện đúng kế hoạch do vấn đề nguồn vốn - Các điểm, tuyến chưa đi vào hoạt động do thiếu nhà đầu tư	- Khu DTTN bám sát kế hoạch đã đưa ra và phối hợp chặt chẽ với các bên liên quan như chính quyền địa phương, các doanh nghiệp. - Khu DTTN phối hợp với chính quyền địa phương xây dựng chính sách thu hút đầu tư căn cứ theo Luật
Kết quả 2: Sản phẩm DLST thu hút nhà đầu tư	Số lượng nhà đầu tư vào DLST Khu DTTN	Năm 2024: 0 nhà đầu tư vì cần thời gian để kêu gọi nhà đầu tư sau khi dự	2025: Ít nhất 2 nhà đầu tư có dự án được UBND tỉnh thông qua	Hợp đồng cho thuê MTR/liên doanh liên kết được ký kết với các cá	Không huy động được nguồn xã hội hóa và nguồn đầu tư từ các	Khu DTTN phối hợp với chính quyền địa phương xây dựng chính sách

Các mục tiêu, nhiệm vụ và hoạt động của đề án	Chỉ số	Giá trị ban đầu	Giá trị mục tiêu	Căn cứ	Giả định rủi ro	Giải pháp giảm thiểu rủi ro
		án được phê duyệt	2030: ít nhất 3 nhà đầu tư có dự án được UBND tỉnh thông qua	nhân/doanh nghiệp	doanh nghiệp, cá nhân tiềm năng	thu hút đầu tư căn cứ theo Luật Tích cực hỗ trợ, tạo điều kiện cho cá nhân/doanh nghiệp có nhu cầu thuê MTR để kinh doanh DLST
Kết quả 3: Sản phẩm DLST hấp dẫn khách du lịch	Số lượng khách du lịch (gồm cả nội địa và quốc tế)	Số liệu này sẽ được Khu DTTN thống kê kể từ năm đầu tiên thực hiện dự án	2025: 2.000 lượt khách 2030: 10.000 lượt khách	Các báo cáo tài chính quý và báo cáo tài chính năm về hoạt động kinh doanh du lịch cho đến năm 2030	- Các dịch bệnh bùng phát ảnh hưởng đến nhu cầu du lịch - Bị cạnh tranh bởi các điểm du lịch khác - Biến đổi khí hậu, phát thải từ phương tiện tăng làm suy giảm tính hấp dẫn của tài nguyên du lịch - Hoạt động du lịch bị ảnh hưởng bởi khủng hoảng kinh tế toàn cầu và Việt Nam, bởi tình hình chính trị thế giới	- Lập kế hoạch ứng phó với dịch bệnh trong tương lai, áp dụng các biện pháp phòng chống kịp thời. - Tập trung quảng bá các sản phẩm đặc trưng, mang thương hiệu của Khu DTTN nhằm định vị hình ảnh điểm đến. - Xây dựng kế hoạch quản lý rủi ro
Kết quả 4: Văn hoá địa phương là một phần quan trọng của các sản phẩm DLST	Số lượng thỏa thuận với cộng đồng về việc cung ứng sản phẩm địa phương, ẩm thực	Số liệu này sẽ được Khu DTTN thống kê kể từ năm đầu	2024: Nhiều hơn 5 thỏa thuận với cộng đồng về việc cung ứng sản phẩm địa	Báo cáo kết quả hoạt động của các điểm đến, bao gồm lượng khách, doanh	Đặc trưng văn hoá của cộng đồng bị suy giảm ảnh hưởng đến các sản phẩm du	Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cộng đồng địa phương về vấn đề bảo

Các mục tiêu, nhiệm vụ và hoạt động của đề án	Chỉ số	Giá trị ban đầu	Giá trị mục tiêu	Căn cứ	Giả định rủi ro	Giải pháp giảm thiểu rủi ro
	truyền thống và văn hóa văn nghệ • Số lượng sự kiện DLST được tổ chức có sự tham gia của cộng đồng	tiên thực hiện dự án • Số liệu này sẽ được Khu DTTN thống kê kể từ năm đầu tiên thực hiện dự án	phương, ẩm thực truyền thống và văn hóa văn nghệ • 2030: Nhiều hơn 15 thỏa thuận với cộng đồng về việc cung ứng sản phẩm địa phương, ẩm thực truyền thống và văn hóa văn nghệ • Nhiều hơn 1 tour, 1 sự kiện đạp xe, chạy marathon hàng năm được tổ chức có sự tham gia của cộng đồng	thu và sự tham gia của cộng đồng địa phương	lịch và cảm nhận của du khách. • Người dân địa phương tham gia các ngành kinh tế khác, quá trình dịch chuyển dân cư mạnh dẫn đến thiếu nhân lực phục vụ du lịch	tồn văn hóa cho phát triển du lịch • Ưu đãi về giá cho du khách đối với các sản phẩm DLST dựa vào văn hóa cộng đồng • Khu DTTN phối hợp với chính quyền địa phương và các doanh nghiệp xây dựng chính sách hỗ trợ và khuyến khích người dân tham gia vào hoạt động du lịch
Kết quả 5: Du lịch thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng	• Số lượng người dân địa phương tham gia vào hoạt động du lịch	• Số liệu này sẽ được Khu DTTN thống kê kể từ năm đầu tiên thực hiện dự án • Số liệu này sẽ được Khu	• 2025: Khoảng 100 lao động địa phương tham gia vào hoạt động du lịch • 2030: Khoảng 200 lao động địa phương tham gia vào hoạt động du lịch	• Các bản hợp đồng lao động thời vụ được ký kết với người dân địa phương vùng đệm • Các thỏa thuận hợp tác được ký kết với cộng đồng xã Kim Thủy • Báo cáo kết quả tập huấn hàng năm	• Các lớp tập huấn kỹ năng du lịch cộng đồng không đạt hiệu quả như mong đợi	• Đánh giá nhu cầu đào tạo của cộng đồng trước khi tổ chức tập huấn • Liên hệ với các chuyên gia, phối hợp chặt chẽ với các doanh nghiệp nhằm xây dựng nội dung đào tạo thiết thực

Các mục tiêu, nhiệm vụ và hoạt động của đề án	Chỉ số	Giá trị ban đầu	Giá trị mục tiêu	Căn cứ	Giả định rủi ro	Giải pháp giảm thiểu rủi ro
	Số lớp tập huấn kỹ năng du lịch cộng đồng được tổ chức	DTTN thống kê kể từ năm đầu tiên thực hiện dự án	2024: 2 lớp tập huấn nâng cao kỹ năng du lịch cộng đồng cho cộng đồng vùng đệm được tổ chức 2030: 6 lớp tập huấn nâng cao kỹ năng du lịch cộng đồng cho cộng đồng vùng đệm được tổ chức			
Kết quả 6: Nâng cao năng lực cho nhân lực du lịch	- Số lượng nhân lực được tham gia các khoá đào tạo về du lịch - Số lượng các lớp đào tạo về du lịch được tổ chức	Năm đầu tiên thực hiện dự án, Khu DTTN sẽ lên kế hoạch đào tạo về du lịch cho cán bộ để đo lường các chỉ số đặt ra.	Đến 2030: 8 lớp tập huấn được tổ chức, mỗi lớp khoảng 15 cán bộ tham gia;	Báo cáo kết quả hoạt động đào tạo DLST hàng năm	Thiếu nguồn kinh phí cho hoạt động đào tạo nâng cao năng lực	- Kêu gọi đầu tư trong đào tạo nâng cao năng lực cho nhân sự - Liên kết với các doanh nghiệp, cơ sở đào tạo trong việc hỗ trợ tập huấn cho nhân sự Khu DTTN
Kết quả 7: Ít ghi nhận những tác động tiêu cực đến thiên nhiên và đa dạng sinh học	Số lượng điểm bị xói mòn, sạt lở tại khu vực khai thác DLST	Số liệu này sẽ được Khu DTTN thống kê kể từ năm đầu tiên thực hiện dự án	- Hoạt động DLST sẽ được kiểm soát nhằm hạn chế tối đa tác động tiêu cực đến thiên nhiên và đa dạng sinh học. - Cố gắng không ghi nhận thêm hiện tượng sạt lở so với 2024	Kế hoạch và báo cáo về bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học của Khu DTTN hàng năm	- Hoạt động DLST diễn ra thiếu kiểm soát - Các hiện tượng bên khó kiểm soát do các yếu tố tác động trực tiếp như biến đổi khí hậu, dịch bệnh, thiên tai.	- Thực hiện nghiêm ngặt kế hoạch bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học của Khu DTTN - Thực hiện nghiêm ngặt kế hoạch và giải pháp quản lý rác thải đã đề xuất.

Các mục tiêu, nhiệm vụ và hoạt động của đề án	Chỉ số	Giá trị ban đầu	Giá trị mục tiêu	Căn cứ	Giả định rủi ro	Giải pháp giảm thiểu rủi ro
	Số lượng loài động, thực vật bị tác động/chịu ảnh hưởng bởi hoạt động DLST	Số liệu này sẽ được Khu DTTN thống kê thông qua các nghiên cứu về loài và đa dạng sinh học kể từ năm đầu tiên thực hiện dự án	Cố gắng không ghi nhận sự suy giảm về số lượng các loài động, thực vật trong Khu DTTN			
Kết quả 8: Hệ thống giám sát du lịch hoạt động hiệu quả	- Tần suất của hoạt động giám sát du lịch - Phản trăm thay đổi các chỉ số giám sát của từng nhóm hoạt động qua các lần đánh giá	2024: Năm đầu tiên khi vận hành dự án, Khu DTTN sẽ xây dựng khung giám sát hiệu quả quản lý để đo lường các chỉ số đặt ra	- Các hoạt động DLST được giám sát theo quý và năm - Phản trăm thay đổi các chỉ số giám sát của năm sau ít hơn năm trước qua từng đợt đánh giá, giám sát	- Khung giám sát hiệu quả quản lý du lịch - Báo cáo giám sát DLST Khu DTTN theo quý và theo năm	- Nguồn lực của Khu DTTN không đủ để giám sát và điều chỉnh hoạt động DLST định kỳ - Xung đột xảy ra giữa Khu DTTN và doanh nghiệp khiến công tác giám sát gặp khó khăn	- Tuyển chọn và nâng cao năng lực cho cán bộ Khu DTTN nhằm giám sát và điều chỉnh hoạt động DLST hiệu quả. - Minh bạch cơ chế hợp tác và lợi ích giữa Khu DTTN và các doanh nghiệp trong quá trình vận hành hoạt động sinh thái

5.3 HIỆU QUẢ CỦA ĐỀ ÁN

5.3.1 Hiệu quả kinh tế

Đề án giúp tăng nguồn thu cho Khu DTTN thông qua hoạt động cho thuê môi trường rừng, tự tổ chức thực hiện hoặc liên doanh liên kết để phát triển các hoạt động DLST. Đến năm 2025 số lượt khách du lịch đến với Khu DTTN đạt 2.000 lượt (khách quốc tế tối thiểu chiếm 10%, khách nội địa 90%). Tỷ lệ số lượt khách nghỉ qua đêm đạt 15% tổng số, tương đương khoảng 300 lượt; tổng thu từ hoạt động DLST đạt trên 1 tỷ đồng/năm; trong đó nguồn thu từ cho thuê MTR hàng năm đạt ít nhất 100 triệu đồng.

Đến năm 2030 số lượt khách du lịch đến Khu DTTN đạt 10.000 lượt khách (khách quốc tế chiếm 20%, khách nội địa 80%). Tỷ lệ số lượt khách nghỉ qua đêm chiếm hơn 30%, tương đương với khoảng 3.000 lượt; tổng thu từ hoạt động DLST 10 tỉ đồng, trong đó nguồn thu từ cho thuê MTR hàng năm đạt ít nhất 200 triệu đồng.

5.3.2 Hiệu quả văn hoá - xã hội

Hoạt động dịch vụ du lịch sẽ thu hút được nguồn lao động địa phương, góp phần tăng thu nhập, ổn định đời sống nhân dân ở các xã vùng đệm và giảm áp lực phụ thuộc vào rừng. Trong đó, đến năm 2025, hoạt động du lịch tạo công ăn việc làm cho trên 100 người; đến năm 2030, khoảng 200 lao động có việc làm.

Thông qua các hoạt động du lịch, CSHT kỹ thuật, các công trình phúc lợi sẽ được đầu tư xây dựng, các hoạt động văn hóa truyền thống được phục hồi và duy trì nhằm phục vụ đời sống văn hóa của cộng đồng, góp phần duy trì văn hóa và kiến thức của người dân địa phương theo hướng bền vững.

Hoạt động du lịch, tăng cường tiếp xúc và giao lưu với khách cũng giúp nâng cao dân trí của nhân dân trong vùng, góp phần nâng cao nếp sống văn minh, lành mạnh ở các làng, xã gần rừng. Các giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc được gìn giữ và phát triển thông qua các hoạt động du lịch văn hóa, du lịch tâm linh.

5.3.3 Hiệu quả bảo vệ môi trường

DLST là loại hình du lịch dựa vào tài nguyên thiên nhiên, DLST có thể kết hợp với tài nguyên văn hoá bản địa cùng với các hoạt động giáo dục và diễn giải về môi trường. Do đó, khi tham gia vào hoạt động DLST sẽ hiểu và trân trọng hơn các giá trị của thiên nhiên, đa dạng sinh học. Do đó, các hoạt động DLST không chỉ có hiệu quả về mặt kinh tế mà còn có tác dụng giáo dục nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng đối với môi trường, đa dạng sinh học.

Thực hiện Đề án giúp tăng nguồn thu, tái đầu tư cho hoạt động BVR, bảo vệ đa dạng sinh học, góp phần bảo tồn bảo tồn thiên nhiên hiệu quả hơn. Bên cạnh đó, thực hiện Đề án sẽ giúp xác định mô hình trồng thử nghiệm các loài dược liệu dưới tán rừng làm cơ sở thực tiễn để thu hút doanh nghiệp thuê môi trường rừng để đầu tư trồng và kinh doanh dược liệu tạo các sản phẩm phục vụ du lịch.

5.3.4 Hiệu quả an ninh - quốc phòng

Với địa thế tiếp giáp với nước Lào và tỉnh Quảng Trị, các hoạt động DLST, nghỉ dưỡng, giải trí tại Khu DTTN có nhiều lợi thế tiếp cận tới đa dạng đối tượng khách hàng, đặc biệt là khách du lịch quốc tế. Do đó, thực hiện Đề án sẽ góp phần xây dựng phương án đề xuất các chính sách đảm bảo an ninh quốc phòng, góp phần cải thiện đời sống, nâng cao thu nhập cho cộng đồng địa phương, từ đó nâng cao nhận thức về chủ quyền lãnh thổ và giảm thiểu những hành vi trái phép qua biên giới.

6 KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

6.1 KẾT LUẬN

Đề án DLST, nghỉ dưỡng, giải trí Khu DTTN, giai đoạn 2024 - 2030 được xây dựng dựa trên cơ sở điều tra, đánh giá hiện trạng các loại tài nguyên thiên nhiên, văn hóa lịch sử và văn hóa dân tộc đảm bảo tính khoa học và thực tiễn.

Các nội dung trong Đề án đã bám sát vào công văn số 1183/TCLN-ĐDPH và quyết định số 27/QĐ-BQL Khu DTTN ngày 22/5/2024 về việc phê duyệt đề cương nhiệm vụ và dự toán kinh phí lập Đề án DLST, nghỉ dưỡng, giải trí Khu DTTN, giai đoạn 2024 - 2030.

Việc lựa chọn các điểm, tuyến tổ chức DLST, nghỉ dưỡng, giải trí trong Khu DTTN cũng như việc đưa ra lộ trình đầu tư, các hạng mục ưu tiên đầu tư và đề xuất các giải pháp tổ chức thực hiện đều dựa trên các tiêu chí cụ thể và phân tích thực tế tài nguyên du lịch ở các điểm và tuyến trong Khu DTTN. Bên cạnh đó việc quy hoạch và lựa chọn các điểm du lịch, quy mô, vị trí đều dựa trên các quy định của Luật Lâm nghiệp, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP, Nghị định số 91/2024/NĐ-CP và các Luật, văn bản liên quan khác.

Trong thời gian tới, bên cạnh chủ động nâng cao chất lượng đội ngũ quản lý, Khu DTTN sẽ nhanh chóng đẩy mạnh các hoạt động hợp tác, liên kết, cho thuê MTR để khai thác hiệu quả một số địa điểm sau: Trung tâm GDMT & DV, Khu trải nghiệm sinh thái Khe Nước Trong, Khu sinh thái Cổng Trời - Suối Tiên, Điểm vui chơi giải trí sinh thái Rào Chân, Công viên sinh thái rừng Khe Đan, Điểm trải nghiệm sinh thái được liệu Khe Cau.

Hiện nay, tổng diện tích phân khu DVHC Khu DTTN có 20,37ha nên chưa đảm bảo diện tích thiết yếu cho các hoạt động cho thuê MTR, xây dựng cơ sở phục vụ nghiên cứu khoa học, bảo tồn và du lịch sinh thái, vì vậy Khu DTTN cần xem xét điều chỉnh và mở rộng diện tích phân khu DVHC để đảm bảo các hoạt động được triển khai hiệu quả, phù hợp với tầm nhìn và không gây tác động xấu tới cảnh quan và môi trường tự nhiên. Diện tích điều chỉnh phân khu DVHC dự kiến như sau: Cụm du lịch Cầu Khỉ - Khe Nước Trong: 527,67ha; Cụm du lịch Khe Đan: 138,81ha; Cụm du lịch Bãi Đan và các thác Khe Le (suối Tiên): 225,08ha; Cụm du lịch Hà Lạc - Sông Rào Chân: 58,58ha. Khu DTTN sẽ bám sát theo hướng dẫn tại Điều 10, Nghị định số 91/2024/NĐ-CP.

Việc lập hồ sơ để được công nhận là điểm du lịch cấp tỉnh là cần thiết để đảm bảo tiêu chuẩn và chất lượng dịch vụ, thu hút đầu tư và du khách, quản lý và phát triển bền vững. Hồ sơ giúp xác định rằng điểm du lịch đáp ứng các yêu cầu về cơ sở hạ tầng, an ninh, vệ sinh và bảo vệ môi trường, tạo niềm tin và uy tín cho du khách. Đồng thời, được công nhận chính thức mang lại nhiều hỗ trợ và ưu đãi từ chính phủ, giúp nâng cao chất lượng dịch vụ và phát triển kinh tế địa phương. Vì vậy, Khu DTTN cần hoàn thiện các tiêu chí để được cộng nhận trở thành điểm du lịch cấp tỉnh theo Điều 12 Nghị định 168/2017/NĐ-CP và Điều 27 Luật Du lịch 2017.

Đề án được phê duyệt sẽ góp phần bảo tồn và phát huy các giá trị cảnh quan thiên nhiên; tôn tạo và duy trì các hoạt động văn hóa truyền thống; khai thác tiềm năng, lợi thế về ĐDSH. Khi đi vào thực hiện đề án sẽ góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho cộng đồng địa phương cũng như tạo ra nguồn thu bền vững cho Khu DTTN.

Các hoạt động của Đề án giúp nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các bên liên quan trong việc bảo vệ môi trường, ĐDSH, các giá trị văn hóa, lịch sử, góp phần thực hiện Chiến lược

phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2021, tầm nhìn đến năm 2030 và Quy hoạch tỉnh Quảng Bình thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

6.2 KIẾN NGHỊ

Kính đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và UBND tỉnh Quảng Bình phê duyệt “Đề án DLST, nghỉ dưỡng, giải trí Khu DTTN giai đoạn 2024 - 2030” để BQL Khu DTTN và các đơn vị liên quan có cơ sở triển khai thực hiện.

Các sở, ban, ngành liên quan hướng dẫn cụ thể các quy trình thực hiện các thủ tục đầu tư dự án, nguồn ngân sách, quy mô và nguồn lực theo chức năng nhiệm vụ như đã nêu tại phần tổ chức thực hiện dự án.

Đề nghị các phòng, ban, UBND các xã liên quan phối hợp và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân đầu tư và tham gia hoạt động DLST, DLCĐ trên địa bàn./.

7 TÀI LIỆU THAM KHẢO

- BirdLife International. (2018a). Cơ sở dữ liệu thế giới về các khu vực đa dạng sinh học chính. Được phát triển bởi Quan hệ đối tác các khu vực đa dạng sinh học chính. <www.keybiodiversityareas.org>, truy cập ngày 25/5/2024.
- Bộ Khoa học và Công nghệ, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ. (2007). Sách đỏ Việt Nam. Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội, Việt Nam.
- Danh sách đỏ các loài bị đe dọa của IUCN (2018). Phiên bản 2017-3. truy cập ngày 25/5/2024.
- Hiệp hội DLST Quốc tế - The International Ecotourism Society - TIES (1990). What Is Ecotourism?. Trang thông tin Điện tử Hiệp hội DLST Quốc tế, truy cập ngày 25/5/2024 tại <<https://ecotourism.org/what-is-ecotourism/>> .
- Huy Lê (2019). Xu hướng phát triển của du lịch thế giới tác động mạnh mẽ tới du lịch Việt Nam. Báo Điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, <<http://dangcongsan.vn/kinh-te/xu-huong-phat-trien-cua-du-lich-the-gioi-tac-dong-manh-me-toi-du-lich-viet-nam-532359.html>>, truy cập ngày 25/5/2024.
- Phương án quản lý rừng bền vững Khu Dự trữ Thiên nhiên Động Châu - Khe Nước Trong giai đoạn 2021 - 2030.
- Quyết định 1685/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 05/12/2018 phê duyệt đề án “Cơ cấu lại ngành du lịch đáp ứng yêu cầu phát triển thành ngành kinh tế mũi nhọn”.
- Thanh Giang (20220). Du lịch Việt Nam nỗ lực phục hồi, lấy lại đà tăng trưởng trong năm mới. Báo Điện tử VietnamPlus - Thông tấn xã Việt Nam. <<https://www.vietnamplus.vn/du-lich-viet-nam-no-luc-phuc-hoi-lay-lai-da-tang-truong-trong-nam-moi/766294.vnp>>, Truy cập ngày 25/5/2024.
- Tổ chức Du lịch thế giới (2019). Du lịch kết hợp chăm sóc sức khỏe sẽ tăng mạnh. Báo Điện tử Chính phủ, truy cập ngày 25/5/2024 tại <<http://baochinhphu.vn/Utilities/PrintView.aspx?distributionid=375979>>.
- Tổng cục Thống Kê (2020). DU LỊCH VIỆT NAM 2021: RẤT CẦN QUYẾT TÂM VÀ NỖ LỰC ĐỂ VƯỢT KHÓ. Trang Thông tin Điện tử Tổng cục Thống kê. <<https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2021/02/du-lich-viet-nam-2021-rat-can-quyet-tam-va-no-luc-de-vuot-kho/>>, truy cập ngày 25/5/2024.
- UNWTO (2013). IMPACT ASSESSMENT OF THE COVID-19 OUTBREAK ON INTERNATIONAL TOURISM. <<https://www.unwto.org/impact-assessment-of-the-covid-19-outbreak-on-international-tourism>>, truy cập ngày 25/5/2024.
- UNWTO (2021). G20 MINISTERS WELCOME UNWTO RECOMMENDATIONS FOR TOURISM'S 'GREEN TRANSFORMATION'. <<https://www.unwto.org/news/g20-ministers-welcome-unwto-recommendations-for-tourism-s-green-transformation>>, truy cập 23/02/2023.

8 PHỤ LỤC

Phụ lục 1 Danh mục khái toán các dự án đầu tư

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục, dự án đầu tư	Đơn vị tính	Số lượng	Định mức	Tổng	Phân theo giai đoạn									
						2024-2025					Giai đoạn 2026-2030				
						Tổng giai đoạn	Ngân sách Nhà nước		Xã hội hoá	Nguồn khác	Tổng giai đoạn	Ngân sách Nhà nước		Xã hội hoá	Nguồn khác
							Ngân sách chi đầu tư	Ngân sách chi thường xuyên				Ngân sách chi đầu tư	Ngân sách chi thường xuyên		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
A	LẬP QUY HOẠCH CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ				5.000	0	0	0	0	0	5.000	5.000	0	0	0
	Quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500 Trung tâm GDMT & DV	Dự án	1	1.200	1.200	0	0	0	0	0	1.200	1.200	0	0	0
	Quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500 Điểm Cầu Khỉ - Khe Nước Trong	Dự án	1	1.000	1.000	0	0	0	0	0	1000	1.000	0	0	0
	Quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500 Điểm Bãi Đạn	Dự án	1	1.000	1.000	0	0	0	0	0	1000	1.000	0	0	0
	Quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500 Điểm Chốt Dộp	Dự án	1	800	800	0	0	0	0	0	800	800	0	0	0
	Quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500 Điểm Khe Đạn - Thác Đà Lạt	Dự án	1	500	500	0	0	0	0	0	500	500	0	0	0
	Quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500 Điểm Khe Cau	Dự án	1	500	500	0	0	0	0	0	500	500	0	0	0

TT	Danh mục, dự án đầu tư	Đơn vị tính	Số lượng	Định mức	Tổng	Phân theo giai đoạn									
						2024-2025					Giai đoạn 2026-2030				
						Tổng giai đoạn	Ngân sách Nhà nước		Xã hội hoá	Nguồn khác	Tổng giai đoạn	Ngân sách Nhà nước		Xã hội hoá	Nguồn khác
							Ngân sách chi đầu tư	Ngân sách chi thường xuyên				Ngân sách chi đầu tư	Ngân sách chi thường xuyên		
B	CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ				338.500	17.600	0	0	16.700	900	320.900	41.500	2.850	274.600	1.950
1	Trung tâm GDMT & DV				50.800	11.500	0	0	11.000	500	39.300	27.000	0	12.300	0
	Xây dựng Trung tâm GDMT & DV gồm: nhà đón tiếp, bảo tàng, nhà khách công vụ, hội trường, sa bàn, khuôn viên và các công trình phụ trợ khác.	Dự án	1	29.000	29.000	5.000	0	0	5.000	0	24.000	20.000	0	4.000	0
	Đầu tư vườn thực vật kết hợp phát triển du lịch	Dự án	1	6.000	6.000	1.000	0	0	500	500	5.000	4.000	0	1.000	0
	Đầu tư trung tâm cứu hộ động vật hoang dã kết hợp phát triển du lịch	Dự án	1	5.000	5.000	0	0		0	0	5.000	3.000		2.000	0
	Đầu tư hệ thống xe đạp, xe điện và các phương tiện di chuyển khác	Dự án	1	10.000	10.000	5.000	0	0	5.000	0	5.000	0	0	5.000	0
	Thiết kế hệ thống bản đồ, bản chỉ dẫn, diễn giải thông tin du lịch, môi trường.	Dự án	1	800	800	500	0	0	500	0	300	0	0	300	0

TT	Danh mục, dự án đầu tư	Đơn vị tính	Số lượng	Định mức	Tổng	Phân theo giai đoạn									
						2024-2025					Giai đoạn 2026-2030				
						Tổng giai đoạn	Ngân sách Nhà nước		Xã hội hoá	Nguồn khác	Tổng giai đoạn	Ngân sách Nhà nước		Xã hội hoá	Nguồn khác
							Ngân sách chi đầu tư	Ngân sách chi thường xuyên				Ngân sách chi đầu tư	Ngân sách chi thường xuyên		
2	Khu trải nghiệm sinh thái Khe Nước Trong				23.400	1.500	0	0	1.500	0	21.900	2.000	0	19.900	0
	Nâng cấp Trạm QL BVR Cầu Khỉ trở thành điểm dừng chân, bãi đỗ xe và nhà dịch vụ: 0,3ha	Dự án	1	4.000	4.000	0	0	0	0	0	4.000	2.000	0	2.000	0
	Thiết kế 01 điểm diễn giải môi trường và check-in (nghe vượn hót): 50m ²	Dự án	1	500	500	250	0	0	250	0	250	0	0	250	0
	Thiết kế 01 điểm diễn giải môi trường và check-in (quan sát khỉ): 50m ²	Dự án	1	500	500	250	0	0	250	0	250	0	0	250	0
	Lắp đặt hệ thống nhà nghỉ dạng bungalow theo mô hình nhà lắp ghép, trên cây, ven suối: 0,1ha	Dự án	1	4.000	4.000	1.000	0	0	1.000	0	3.000	0	0	3.000	0
	Cải tạo 3 tuyến tuần tra BVR kết hợp trekking đi Khe Nước Trong, Khe Vàng và Khe Bung: 15km	Dự án	1	10.000	10.000	0	0	0	0	0	10.000	0	0	10.000	0
	03 công trình vệ sinh hữu cơ khu vực Khe Nước Trong: 100m ²	Dự án	1	500	1.500	0	0	0	0	0	1.500	0	0	1.500	0

TT	Danh mục, dự án đầu tư	Đơn vị tính	Số lượng	Định mức	Tổng	Phân theo giai đoạn									
						2024-2025					Giai đoạn 2026-2030				
						Tổng giai đoạn	Ngân sách Nhà nước		Xã hội hoá	Nguồn khác	Tổng giai đoạn	Ngân sách Nhà nước		Xã hội hoá	Nguồn khác
							Ngân sách chi đầu tư	Ngân sách chi thường xuyên				Ngân sách chi đầu tư	Ngân sách chi thường xuyên		
	Thiết kế 01 điểm cắm trại, ăn uống, dã ngoại: 500m2	Dự án	1	500	500	0	0	0	0	0	500	0	0	500	0
	Thiết kế 8 điểm dừng chân kết hợp bảng thông tin bản đồ, bản chỉ dẫn, diễn giải thông tin du lịch, môi trường: 300m2	Dự án	1	300	2.400	0	0	0	0	0	2.400	0	0	2.400	0
3	Khu nghỉ dưỡng sinh thái Cổng Trời - Suối Tiên				125.700	1.400	0	0	1.400	0	124.300	2.000	0	122.300	0
3.1	Khu vực Bãi Đạn														
	Cải tạo và nâng cấp Trạm BVR Bãi Đạn kết hợp phát triển du lịch: 0,2ha	Dự án	1	4.000	4.000	0	0	0	0	0	4.000	2.000	0	2.000	0
	Khu nghỉ dưỡng sinh thái: 5ha	Dự án	1	80.000	80.000	0	0	0	0	0	80.000	0	0	80.000	0
3.2	Khu vực Thác Cổng Trời - Tóc Tiên - Dương Cầm														
	Thiết kế 03 mô hình nhà lắp ghép, trên cây, ven suối tại Thác Dương Cầm, Thác Tóc Tiên và	Dự án	1	500	1.500	0	0	0	0	0	1.500	0	0	1.500	0

TT	Danh mục, dự án đầu tư	Đơn vị tính	Số lượng	Định mức	Tổng	Phân theo giai đoạn									
						2024-2025					Giai đoạn 2026-2030				
						Tổng giai đoạn	Ngân sách Nhà nước		Xã hội hoá	Nguồn khác	Tổng giai đoạn	Ngân sách Nhà nước		Xã hội hoá	Nguồn khác
							Ngân sách chi đầu tư	Ngân sách chi thường xuyên				Ngân sách chi đầu tư	Ngân sách chi thường xuyên		
	Thác Cổng Trời: 100m2														
	Lắp đặt 03 công trình vệ sinh hữu cơ tại Thác Dương Cầm, Thác Tóc Tiên và Thác Cổng Trời: 100m2	Dự án	1	500	1.500	0	0	0	0	0	1.500	0	0	1.500	0
	Thiết kế 03 điểm cắm trại quanh khu vực Thác Dương Cầm, Thác Tóc Tiên và Thác Cổng Trời: 0,1ha	Dự án	1	500	1.500	0	0	0	0	0	1.500	0	0	1.500	0
	Thiết kế 3 cầu treo bằng gỗ và tuyến đường bằng gỗ ven suối đến Thác Dương Cầm, Thác Tóc Tiên và Thác Cổng Trời: 5km	Dự án	1	20.000	20.000	0	0	0	0	0	20.000	0	0	20.000	0
	Lắp đặt 01 chòi canh lửa kết hợp đài quan sát du lịch tại vị trí ranh giới Quảng Trị: 200m2	Dự án	1	1.000	1.000	0	0	0	0	0	1.000	0	0	1.000	0

TT	Danh mục, dự án đầu tư	Đơn vị tính	Số lượng	Định mức	Tổng	Phân theo giai đoạn									
						2024-2025					Giai đoạn 2026-2030				
						Tổng giai đoạn	Ngân sách Nhà nước		Xã hội hoá	Nguồn khác	Tổng giai đoạn	Ngân sách Nhà nước		Xã hội hoá	Nguồn khác
							Ngân sách chi đầu tư	Ngân sách chi thường xuyên				Ngân sách chi đầu tư	Ngân sách chi thường xuyên		
	Thiết kế 01 điểm diễn giải môi trường và check-in (nghe vượn hót và quan sát động vật hoang dã): 50m2	Dự án	1	500	500	500	0	0	500	0	0	0	0	0	0
	Thiết kế 01 điểm diễn giải môi trường và check-in (quan sát thác Cổng Trời từ xa): 50m2	Dự án	1	500	500	500	0	0	500	0	0	0	0	0	0
	Thiết kế 01 hệ thống zipline và thang cuốn tiếp cận Thác Dương Cẩm, Thác Tóc Tiên và Thác Cổng Trời: 5km	Dự án	1	3.000	3.000	0	0	0	0	0	3.000	0	0	3.000	0
	Lắp đặt 02 cột mốc check-in tại các điểm cao của Khu DTTN: 100m2	Dự án	1	200	400	400	0	0	400	0	0	0	0	0	0
	Thiết kế 6 điểm dừng chân kết hợp bảng thông tin bản đồ, bản chỉ dẫn, diễn giải thông tin du lịch, môi trường: 150m2	Dự án	1	300	1.800	0	0	0	0	0	1.800	0	0	1.800	0

TT	Danh mục, dự án đầu tư	Đơn vị tính	Số lượng	Định mức	Tổng	Phân theo giai đoạn									
						2024-2025					Giai đoạn 2026-2030				
						Tổng giai đoạn	Ngân sách Nhà nước		Xã hội hoá	Nguồn khác	Tổng giai đoạn	Ngân sách Nhà nước		Xã hội hoá	Nguồn khác
							Ngân sách chi đầu tư	Ngân sách chi thường xuyên				Ngân sách chi đầu tư	Ngân sách chi thường xuyên		
	Cải tạo và nâng cấp các tuyến đường tuần tra và BVR tới Thác Dương Cầm, Thác Tóc Tiên và Thác Cổng Trời: 15km	Dự án	1	10.000	10.000	0	0	0	0	0	10.000	0	0	10.000	0
4	Điểm vui chơi giải trí sinh thái Rào Chân				87.500	0	0	0	0	0	87.500	7.500	0	80.000	0
	Cải tạo và nâng cấp Chốt Dộc kết hợp phát triển thành điểm dừng chân đón tiếp khách: 0,1ha	Dự án	1	5.000	5.000	0	0	0	0	0	5.000	2.000	0	3.000	0
	Thiết lập đường đường tuần tra BVR, phòng chống cháy rừng kết hợp phát triển du lịch tại Chốt Dộc: 10km	Dự án	1	10.000	10.000	0	0	0	0	0	10.000	5.000	0	5.000	0
	Lắp đặt 1 chòi canh lửa kết hợp quan sát thú, quan sát cảnh quan thiên nhiên: 200m2	Dự án	1	500	500	0	0	0	0	0	500	500	0	0	0
	Thiết kế 01 điểm diễn giải môi trường và check-in (quan sát	Dự án	1	500	500	0	0	0	0	0	500	0	0	500	0

TT	Danh mục, dự án đầu tư	Đơn vị tính	Số lượng	Định mức	Tổng	Phân theo giai đoạn									
						2024-2025					Giai đoạn 2026-2030				
						Tổng giai đoạn	Ngân sách Nhà nước		Xã hội hoá	Nguồn khác	Tổng giai đoạn	Ngân sách Nhà nước		Xã hội hoá	Nguồn khác
							Ngân sách chi đầu tư	Ngân sách chi thường xuyên				Ngân sách chi đầu tư	Ngân sách chi thường xuyên		
	động vật hoang dã): 100m2														
	Đầu tư tuyến đường bộ từ Trạm QLBR Hà Lạc đến ranh giới Khu DTTN để tiếp cận Chốt BVR Dộc: 10km	Dự án	1	50.000	50.000	0	0	0	0	0	50.000	0	0	50.000	0
	Thiết kế điểm cắm trại nghỉ ngơi và vui chơi giải trí gồm: Khu cắm trại và dã ngoại 500m2, Tuyến chèo thuyền kayak, bè mảng, thuyền hơi: 2km, Tuyến zipline: 1km, Khu tắm và vui chơi dưới nước: 0,3ha	Dự án	1	20.000	20.000	0	0	0	0	0	20.000	0	0	20.000	0
	Thiết kế 5 điểm dừng chân kết hợp bảng thông tin bản đồ, bản chỉ dẫn, diễn giải thông tin du lịch, môi trường: 500m2	Dự án	1	300	1.500	0	0	0	0	0	1.500	0	0	1.500	0
5	Công viên sinh thái rừng Khe Đan				11.900	0	0	0	0	0	11.900	0	0	11.900	0

TT	Danh mục, dự án đầu tư	Đơn vị tính	Số lượng	Định mức	Tổng	Phân theo giai đoạn									
						2024-2025					Giai đoạn 2026-2030				
						Tổng giai đoạn	Ngân sách Nhà nước		Xã hội hoá	Nguồn khác	Tổng giai đoạn	Ngân sách Nhà nước		Xã hội hoá	Nguồn khác
							Ngân sách chi đầu tư	Ngân sách chi thường xuyên				Ngân sách chi đầu tư	Ngân sách chi thường xuyên		
	Thiết kế 02 điểm diễn giải môi trường và check-in (nghe vượn hót và quan sát động vật hoang dã): 50m2	Dự án	1	500	1.000	0	0	0	0	0	1.000	0	0	1.000	0
	Thiết kế 03 điểm dừng chân kết hợp bảng thông tin bản đồ, bản chỉ dẫn, diễn giải thông tin du lịch, môi trường: 150m2	Dự án	1	300	900	0	0	0	0	0	900	0	0	900	0
	Cải tạo và nâng cấp các tuyến đường tuần tra và BVR tới Thác Đà Lạt: 15km	Dự án	1	10.000	10.000	0	0	0	0	0	10.000	0	0	10.000	0
6	Điểm trải nghiệm sinh thái được liệu Khe Cau				16.000	0	0	0	0	0	16.000	2.000	0	14.000	0
	Cải tạo và nâng cấp Chốt Đội cơ động Khe Cau kết hợp phát triển thành điểm dừng chân đón tiếp khách: 0,1ha	Dự án	1	4.000	4.000	0	0	0	0	0	4.000	2.000	0	2.000	0
	Thiết kế 01 điểm diễn giải môi trường và check-in: 500m2	Dự án	1	500	500	0	0	0	0	0	500	0	0	500	0

TT	Danh mục, dự án đầu tư	Đơn vị tính	Số lượng	Định mức	Tổng	Phân theo giai đoạn									
						2024-2025					Giai đoạn 2026-2030				
						Tổng giai đoạn	Ngân sách Nhà nước		Xã hội hoá	Nguồn khác	Tổng giai đoạn	Ngân sách Nhà nước		Xã hội hoá	Nguồn khác
							Ngân sách chi đầu tư	Ngân sách chi thường xuyên				Ngân sách chi đầu tư	Ngân sách chi thường xuyên		
	Thiết lập, cải tạo đường trekking trong rừng: 10km	Dự án	1	10.000	10.000	0	0	0	0	0	10.000	0	0	10.000	0
	Thiết kế 05 điểm dừng chân kết hợp bảng thông tin bản đồ, bản chỉ dẫn, diễn giải thông tin du lịch, môi trường: 500m2	Dự án	1	300	1.500	0	0	0	0	0	1.500	0	0	1.500	0
	Đầu tư 01 Khu vườn thực vật và trồng được liệu kết hợp tham quan du lịch: 18,12ha	Dự án	1	1.000	1.000	0	0	0	0	0	1.000	0	0	1.000	0
7	Dự án phát triển sản phẩm du lịch	Sản phẩm	1		1.800	0	0	0	0	0	1.800	0	0	1.800	0
	Nhóm sản phẩm du lịch sinh thái				800	0	0	0	0	0	800	0	0	800	0
	Một ngày làm kiểm lâm	Sản phẩm	1	100	100	0	0	0	0	0	100	0	0	100	0
	Trải nghiệm đa giác quan	Sản phẩm	1	100	100	0	0	0	0	0	100	0	0	100	0
	Safari đêm	Sản phẩm	1	100	100	0	0	0	0	0	100	0	0	100	0

TT	Danh mục, dự án đầu tư	Đơn vị tính	Số lượng	Định mức	Tổng	Phân theo giai đoạn									
						2024-2025					Giai đoạn 2026-2030				
						Tổng giai đoạn	Ngân sách Nhà nước		Xã hội hoá	Nguồn khác	Tổng giai đoạn	Ngân sách Nhà nước		Xã hội hoá	Nguồn khác
							Ngân sách chi đầu tư	Ngân sách chi thường xuyên				Ngân sách chi đầu tư	Ngân sách chi thường xuyên		
	Safari ngày	Sản phẩm	1	100	100	0	0	0	0	0	100	0	0	100	0
	Trại hè rừng xanh/Lớn lên cùng đại ngàn	Sản phẩm	1	100	100	0	0	0	0	0	100	0	0	100	0
	Tour thực tế ảo	Sản phẩm	1	100	100	0	0	0	0	0	100	0	0	100	0
	Nhìn sang nước bạn Lào/Động Châu trong mắt tôi	Sản phẩm	1	100	100	0	0	0	0	0	100	0	0	100	0
	Cắm trại và ăn uống dã ngoại	Sản phẩm	1	100	100	0	0	0	0	0	100	0	0	100	0
	Nhóm sản phẩm nghỉ dưỡng và chăm sóc sức khỏe				200	0	0	0	0	0	200	0	0	200	0
	Nghỉ dưỡng sinh thái	Sản phẩm	1	100	100	0	0	0	0	0	100	0	0	100	0
	Chăm sóc sức khỏe/Trạm năng lượng	Sản phẩm	1	100	100	0	0	0	0	0	100	0	0	100	0
	Nhóm sản phẩm thể thao, mạo hiểm				600	0	0	0	0	0	600	0	0	600	0
	Ngon nước mạo hiểm	Sản phẩm	1	100	100	0	0	0	0	0	100	0	0	100	0

TT	Danh mục, dự án đầu tư	Đơn vị tính	Số lượng	Định mức	Tổng	Phân theo giai đoạn									
						2024-2025					Giai đoạn 2026-2030				
						Tổng giai đoạn	Ngân sách Nhà nước		Xã hội hoá	Nguồn khác	Tổng giai đoạn	Ngân sách Nhà nước		Xã hội hoá	Nguồn khác
							Ngân sách chi đầu tư	Ngân sách chi thường xuyên				Ngân sách chi đầu tư	Ngân sách chi thường xuyên		
	Suôi dòng Rào Chân	Sản phẩm	1	100	100	0	0	0	0	0	100	0	0	100	0
	Dấu chân Trương Sơn	Sản phẩm	1	100	100	0	0	0	0	0	100	0	0	100	0
	Bánh xe Trường Sơn	Sản phẩm	1	100	100	0	0	0	0	0	100	0	0	100	0
	Trekking đại ngàn	Sản phẩm	1	100	100	0	0	0	0	0	100	0	0	100	0
	Trải nghiệm zipline, chinh phục thác cổng Trời	Sản phẩm	1	100	100	0	0	0	0	0	100	0	0	100	0
	Nhóm sản phẩm du lịch cộng đồng				100	0	0	0	0	0	100	0	0	100	0
	Trải nghiệm không gian văn hoá Bru Vân Kiều	Sản phẩm	1	100	100	0	0	0	0	0	100	0	0	100	0
	Nhóm sản phẩm bổ trợ				100	0	0	0	0	0	100	0	0	100	0
	Sản phẩm du lịch hội nghị, hội thảo (MICE)	Sản phẩm	1	100	100	0	0	0	0	0	100	0	0	100	0
8	Dự án chuyển đổi số				2.500	0	0	0	0	0	2.500	1.000	0	1.500	0
	Đầu tư hệ thống thuyết minh tự động	Dự án	1	2.000	2.000	0	0	0	0	0	2.000	1.000	0	1.000	0

TT	Danh mục, dự án đầu tư	Đơn vị tính	Số lượng	Định mức	Tổng	Phân theo giai đoạn									
						2024-2025					Giai đoạn 2026-2030				
						Tổng giai đoạn	Ngân sách Nhà nước		Xã hội hoá	Nguồn khác	Tổng giai đoạn	Ngân sách Nhà nước		Xã hội hoá	Nguồn khác
							Ngân sách chi đầu tư	Ngân sách chi thường xuyên				Ngân sách chi đầu tư	Ngân sách chi thường xuyên		
	tại các khu, điểm du lịch														
	Phát triển bản đồ du lịch số	Dự án	1	500	500	0	0	0	0	0	500	0	0	500	0
9	Dự án đào tạo, bồi dưỡng nhân lực ngành du lịch và hỗ trợ cộng đồng				7.200	500	0	0	400	100	6.700	0	1.050	5.400	250
	Tập huấn nâng cao năng lực về quản lý và giám sát du lịch cho cán bộ Khu DTTN Động Châu - Khe Nước Trong.	Đợt	7	300	2.100	400	0	0	300	100	1.700	0	700	800	200
	Tập huấn nâng cao năng lực cho cộng đồng vùng đệm Khu DTTN Động Châu - Khe Nước Trong tham gia vào hoạt động du lịch.	Đợt	7	100	700	100	0	0	100	0	600	0	350	200	50
	Phát triển homestay và dịch vụ lưu trú cộng đồng	Dự án	2	500	1.000	0	0	0	0	0	1.000	0	0	1.000	0
	Phát triển sản phẩm du lịch văn hóa	Dự án	1	600	600	0	0	0	0	0	600	0	0	600	0
	Xây dựng trung tâm thông tin du lịch và giáo dục cộng đồng	Dự án	1	2.000	2000	0	0	0	0	0	2.000	0	0	2.000	0

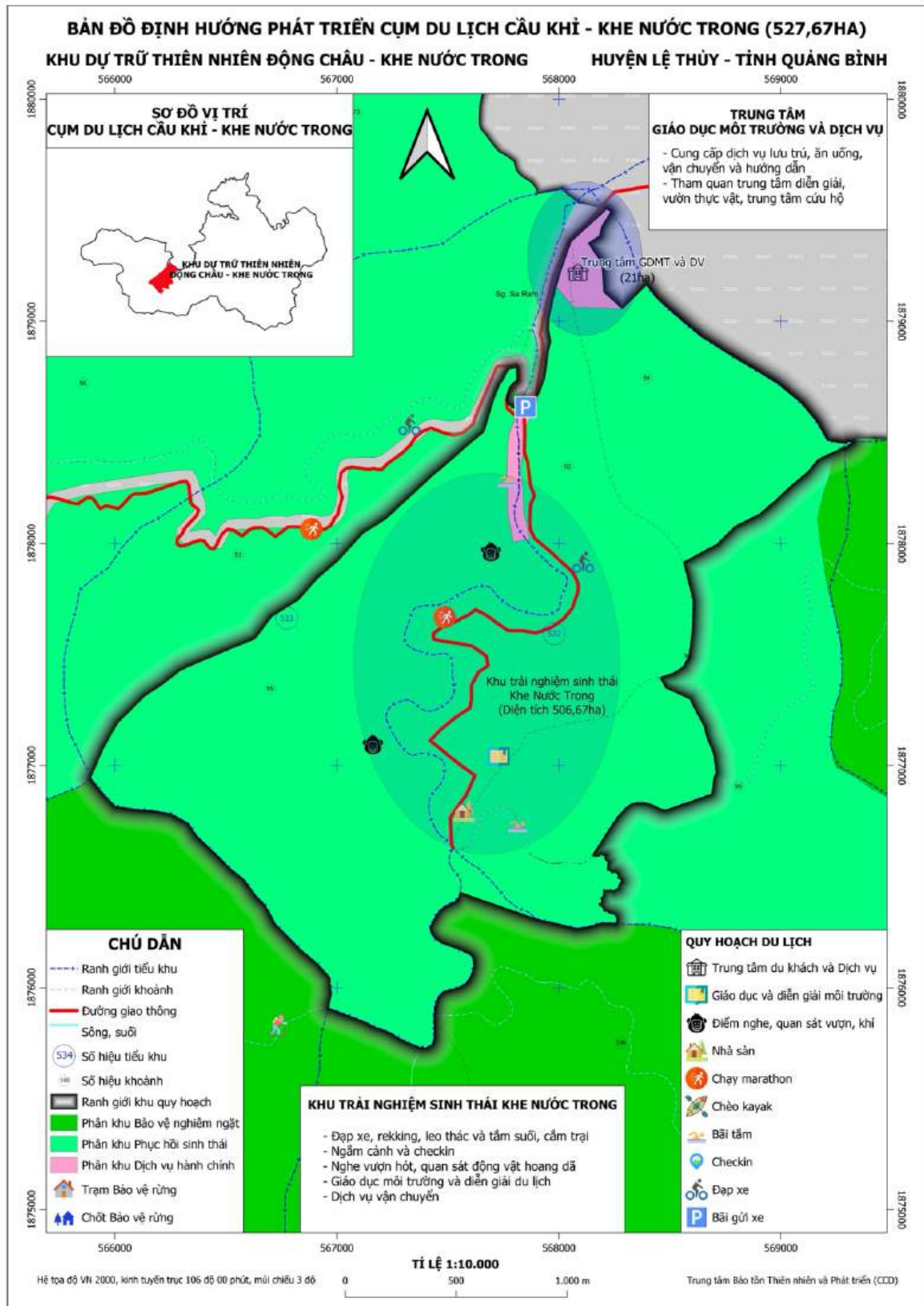
TT	Danh mục, dự án đầu tư	Đơn vị tính	Số lượng	Định mức	Tổng	Phân theo giai đoạn									
						2024-2025					Giai đoạn 2026-2030				
						Tổng giai đoạn	Ngân sách Nhà nước		Xã hội hoá	Nguồn khác	Tổng giai đoạn	Ngân sách Nhà nước		Xã hội hoá	Nguồn khác
							Ngân sách chi đầu tư	Ngân sách chi thường xuyên				Ngân sách chi đầu tư	Ngân sách chi thường xuyên		
	Phát triển làng nghề truyền thống và sản phẩm lưu niệm	Dự án	1	500	500	0	0	0	0	0	500	0	0	500	0
	Phát triển du lịch sinh thái và bảo tồn thiên nhiên	Dự án	1	300	300	0	0	0	0	0	300	0	0	300	0
10	Dự án quảng bá và xây dựng thương hiệu				4.500	1.200	0	0	900	300	3.300	0	600	2.500	200
	Xây dựng chiến lược truyền thông quảng bá du lịch.	Dự án	1	500	500	200	0	0	200	0	300	0	300	0	0
	Xây dựng bộ nhận diện thương hiệu cho du lịch Khu DTTN Động Châu - Khe Nước Trong (logo, khẩu hiệu, thông điệp quảng bá, bộ hình ảnh).	Dự án	1	700	700	400	0	0	300	100	300	0	300	0	0
	Xây dựng nhãn hiệu "du lịch xanh".	Dự án	1	500	500	0	0	0	0	0	500	0	0	500	0
	Phát triển ấn phẩm, sản phẩm quảng bá du lịch.	Dự án	1	500	500	0	0	0	0	0	500	0	0	500	0
	Tổ chức hội thảo chuyên đề, hội nghị xúc tiến đầu tư du	Chương trình	1	400	400	200	0	0	0	200	200	0		0	200

TT	Danh mục, dự án đầu tư	Đơn vị tính	Số lượng	Định mức	Tổng	Phân theo giai đoạn									
						2024-2025					Giai đoạn 2026-2030				
						Tổng giai đoạn	Ngân sách Nhà nước		Xã hội hoá	Nguồn khác	Tổng giai đoạn	Ngân sách Nhà nước		Xã hội hoá	Nguồn khác
							Ngân sách chi đầu tư	Ngân sách chi thường xuyên				Ngân sách chi đầu tư	Ngân sách chi thường xuyên		
	lich trong và ngoài nước.														
	Xây dựng website, fanpage và các tài khoản mạng xã hội Facebook, Tiktok, Twitter, Zalo cho Khu DTTN Động Châu - Khe Nước Trong.	Dự án	1	500	500	0	0	0	0	0	500	0	0	500	0
	Tổ chức các đoàn famtrip khảo sát và đầu tư du lịch tại Khu DTTN Động Châu - Khe Nước Trong (1 chương trình/năm).	Chương trình	7	200	1.400	400	0	0	400	0	1.000	0	0	1.000	0
11	Vận hành và giám sát hoạt động du lịch				7.200	1.500	0	0	1.500	0	5.700	0	1.200	3.000	1.500
	Xây dựng hệ thống đặt vé online cho Khu DTTN Động Châu - Khe Nước Trong.	Dự án	1	1.000	1.000	1.000	0	0	1.000	0	0	0	0	0	0
	Nghiên cứu và đánh giá sức tải của các điểm, tuyến du lịch tại Khu DTTN Động	Dự án	1	2.000	2.000	0	0	0	0	0	2.000	0	0	2.000	0

TT	Danh mục, dự án đầu tư	Đơn vị tính	Số lượng	Định mức	Tổng	Phân theo giai đoạn									
						2024-2025					Giai đoạn 2026-2030				
						Tổng giai đoạn	Ngân sách Nhà nước		Xã hội hoá	Nguồn khác	Tổng giai đoạn	Ngân sách Nhà nước		Xã hội hoá	Nguồn khác
							Ngân sách chi đầu tư	Ngân sách chi thường xuyên				Ngân sách chi đầu tư	Ngân sách chi thường xuyên		
	Châu - Khe Nước Trong.														
	Xây dựng khung giám sát hiệu quả quản lý du lịch đến năm 2025 và tầm nhìn đến 2030.	Đề tài	1	700	700	0	0	0	0	0	700	0	700	0	0
	Chi phí vận hành và giám sát hoạt động du lịch của khu bảo tồn hàng năm.	Năm	7	500	3.500	500	0	0	500	0	3.000	0	500	1.000	1.500
	TỔNG CỘNG:				343.500	17.600	0	0	16.700	900	325.900	46.500	2.850	274.600	1.950

Phụ lục 2 Định hướng và thuyết minh điểm du lịch

1 Cụm du lịch Cầu Khi - Khe Nước Trong



Bản đồ 6. Bản đồ quy hoạch cụm du lịch Cầu Khi - Khe Nước Trong

**Bảng 18. Tọa độ ranh giới cụm du lịch Cầu Khỉ - Khe Nước Trong (VN2000, kinh tuyến
trục 106 độ 00 phút, múi chiều 3 độ)**

Tên mốc	Tọa độ	
	X	Y
1	568.022	1.879.618
2	568.036	1.879.603
3	567.996	1.879.541
4	567.987	1.879.501
5	567.936	1.879.463
6	567.995	1.879.376
7	568.005	1.879.243
8	568.090	1.879.167
9	568.199	1.879.275
10	568.245	1.879.215
11	568.453	1.879.038
12	568.789	1.878.832
13	568.897	1.878.742
14	568.963	1.878.663
15	569.012	1.878.578
16	569.129	1.878.569
17	568.974	1.878.493
18	568.706	1.878.244
19	568.515	1.878.108
20	568.365	1.878.026
21	568.408	1.877.852
22	568.362	1.877.557
23	568.257	1.877.509
24	568.285	1.877.460
25	568.393	1.877.410
26	568.511	1.877.078
27	568.492	1.876.989
28	568.266	1.876.916
29	568.203	1.876.943
30	568.110	1.876.926
31	567.940	1.876.689
32	568.013	1.876.705
33	568.022	1.876.640
34	568.070	1.876.614
35	568.080	1.876.600
36	568.079	1.876.585
37	568.071	1.876.559

38	568.045	1.876.552
39	568.000	1.876.553
40	567.993	1.876.518
41	567.983	1.876.491
42	568.003	1.876.468
43	568.025	1.876.451
44	568.058	1.876.437
45	568.062	1.876.405
46	567.995	1.876.403
47	567.882	1.876.378
48	567.362	1.876.541
49	567.335	1.876.500
50	567.259	1.876.450
51	567.225	1.876.388
52	567.248	1.876.331
53	567.408	1.876.255
54	567.420	1.876.210
55	567.363	1.876.118
56	567.275	1.876.087
57	567.245	1.876.027
58	567.241	1.875.879
59	567.208	1.875.842
60	567.180	1.875.842
61	566.969	1.875.937
62	566.767	1.876.018
63	566.780	1.876.079
64	566.774	1.876.155
65	566.520	1.876.411
66	566.389	1.876.595
67	566.174	1.876.793
68	566.136	1.876.850
69	566.054	1.876.895
70	565.807	1.876.928
71	565.697	1.877.055
72	565.818	1.877.303
73	566.099	1.877.538
74	566.436	1.877.681
75	566.513	1.877.782
76	566.634	1.877.857
77	566.921	1.878.154
78	567.029	1.878.224
79	567.469	1.878.615

80	567.585	1.878.897
81	567.613	1.878.852
82	567.574	1.878.797
83	567.580	1.878.735
84	567.617	1.878.714
85	567.638	1.878.758
86	567.702	1.878.765
87	567.742	1.878.857
88	567.770	1.879.021
89	567.762	1.879.127
90	567.802	1.879.301
91	567.858	1.879.465

1.1 Trung tâm GDMT & DV

Bảng 19. Thuyết minh quy hoạch Trung tâm GDMT & DV

Tên điểm	Trung tâm GDMT & DV
Vị trí, quy mô	- Vị trí: Nằm cạnh đường Hồ Chí Minh Tây, khoảng 92 và 84, tiểu khu 532 thuộc phân khu DVHC và PHST. - Quy mô quy hoạch: 21ha, trong đó 6ha thuộc phân khu DVHC và 15ha thuộc phân khu PHST.
Định hướng chung	Trở thành điểm đón tiếp, hướng dẫn du khách đến tham quan trải nghiệm và cung cấp các dịch vụ du lịch tổng hợp.
Định hướng loại hình du lịch	- DLST - Du lịch sáng tạo - Du lịch văn hoá - lịch sử - Du lịch MICE
Định hướng sản phẩm, dịch vụ du lịch	- Một ngày làm Kiểm Lâm - Trại hè rừng xanh/Lớn lên cùng đại ngàn - Tour thực tế ảo - Giải Marathon - Dấu chân Trường Sơn - Banh xe Trường Sơn - Trekking Đại Ngàn - Sản phẩm du lịch hội nghị, hội thảo (MICE) - Dịch vụ lưu trú - Dịch vụ ăn uống - Dịch vụ thuyết minh, diễn giải môi trường - Dịch vụ cho thuê trang thiết bị du lịch - Dịch vụ vận chuyển - Dịch vụ mua sắm
Định hướng khách hàng	Khách phổ thông
Kết nối với các điểm du lịch, điểm tham quan khác (km)	- Khu trải nghiệm sinh thái Khe Nước Trong: 6km - Khu sinh thái Cổng Trời - Suối Tiên: 10km - Điểm trải nghiệm sinh thái được liệu Khe Cau: 20km - Điểm vui chơi giải trí sinh thái Rào Chân: 40km

Phương thức tổ chức	• Tự tổ chức • Hợp tác, liên kết • Cho thuê MTR
Các hạng mục đầu tư	• Xây dựng Trung tâm GDMT & DV gồm: • Nhà đón tiếp: 500m² • Bảo tàng: 0,1ha • Nhà khách công vụ: 0,2ha • Hội trường: 500m² • Sa bàn, 20m² • Khuôn viên và các công trình phụ trợ khác: 0,2ha • Vườn thực vật kết hợp phát triển du lịch: 2ha • Trung tâm cứu hộ động vật hoang dã kết hợp phát triển du lịch: 2ha • Đầu tư hệ thống xe đạp, xe điện và các phương tiện di chuyển khác. • Thiết kế hệ thống bản đồ, bản chỉ dẫn, diễn giải thông tin du lịch, môi trường. • Diện tích rừng phục vụ du lịch: 20,4ha
Vật liệu, chiều cao, thời gian tồn tại	• Mật độ, tỷ lệ dự kiến xây dựng công trình: 0,6 ha (2,9%). • Vật liệu, chiều cao và thời gian tồn tại của các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí: Xây dựng, lắp dựng các công trình nghỉ dưỡng, lưu trú bằng vật liệu, cấu kiện lắp ghép thân thiện với môi trường, chiều cao không quá 12m và thời gian tồn tại không quá 30 năm.
Chi phí ước tính	• 50.800 triệu đồng
Thời gian thực hiện	• Giai đoạn 2024-2025 • Giai đoạn 2026-2030
Những lợi ích cho cộng đồng, bảo tồn và kinh tế	• Cộng đồng tham gia trực tiếp vào bộ phận tổ chức, phục vụ các loại hình vui chơi, dịch vụ chăm sóc sức khỏe; bộ phận an ninh; dọn dẹp, vệ sinh; buồng phòng cũng như cung ứng sản phẩm địa phương v.v. Từ đó, tạo nguồn thu ổn định và cao hơn cho các lao động tại địa phương. • Cải thiện điều kiện làm việc cho cán bộ BVR và đem lại nguồn thu du lịch lớn cho Khu DTTN, từ đó có kinh phí tái đầu tư cho những hoạt động cần thiết như bảo trì trang thiết bị, chi phí cải tạo, nâng cấp CSHT và các chi phí cho các hoạt động bảo tồn.

1.2 Khu trải nghiệm sinh thái Khe Nước Trong

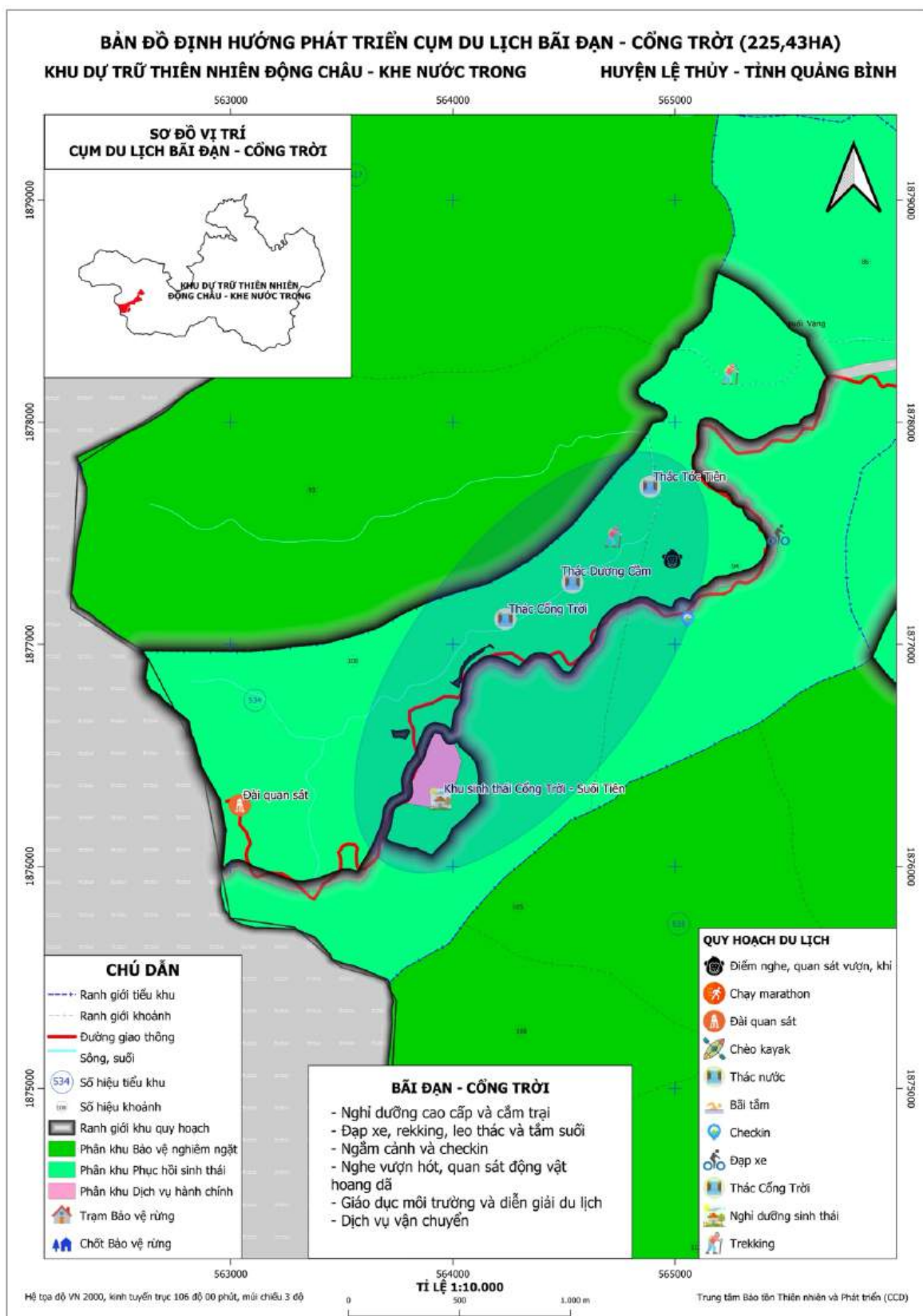
Bảng 20. Thuyết minh quy hoạch Khu trải nghiệm sinh thái Khe Nước Trong

Tên điểm	Khu trải nghiệm sinh thái Khe Nước Trong
Vị trí, quy mô	• Vị trí: Nằm cạnh đường Hồ Chí Minh Tây, khoảng 92, 96, 99 của tiểu khu 532; khoảng 95 của tiểu khu 533 thuộc phân khu DVHC và PHST. • Quy mô quy hoạch: 506,67ha, trong đó 4,31ha thuộc phân khu DVHC và 502,36ha thuộc phân khu PHST.
Định hướng chung	• Trở thành điểm DLST gắn với diễn giải môi trường trọng điểm.
Định hướng loại hình du lịch	• DLST • Du lịch nghiên cứu chuyên đề

Định hướng sản phẩm, dịch vụ du lịch	● Một ngày làm kiểm lâm ● Trải nghiệm đa giác quan ● Safari đêm ● Safari ngày ● Trại hè rừng xanh/Lớn lên cùng đại ngàn ● Cắm trại và ăn uống dã ngoại ● Trekking Đại Ngàn ● Dịch vụ thuê trang thiết bị du lịch. ● Dịch vụ ăn uống ● Dịch vụ thuyết minh, diễn giải môi trường ● Dịch vụ vận chuyển
Định hướng khách hàng	● Khách phổ thông
Kết nối với các điểm du lịch, điểm tham quan khác (km)	● Trung tâm GDMT & DV: 6km ● Khu sinh thái Cổng Trời - Suối Tiên: 10km ● Điểm trải nghiệm sinh thái được liệu Khe Cau: 23km ● Điểm vui chơi giải trí sinh thái Rào Chân: 43km
Phương thức tổ chức	● Tự tổ chức ● Hợp tác, liên kết ● Cho thuê MTR
Các hạng mục đầu tư	● Nâng cấp Trạm QLBR Cầu Khỉ trở thành điểm dừng chân, bãi đỗ xe và nhà dịch vụ: 0,3ha ● Thiết kế 01 điểm diễn giải môi trường và check-in (nghe vượn hót): 50m² ● Thiết kế 01 điểm diễn giải môi trường và check-in (quan sát khỉ): 50m² ● Lắp đặt hệ thống nhà nghỉ dạng bungalow theo mô hình nhà lắp ghép, trên cây, ven suối: 0,1ha ● Cải tạo 3 tuyến tuần tra BVR kết hợp trekking đi Khe Nước Trong, Khe Vàng và Khe Bung: 15km ● 03 công trình vệ sinh hữu cơ khu vực Khe Nước Trong: 100m² ● Thiết kế 01 điểm cắm trại, ăn uống, dã ngoại: 500m² ● Thiết kế 8 điểm dừng chân kết hợp bảng thông tin bản đồ, bản chỉ dẫn, diễn giải thông tin du lịch, môi trường: 300m² ● Diện tích rừng phục vụ du lịch: 506,17ha
Vật liệu, chiều cao, thời gian tồn tại	● Mật độ, tỷ lệ dự kiến xây dựng công trình: 0,5 ha (0,1%). ● Vật liệu, chiều cao và thời gian tồn tại của các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí: Xây dựng, lắp đặt các công trình nghỉ dưỡng, lưu trú bằng vật liệu, cấu kiện lắp ghép thân thiện với môi trường, chiều cao không quá 12m và thời gian tồn tại không quá 30 năm.
Chi phí ước tính	● 23.400 triệu đồng
Thời gian thực hiện	● Giai đoạn: 2024-2025 ● Giai đoạn: 2026-2030
Những lợi ích cho cộng đồng, bảo tồn và kinh tế	● Cộng đồng tham gia trực tiếp vào bộ phận tổ chức, phục vụ các loại hình vui chơi, dịch vụ chăm sóc sức khỏe; bộ phận an ninh; dọn dẹp, vệ sinh; buồng phòng cũng như cung ứng sản phẩm địa phương v.v. Từ đó, tạo nguồn thu ổn định và cao hơn cho các lao động tại địa phương. ● Cải thiện điều kiện làm việc cho cán bộ BVR và đem lại nguồn thu du lịch lớn cho Khu DTTN, từ đó có kinh phí tái đầu tư cho những hoạt

động cần thiết như bảo trì trang thiết bị, chi phí cải tạo, nâng cấp CSHT và các chi phí cho các hoạt động bảo tồn.

2 Cụm du lịch Bãi Đạn - Cổng Trời



Bản đồ 7. Bản đồ quy hoạch Cụm du lịch Bãi Đạn - Cổng Trời

Bảng 21. Tọa độ ranh giới cụm du lịch Bãi Đạn - Cổng Trời (VN2000, kinh tuyến trực 106 độ 00 phút, múi chiều 3 độ)

Tên mốc	Tọa độ	
	X	Y
1	564.997	1.878.780
2	565.383	1.878.493
3	565.485	1.878.309
4	565.427	1.878.155
5	565.287	1.878.096
6	565.117	1.878.039
7	564.969	1.878.133
8	564.910	1.878.109
9	564.904	1.878.006
10	564.877	1.877.920
11	565.046	1.877.780
12	565.213	1.877.579
13	565.178	1.877.478
14	565.038	1.877.423
15	564.950	1.877.384
16	564.872	1.877.312
17	564.824	1.877.322
18	564.792	1.877.282
19	564.646	1.877.327
20	564.476	1.877.233
21	564.439	1.877.131
22	564.323	1.876.988
23	564.236	1.877.067
24	564.150	1.877.063
25	564.110	1.877.022
26	563.960	1.877.062
28	563.837	1.876.861
29	563.794	1.876.726
30	563.821	1.876.670
31	563.882	1.876.607
32	563.905	1.876.574
33	563.920	1.876.400
34	563.798	1.876.283
35	563.776	1.876.234
36	563.708	1.876.166
37	563.643	1.876.195
37	563.860	1.876.983

38	563.507	1.876.237
39	563.463	1.876.262
40	563.373	1.876.092
41	563.303	1.876.100
42	563.202	1.876.063
43	563.106	1.876.047
44	562.913	1.876.112
45	562.843	1.876.142
46	562.805	1.876.139
47	562.770	1.876.115
48	562.784	1.876.269
49	562.757	1.876.416
50	562.675	1.876.562
51	562.619	1.876.766
52	562.429	1.876.938
53	562.434	1.877.044
54	562.410	1.877.079
55	562.893	1.877.076
56	563.236	1.877.115
57	563.465	1.877.181
58	563.713	1.877.307
59	563.961	1.877.382
60	564.161	1.877.498
61	564.343	1.877.647
62	564.554	1.877.906
63	564.695	1.878.092
64	564.749	1.878.116
65	564.769	1.878.140
66	564.761	1.878.169
67	564.691	1.878.202
68	564.640	1.878.237
69	564.647	1.878.274
70	564.761	1.878.370
71	564.784	1.878.425
72	564.821	1.878.444
73	564.849	1.878.502
74	564.926	1.878.558
75	564.971	1.878.622
76	564.977	1.878.704

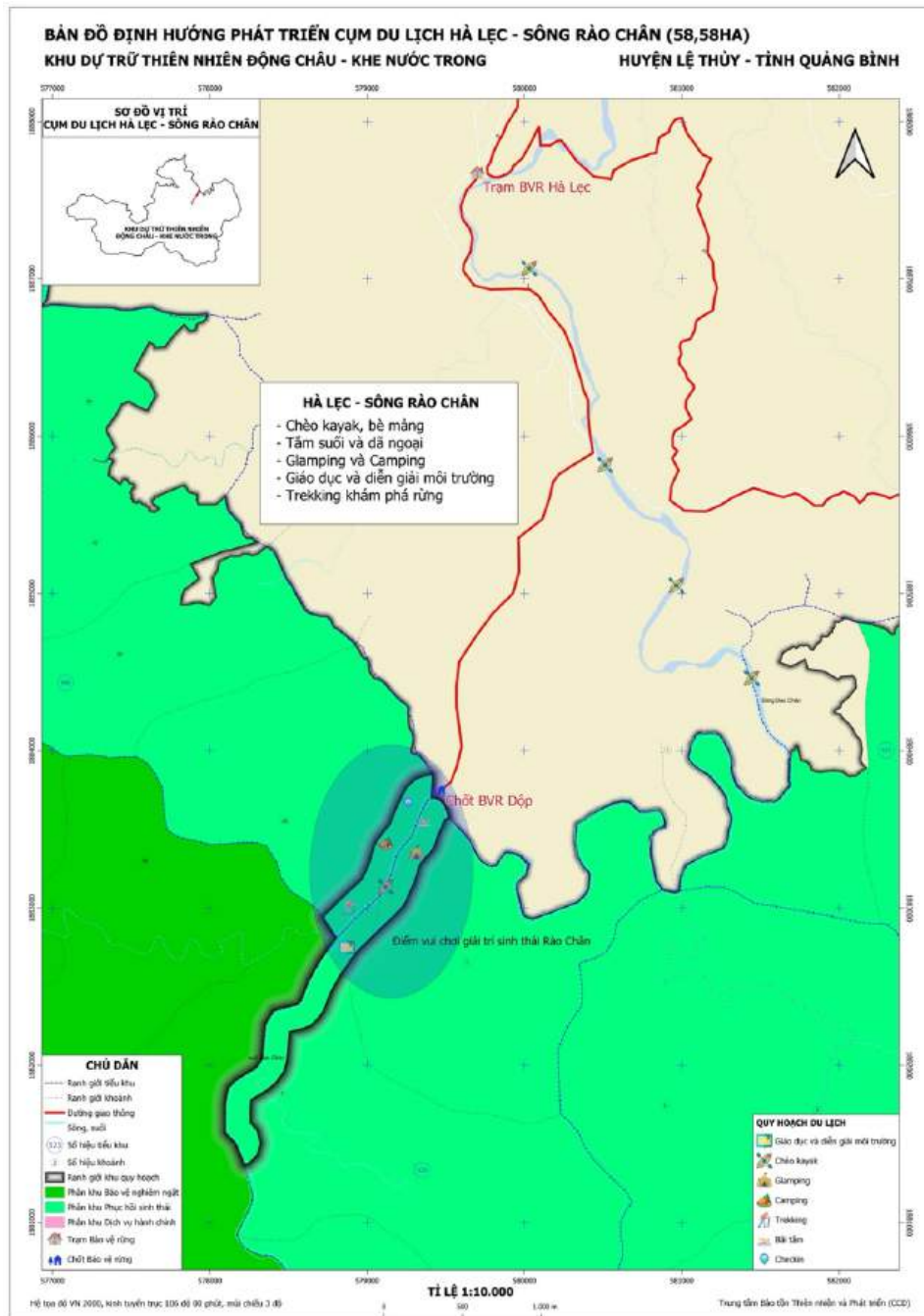
2.1 Khu sinh thái Cổng Trời - Suối Tiên

Bảng 22. Thuyết minh quy hoạch Khu sinh thái Cổng Trời - Suối Tiên

Tên điểm	Khu sinh thái Cổng Trời - Suối Tiên
Vị trí, quy mô	- Vị trí: Nằm cạnh đường Hồ Chí Minh Tây, khoảng 94 và 100 của tiểu khu 534 thuộc phân khu DVHC và PHST. - Quy mô quy hoạch: 225,43ha, trong đó 5 ha thuộc phân khu DVHC và 220,43 ha thuộc phân khu PHST.
Định hướng chung	Trở thành điểm du lịch trong tâm về nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe và thể thao mạo hiểm.
Định hướng loại hình du lịch	- DLST - Du lịch nghiên cứu chuyên đề - Du lịch nghỉ dưỡng và chăm sóc sức khỏe - Du lịch thể thao, mạo hiểm - Du lịch văn hoá - lịch sử
Định hướng sản phẩm, dịch vụ du lịch	- Trải nghiệm đa giác quan - Safari đêm - Safari ngày - Trại hè rừng xanh/Lớn lên cùng đại ngàn - Nghỉ dưỡng sinh thái - Chăm sóc sức khỏe/Trạm năng lượng - Cắm trại và ăn uống dã ngoại - Ngọn nước mạo hiểm - Trekking Đại Ngàn - Dịch vụ lưu trú - Dịch vụ ăn uống - Dịch vụ thuyết minh, diễn giải môi trường - Dịch vụ cho thuê trang thiết bị du lịch - Dịch vụ vận chuyển - Dịch vụ mua sắm
Định hướng khách hàng	- Khách phổ thông: Giai đoạn 2024-2025 - Khách cao cấp: Giai đoạn 2026-2030
Kết nối với các điểm du lịch, điểm tham quan khác (km)	- Trung tâm GDMT & DV: 8km - Khu trải nghiệm sinh thái Khe Nước Trong: 11km - Điểm trải nghiệm sinh thái được liệu Khe Cau: 28km - Điểm vui chơi giải trí sinh thái Rào Chân: 48km
Phương thức tổ chức	- Tự tổ chức - Hợp tác, liên kết - Cho thuê MTR
Các hạng mục đầu tư	- Cải tạo và nâng cấp Trạm BVR Bãi Đạn kết hợp phát triển du lịch: 0,2ha - Khu nghỉ dưỡng sinh thái: 3,92ha - Thiết kế 03 mô hình nhà lắp ghép, trên cây, ven suối tại Thác Dương Cầm, Thác Tóc Tiên và Thác Cổng Trời: 100m² - Lắp đặt 03 công trình vệ sinh hữu cơ tại Thác Dương Cầm, Thác Tóc Tiên và Thác Cổng Trời: 100m²

	• Thiết kế 03 điểm cắm trại quanh khu vực Thác Dương Cầm, Thác Tóc Tiên và Thác Cổng Trời: 0,1ha • Thiết kế 3 cầu treo bằng gỗ và tuyến đường bằng gỗ ven suối đến Thác Dương Cầm, Thác Tóc Tiên và Thác Cổng Trời: 5km • Lắp đặt chòi canh lửa kết hợp đài quan sát du lịch tại vị trí ranh giới Quảng Trị: 200m² • Thiết kế điểm diễn giải môi trường và check-in (nghe vượn hót và quan sát động vật hoang dã): 50m² • Thiết kế điểm diễn giải môi trường và check-in (quan sát thác Cổng Trời từ xa): 50m² • Thiết kế hệ thống zipline và thang cuốn tiếp cận Thác Dương Cầm, Thác Tóc Tiên và Thác Cổng Trời: 15km • Lắp đặt 02 cột mốc check-in tại các điểm cao của Khu DTTN: 100m² • Thiết kế 6 điểm dừng chân kết hợp bảng thông tin bản đồ, bản chỉ dẫn, diễn giải thông tin du lịch, môi trường: 150m² • Cải tạo và nâng cấp các tuyến đường tuần tra và BVR tới Thác Dương Cầm, Thác Tóc Tiên và Thác Cổng Trời: 15km • Diện tích rừng phục vụ du lịch: 220,77ha
Vật liệu, chiều cao, thời gian tồn tại	• Mật độ, tỷ lệ dự kiến xây dựng công trình: 4,66 ha (2,1%). • Vật liệu, chiều cao và thời gian tồn tại của các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí: Xây dựng, lắp dựng các công trình nghỉ dưỡng, lưu trú bằng vật liệu, cấu kiện lắp ghép thân thiện với môi trường, chiều cao không quá 12m và thời gian tồn tại không quá 30 năm.
Chi phí ước tính	• 125.700 triệu đồng
Thời gian thực hiện	• Giai đoạn: 2024-2025 • Giai đoạn: 2026-2030
Những lợi ích cho cộng đồng, bảo tồn và kinh tế	• Cộng đồng tham gia trực tiếp vào bộ phận tổ chức, phục vụ các loại hình vui chơi, dịch vụ chăm sóc sức khỏe; bộ phận an ninh; dọn dẹp, vệ sinh; buồng phòng cũng như cung ứng sản phẩm địa phương v.v. Từ đó, tạo nguồn thu ổn định và cao hơn cho các lao động tại địa phương. • Cải thiện điều kiện làm việc cho cán bộ BVR và đem lại nguồn thu du lịch lớn cho Khu DTTN, từ đó có kinh phí tái đầu tư cho những hoạt động cần thiết như bảo trì trang thiết bị, chi phí cải tạo, nâng cấp CSHT và các chi phí cho các hoạt động bảo tồn.

3 Cụm du lịch Hà Lạc - Sông Rào Chân



Bản đồ 8. Bản đồ quy hoạch cụm du lịch Hà Lạc - Sông Rào Chân

**Bảng 23. Tọa độ ranh giới cụm du lịch Hà Lạc - Sông Rào Chân (VN2000, kinh tuyến
trục 106 độ 00 phút, múi chiều 3 độ)**

Tên mốc	Tọa độ	
	X	Y
1	579.215	1.883.955
2	579.210	1.883.811
3	579.291	1.883.768
4	579.318	1.883.694
5	579.247	1.883.568
6	579.219	1.883.490
7	579.134	1.883.387
8	579.087	1.883.250
9	579.039	1.883.143
10	578.898	1.882.997
11	578.734	1.882.834
12	578.633	1.882.693
13	578.575	1.882.590
14	578.522	1.882.460
15	578.440	1.882.366
16	578.309	1.882.328
17	578.288	1.882.133
18	578.268	1.882.071
19	578.178	1.881.967
20	578.067	1.881.898
21	578.055	1.881.746
22	578.101	1.881.692
23	578.121	1.881.618
24	578.100	1.881.543
25	578.023	1.881.483
26	577.971	1.881.618
27	577.905	1.881.685
28	577.926	1.881.969
29	578.099	1.882.094
30	578.139	1.882.146
31	578.160	1.882.371
32	578.213	1.882.457
33	578.366	1.882.496
34	578.439	1.882.654
35	578.611	1.882.920
36	578.528	1.883.052
37	578.774	1.883.289
38	578.869	1.883.534
39	578.956	1.883.644

40	579.056	1.883.870
41	579.111	1.883.924

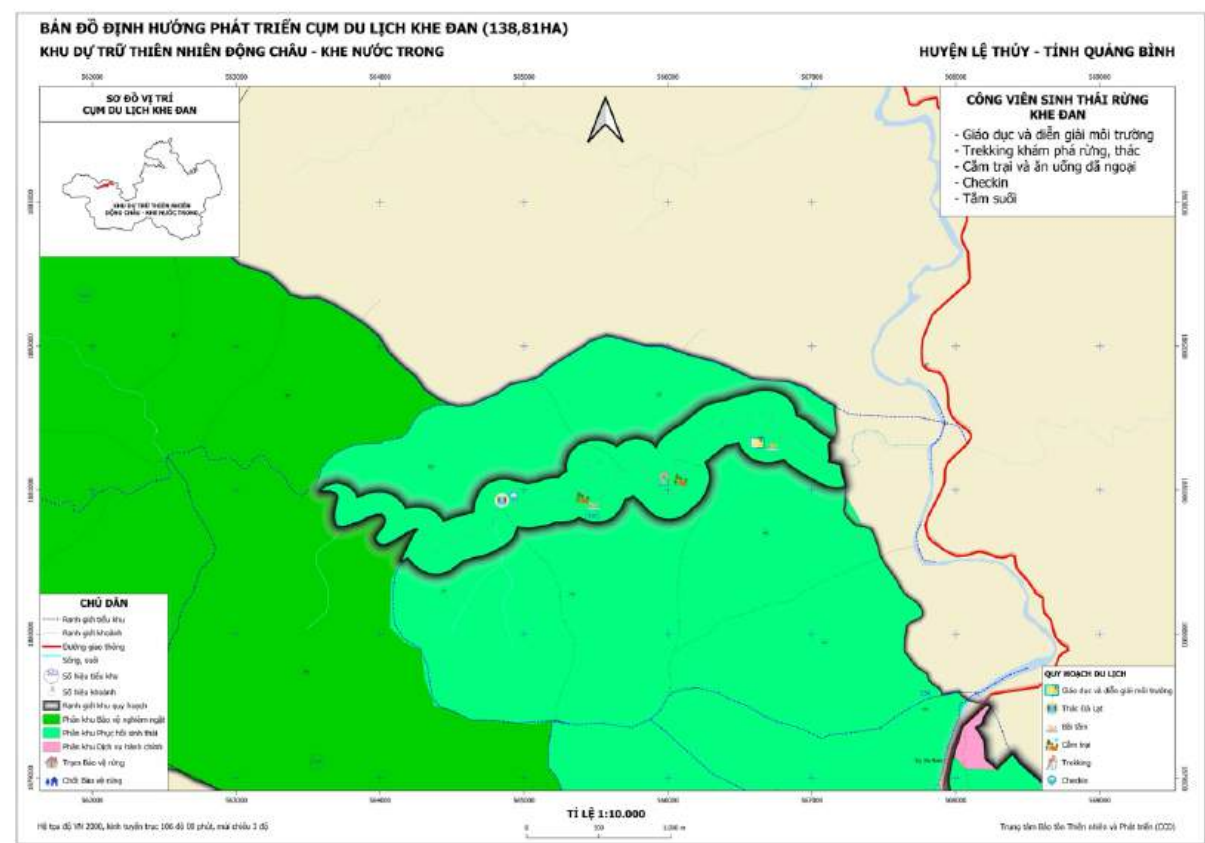
3.1 Điểm vui chơi giải trí sinh thái Rào Chân

Bảng 24. Thuyết minh quy hoạch Điểm vui chơi giải trí sinh thái Rào Chân

Tên điểm	Điểm vui chơi giải trí sinh thái Rào Chân
Vị trí, quy mô	- Vị trí: Nằm cạnh đường Quốc lộ 9C, khoảng 1, 2 tiểu khu 523; khoảng 62, tiểu khu 496 thuộc phân khu PHST. - Quy mô quy hoạch: 58,58ha thuộc phân khu PHST.
Định hướng chung	Trở thành điểm DLST và vui chơi giải trí.
Định hướng loại hình du lịch	- DLST và vui chơi giải trí - DLST - Du lịch nghiên cứu chuyên đề
Định hướng sản phẩm, dịch vụ du lịch	- Trải nghiệm đa giác quan - Safari đêm - Safari ngày - Trại hè rừng xanh/Lớn lên cùng đại ngàn - Trải nghiệm dòng Rào Chân - Trekking Đại Ngàn - Cắm trại và ăn uống dã ngoại - Dịch vụ lưu trú - Dịch vụ ăn uống - Dịch vụ thuyết minh, diễn giải môi trường - Dịch vụ cho thuê trang thiết bị du lịch - Dịch vụ vận chuyển - Dịch vụ mua sắm
Định hướng khách hàng	Khách phổ thông
Kết nối với các điểm du lịch, điểm tham quan khác (km)	- Trung tâm GDMT & DV: 40km - Khu trải nghiệm sinh thái Khe Nước Trong: 43km - Điểm trải nghiệm sinh thái được liệu Khe Cau: 28km - Khu sinh thái Cổng Trời - Suối Tiên: 48km
Phương thức tổ chức	- Tự tổ chức - Hợp tác, liên kết - Cho thuê MTR
Các hạng mục đầu tư	- Cải tạo và nâng cấp Chốt Dộp kết hợp phát triển thành điểm dừng chân đón tiếp khách: 0,1ha - Thiết kế điểm diễn giải môi trường và check-in (quan sát động vật hoang dã): 100m² - Thiết lập đường đường tuần tra BVR, phòng chống cháy rừng kết hợp phát triển du lịch tại Chốt Dộp: 10km - Đầu tư tuyến đường bộ từ Trạm QL BVR Hà Lặc đến ranh giới Khu DTTN để tiếp cận Chốt BVR Dộp: 10km - Thiết kế điểm cắm trại nghỉ ngơi và vui chơi giải trí gồm:

	● Khu cắm trại và dã ngoại: 500m² ● Tuyến chèo thuyền kayak, bè mảng, thuyền hơi: 5km ● Tuyến zipline: 2km ● Khu tắm và vui chơi dưới nước: 0,3ha ● Lắp đặt 1 chòi canh lửa kết hợp quan sát thú, quan sát cảnh quan thiên nhiên: 200m² ● Thiết kế 5 điểm dừng chân kết hợp bảng thông tin bản đồ, bản chỉ dẫn, diễn giải thông tin du lịch, môi trường: 500m² ● Diện tích rừng phục vụ du lịch: 57,15ha
Vật liệu, chiều cao, thời gian tồn tại	● Mật độ, tỷ lệ dự kiến xây dựng công trình: 1,13 ha (1,9%). ● Vật liệu, chiều cao và thời gian tồn tại của các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí: Xây dựng, lắp dựng các công trình nghỉ dưỡng, lưu trú bằng vật liệu, cấu kiện lắp ghép thân thiện với môi trường, chiều cao không quá 12m và thời gian tồn tại không quá 30 năm.
Chi phí ước tính	● 87.500 triệu đồng
Thời gian thực hiện	● Giai đoạn 2024-2025 ● Giai đoạn: 2026-2030
Những lợi ích cho cộng đồng, bảo tồn và kinh tế	● Cộng đồng tham gia trực tiếp vào bộ phận tổ chức, phục vụ các loại hình vui chơi, dịch vụ chăm sóc sức khỏe; bộ phận an ninh; dọn dẹp, vệ sinh; buồng phòng cũng như cung ứng sản phẩm địa phương v.v. Từ đó, tạo nguồn thu ổn định và cao hơn cho các lao động tại địa phương. ● Cải thiện điều kiện làm việc cho cán bộ BVR và đem lại nguồn thu du lịch lớn cho Khu DTTN, từ đó có kinh phí tái đầu tư cho những hoạt động cần thiết như bảo trì trang thiết bị, chi phí cải tạo, nâng cấp CSHT và các chi phí cho các hoạt động bảo tồn.

4 CỤM DU LỊCH KHE ĐAN



Bản đồ 9. Bản đồ quy hoạch cụm du lịch Khe Đan

Bảng 25. Tọa độ ranh giới cụm du lịch Khe Đan (VN2000, kinh tuyến trực 106 độ 00 phút, múi chiều 3 độ)

Tên mốc	Tọa độ	
	X	Y
1	567.026	1.881.161
2	566.925	1.881.141
3	566.630	1.881.309
4	566.500	1.881.306
5	566.373	1.881.343
6	566.300	1.881.447
7	566.064	1.881.289
8	566.088	1.881.203
9	565.966	1.880.990
10	565.814	1.880.912
11	565.634	1.881.015
12	565.571	1.881.072
13	565.499	1.881.049
14	565.429	1.880.933
15	565.333	1.880.895

16	565.191	1.880.928
17	565.030	1.880.896
18	564.890	1.880.860
19	564.752	1.880.863
20	564.700	1.880.756
21	564.534	1.880.667
22	564.387	1.880.627
23	564.289	1.880.558
24	564.188	1.880.532
25	563.998	1.880.649
26	563.954	1.880.624
27	564.064	1.880.838
28	563.853	1.880.739
29	563.791	1.880.749
30	563.778	1.880.785
31	563.843	1.880.887
32	563.815	1.880.945
33	563.656	1.880.895
34	563.540	1.880.862
35	563.500	1.880.878
36	563.491	1.880.968
37	563.514	1.881.063
38	563.394	1.881.107
39	563.428	1.881.140
40	563.503	1.881.160
41	563.633	1.881.086
42	563.641	1.881.055
43	563.838	1.881.093
44	563.977	1.880.983
45	564.137	1.880.982
46	564.243	1.880.889
47	564.457	1.880.958
48	564.499	1.881.100
49	564.563	1.881.162
50	564.710	1.881.181
51	564.824	1.881.153
52	565.044	1.881.195
53	565.106	1.881.241
54	565.128	1.881.370
55	565.188	1.881.427
56	565.313	1.881.455
57	565.449	1.881.406

58	565.575	1.881.468
59	565.722	1.881.400
60	565.855	1.881.540
61	566.059	1.881.690
62	566.219	1.881.736
63	566.467	1.881.802
64	566.604	1.881.770
65	566.669	1.881.705
66	566.692	1.881.624
67	566.798	1.881.564
68	566.938	1.881.464
69	566.915	1.881.425
70	566.916	1.881.306
71	566.996	1.881.284

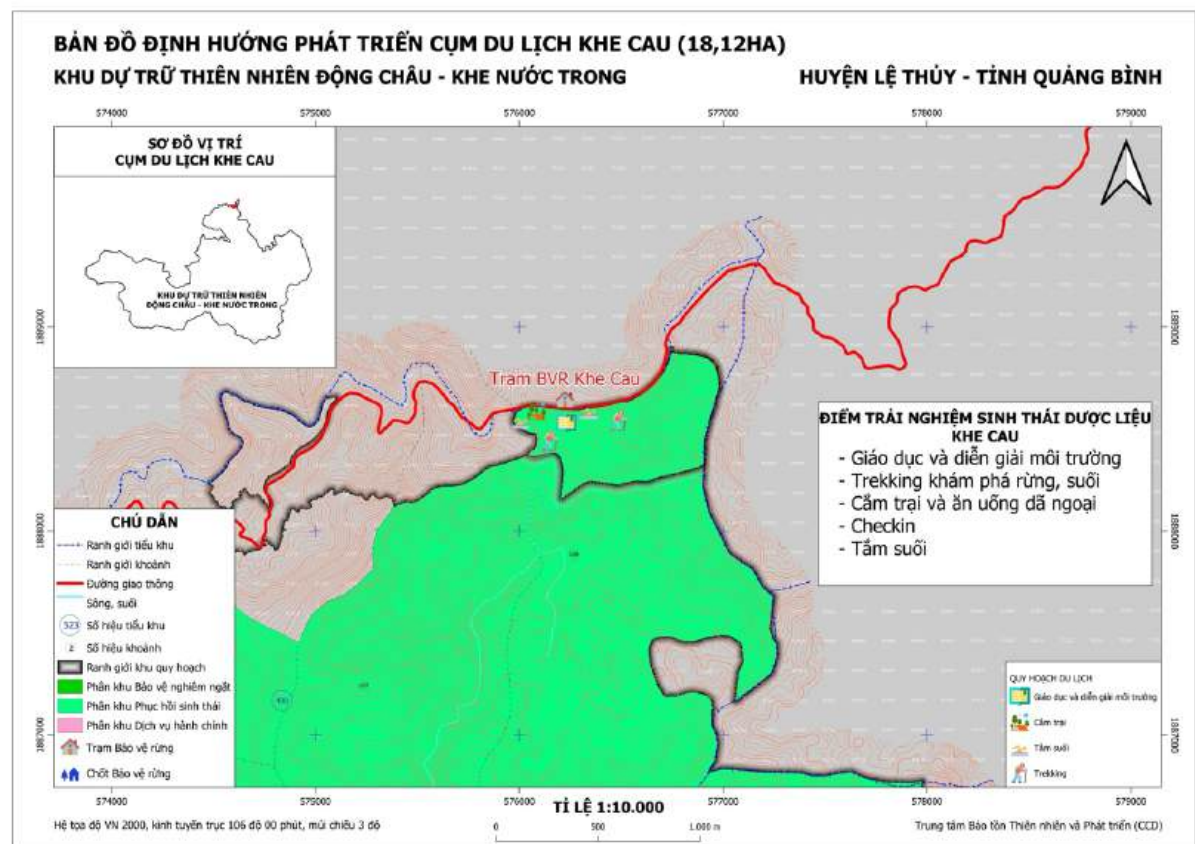
4.1 Công viên sinh thái rừng Khe Đan

Bảng 26. Thuyết minh quy hoạch Công viên sinh thái rừng Khe Đan

Tên điểm	Công viên sinh thái rừng Khe Đan
Vị trí, quy mô	- Vị trí: Dọc theo tuyến Khe Đan, khoảng 61, 63, 69, 71, 77, tiểu khu 518 thuộc phân khu PHST. - Quy mô quy hoạch: 138,84 ha thuộc phân khu PHST.
Định hướng chung	Trở thành điểm du lịch sinh thái gắn với hoạt động trekking, tham quan diễn giải môi trường.
Định hướng loại hình du lịch	- DLST - Du lịch nghiên cứu chuyên đề
Định hướng sản phẩm, dịch vụ du lịch	- Trải nghiệm đa giác quan - Safari đêm - Safari ngày - Cắm trại và ăn uống dã ngoại - Trekking Đại Ngàn - Dịch vụ lưu trú - Dịch vụ ăn uống - Dịch vụ thuyết minh, diễn giải môi trường - Dịch vụ cho thuê trang thiết bị du lịch - Dịch vụ vận chuyển - Dịch vụ mua sắm
Định hướng khách hàng	Khách phổ thông
Kết nối với các điểm du lịch, điểm tham quan khác (km)	- Trung tâm GDMT & DV: 6km - Khu trải nghiệm sinh thái Khe Nước Trong: 10km - Điểm trải nghiệm sinh thái dươc liệu Khe Cau: 16km - Điểm vui chơi giải trí sinh thái Rào Chân: 40km - Khu sinh thái Cổng Trời - Suối Tiên: 15km
Phương thức tổ chức	Tự tổ chức

	• Hợp tác, liên kết • Cho thuê MTR
Các hạng mục đầu tư	• Thiết kế điểm diễn giải môi trường và check-in (nghe vườn hót và quan sát động vật hoang dã): 50m² • Thiết kế 3 điểm dừng chân kết hợp bảng thông tin bản đồ, bản chỉ dẫn, diễn giải thông tin du lịch, môi trường: 150m² • Cải tạo và nâng cấp các tuyến đường tuần tra và BVR tới Thác Khe Đan: 15km • Diện tích rừng phục vụ du lịch: 138,79ha
Vật liệu, chiều cao, thời gian tồn tại	• Mật độ, tỷ lệ dự kiến xây dựng công trình: 0,05 ha (0,04%). • Vật liệu, chiều cao và thời gian tồn tại của các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí: Xây dựng, lắp dựng các công trình nghỉ dưỡng, lưu trú bằng vật liệu, cấu kiện lắp ghép thân thiện với môi trường, chiều cao không quá 12m và thời gian tồn tại không quá 30 năm.
Chi phí ước tính	• 11.900 triệu đồng
Thời gian thực hiện	• Giai đoạn: 2026-2030
Những lợi ích cho cộng đồng, bảo tồn và kinh tế	• Cộng đồng tham gia trực tiếp vào bộ phận tổ chức, phục vụ các loại hình vui chơi, dịch vụ chăm sóc sức khỏe; bộ phận an ninh; dọn dẹp, vệ sinh; buồng phòng cũng như cung ứng sản phẩm địa phương v.v. Từ đó, tạo nguồn thu ổn định và cao hơn cho các lao động tại địa phương • Cải thiện điều kiện làm việc cho cán bộ BVR và đem lại nguồn thu du lịch lớn cho Khu DTTN, từ đó có kinh phí tái đầu tư cho những hoạt động cần thiết như bảo trì trang thiết bị, chi phí cải tạo, nâng cấp CSHT và các chi phí cho các hoạt động bảo tồn.

5 CỤM DU LỊCH KHE CAU



Bản đồ 10. Bản đồ quy hoạch cụm du lịch Khe Cau

Bảng 27. Tọa độ ranh giới cụm du lịch Khe Cau (VN2000, kinh tuyến trục 106 độ 00 phút, múi chiều 3 độ)

Tên mốc	Tọa độ	
	X	Y
1	576747	1888875
2	576819	1888868
3	576883	1888860
4	576948	1888828
5	576975	1888751
6	576978	1888703
7	576933	1888548
8	576905	1888436
9	576905	1888330
10	576880	1888315
11	576628	1888245
12	576573	1888247
13	576481	1888229

14	576349	1888246
15	576311	1888235
16	576208	1888160
17	576218	1888292
18	576208	1888355
19	576183	1888385
20	576152	1888388
21	576071	1888365
22	576044	1888378
23	576086	1888419
24	576079	1888480
25	576016	1888501
26	575979	1888525
27	575975	1888549
28	575994	1888587
29	576019	1888602
30	576071	1888613
31	576146	1888601
32	576279	1888592
33	576498	1888637
34	576527	1888634
35	576616	1888683
36	576703	1888771
37	576733	1888829

5.1 Điểm trải nghiệm sinh thái dược liệu Khe Cau

Bảng 28. Thuyết minh quy hoạch Điểm trải nghiệm sinh thái dược liệu Khe Cau

Tên điểm	Điểm trải nghiệm sinh thái dược liệu Khe Cau
Vị trí, quy mô	- Vị trí: Nằm cạnh đường Quốc lộ 9C, khoảnh 106, 107 tiểu khu 490 thuộc phân khu PHST. - Quy mô quy hoạch: 18,12ha thuộc phân khu PHST.
Định hướng chung	Trở thành điểm dừng chân tiếp đón khách du lịch muốn trải nghiệm thiên nhiên, thư giãn cuối tuần và trong ngày.
Định hướng loại hình du lịch	- DLST - Du lịch nghiên cứu chuyên đề - Du lịch sáng tạo
Định hướng sản phẩm, dịch vụ du lịch	- Một ngày làm Kiểm Lâm - Trải nghiệm đa giác quan - Trekking Đại Ngàn - Cắm trại và ăn uống dã ngoại - Dịch vụ ăn uống - Dịch vụ thuyết minh, diễn giải môi trường - Dịch vụ cho thuê trang thiết bị du lịch

	• Dịch vụ vận chuyển • Dịch vụ mua sắm
Định hướng khách hàng	• Khách phổ thông
Kết nối với các điểm du lịch, điểm tham quan khác (km)	• Trung tâm GDMT & DV: 20km • Khu trải nghiệm sinh thái Khe Nước Trong: 23km • Khu sinh thái Cổng Trời - Suối Tiên: 27kmm • Điểm vui chơi giải trí sinh thái Rào Chân: 28km
Phương thức tổ chức	• Tự tổ chức • Hợp tác, liên kết • Cho thuê MTR
Các hạng mục đầu tư	• Cải tạo và nâng cấp Chốt Đội cơ động Khe Cau kết hợp phát triển thành điểm dừng chân đón tiếp khách: 0,1ha • Thiết kế điểm diễn giải môi trường và check-in: 500m² • Thiết lập, cải tạo đường trekking trong rừng: 10km • Thiết kế 3 điểm dừng chân kết hợp bảng thông tin bản đồ, bản chỉ dẫn, diễn giải thông tin du lịch, môi trường: 500m² • Khu trồng dược liệu kết hợp tham quan du lịch và diện tích rừng phục vụ du lịch: 17,82ha
Vật liệu, chiều cao, thời gian tồn tại	• Mật độ, tỷ lệ dự kiến xây dựng công trình: 0,3ha (1,7%). • Vật liệu, chiều cao và thời gian tồn tại của các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí: Xây dựng, lắp dựng các công trình nghỉ dưỡng, lưu trú bằng vật liệu, cấu kiện lắp ghép thân thiện với môi trường, chiều cao không quá 12m và thời gian tồn tại không quá 30 năm.
Chi phí ước tính	• 16.000 triệu đồng
Thời gian thực hiện	• Giai đoạn: 2026-2030
Những lợi ích cho cộng đồng, bảo tồn và kinh tế	• Cộng đồng tham gia trực tiếp vào bộ phận tổ chức, phục vụ các loại hình vui chơi, dịch vụ chăm sóc sức khỏe; bộ phận an ninh; dọn dẹp, vệ sinh; buồng phòng cũng như cung ứng sản phẩm địa phương v.v. Từ đó, tạo nguồn thu ổn định và cao hơn cho các lao động tại địa phương. • Cải thiện điều kiện làm việc cho cán bộ BVR và đem lại nguồn thu du lịch lớn cho Khu DTTN, từ đó có kinh phí tái đầu tư cho những hoạt động cần thiết như bảo trì trang thiết bị, chi phí cải tạo, nâng cấp CSHT và các chi phí cho các hoạt động bảo tồn.

Trong thuyết minh này, quy mô quy hoạch dự kiến chỉ mang tính chất định hướng. Trong quá trình thiết kế và nghiên cứu đầu tư chi tiết về sau, chủ đầu tư có thể đề xuất thay đổi, bổ sung các loại hình du lịch cho phù hợp.

Các hạng mục đầu tư chính được viết dưới dạng đề xuất tối thiểu, trong quá trình khảo sát và xây dựng dự án chi tiết, chủ đầu tư và BQL Khu DTTN có thể điều chỉnh để linh động và phù hợp với thực tế. Tổng kinh phí đầu tư của các dự án là mức dự kiến định hướng đầu tư, mang tính chất tham khảo. Trong quá trình khảo sát và hoàn thiện thuyết minh dự án BQL Khu BTTN

Động Châu - Khe Nước Trong và chủ đầu tư có thể tăng hoặc giảm theo nhu cầu và điều kiện thực tế.

Sau khi đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí được phê duyệt, chủ rừng chủ trì, phối hợp với tổ chức, cá nhân lập dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí theo phương thức tự tổ chức, liên kết hoặc cho thuê môi trường rừng phù hợp với đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí được phê duyệt. Việc lập dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí phải tuân thủ các quy định của Luật Lâm nghiệp và các quy định của pháp luật khác có liên quan. Việc xây dựng các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí phải tuân thủ quy định tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 91 và quy định của pháp luật khác có liên quan.

Phụ lục 3 Diện tích xây dựng các công trình

TT	Các điểm du lịch, điểm tham quan	Tổng diện tích	Phân khu DVHC	Phân khu PHST	Diện tích đất xây dựng CSHT, CSVCKT phục vụ du lịch		Đất rừng phục vụ du lịch		Mặt nước	
		(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(%)	(ha)	(%)	(ha)	(%)
1	Trung tâm GDMT & DV	21	6	15	0,6	2,9	20,4	97,1	0,00	0,00
2	Khu trải nghiệm sinh thái Khe Nước Trong	506,67	4,31	502,36	0,5	0,1	506,17	99,9	0,00	0,00
3	Khu sinh thái Cổng Trời - Suối Tiên	225,43	5	220,43	4,66	2,1	220,77	97,9	0,00	0,00
4	Công viên sinh thái rừng Khe Đan	138,84	0	138,84	0,04	0,04	138,79	99,96	0,00	0,00
5	Điểm vui chơi giải trí sinh thái Rào Chân	58,58	0	58,58	1,13	1,9	57,15	97,6	0,3	0,51
6	Điểm trải nghiệm sinh thái dược liệu Khe Cau	18,12	0	18,12	0,3	1,7	17,82	98,3	0,00	0,00
	Tổng	968,64	15,31	553,33	7,24	0,75	961,10	99,22	0,3	0,03

Tổng diện tích khai thác hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí tại Khu DTTN Động Châu - Khe Nước Trong giai đoạn 2024-2025 là 968,64 ha, bao gồm 7,24 ha diện tích đất xây dựng CSHT, CSVCKT phục vụ du lịch và 961,10 ha diện tích đất rừng phục vụ du lịch.

Đối với diện tích đất xây dựng CSHT, CSVCKT phục vụ du lịch trong quá trình quy hoạch phải tuân thủ theo nguyên tắc sau:

- Trong phân khu BVNN, chỉ lập các tuyến đường tuần tra bảo vệ rừng, kết hợp tổ chức tham quan du lịch sinh thái và giáo dục môi trường rừng, tận dụng các tuyến đường mòn, xây dựng các trụ đỡ của đường cáp trên không, đường cáp ngầm dưới mặt đất, trạm quan sát cảnh quan, lều trú chân, cầu dành cho người đi bộ, biển chỉ dẫn bảo vệ rừng kết hợp du lịch sinh thái.
- Trong phân khu PHST, các công trình xây dựng bằng vật liệu, cấu kiện lắp ghép, dễ tháo dỡ, nổi trên mặt nước, trên trảng cỏ, đất có cây bụi hoặc ở những nơi đất trống được tính theo độ tàn che của cây rừng, đảm bảo không tác động tiêu cực đến sinh trưởng, phát triển và phục hồi tự nhiên của cây rừng, hài hòa với cảnh quan thiên nhiên.

- Trong phân DVHC, chỉ được phép xây dựng các công trình phục vụ du lịch sinh thái trên trảng cỏ, đất có cây bụi hoặc nơi đất trống. Các công trình nghỉ dưỡng, lưu trú dưới tán rừng hoặc nổi trên mặt nước phải đảm bảo không tác động tiêu cực đến cây rừng và phải hài hòa với cảnh quan thiên nhiên.
- Quy mô, vật liệu, chiều cao, thời gian tồn tại và mật độ, tỷ lệ các công trình và thiết kế chi tiết được chủ đầu tư dự án thiết kế và trình cấp thẩm quyền phê duyệt. Tuy nhiên chiều cao các công trình không vượt quá 12m và tổng diện tích công trình không vượt quá 2% diện tích trong hợp đồng hợp tác, liên kết hoặc cho thuê môi trường rừng đối với phân khu PHST và không vượt quá 5% diện tích hợp đồng hợp tác hoặc cho thuê môi trường rừng đối với phân khu DVHC. Nếu vượt quá, UBND cấp tỉnh có thể gửi đề nghị tới Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét và chấp thuận.
- Việc đầu tư, xây dựng các công trình du lịch tuân thủ chặt chẽ Điều 15 Nghị định số 156/NĐ-CP về quy định thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp và Nghị định số 91/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP về xây dựng các công trình DLST trong rừng đặc dụng.
- Lưu ý về vấn đề rác thải, nước thải từ sinh hoạt cũng như tiếng ồn từ hoạt động tham quan của du khách, tránh ảnh hưởng tới môi trường xung quanh và động vật hoang dã.
- Lưu ý về sức chứa và sức chịu tải để phân bố đủ nhân lực và đảm bảo dịch vụ tốt nhất.
- Lưu ý về an toàn cho du khách.
- Lưu ý hành vi của khách du lịch trong vấn đề tôn trọng văn hóa cộng đồng.

Phụ lục 4 Định hướng và thuyết minh tuyến du lịch

Bảng 29. Thuyết minh tuyến số 1

Tên tuyến	Trung tâm GDMT & DV - Khu trải nghiệm sinh thái Khe Nước Trong
Mục đích	- DLST - Du lịch nghiên cứu chuyên đề
Vị trí	- Tuyến du lịch được khai thác đi qua các khoảnh 92 và 84, tiểu khu 532 thuộc phân khu DVHC và PHST; khoảnh 92, 96, 99 của tiểu khu 532; khoảnh 95 của tiểu khu 533 thuộc phân khu DVHC và PHST. - Tuyến du lịch đi qua một số điểm nổi bật trên tuyến gồm: Trung tâm GDMT & DV, Điểm quan sát khỉ, Điểm nghe vượn hót, Khe Nước Trong/ Khe Vàng/Khe Bung
Phương tiện sử dụng du lịch trên tuyến	Đi bộ, xe đạp, xe điện
Nhóm khách hàng ưu tiên	Khách du lịch trong nước và quốc tế trong đó hướng tới: - Khách thích khám phá và trải nghiệm thiên nhiên. - Khách là học sinh, sinh viên, nhà nghiên cứu và thanh niên.
Chiều dài tuyến	15 km
Thời gian	1 ngày
Phương thức tổ chức	- Tự tổ chức - Hợp tác, liên kết - Cho thuê MTR
Các hạng mục đầu tư	Khảo sát tính khả thi của tuyến: về thời gian, tính an toàn, phương tiện di chuyển, điểm dừng chân trên tuyến.
Vật liệu, chiều cao, thời gian tồn tại	- Vật liệu, chiều cao và thời gian tồn tại của các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí: Xây dựng, lắp dựng các công trình nghỉ dưỡng, lưu trú bằng vật liệu, cấu kiện lắp ghép thân thiện với môi trường, chiều cao không quá 12m và thời gian tồn tại không quá 30 năm. - Mật độ, tỷ lệ dự kiến xây dựng công trình: tuân thủ theo thuyết minh các điểm trên tuyến tại Phụ lục 2.
Thời gian thực hiện	2024-2025 2026-2030
Những lợi ích cho cộng đồng, bảo tồn và kinh tế	- Cộng đồng cải thiện thu nhập nhờ tham gia cung cấp dịch vụ du lịch như hướng dẫn, cung cấp dịch vụ trekking, cắm trại, ăn uống, giao lưu văn hóa văn nghệ. - Nâng cao nhận thức về bảo tồn ĐDSH cho du khách thông qua hoạt động diễn giải môi trường trong suốt chiều dài tuyến.
Những ảnh hưởng tiêu cực	Lưu ý về việc xây dựng, bố trí các công trình phục vụ du lịch, đảm bảo theo đúng quy định tại khoản 7 Điều

	1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ. • Lưu ý về vấn đề rác thải từ hoạt động tham quan, tránh ảnh hưởng đến cảnh quan, môi trường du lịch • Lưu ý đảm bảo an toàn du lịch, sức khỏe cho du khách vì tuyến đi bộ đường dài và có sự xuất hiện của động vật hoang dã ngoài tự nhiên.
--	--

Bảng 30. Thuyết minh tuyến số 2

Tên tuyến	Trung tâm GDMT & DV - Khu sinh thái Cổng Trời - Suối Tiên
Mục đích	• DLST • Du lịch thể thao, mạo hiểm
Vị trí	• Tuyến du lịch được khai thác đi qua các khoảnh 92 và 84, tiểu khu 532 thuộc phân khu DVHC và PHST; khoảnh 94 và 100 của tiểu khu 534 thuộc phân khu DVHC và PHST. • Tuyến du lịch đi qua một số điểm nổi bật trên tuyến gồm: Trung tâm GDMT & DV, Thác Tóc Tiên/Thác Dương Cầm/Thác Cổng Trời, Đài quan sát.
Phương tiện sử dụng du lịch trên tuyến	Đi bộ, xe đạp, xe điện
Nhóm khách hàng ưu tiên	Khách du lịch trong nước và quốc tế trong đó hướng tới: • Khách 12 - 65 tuổi và đảm bảo sức khỏe. • Khách thích khám phá và trải nghiệm thiên nhiên. • Khách là học sinh, sinh viên, nhà nghiên cứu và thanh niên.
Chiều dài tuyến	15 km
Thời gian	1 ngày
Mô tả chi tiết về lịch trình	• Buổi sáng: Tham quan và nghe diễn giải tại nhà trưng bày, vườn thực vật và trung tâm cứu hộ của Trung tâm GDMT & DV. Sau khi tham quan, khách du lịch lựa chọn 1 trong 3 Thác Tóc Tiên/Thác Dương Cầm/Thác Cổng Trời để trải nghiệm. Khách dựng lều và ăn trưa tại thác. • Buổi chiều: Di chuyển từ thác về Đài quan sát để ngắm toàn cảnh Khu DTTN. Trên đường di chuyển, khách dừng chân tại một số điểm check-in và diễn giải môi trường.
Phương thức tổ chức	• Tự tổ chức • Hợp tác, liên kết • Cho thuê MTR
Các hạng mục đầu tư	Khảo sát tính khả thi của tuyến: về thời gian, tính an toàn, phương tiện di chuyển, điểm dừng chân trong tuyến.
Vật liệu, chiều cao, thời gian tồn tại	• Vật liệu, chiều cao và thời gian tồn tại của các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí: Xây dựng, lắp dựng các công trình nghỉ dưỡng, lưu trú bằng vật liệu, cấu kiện lắp ghép thân thiện với môi trường, chiều cao không quá 12m và thời gian tồn tại không quá 30 năm.

	Mật độ, tỷ lệ dự kiến xây dựng công trình: tuân thủ theo thuyết minh các điểm trên tuyến tại Phụ lục 2.
Thời gian thực hiện	2024-2025 2026-2030
Những lợi ích cho cộng đồng, bảo tồn và kinh tế	- Cộng đồng cải thiện thu nhập nhờ tham gia cung cấp dịch vụ du lịch như hướng dẫn, cung cấp dịch vụ trekking, cắm trại, ăn uống, giao lưu văn hóa văn nghệ. - Nâng cao nhận thức về bảo tồn ĐDSH cho du khách thông qua hoạt động diễn giải môi trường trong suốt chiều dài tuyến.
Những ảnh hưởng tiêu cực	- Lưu ý về việc xây dựng, bố trí các công trình phục vụ du lịch, đảm bảo theo đúng quy định tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ. - Lưu ý về vấn đề rác thải từ hoạt động tham quan, tránh ảnh hưởng đến cảnh quan, môi trường du lịch - Lưu ý đảm bảo an toàn du lịch, sức khỏe cho du khách vì tuyến đi bộ đường dài và có sự xuất hiện của động vật hoang dã ngoài tự nhiên.

Bảng 31. Thuyết minh tuyến số 3

Tên tuyến	Trạm BVR Hà Lạc - Điểm vui chơi giải trí sinh thái Rào Chân
Mục đích	- DLST - Du lịch nghiên cứu chuyên đề
Vị trí	- Tuyến du lịch được khai thác đi từ Trạm BVR Hà Lạc qua các khoảnh các khoảnh 1, 2 tiểu khu 523; khoảnh 62, tiểu khu 496 thuộc phân khu PHST. - Tuyến du lịch đi qua một số điểm nổi bật trên tuyến gồm: Trung tâm BVR Hà Lạc, Điểm vui chơi giải trí sinh thái Rào Chân.
Phương tiện sử dụng du lịch trên tuyến	Đi bộ, xe đạp, ô tô, xe điện, thuyền điện
Nhóm khách hàng ưu tiên	Khách du lịch trong nước và quốc tế trong đó hướng tới: - Khách thích khám phá và trải nghiệm thiên nhiên. - Khách là học sinh, sinh viên, nhà nghiên cứu và thanh niên.
Chiều dài tuyến	20 km
Thời gian	1 ngày
Mô tả chi tiết về lịch trình	- Buổi sáng: Khách du lịch di chuyển đến Trạm QL BVR Hà Lạc để trải nghiệm. Khách du lịch lựa chọn di chuyển bằng đường bộ hoặc đường thủy để tiếp cận Điểm vui chơi giải trí sinh thái Rào Chân và ăn trưa. - Buổi chiều: Cắm trại, ăn uống dã ngoại và tham gia trải nghiệm giao dục kỹ năng sống, kỹ năng sinh tồn gắn với các hoạt động vui chơi dưới nước như tắm suối, chèo kayak, chèo mảng, thuyền hơi, bóng nước, zipline...

Phương thức tổ chức	- Tự tổ chức - Hợp tác, liên kết - Cho thuê MTR
Các hạng mục đầu tư	Khảo sát tính khả thi của tuyến: về thời gian, tính an toàn, phương tiện di chuyển, điểm dừng chân trên tuyến.
Vật liệu, chiều cao, thời gian tồn tại	- Vật liệu, chiều cao và thời gian tồn tại của các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí: Xây dựng, lắp dựng các công trình nghỉ dưỡng, lưu trú bằng vật liệu, cấu kiện lắp ghép thân thiện với môi trường, chiều cao không quá 12m và thời gian tồn tại không quá 30 năm. - Mật độ, tỷ lệ dự kiến xây dựng công trình: tuân thủ theo thuyết minh các điểm trên tuyến tại Phụ lục 2.
Thời gian thực hiện	2024-2025 2026-2030
Những lợi ích cho cộng đồng, bảo tồn và kinh tế	- Cộng đồng cải thiện thu nhập nhờ tham gia cung cấp dịch vụ du lịch như hướng dẫn, cung cấp dịch vụ trekking, cắm trại, ăn uống, giao lưu văn hóa văn nghệ. - Nâng cao nhận thức về bảo tồn ĐDSH cho du khách thông qua hoạt động diễn giải môi trường trong suốt chiều dài tuyến.
Những ảnh hưởng tiêu cực	- Lưu ý về việc xây dựng, bố trí các công trình phục vụ du lịch, đảm bảo theo đúng quy định tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ. - Lưu ý về vấn đề rác thải từ hoạt động tham quan, tránh ảnh hưởng đến cảnh quan, môi trường du lịch - Lưu ý đảm bảo an toàn du lịch, sức khỏe cho du khách vì tuyến đi bộ đường dài và có sự xuất hiện của động vật hoang dã ngoài tự nhiên.

Bảng 32. Thuyết minh tuyến số 4

Tên tuyến	Trung tâm GDMT & DV - Điểm trải nghiệm sinh thái được liệu Khe Cau
Mục đích	- DLST - Du lịch nghiên cứu chuyên đề
Vị trí	- Tuyến du lịch được khai thác đi qua các khoảnh 92 và 84, tiểu khu 532 thuộc phân khu DVHC và PHST; khoảnh 106, 107 tiểu khu 490 thuộc phân khu PHST. - Tuyến du lịch đi qua một số điểm nổi bật trên tuyến gồm: Trung tâm GDMT & DV, Điểm trải nghiệm sinh thái được liệu Khe Cau (Vườn thực vật, được liệu)
Phương tiện sử dụng du lịch trên tuyến	Đi bộ, xe đạp, ô tô, xe điện, thuyền điện
Nhóm khách hàng ưu tiên	Khách du lịch trong nước và quốc tế trong đó hướng tới: Khách thích khám phá và trải nghiệm thiên nhiên.

	Khách là học sinh, sinh viên, nhà nghiên cứu và thanh niên.
Chiều dài tuyến	20 km
Thời gian	1 ngày
Mô tả chi tiết về lịch trình	- Buổi sáng: Khách du lịch tham quan Trung tâm GDMT & DV với các hoạt động diễn giải môi trường tại Trung tâm du khách, bảo tàng, vườn thực vật, trung tâm cứu hộ và di chuyển đến Điểm trải nghiệm sinh thái được liệu Khe Cau. - Buổi chiều: Cắm trại, ăn trưa dã ngoại và tham gia trải nghiệm giáo dục kỹ năng sống, kỹ năng sinh tồn gắn với các hoạt động vui chơi dưới nước, trekking tìm hiểu về hệ thống thực vật và được liệu dưới tán rừng...
Phương thức tổ chức	- Tự tổ chức - Hợp tác, liên kết - Cho thuê MTR
Các hạng mục đầu tư	Khảo sát tính khả thi của tuyến: về thời gian, tính an toàn, phương tiện di chuyển, điểm dừng chân trong tuyến.
Vật liệu, chiều cao, thời gian tồn tại	- Vật liệu, chiều cao và thời gian tồn tại của các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí: Xây dựng, lắp dựng các công trình nghỉ dưỡng, lưu trú bằng vật liệu, cấu kiện lắp ghép thân thiện với môi trường, chiều cao không quá 12m và thời gian tồn tại không quá 30 năm. - Mật độ, tỷ lệ dự kiến xây dựng công trình: tuân thủ theo thuyết minh các điểm trên tuyến tại Phụ lục 2.
Thời gian thực hiện	2024-2025 2026-2030
Những lợi ích cho cộng đồng, bảo tồn và kinh tế	- Cộng đồng cải thiện thu nhập nhờ tham gia cung cấp dịch vụ du lịch như hướng dẫn, cung cấp dịch vụ trekking, cắm trại, ăn uống, giao lưu văn hóa văn nghệ. - Nâng cao nhận thức về bảo tồn ĐDSH cho du khách thông qua hoạt động diễn giải môi trường trong suốt chiều dài tuyến.
Những ảnh hưởng tiêu cực	- Lưu ý về việc xây dựng, bố trí các công trình phục vụ du lịch, đảm bảo theo đúng quy định tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ. - Lưu ý về vấn đề rác thải từ hoạt động tham quan, tránh ảnh hưởng đến cảnh quan, môi trường du lịch - Lưu ý đảm bảo an toàn du lịch, sức khỏe cho du khách vì tuyến đi bộ đường dài và có sự xuất hiện của động vật hoang dã ngoài tự nhiên.

Bảng 33. Thuyết minh tuyến số 5

Tên tuyến	Trung tâm GDMT & DV - Công viên sinh thái rừng Khe Đan
Mục đích	- DLST - Du lịch nghiên cứu chuyên đề

Vị trí	- Tuyến du lịch được khai thác đi qua các khoảnh 92 và 84, tiểu khu 532 thuộc phân khu DVHC và PHST; khoảnh 61, 63, 69, 71, 77, tiểu khu 518 thuộc phân khu PHST. - Tuyến du lịch đi qua một số điểm nổi bật trên tuyến gồm: Trung tâm GDMT & DV, Khe Le/Khe Đan.
Phương tiện sử dụng du lịch trên tuyến	Đi bộ, xe điện
Nhóm khách hàng ưu tiên	Khách du lịch trong nước và quốc tế trong đó hướng tới: - Khách 12 - 65 tuổi và đảm bảo sức khỏe. - Khách thích khám phá và trải nghiệm thiên nhiên. - Khách là học sinh, sinh viên, nhà nghiên cứu và thanh niên.
Chiều dài tuyến	15 km
Thời gian	1 ngày
Mô tả chi tiết về lịch trình	- Buổi sáng: Tham quan và nghe diễn giải tại nhà trưng bày, vườn thực vật và trung tâm cứu hộ của Trung tâm GDMT & DV. Sau khi tham quan, khách du lịch lựa chọn 1 trong 2 Khe Le hoặc Khe Đan để trải nghiệm. - Buổi chiều: Trekking theo đường mòn tuần tra rừng, quan sát động vật hoang dã, ngắm cảnh Khu DTTN. Trên đường di chuyển, khách dừng chân dựng lều nghỉ ngơi ăn trưa, trải nghiệm tắm suối, tắm thác, check-in và nghe diễn giải môi trường tại một số điểm được xác định.
Phương thức tổ chức	- Tự tổ chức - Hợp tác, liên kết - Cho thuê MTR
Các hạng mục đầu tư	Khảo sát tính khả thi của tuyến: về thời gian, tính an toàn, phương tiện di chuyển, điểm dừng chân trong tuyến.
Vật liệu, chiều cao, thời gian tồn tại	- Vật liệu, chiều cao và thời gian tồn tại của các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí: Xây dựng, lắp dựng các công trình nghỉ dưỡng, lưu trú bằng vật liệu, cấu kiện lắp ghép thân thiện với môi trường, chiều cao không quá 12m và thời gian tồn tại không quá 30 năm. - Mật độ, tỷ lệ dự kiến xây dựng công trình: tuân thủ theo thuyết minh các điểm trên tuyến tại Phụ lục 2.
Thời gian thực hiện	2024-2030
Những lợi ích cho cộng đồng, bảo tồn và kinh tế	- Cộng đồng cải thiện thu nhập nhờ tham gia cung cấp dịch vụ du lịch như hướng dẫn, cung cấp dịch vụ trekking, cắm trại, ăn uống, giao lưu văn hóa văn nghệ. - Nâng cao nhận thức về bảo tồn ĐDSH cho du khách thông qua hoạt động diễn giải môi trường trong suốt chiều dài tuyến.
Những ảnh hưởng tiêu cực	Lưu ý về việc xây dựng, bố trí các công trình phục vụ du lịch, đảm bảo theo đúng quy định tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ.

	• Lưu ý về vấn đề rác thải từ hoạt động tham quan, tránh ảnh hưởng đến cảnh quan, môi trường du lịch • Lưu ý đảm bảo an toàn du lịch, sức khỏe cho du khách vì tuyến đi bộ đường dài và có sự xuất hiện của động vật hoang dã ngoài tự nhiên.
--	--

Bảng 34. Thuyết minh tuyến số 6

Tên tuyến	Trung tâm GDMT & DV - Khu sinh thái Cổng Trời - Suối Tiên - Khu trải nghiệm sinh thái Khe Nước Trong
Mục đích	• DLST • Du lịch thể thao, mạo hiểm • Du lịch nghiên cứu chuyên đề
Vị trí	• Tuyến du lịch được khai thác đi qua các khoảnh 92 và 84, tiểu khu 532 thuộc phân khu DVHC và PHST; khoảnh 94 và 100 của tiểu khu 534 thuộc phân khu DVHC, PHST; khoảnh 92, 96, 99 của tiểu khu 532; khoảnh 95 của tiểu khu 533 thuộc phân khu DVHC và PHST. • Tuyến du lịch đi qua một số điểm nổi bật trên tuyến gồm: Trung tâm GDMT & DV, Thác Tóc Tiên/Dương Cầm/Thác Cổng Trời, Đài quan sát, Khe Nước Trong.
Phương tiện sử dụng du lịch trên tuyến	Đi bộ, xe đạp, xe điện
Nhóm khách hàng ưu tiên	Khách du lịch trong nước và quốc tế trong đó hướng tới: • Khách 12 - 65 tuổi và đảm bảo sức khỏe. • Khách thích khám phá và trải nghiệm thiên nhiên. • Khách là học sinh, sinh viên, nhà nghiên cứu và thanh niên.
Chiều dài tuyến	25 km
Thời gian	2 ngày 1 đêm
Mô tả chi tiết về lịch trình	• Ngày 1: • Buổi sáng: Tham quan và nghe diễn giải tại nhà trưng bày, vườn thực vật và trung tâm cứu hộ của Trung tâm GDMT & DV. Sau khi tham quan, khách du lịch lựa chọn 1 trong 3 Thác Tóc Tiên/Thác Dương Cầm/Thác Cổng Trời để trải nghiệm. Khách dựng lều và ăn trưa tại thác. • Buổi chiều: Di chuyển từ thác về Đài quan sát để ngắm toàn cảnh Khu DTTN. Trên đường di chuyển, khách dừng chân tại một số điểm check-in và diễn giải môi trường. Khách lưu trú và nghỉ ngơi tại Trung tâm GDMT & DV. • Ngày 2: • Di chuyển bằng xe điện tham quan, dừng chân nghe diễn giải, check-in quan sát khỉ, nghe vườn hót. Tới điểm trekking du khách lựa chọn 1 trong 3 tuyến Khe Nước Trong, Khe Vàng hoặc Khe Bung

	để trải nghiệm. Khách nghỉ ngơi ăn trưa tại điểm xuất phát.
Phương thức tổ chức	• Tự tổ chức • Hợp tác, liên kết • Cho thuê MTR
Các hạng mục đầu tư	Khảo sát tính khả thi của tuyến: về thời gian, tính an toàn, phương tiện di chuyển, điểm dừng chân trong tuyến.
Vật liệu, chiều cao, thời gian tồn tại	• Vật liệu, chiều cao và thời gian tồn tại của các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí: Xây dựng, lắp dựng các công trình nghỉ dưỡng, lưu trú bằng vật liệu, cấu kiện lắp ghép thân thiện với môi trường, chiều cao không quá 12m và thời gian tồn tại không quá 30 năm. • Mật độ, tỷ lệ dự kiến xây dựng công trình: tuân thủ theo thuyết minh các điểm trên tuyến tại Phụ lục 2.
Thời gian thực hiện	2024-2030
Những lợi ích cho cộng đồng, bảo tồn và kinh tế	• Cộng đồng cải thiện thu nhập nhờ tham gia cung cấp dịch vụ du lịch như hướng dẫn, cung cấp dịch vụ trekking, cắm trại, ăn uống, giao lưu văn hóa văn nghệ. • Nâng cao nhận thức về bảo tồn ĐDSH cho du khách thông qua hoạt động diễn giải môi trường trong suốt chiều dài tuyến.
Những ảnh hưởng tiêu cực	• Lưu ý về việc xây dựng, bố trí các công trình phục vụ du lịch, đảm bảo theo đúng quy định tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ. • Lưu ý về vấn đề rác thải từ hoạt động tham quan, tránh ảnh hưởng đến cảnh quan, môi trường du lịch • Lưu ý đảm bảo an toàn du lịch, sức khỏe cho du khách vì tuyến đi bộ đường dài và có sự xuất hiện của động vật hoang dã ngoài tự nhiên.

Bảng 35. Thuyết minh tuyến số 7

Tên tuyến	Trung tâm GDMT & DV - Khu sinh thái Cổng Trời - Suối Tiên
Mục đích	• DLST • Du lịch nghiên cứu chuyên đề • Du lịch thể thao, mạo hiểm
Vị trí	• Tuyến du lịch được khai thác đi qua các khoảnh 92 và 84, tiểu khu 532 thuộc phân khu DVHC và PHST; khoảnh 94 và 100 của tiểu khu 534 thuộc phân khu DVHC và PHST. • Tuyến du lịch đi qua một số điểm nổi bật trên tuyến gồm: Trung tâm GDMT & DV, Thác Tóc Tiên/Thác Dương Cầm/Thác Cổng Trời, Đài quan sát
Phương tiện sử dụng du lịch trên tuyến	Đi bộ, xe đạp, xe điện
Nhóm khách hàng ưu tiên	Khách du lịch trong nước và quốc tế trong đó hướng tới: • Khách 12 - 65 tuổi và đảm bảo sức khỏe. • Khách thích khám phá và trải nghiệm thiên nhiên. • Khách là học sinh, sinh viên, nhà nghiên cứu và thanh niên.
Chiều dài tuyến	15 km
Thời gian	2 ngày 1 đêm
Mô tả chi tiết về lịch trình	• Ngày 1: • Buổi sáng: Tham quan và nghe diễn giải tại nhà trưng bày, vườn thực vật và trung tâm cứu hộ của Trung tâm GDMT & DV. Sau khi tham quan, khách du lịch di chuyển đi Thác Dương Cầm. Khách dừng lều và ăn trưa tại thác. • Buổi chiều: Du khách trải nghiệm thử thách đu dây vượt thác. Hoàn thành nhiệm vụ du khách di chuyển từ thác về và lưu trú tại Trung tâm GDMT & DV. • Ngày 2: • Buổi sáng: Khách du lịch di chuyển đi Thác Cổng Trời. Khách dựng lều và ăn trưa tại thác. • Buổi chiều: Du khách trải nghiệm thử thách đu dây vượt thác. Sau khi hoàn thành nhiệm vụ, du khách di chuyển về điểm xuất phát, trên đường di chuyển, khách dừng chân tại một số điểm check-in và diễn giải môi trường.
Phương thức tổ chức	• Tự tổ chức • Hợp tác, liên kết • Cho thuê MTR
Các hạng mục đầu tư	Khảo sát tính khả thi của tuyến: về thời gian, tính an toàn, phương tiện di chuyển, điểm dừng chân trong tuyến.
Vật liệu, chiều cao, thời gian tồn tại	• Vật liệu, chiều cao và thời gian tồn tại của các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí: Xây

	dựng, lắp dựng các công trình nghỉ dưỡng, lưu trú bằng vật liệu, cấu kiện lắp ghép thân thiện với môi trường, chiều cao không quá 12m và thời gian tồn tại không quá 30 năm. Mật độ, tỷ lệ dự kiến xây dựng công trình: tuân thủ theo thuyết minh các điểm trên tuyến tại Phụ lục 2.
Thời gian thực hiện	2024-2030
Những lợi ích cho cộng đồng, bảo tồn và kinh tế	- Cộng đồng cải thiện thu nhập nhờ tham gia cung cấp dịch vụ du lịch như hướng dẫn, cung cấp dịch vụ trekking, cắm trại, ăn uống, giao lưu văn hóa văn nghệ. - Nâng cao nhận thức về bảo tồn ĐDSH cho du khách thông qua hoạt động diễn giải môi trường trong suốt chiều dài tuyến.
Những ảnh hưởng tiêu cực	- Lưu ý về việc xây dựng, bố trí các công trình phục vụ du lịch, đảm bảo theo đúng quy định tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ. - Lưu ý về vấn đề rác thải từ hoạt động tham quan, tránh ảnh hưởng đến cảnh quan, môi trường du lịch - Lưu ý đảm bảo an toàn du lịch, sức khỏe cho du khách vì tuyến đi bộ đường dài và có sự xuất hiện của động vật hoang dã ngoài tự nhiên.

Bảng 36. Thuyết minh tuyến số 8

Tên tuyến	Trung tâm GDMT & DV - Điểm vui chơi giải trí sinh thái Rào Chân
Mục đích	- DLST - Du lịch nghiên cứu chuyên đề
Vị trí	- Tuyến du lịch được khai thác đi qua khoảnh 92 và 84, tiểu khu 532 thuộc phân khu DVHC và PHST đến Trạm BVR Hà Lặc; qua các khoảnh 1, 2 tiểu khu 523; khoảnh 62, tiểu khu 496 thuộc phân khu PHST. - Tuyến du lịch đi qua một số điểm nổi bật trên tuyến gồm: Trạm BVR Hà Lặc, Điểm vui chơi giải trí sinh thái Rào Chân.
Phương tiện sử dụng du lịch trên tuyến	Đi bộ, xe đạp, xe điện, ô tô, thuyền
Nhóm khách hàng ưu tiên	Khách du lịch trong nước và quốc tế trong đó hướng tới: - Khách thích khám phá và trải nghiệm thiên nhiên. - Khách là học sinh, sinh viên, nhà nghiên cứu và thanh niên.
Chiều dài tuyến	51 km
Thời gian	2 ngày 1 ngày
Mô tả chi tiết về lịch trình	- Ngày 1: - Buổi sáng: Tham quan Trung tâm GDMT & DV tham quan và nghe diễn giải tại nhà trưng bày, vườn thực vật và trung tâm cứu hộ.

	- Buổi chiều: Khách du lịch lựa chọn di chuyển bằng đường bộ hoặc đường thủy để tiếp cận Điểm vui chơi giải trí sinh thái Rào Chân và ăn trưa. Trên đường di chuyển khách ngắm cảnh, check-in và dừng tham quan bản Hà Lạc hoặc An Bai. Buổi chiều khách trải nghiệm chèo thuyền Xuôi dòng Rào Chân và cắm trại ăn tối, nghỉ đêm tại điểm. - Ngày 2: - Buổi sáng: Tham gia trải nghiệm giao dục kỹ năng sống, kỹ năng sinh tồn gắn với các hoạt động vui chơi dưới nước.... - Buổi chiều: Di chuyển về điểm xuất phát và kết thúc chương trình...
Phương thức tổ chức	- Tự tổ chức - Hợp tác, liên kết - Cho thuê MTR
Các hạng mục đầu tư	Khảo sát tính khả thi của tuyến: về thời gian, tính an toàn, phương tiện di chuyển, điểm dừng chân trong tuyến.
Vật liệu, chiều cao, thời gian tồn tại	- Vật liệu, chiều cao và thời gian tồn tại của các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí: Xây dựng, lắp dựng các công trình nghỉ dưỡng, lưu trú bằng vật liệu, cấu kiện lắp ghép thân thiện với môi trường, chiều cao không quá 12m và thời gian tồn tại không quá 30 năm. - Mật độ, tỷ lệ dự kiến xây dựng công trình: tuân thủ theo thuyết minh các điểm trên tuyến tại Phụ lục 2.
Thời gian thực hiện	2024-2025 2026-2030
Những lợi ích cho cộng đồng, bảo tồn và kinh tế	- Cộng đồng cải thiện thu nhập nhờ tham gia cung cấp dịch vụ du lịch như hướng dẫn, cung cấp dịch vụ trekking, cắm trại, ăn uống, giao lưu văn hóa văn nghệ. - Nâng cao nhận thức về bảo tồn ĐDSH cho du khách thông qua hoạt động diễn giải môi trường trong suốt chiều dài tuyến.
Những ảnh hưởng tiêu cực	- Lưu ý về việc xây dựng, bố trí các công trình phục vụ du lịch, đảm bảo theo đúng quy định tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ. - Lưu ý về vấn đề rác thải từ hoạt động tham quan, tránh ảnh hưởng đến cảnh quan, môi trường du lịch - Lưu ý đảm bảo an toàn du lịch, sức khỏe cho du khách vì tuyến đi bộ đường dài và có sự xuất hiện của động vật hoang dã ngoài tự nhiên.

Bảng 37. Thuyết minh tuyến số 9

Tên tuyến	Khu sinh thái Cổng Trời - Suối Tiên - Trung tâm GDMT & DV - Điểm vui chơi giải trí sinh thái Rào Chân
Mục đích	- DLST - Du lịch nghiên cứu chuyên đề
Vị trí	- Tuyến du lịch được khai thác đi qua các khoảnh 94 và 100 của tiểu khu 534 thuộc phân khu DVHC và PHST; khoảnh 92 và 84, tiểu khu 532 thuộc phân khu DVHC và PHST; khoảnh 1, 2 tiểu khu 523; khoảnh 62, tiểu khu 496 thuộc phân khu PHST. - Tuyến du lịch đi qua một số điểm nổi bật trên tuyến gồm: Khu sinh thái Cổng Trời - Suối Tiên, Trung tâm GDMT & DV, Điểm vui chơi giải trí sinh thái Rào Chân
Phương tiện sử dụng du lịch trên tuyến	Đi bộ, xe đạp, xe điện, ô tô, thuyền
Nhóm khách hàng ưu tiên	Khách du lịch trong nước và quốc tế trong đó hướng tới: - Khách thích khám phá và trải nghiệm thiên nhiên. - Khách là học sinh, sinh viên, nhà nghiên cứu và thanh niên.
Chiều dài tuyến	58 km
Thời gian	2 ngày 1 đêm
Mô tả chi tiết về lịch trình	- Ngày 1: - Buổi sáng: Buổi sáng trekking 1 trong 3 thác Cổng Trời, Dương Cầm hoặc Tóc Tiên với các hoạt động leo thác, zipline, chụp hình, diễn giải môi trường, nghe vượn hót và cắm trại, ăn trưa trong rừng. - Buổi chiều: Di chuyển về Trung tâm GDMT & DV tham quan và nghe diễn giải tại nhà trưng bày, vườn thực vật và trung tâm cứu hộ. Khách nghỉ đêm tại Khu sinh thái Cổng Trời - Suối Tiên. - Ngày 2: - Buổi sáng: Khách du lịch lựa chọn di chuyển bằng đường bộ hoặc đường thủy để tiếp cận Điểm vui chơi giải trí sinh thái Rào Chân và ăn trưa. Trên đường di chuyển khách ngắm cảnh, check-in và dừng tham quan bản Hà Lạc hoặc An Bai. - Buổi chiều: Cắm trại, ăn uống dã ngoại và tham gia trải nghiệm giao dục kỹ năng sống, kỹ năng sinh tồn gắn với các hoạt động vui chơi dưới nước như tắm suối, chèo kayak, chèo mảng, thuyền hơi, bóng nước, zipline...
Phương thức tổ chức	- Tự tổ chức - Hợp tác, liên kết - Cho thuê MTR
Các hạng mục đầu tư	Khảo sát tính khả thi của tuyến: về thời gian, tính an toàn, phương tiện di chuyển, điểm dừng chân trong tuyến.
Vật liệu, chiều cao, thời gian tồn tại	Vật liệu, chiều cao và thời gian tồn tại của các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí: Xây

	dựng, lắp dựng các công trình nghỉ dưỡng, lưu trú bằng vật liệu, cấu kiện lắp ghép thân thiện với môi trường, chiều cao không quá 12m và thời gian tồn tại không quá 30 năm. • Mật độ, tỷ lệ dự kiến xây dựng công trình: tuân thủ theo thuyết minh các điểm trên tuyến tại Phụ lục 2.
Thời gian thực hiện	2024-2025 2026-2030
Những lợi ích cho cộng đồng, bảo tồn và kinh tế	• Cộng đồng cải thiện thu nhập nhờ tham gia cung cấp dịch vụ du lịch như hướng dẫn, cung cấp dịch vụ trekking, cắm trại, ăn uống, giao lưu văn hóa văn nghệ. • Nâng cao nhận thức về bảo tồn ĐDSH cho du khách thông qua hoạt động diễn giải môi trường trong suốt chiều dài tuyến.
Những ảnh hưởng tiêu cực	• Lưu ý về việc xây dựng, bố trí các công trình phục vụ du lịch, đảm bảo theo đúng quy định tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ. • Lưu ý về vấn đề rác thải từ hoạt động tham quan, tránh ảnh hưởng đến cảnh quan, môi trường du lịch • Lưu ý đảm bảo an toàn du lịch, sức khỏe cho du khách vì tuyến đi bộ đường dài và có sự xuất hiện của động vật hoang dã ngoài tự nhiên.

Trong quá trình thực hiện Đề án, trường hợp nhà đầu tư có nhu cầu đầu tư, khai thác các tuyến, điểm du lịch mới chưa có trong Đề án thì phối hợp với BQL Khu DTTN Động Châu - Khe Nước Trong đề xuất UBND tỉnh xem xét bổ sung để triển khai.

Phụ lục 5 Thuyết minh chi tiết các sản phẩm du lịch ưu tiên thực hiện

1 Nhóm sản phẩm du lịch sinh thái

1.1 Một ngày làm Kiểm Lâm

Một ngày làm Kiểm Lâm mang lại nhiều trải nghiệm thú vị và thách thức, đòi hỏi sự tận tâm và kiến thức sâu rộng về bảo tồn thiên nhiên. Quá trình phát triển sản phẩm Một ngày làm Kiểm Lâm gồm:

- Bắt đầu ngày làm việc, du khách được kiểm tra thiết bị, chuẩn bị các dụng cụ cần thiết như bản đồ, la bàn, đài liên lạc và các thiết bị an toàn. Đồng thời, du khách cũng phải kiểm tra lại các báo cáo về tình hình động vật hoang dã và các hoạt động trong khu bảo tồn.
- Khách du lịch thực hiện các cuộc tuần tra ngắn hoặc dài trong rừng để kiểm tra các vị trí quan trọng, phát hiện các dấu hiệu của việc săn bắt trái phép, chặt phá rừng, hoặc các hoạt động không phép khác. Tuần tra có thể được thực hiện bằng xe địa hình, thuyền hoặc đi bộ, tùy thuộc vào địa hình và khu vực cần kiểm tra.
- Trong và sau các cuộc tuần tra, du khách sẽ ghi chép lại mọi quan sát và phát hiện, từ vị trí của các loài động vật quan trọng đến bằng chứng của các hoạt động vi phạm. Thông tin này sau đó được tổng hợp và báo cáo cho cấp trên và các cơ quan có thẩm quyền để xử lý.
- Ngoài công tác tuần tra và bảo vệ, du khách sẽ tham gia vào các hoạt động giáo dục cộng đồng, nhằm nâng cao nhận thức về bảo tồn và các quy định bảo vệ môi trường. Họ cũng làm việc chặt chẽ với các tổ chức phi chính phủ, các nhà nghiên cứu và các đơn vị khác để thực hiện các dự án bảo tồn.
- Du khách sẽ được đặt trong tình huống luôn sẵn sàng đối phó với các tình huống khẩn cấp, học cách phòng cháy rừng, cứu hộ động vật bị thương, hoặc đối phó với các tình huống đe dọa an toàn cá nhân và công chúng trong khu bảo tồn.
- Du khách trải nghiệm bảo dưỡng thiết bị, nghỉ ngơi và tổng kết lại các hoạt động, cập nhật các báo cáo. Kết thúc chương trình, du khách được nhận giấy chứng nhận của Khu DTTN.

1.2 Trải nghiệm đa giác quan

Khu DTTN sẽ thiết lập các trạm dọc giáo dục và diễn giải môi trường dọc theo tuyến Cầu Khỉ - Khe Nước Trong và Khu sinh thái Cổng Trời - Suối Tiên để khách tham quan có thể trải nghiệm. Trong quá trình di chuyển, hướng dẫn viên là các chuyên gia sẽ đồng hành diễn giải và tổ chức các hoạt động trải nghiệm theo chương trình. Một số trải nghiệm chính của sản phẩm gồm:

- Trạm nghe: Du khách lắng nghe âm thanh tự nhiên của khu rừng, như tiếng suối chảy, tiếng chim hót, vượn hót.
- Trạm nhìn: Du khách ngắm nhìn phong cảnh ngoạn mục hoặc quan sát động vật thực vật hoang dã như khỉ, voọc...
- Trạm chạm: Du khách trực tiếp tiếp xúc với các loại cây cối, hoa lá, cảm nhận bề mặt và kết cấu khác nhau như đi chân đất trên các địa hình, tắm suối, ôm cây, xếp đá...
- Trạm ngửi: Du khách sử dụng khứu giác để phát hiện các loài thực vật có mùi đặc trưng, hoặc khu vực mùi của đất, lá mục và môi trường tự nhiên nổi bật.

- Trạm nếm: Du khách thưởng thức các loại trái cây bản địa, mật ong rừng, hoặc thử các món ăn được chế biến từ nguyên liệu địa phương.

1.3 Safari đêm

Sản phẩm Safari đêm được thiết kế nhằm mang lại cho du khách trải nghiệm khám phá và quan sát đời sống hoang dã về đêm, qua đó tăng cường nhận thức về bảo tồn và đa dạng sinh học của khu vực. Sản phẩm gồm các nội dung:

- Hướng dẫn viên có kinh nghiệm và am hiểu sâu sắc về địa lý và sinh vật của khu vực sẽ dẫn dắt chuyến đi, đảm bảo an toàn và giải thích các hoạt động của động vật về đêm.
- Cung cấp đèn pin đầu, kính nhìn đêm và các thiết bị âm thanh để tăng cường trải nghiệm quan sát và nghe trong điều kiện ánh sáng yếu.
- Sử dụng linh hoạt các hình thức di chuyển như đi bộ, xe điện, xe đạp hoặc xe địa hình để tối ưu hóa việc quan sát động vật mà không làm ảnh hưởng đến sinh hoạt của chúng.
- Du khách tham gia vào các hoạt động như dùng đèn để thu hút côn trùng, quan sát các loài vật hoạt động về đêm như dơi và cú.
- Tổ chức các buổi thuyết trình ngắn trước và sau chuyến đi để giới thiệu về sinh thái đêm và tầm quan trọng của các loài trong chuỗi thức ăn.
- Đảm bảo các biện pháp an toàn cho du khách và duy trì khoảng cách an toàn với động vật để không làm quấy rầy chúng.
- Hạn chế sử dụng ánh sáng nhân tạo, khuyến khích du khách tuân thủ các quy tắc không để lại rác và không làm ảnh hưởng đến môi trường tự nhiên.
- Cung cấp bữa ăn nhẹ hoặc picnic với các sản phẩm địa phương cho du khách trong hoặc sau chuyến đi.
- Lồng ghép khéo léo các câu chuyện dân gian địa phương hoặc truyền thuyết liên quan đến động vật và thiên nhiên trong khu vực để làm phong phú thêm trải nghiệm.
- Liên kết với các tổ chức bảo tồn địa phương và quốc tế để tăng tính chính danh và hiệu quả của chương trình.
- Tận dụng các nền tảng truyền thông xã hội và truyền thông truyền thống để quảng bá sản phẩm, nhấn mạnh sự độc đáo và các giá trị bảo tồn của chuyến đi safari đêm.

1.4 Safari ngày

Quan sát động thực vật hoang dã là một hoạt động giáo dục và giải trí phổ biến, đặc biệt là trong các khu bảo tồn thiên nhiên và các vườn quốc gia. Sản phẩm giúp du khách hiểu biết sâu sắc hơn về đa dạng sinh học và tầm quan trọng của việc bảo tồn môi trường tự nhiên. Để phát triển sản phẩm, một số chiến lược và công cụ để thực hiện gồm:

- Du khách tham quan Trung tâm cứu hộ và bảo tồn, vườn thực vật tại Trung tâm GDMT & DV.
- Thiết kế và bảo trì các đường mòn đi bộ để du khách có thể tiếp cận các khu vực quan sát động thực vật hoang dã mà không làm ảnh hưởng đến môi trường sống tự nhiên.
- Trải nghiệm quan sát động vật hoang dã từ xa bằng drone (thiết bị bay điều khiển từ xa), cho phép du khách trải nghiệm cận cảnh cuộc sống tự nhiên của các loài động vật mà không làm xáo trộn chúng. Trải nghiệm sẽ được hỗ trợ bởi các chuyên gia sinh thái, giải thích về hành vi và môi trường sống của động vật qua các hình ảnh và video được thu từ drone.
- Xây dựng chòi canh lửa kết hợp đài quan sát với trang bị kính viễn vọng hoặc kính thiên văn để du khách quan sát động vật ở xa mà không làm phiền chúng.
- Cung cấp thông tin cho du khách về thời gian tốt nhất trong ngày để quan sát động vật hoang dã.

- Tổ chức các buổi diễn giải với sự tham gia của các hướng dẫn viên hoặc nhà sinh thái học (cán bộ Khu DTTN) để giải thích về các loài động vật và thực vật đặc trưng của khu vực, cũng như các mối quan hệ sinh thái giữa chúng.
- Phát hành các tài liệu in và số, như sách hướng dẫn, ứng dụng di động và các tài nguyên trực tuyến để cung cấp thông tin chi tiết về các loài động thực vật trong khu vực. Các ứng dụng di động với bản đồ tương tác, thông tin về động thực vật và công cụ giúp nhận dạng các loài dựa trên ảnh chụp.
- Lắp đặt camera trong tự nhiên để quan sát động vật (có thể ứng dụng hoặc liên kết với kết quả của dự án bẫy ảnh) mà không cần tiếp cận trực tiếp, và phát trực tiếp hình ảnh qua internet để mọi người có thể theo dõi từ xa.
- Đặt ra các quy tắc và hướng dẫn rõ ràng về cách quan sát động thực vật mà không gây rối loạn đến chúng, như giữ khoảng cách an toàn, không làm ồn và không cho động vật ăn.

1.5 Trại hè rừng xanh/Lớn lên cùng đại ngàn

Sản phẩm Trại hè được thiết kế với một chương trình đa dạng, tập trung vào việc kết hợp giáo dục, nghiên cứu và hành động bảo tồn, bao gồm các hoạt động như trồng rừng, tham gia vào hoạt động của trung tâm cứu hộ động vật hoang dã và khám phá vườn thực vật. Một số hoạt động cụ thể như:

- Tham gia các buổi giảng về bảo tồn, sinh thái học và phương pháp nghiên cứu trong bảo tồn. Các chủ đề có thể bao gồm đa dạng sinh học, tác động của biến đổi khí hậu và các kỹ thuật phục hồi sinh thái.
- Tham gia các hoạt động như điều tra đa dạng sinh học, sử dụng GPS và các công cụ khác để thu thập dữ liệu về thực vật và động vật trong khu bảo tồn.
- Tham gia vào các dự án trồng cây để phục hồi và mở rộng các khu rừng tự nhiên. Hoạt động giúp du khách hiểu về quá trình phát triển rừng và vai trò của rừng trong việc bảo vệ đa dạng sinh học.
- Tham gia các hoạt động thực hành, thực tế về thí nghiệm xói mòn, kỹ thuật phục hồi đất, xử lý nước và bảo vệ môi trường sống cho động vật hoang dã.
- Tìm hiểu về cách thức hoạt động của trung tâm, các thách thức trong việc cứu hộ và tái thả động vật hoang dã.
- Học các kỹ năng cơ bản trong việc chăm sóc và điều trị cho động vật bị thương hoặc cần được bảo tồn.
- Thực hiện các dự án nhỏ về phân loại thực vật, tìm hiểu về các loài thực vật đặc hữu và tác động của chúng đối với môi trường xung quanh và làm tiêu bản các loài thực vật phục vụ công tác học tập, nghiên cứu. Sử dụng kiến thức về thực vật trong việc thiết kế các hoạt động bảo tồn và phục hồi sinh thái.
- Tham gia các buổi làm việc với cộng đồng địa phương để hiểu biết thêm về văn hóa và các phương pháp bảo tồn truyền thống.
- Chuẩn bị và trình bày các dự án cá nhân hoặc nhóm tại cuối trại hè, nhằm chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm học được với các bạn học viên khác và các chuyên gia.

1.6 Tour thực tế ảo

Tour tham quan thực tế ảo (VR) mang lại cho người tham gia một trải nghiệm đắm chìm và toàn diện về khu dự trữ mà không cần di chuyển trực tiếp. Một số nội dung thiết kế và các đặc điểm nổi bật của tour VR:

- Sử dụng thiết bị chuyên dụng để quay phim, chụp ảnh toàn cảnh Khu DTTN. Điều nhằm cung cấp một cái nhìn toàn diện, cho phép người dùng nhìn ngắm mọi hướng trong môi trường ảo.
- Thu âm tiếng động tự nhiên của khu rừng như tiếng chim hót, tiếng suối chảy, giúp tái tạo không gian âm thanh sống động và thực tế.
- Trong tour VR, du khách có thể tương tác với các thông tin chi tiết về các loài thực vật và động vật mà họ nhìn thấy, cùng với thông tin về tầm quan trọng của việc bảo tồn các loài này.
- Tích hợp các bài giảng và diễn giải từ các chuyên gia bảo tồn và sinh thái học, giúp người tham gia hiểu rõ hơn về các nỗ lực bảo tồn và sinh thái của khu vực.
- Cung cấp các lựa chọn khác nhau cho người dùng, từ việc khám phá các con suối, thác nước, đến các khu rừng nguyên sinh và các khu vực đa dạng sinh học cao.
- Các hoạt động giả lập như đi bộ đường dài, canoeing, hoặc quan sát động vật hoang dã, mang lại cảm giác như đang thực sự tham gia vào các hoạt động ngoài trời.
- Cho phép người dùng cùng tham gia và tương tác trong tour thực tế ảo, tạo điều kiện cho các nhóm bạn bè, gia đình, hoặc học sinh tham gia cùng nhau.
- Người dùng có thể để lại phản hồi về trải nghiệm của họ hoặc đặt câu hỏi trực tiếp trong chương trình để được giải đáp bởi các chuyên gia.
- Tour VR có thể được truy cập thông qua các ứng dụng trên điện thoại thông minh, máy tính bảng, hoặc thông qua các thiết bị đeo đầu VR chuyên dụng, làm cho du khách có thể trải nghiệm và tiếp cận dễ dàng, thuận tiện hơn.

1.7 Nhìn sang nước bạn Lào/Động Châu trong mắt tôi/Miền biên viễn trong mơ

Sản phẩm được thiết kế với ý tưởng kết hợp hài hòa giữa thiên nhiên và kiến trúc, nhằm mang lại cái nhìn toàn diện về Khu DTTN, KBT Bắc Hướng Hoá và cảnh quan nước bạn Lào. Các chòi canh lửa được thiết kế để ngắm cảnh, nghỉ ngơi, thư giãn, đồng thời để thực hiện các hoạt động giáo dục và văn hóa, nhằm nâng cao nhận thức và trải nghiệm của du khách.

- Lựa chọn vị trí tối ưu để xây dựng chòi canh lửa - đài quan sát, sao cho có thể quan sát được toàn cảnh khu vực xung quanh cũng như phía Lào. Chòi canh được thiết kế với vật liệu thân thiện môi trường, phù hợp với cảnh quan và an toàn cho khách du lịch.
- Mỗi chòi canh được trang bị đầy đủ nhu cầu cơ bản như khu vực nghỉ ngơi, nhà vệ sinh sinh thái, bãi đỗ xe và khu vực thay đồ.
- Tổ chức các buổi thuyết trình về địa chất, sinh thái và văn hóa của khu vực, cung cấp các tài liệu giáo dục và ứng dụng di động để du khách có thể tự trải nghiệm và học hỏi.
- Thiết lập các điểm chụp ảnh lý tưởng và cung cấp thiết bị quan sát (ống nhòm, kính viễn vọng...) để du khách có thể lưu lại những khoảnh khắc tuyệt vời.
- Đặt các camera quan sát tại các điểm chiến lược trong khu vực rừng để có thể quan sát đa dạng sinh học mà không gây rối loạn cho môi trường tự nhiên. Những vị trí có tầm nhìn rộng, bao quát và gần các điểm thu hút động thực vật. Thiết lập một hệ thống truyền dẫn hình ảnh trực tiếp từ các camera tới đài quan sát để du khách có thể theo dõi động thực vật mà không cần di chuyển đến gần, đảm bảo sự yên tĩnh và không làm quấy rầy đến các loài vật.
- Trồng các loài cây bản địa trong đó lựa chọn các loại dương xỉ cổ đại phù hợp với khí hậu và điều kiện thổ nhưỡng của khu vực. Chọn các loài hoa đặc trưng của khu vực như sim, mua và đỗ quyên để trồng dọc theo các lối đi và khu vực gần đường giao thông. Những khu vườn hoa là điểm lý tưởng cho du khách chụp ảnh và check-in.

- Tạo các điểm nghỉ ngơi và check-in được thiết kế độc đáo, có mái che và ghế ngồi, tại các khu vực có cảnh quan đẹp nhằm tạo thuận tiện cho việc thư giãn và khuyến khích du khách chia sẻ trải nghiệm của họ trên mạng xã hội. Đặt các biển thông tin giới thiệu về các loài hoa và dương xỉ cổ đại, cung cấp thông tin về nguồn gốc, ý nghĩa và vai trò sinh thái của chúng trong khu bảo tồn.
- Cung cấp các gói dịch vụ drone có người hướng dẫn hoặc tự điều khiển, cho phép du khách tự mình khám phá và ghi lại hình ảnh từ không trung nhằm mang lại cái nhìn độc đáo về cảnh quan và đa dạng sinh học của khu vực.

1.8 Cắm trại và ăn uống dã ngoại

Tắm suối và ăn uống dã ngoại tại Khu DTTN là một sản phẩm tập trung khai thác các khe suối với cảnh quan và đa dạng sinh học tuyệt vời của khu dự trữ, giúp mang lại trải nghiệm thư giãn và hòa mình với thiên nhiên cho du khách. Các cách thiết kế và nội dung của sản phẩm gồm:

- Lựa chọn các khu vực suối sạch, an toàn và có cảnh quan đẹp để tạo điểm tắm suối cho du khách. Các khu vực có độ sâu phù hợp và dòng chảy không quá mạnh. Xác định các điểm dã ngoại gần khu vực tắm suối, có không gian rộng rãi, bóng mát và có cảnh quan thiên nhiên đẹp.
- Thiết lập các khu vực thay đồ và nhà vệ sinh tiện nghi, sạch sẽ gần khu vực tắm suối. Cung cấp các khu vực nghỉ ngơi với ghế dài, võng và lều bạt để du khách có thể thư giãn sau khi tắm suối. Cung cấp các bàn ghế picnic, dù che, bếp nướng và các dụng cụ cần thiết cho bữa ăn dã ngoại.
- Du khách có thể tự do tắm suối, thư giãn trong làn nước mát lạnh và tận hưởng không gian yên tĩnh của thiên nhiên. Cung cấp hướng dẫn an toàn và có nhân viên cứu hộ trực tại các khu vực tắm suối để đảm bảo an toàn cho du khách.
- Cung cấp các gói thực đơn dã ngoại bao gồm các món ăn địa phương, thực phẩm tươi ngon và các món nướng. Thực đơn có thể được điều chỉnh theo yêu cầu của du khách. Du khách có thể tham gia vào việc tự nấu nướng các món ăn dã ngoại, tạo thêm phần thú vị và gắn kết cho nhóm bạn bè hoặc gia đình.
- Kết hợp các hoạt động khám phá thiên nhiên như đi bộ đường dài, quan sát động thực vật và tham quan các thác nước gần đó. Tổ chức các trò chơi nhóm, hoạt động thể thao ngoài trời như bóng chuyền, cầu lông và các trò chơi dân gian để tạo không khí vui tươi và gắn kết.
- Khuyến khích du khách tham gia vào các hoạt động bảo vệ môi trường như dọn rác, giữ gìn vệ sinh khu vực tắm suối và dã ngoại. Sử dụng các vật liệu thân thiện với môi trường cho các dụng cụ dã ngoại và hạn chế sử dụng nhựa dùng một lần.
- Sử dụng các nền tảng mạng xã hội, website và báo chí để quảng bá sản phẩm, chia sẻ hình ảnh và video về các hoạt động tắm suối và dã ngoại. Hợp tác với các công ty du lịch để đưa sản phẩm này vào các gói du lịch trọn gói, thu hút nhiều du khách hơn.
- Tạo các kênh thu thập phản hồi từ du khách để đánh giá chất lượng dịch vụ và tìm cách cải thiện. Khuyến khích du khách chia sẻ trải nghiệm của họ trên mạng xã hội và các trang đánh giá du lịch để tăng cường uy tín và thu hút thêm khách hàng.

2 Nhóm sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng và chăm sóc sức khỏe

2.1 Nghỉ dưỡng sinh thái

Sản phẩm nghỉ dưỡng sinh thái tại Khu sinh thái Cổng Trời - Suối Tiên sẽ được thiết kế để mang lại trải nghiệm nghỉ dưỡng sang trọng nhưng vẫn bền vững và thân thiện với môi trường. Các hoạt động chính sẽ thực hiện gồm:

- Áp dụng các nguyên tắc xây dựng xanh và bền vững, sử dụng vật liệu từ nguồn tái chế hoặc bản địa, tối ưu hóa việc sử dụng năng lượng mặt trời và tái sử dụng nước.
- Thiết kế các công trình hạn chế tác động đến môi trường xung quanh với không gian mở rộng lớn hướng ra thung lũng và khu rừng tự nhiên.
- Cung cấp các phòng nghỉ riêng tư với tiện nghi đầy đủ, dịch vụ phòng 24/7 và các tùy chọn cá nhân hóa dịch vụ.
- Cung cấp spa cao cấp với các liệu trình sử dụng sản phẩm tự nhiên và liệu pháp truyền thống, hướng tới sự cân bằng và tái tạo năng lượng cho khách hàng.
- Nhà hàng trong khuôn viên khu nghỉ dưỡng phục vụ các món ăn làm từ nguyên liệu bản địa, tươi ngon và bổ dưỡng, theo phương pháp nấu ăn bền vững.
- Bể bơi vô cực được thiết kế có bờ nằm ngang tầm nhìn, tạo cảm giác nước bể hòa vào cảnh quan xung quanh. Cung cấp hai lựa chọn cho du khách: bể bơi nước nóng thư giãn vào buổi tối hoặc mùa lạnh và bể bơi nước lạnh để tận hưởng trong thời tiết ấm áp.
- Cung cấp sân khấu ngoài trời lớn có thể sử dụng để tổ chức các buổi biểu diễn của ca sĩ địa phương và quốc tế. Điểm nhấn văn hóa thu hút khách du lịch đam mê âm nhạc và giải trí mà không làm ảnh hưởng tới môi trường tự nhiên và động vật hoang dã.
- Cung cấp các hoạt động như đi bộ, đạp xe, tắm suối, đu dây vượt thác, chèo thuyền kayak, để khách có thể khám phá vẻ đẹp tự nhiên của Khu DTTN.
- Sử dụng các nền tảng truyền thông xã hội, trang web và các phương tiện truyền thông khác để giới thiệu về trải nghiệm nghỉ dưỡng sinh thái cao cấp và các giá trị bảo tồn mà khu nghỉ mang lại.
- Lên kế hoạch cho các sự kiện đặc biệt tại sân khấu âm nhạc, như các festival âm nhạc, buổi biểu diễn đơn ca và các buổi hòa nhạc dưới ánh trăng, làm cho khu nghỉ dưỡng trở thành điểm đến không chỉ cho việc nghỉ dưỡng mà còn là trung tâm giải trí, thư giãn.

2.2 Chăm sóc sức khỏe/Trạm năng lượng

Sản phẩm chăm sóc sức khỏe hướng tới tệp khách hàng quan tâm đến sức khỏe và bảo vệ môi trường ngày càng gia tăng. Sản phẩm tập trung cung cấp các dịch vụ như: spa, yoga, thiền, không gian chữa lành... Các đặc điểm và cách thức triển khai sản phẩm gồm:

- Cung cấp các liệu trình spa dựa trên các phương pháp truyền thống và hiện đại, bao gồm massage, liệu pháp bùn, hydrotherapy và liệu pháp aroma. Mỗi liệu trình được thiết kế để tối đa hóa sự thư giãn và tái tạo năng lượng cho khách hàng. Chỉ sử dụng các sản phẩm làm đẹp và chăm sóc sức khỏe tự nhiên, không chứa hóa chất độc hại, được chứng nhận hữu cơ và thân thiện với môi trường. Cung cấp khu vườn dược liệu, nơi du khách có thể học cách sử dụng các loại thảo mộc tự nhiên cho sức khỏe và sắc đẹp, đồng thời tạo ra nguồn nguyên liệu cho các liệu trình điều trị.
- Cung cấp các lớp học thiền và yoga trong khuôn viên spa, thác Tóc Tiên, Dương Cầm, Cổng Trời, các khe suối hoặc trong rừng để tận dụng không gian yên tĩnh và tầm nhìn đẹp ra thiên nhiên nhằm tăng cường trải nghiệm thư giãn. Các giáo viên yoga và thiền đều có kinh nghiệm, am hiểu về dẫn dắt các lớp học ngoài trời và có khả năng ứng biến linh hoạt với điều kiện tự nhiên.

- Cung cấp các không gian chữa lành gắn với rừng theo phương pháp đột phá trong việc kết hợp những lợi ích của tư vấn tâm lý và trải nghiệm thiên nhiên để tăng cường sức khỏe tinh thần. Các hoạt động tư vấn trong môi trường rừng giúp giảm căng thẳng, lo âu và các vấn đề sức khỏe tinh thần khác. Hoạt động này dựa trên nguyên tắc của Shinrin-yoku, hay "tắm rừng," một phương pháp nổi tiếng của Nhật Bản. Các buổi dạo bộ nhẹ nhàng trong rừng được thiết kế để khuyến khích người tham gia chú ý đến môi trường xung quanh, hít thở không khí trong lành và kết nối sâu sắc với thiên nhiên. Hoạt động có sự hiện diện của các chuyên gia trị liệu tâm lý để hỗ trợ và hướng dẫn các hoạt động, đảm bảo rằng mọi người nhận được sự giúp đỡ chuyên nghiệp trong quá trình trải nghiệm.
- Tổ chức các lớp học vẽ hoặc tạo tác phẩm nghệ thuật trong môi trường tự nhiên, sử dụng nguồn cảm hứng từ rừng xung quanh. Các hoạt động nghệ thuật giúp thể hiện cảm xúc và tăng cường sự tập trung, đồng thời giúp giải tỏa stress.
- Tổ chức các buổi workshop và sự kiện để giáo dục khách hàng và cộng đồng về lợi ích của việc sống xanh và bảo vệ môi trường. Tổ chức các buổi hội thoại nhóm trong môi trường rừng, nơi mọi người có thể chia sẻ trải nghiệm và cảm xúc của họ trong một không gian an toàn và hỗ trợ lẫn nhau.

3 Nhóm sản phẩm du lịch thể thao, mạo hiểm

3.1 Ngọn nước mạo hiểm

Trải nghiệm đu dây vượt Thác Tóc Tiên, Thác Dương Cẩm và Cổng Trời sẽ mang đến một cảm giác mạnh mẽ, phiêu lưu và kết nối sâu sắc với thiên nhiên. Một số ý tưởng thiết kế và triển khai trải nghiệm gồm:

- Lắp đặt các hệ thống dây đu (zipline) chắc chắn và an toàn, sử dụng vật liệu chất lượng cao và tuân thủ các tiêu chuẩn an toàn quốc tế. Đảm bảo các thiết bị như dây đai an toàn, mũ bảo hiểm và các khóa an toàn được cung cấp đầy đủ cho mỗi người tham gia.
- Xác định và xây dựng các điểm khởi đầu và kết thúc tại Thác Tóc Tiên, Thác Dương Cẩm và Cổng Trời, đảm bảo các khu vực này dễ tiếp cận và an toàn cho người tham gia.
- Mỗi nhóm tham gia sẽ có hướng dẫn viên giàu kinh nghiệm, được đào tạo chuyên sâu về an toàn đu dây và sơ cứu.
- Cung cấp buổi huấn luyện ngắn gọn về các quy tắc an toàn, cách sử dụng thiết bị và các biện pháp xử lý tình huống khẩn cấp.
- Đường dây đu bắt đầu từ một điểm cao, chạy qua vùng cây cối, thung lũng và kết thúc tại một khu vực an toàn bên dưới thác. Du khách sẽ có cơ hội nhìn thấy toàn cảnh thác nước hùng vĩ từ trên cao, tạo cảm giác bay lượn trong không trung, mang lại trải nghiệm khó quên cho người tham gia.
- Cung cấp dịch vụ chụp ảnh và quay video chuyên nghiệp trong suốt quá trình đu dây để ghi lại những khoảnh khắc đáng nhớ.
- Tổ chức các buổi picnic hoặc hoạt động thể dục nhẹ nhàng tại các điểm dừng để người tham gia có thể nghỉ ngơi và tận hưởng không gian thiên nhiên.
- Sử dụng các nền tảng mạng xã hội để quảng bá trải nghiệm đu dây, chia sẻ hình ảnh và video của khách hàng tham gia để thu hút sự chú ý.
- Kết nối với các công ty du lịch để đưa sản phẩm này vào các gói du lịch trọn gói, thu hút nhiều du khách hơn.

3.2 Xuôi dòng Rào Chân

Trải nghiệm chèo thuyền kayak và bè mảng tại sông Rào Chân, lấy cảm hứng từ các sản phẩm du lịch nổi tiếng của Thái Lan, có thể thu hút du khách bằng cách cung cấp một cuộc

phiêu lưu thú vị qua các dòng suối kỳ vĩ và cảnh quan thiên nhiên hùng vĩ. Khu DTTN sẽ xem xét các yếu tố và hoạt động gồm:

- Cung cấp các thiết bị chèo thuyền kayak và bè mảng chất lượng cao, bao gồm áo phao, mũ bảo hiểm và dụng cụ chèo. Thiết bị phải đảm bảo an toàn và dễ sử dụng cho mọi đối tượng, từ người mới bắt đầu đến những người có kinh nghiệm.
- Thiết lập khu vực trung tâm tại suối Rào Chân để hướng dẫn du khách cách sử dụng thiết bị, an toàn chèo thuyền và các quy tắc về bảo vệ môi trường khi tham gia hoạt động. Tổ chức các buổi huấn luyện ngắn gọn về cách chèo bè và sử dụng kayak, cũng như các kỹ năng cơ bản để xử lý các tình huống khẩn cấp trên nước.
- Mỗi nhóm chèo thuyền có ít nhất một hướng dẫn viên có kinh nghiệm để đảm bảo an toàn và hỗ trợ khi cần thiết.
- Thiết kế các lộ trình đa dạng, phù hợp với mọi cấp độ kỹ năng. Có thể bao gồm các đoạn suối yên tĩnh cho người mới bắt đầu và các đoạn dòng chảy mạnh hơn cho những người tìm kiếm thử thách.
- Tổ chức các hoạt động kết hợp như cắm trại bên suối, picnic và các trò chơi nhóm để làm phong phú thêm trải nghiệm.
- Tổ chức các xe đưa đón có trang bị đặc biệt để vận chuyển khách và thuyền kayak hoặc bè mảng từ cuối suối trở lại điểm xuất phát. Xe cần có không gian đủ rộng để chứa thuyền và trang thiết bị an toàn cho khách. Có thể sử dụng các xe có gắn trailer hoặc rơ-moóc được thiết kế để chở các loại thuyền, đảm bảo chúng được bảo quản và vận chuyển an toàn.
- Thiết lập các trạm nghỉ tại điểm kết thúc của lộ trình chèo thuyền, nơi khách có thể nghỉ ngơi, ăn uống nhẹ và chuẩn bị cho chuyến di chuyển trở lại điểm bắt đầu. Trạm nghỉ cũng là nơi thuận tiện để thu dọn và bảo quản thuyền.
- Tăng cường nhận thức về bảo vệ môi trường qua các hoạt động giáo dục và khuyến khích du khách tham gia vào việc bảo vệ các khu vực tự nhiên. Áp dụng các quy tắc bảo vệ môi trường trong mọi hoạt động, chẳng hạn như không để rác và sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường.
- Sử dụng các phương tiện truyền thông xã hội và trang web để quảng bá trải nghiệm chèo thuyền tại suối Rào Chân, nhấn mạnh đến cảm giác phiêu lưu và cảnh quan thiên nhiên tuyệt đẹp.
- Làm việc cùng các công ty du lịch và nhà tổ chức tour để đưa sản phẩm này vào các gói du lịch tổng thể, thu hút nhiều du khách hơn.

3.3 Dấu chân Trường Sơn

Tổ chức giải chạy Marathon - Dấu chân Trường Sơn sẽ mang lại cơ hội tuyệt vời để thu hút du khách, nâng cao nhận thức về bảo tồn thiên nhiên và thúc đẩy lối sống lành mạnh. Các bước chi tiết để tổ chức giải chạy marathon gồm:

- Thiết kế lộ trình chạy qua các điểm nổi bật của khu dự trữ như Trung tâm GDMT & DV, Khu trải nghiệm sinh thái Khe Nước Trong, Khu sinh thái Cổng Trời - Suối Tiên, Khu trải nghiệm sinh thái được liệu Khe Cau, Điểm vui chơi giải trí sinh thái Rào Chân, các điểm vùng đệm, các điểm của huyện Lệ Thủy và kết nối với KBT Bắc Hướng Hóa. Đảm bảo lộ trình đa dạng, bao gồm đường rừng, suối và các đoạn đường đồi núi.
- Tổ chức các cự ly phù hợp cho nhiều đối tượng như 5km, 10km, bán marathon (21km) và marathon (42km).
- Thiết lập hệ thống đăng ký trực tuyến cho vận động viên, cung cấp thông tin chi tiết về lộ trình, quy định và các tiện ích hỗ trợ.
- Chuẩn bị gói tham gia bao gồm áo thun, số đeo, bản đồ lộ trình và các vật phẩm lưu niệm.

- Thiết lập các điểm cung cấp nước uống và sơ cứu dọc theo lộ trình để đảm bảo sức khỏe và an toàn cho vận động viên.
- Tuyển dụng và đào tạo tình nguyện viên để hỗ trợ trong việc điều phối, cung cấp nước và sơ cứu.
- Sử dụng các nền tảng mạng xã hội, website và báo chí để quảng bá sự kiện, thu hút sự tham gia của vận động viên từ khắp nơi.
- Hợp tác với các kênh truyền thông, nhà tài trợ và các tổ chức du lịch để tăng cường quảng bá và thu hút tài trợ.
- Tổ chức các gian hàng triển lãm về bảo tồn thiên nhiên, sản phẩm địa phương và các dịch vụ liên quan đến sức khỏe.
- Tổ chức các hoạt động giải trí như biểu diễn âm nhạc, trò chơi dân gian và các hoạt động tương tác để tạo không khí vui tươi và thu hút thêm người tham gia.
- Áp dụng các biện pháp bảo vệ môi trường như sử dụng cốc nước có thể tái sử dụng, hạn chế rác thải và tổ chức thu gom rác sau sự kiện.
- Tạo các chương trình giáo dục và chiến dịch nâng cao nhận thức về bảo tồn thiên nhiên cho người tham gia và khán giả.
- Phối hợp với các cơ quan chức năng để đảm bảo an ninh và an toàn cho sự kiện, bao gồm cả việc điều phối giao thông và kiểm soát đám đông.
- Đảm bảo cung cấp đầy đủ các tiện ích cần thiết như nhà vệ sinh di động, khu vực nghỉ ngơi và bãi đỗ xe.
- Thu thập phản hồi từ vận động viên và khán giả để đánh giá hiệu quả của sự kiện và cải thiện cho những lần tổ chức tiếp theo.
- Công bố kết quả và trao giải thưởng cho các vận động viên xuất sắc, đồng thời chia sẻ những hình ảnh và video về sự kiện trên các kênh truyền thông.

3.4 Bánh xe Trường Sơn

Giải đạp xe tại Khu DTTN sẽ mang lại trải nghiệm thể thao, giải trí tuyệt vời và giúp nâng cao nhận thức về bảo tồn thiên nhiên và thu hút du khách đến khám phá vẻ đẹp hoang sơ của khu dự trữ. Các bước chi tiết để tổ chức giải đạp xe gồm:

- Thiết kế lộ trình đạp xe qua các điểm đẹp nhất của khu dự trữ như: Trung tâm GDMT & DV, Khu trải nghiệm sinh thái Khe Nước Trong, Khu sinh thái Cổng Trời - Suối Tiên, Khu trải nghiệm sinh thái được liệu Khe Cau, Điểm vui chơi giải trí sinh thái Rào Chân, các điểm vùng đệm, các điểm của huyện Lệ Thủy và kết nối với KBT Bắc Hướng Hóa và các khu vực rừng nguyên sinh. Đảm bảo lộ trình an toàn và đa dạng, bao gồm đường mòn rừng, đường đất và các đoạn đường đồi núi.
- Tổ chức các cự ly phù hợp cho nhiều đối tượng như 20km, 50km và 100km.
- Thiết lập hệ thống đăng ký trực tuyến cho vận động viên, cung cấp thông tin chi tiết về lộ trình, quy định và các tiện ích hỗ trợ.
- Chuẩn bị gói tham gia bao gồm áo thun, số đeo, bản đồ lộ trình và các vật phẩm lưu niệm.
- Thiết lập các điểm cung cấp nước uống và sơ cứu dọc theo lộ trình để đảm bảo sức khỏe và an toàn cho vận động viên.
- Tuyển dụng và đào tạo tình nguyện viên để hỗ trợ trong việc điều phối, cung cấp nước và sơ cứu.
- Sử dụng các nền tảng mạng xã hội, website và báo chí để quảng bá sự kiện, thu hút sự tham gia của vận động viên từ khắp nơi.
- Hợp tác với các kênh truyền thông, nhà tài trợ và các tổ chức du lịch để tăng cường quảng bá và thu hút tài trợ.

- Tổ chức các gian hàng triển lãm về bảo tồn thiên nhiên, sản phẩm địa phương và các dịch vụ liên quan đến sức khỏe.
- Tổ chức các hoạt động giải trí như biểu diễn âm nhạc, trò chơi dân gian và các hoạt động tương tác để tạo không khí vui tươi và thu hút thêm người tham gia.
- Áp dụng các biện pháp bảo vệ môi trường như sử dụng cốc nước có thể tái sử dụng, hạn chế rác thải và tổ chức thu gom rác sau sự kiện.
- Tạo các chương trình giáo dục và chiến dịch nâng cao nhận thức về bảo tồn thiên nhiên cho người tham gia và khán giả.
- Phối hợp với các cơ quan chức năng để đảm bảo an ninh và an toàn cho sự kiện, bao gồm cả việc điều phối giao thông và kiểm soát đám đông.
- Đảm bảo cung cấp đầy đủ các tiện ích cần thiết như nhà vệ sinh di động, khu vực nghỉ ngơi và bãi đỗ xe.
- Thu thập phản hồi từ vận động viên và khán giả để đánh giá hiệu quả của sự kiện và cải thiện cho những lần tổ chức tiếp theo.
- Công bố kết quả và trao giải thưởng cho các vận động viên xuất sắc, đồng thời chia sẻ những hình ảnh và video về sự kiện trên các kênh truyền thông.

3.5 Trekking đại ngàn

Tour trekking tại Khu DTTN sẽ mang đến cho du khách cơ hội khám phá cảnh quan thiên nhiên hùng vĩ, đa dạng sinh học và trải nghiệm văn hóa địa phương độc đáo. Các bước chi tiết để tổ chức một tour trekking gồm:

- Thiết kế các tuyến trekking qua các điểm nổi bật của khu dự trữ như Trung tâm GDMT & DV, Khu trải nghiệm sinh thái Khe Nước Trong, Khu sinh thái Cổng Trời - Suối Tiên, Công viên sinh thái rừng Khe Đan, Khu trải nghiệm sinh thái được liệu Khe Cau, Điểm vui chơi giải trí sinh thái Rào Chân, các điểm vùng đệm, các điểm của huyện Lệ Thủy và các khu vực rừng nguyên sinh. Đảm bảo lộ trình an toàn, có dấu hiệu chỉ đường rõ ràng và phù hợp với nhiều cấp độ kinh nghiệm.
- Tổ chức các tour có độ dài và thời gian khác nhau, từ các chuyến đi ngắn trong ngày đến các chuyến đi dài nhiều ngày.
- Cung cấp các trang thiết bị cần thiết như gậy trekking, áo mưa, túi ngủ và lều trại cho các chuyến đi dài ngày.
- Tuyển dụng các hướng dẫn viên có kinh nghiệm, hiểu biết sâu về địa phương và được đào tạo về sơ cứu để đảm bảo an toàn cho du khách.
- Thiết lập các điểm dừng nghỉ dọc theo lộ trình để du khách có thể nghỉ ngơi, nạp năng lượng và ngắm cảnh.
- Đảm bảo cung cấp đủ nước uống và đồ ăn nhẹ cho du khách trong suốt hành trình.
- Tổ chức các buổi thuyết trình ngắn hoặc cung cấp tài liệu về các loài động thực vật đặc hữu của khu vực, tầm quan trọng của việc bảo tồn và các nỗ lực bảo vệ môi trường.
- Khuyến khích du khách tham gia vào các hoạt động bảo tồn như trồng cây, làm sạch môi trường và bảo vệ các khu vực tự nhiên.
- Tổ chức các chuyến thăm và giao lưu với cộng đồng địa phương để du khách có thể trải nghiệm văn hóa, phong tục và ẩm thực đặc trưng.
- Tạo cơ hội cho du khách tham gia vào các hoạt động thủ công mỹ nghệ, như làm đồ gốm, dệt vải, hoặc chế biến thực phẩm truyền thống.
- Cung cấp các thiết bị sơ cứu và huấn luyện sơ cứu cho hướng dẫn viên, đảm bảo rằng các điểm dừng chân có phương tiện liên lạc để gọi cứu hộ khi cần thiết.
- Đảm bảo mọi du khách đều có bảo hiểm du lịch để bảo vệ họ khỏi các rủi ro trong suốt hành trình.

- Sử dụng các nền tảng mạng xã hội, website và báo chí để quảng bá tour trekking, chia sẻ hình ảnh và câu chuyện của du khách đã tham gia.
- Làm việc với các công ty du lịch để đưa tour trekking vào các gói du lịch trọn gói, thu hút nhiều khách tham quan hơn.
- Thu thập phản hồi từ du khách để đánh giá chất lượng dịch vụ và tìm cách cải thiện cho những tour sau.
- Khuyến khích du khách chia sẻ trải nghiệm của họ trên mạng xã hội và các trang đánh giá du lịch để tăng cường uy tín và thu hút thêm khách hàng.

3.6 Trải nghiệm zipline, chinh phục thác Cổng Trời

Sản phẩm "Trải nghiệm Zipline - Chinh phục Thác Cổng Trời" là một hoạt động mạo hiểm, kết hợp giữa cảm giác hồi hộp của zipline và vẻ đẹp ngoạn mục của Thác Cổng Trời. Được thiết kế để đưa du khách đi qua các đỉnh núi và thung lũng xanh tươi, trải nghiệm không chỉ mang lại cảm giác phiêu lưu mà còn cho phép du khách ngắm nhìn phong cảnh thiên nhiên hùng vĩ từ trên cao. Các lưu ý trong phát triển sản phẩm gồm:

- Tuyến zipline được thiết kế tới thác Cổng Trời, tạo điểm nhấn đặc biệt với chiều dài và độ cao phù hợp để du khách có thể tận hưởng trọn vẹn vẻ đẹp của thác nước và khu rừng xung quanh. Các dây cáp và trạm phát được thiết kế và bảo trì theo tiêu chuẩn an toàn quốc tế.
- Trước khi tham gia, tất cả du khách sẽ được trang bị đầy đủ dụng cụ an toàn như mũ bảo hiểm, dây đai an toàn và thiết bị hỗ trợ. Một buổi hướng dẫn chi tiết về cách sử dụng thiết bị và các quy định an toàn sẽ được cung cấp để đảm bảo trải nghiệm vui vẻ và an toàn cho mọi người.
- Du khách sẽ được trải nghiệm cảm giác lướt qua không trung với tốc độ cao, ngắm nhìn thác nước và cảnh quan thiên nhiên từ trên cao. Hoạt động này không chỉ phù hợp cho những người yêu thích mạo hiểm mà còn cho những ai muốn thử thách bản thân.
- Cung cấp dịch vụ đưa đón tại các điểm tập kết chính và khu vực lân cận, cùng với các dịch vụ hỗ trợ tại chỗ như cung cấp nước uống, thức ăn nhẹ và dịch vụ y tế khẩn cấp.

4 Nhóm sản phẩm du lịch cộng đồng

4.1 Trải nghiệm không gian văn hóa Bru Vân Kiều

Trải nghiệm không gian văn hóa Bru Vân Kiều tại Khu DTTN sẽ mang lại cho du khách cơ hội khám phá và hiểu biết sâu sắc về nền văn hóa đặc trưng và độc đáo của cộng đồng người Bru Vân Kiều. Các yếu tố và hoạt động chính để tổ chức trải nghiệm gồm:

- Tổ chức các tour tham quan làng Bru Vân Kiều, nơi du khách có thể nhìn thấy các ngôi nhà truyền thống, cách sống và sinh hoạt hàng ngày của người dân.
- Sắp xếp các buổi gặp gỡ và giao lưu giữa du khách và người dân địa phương để du khách có cơ hội tìm hiểu về phong tục, tập quán và câu chuyện của người Bru Vân Kiều.
- Tổ chức các workshop về thủ công mỹ nghệ, nơi du khách có thể học cách làm các sản phẩm truyền thống như dệt vải, làm đồ gốm, và chế biến các món ăn đặc sản.
- Sắp xếp các buổi biểu diễn âm nhạc và múa truyền thống của người Bru Vân Kiều, giới thiệu các nhạc cụ và điệu múa đặc trưng.
- Tổ chức các buổi ăn uống với thực đơn đặc sản của người Bru Vân Kiều, bao gồm các món ăn truyền thống được chế biến từ nguyên liệu tự nhiên và phương pháp nấu ăn cổ truyền.

- Cung cấp các lớp học nấu ăn, nơi du khách có thể học cách chế biến các món ăn địa phương và tìm hiểu về văn hóa ẩm thực của cộng đồng Bru Vân Kiều.
- Tổ chức các sự kiện và lễ hội truyền thống của người Bru Vân Kiều, cho phép du khách tham gia và trải nghiệm không khí lễ hội, những nghi lễ và tập tục đặc sắc.
- Khuyến khích du khách tham gia vào các dự án cộng đồng như xây dựng CSHT, bảo vệ môi trường và các hoạt động hỗ trợ cộng đồng địa phương.
- Cung cấp các buổi thuyết trình và tư liệu giáo dục về lịch sử, văn hóa và truyền thống của người Bru Vân Kiều, nhằm tăng cường nhận thức và hiểu biết của du khách.
- Tạo điều kiện cho du khách tham gia vào các hoạt động hàng ngày của người Bru Vân Kiều như làm nông, đánh cá và các nghề thủ công để có cái nhìn thực tế và sâu sắc hơn về đời sống của cộng đồng này.
- Sắp xếp chỗ ở dạng homestay trong các gia đình Bru Vân Kiều để du khách có thể sống cùng và trải nghiệm cuộc sống hàng ngày của người dân địa phương.
- Cung cấp các nhà nghỉ sinh thái gần làng Bru Vân Kiều, được thiết kế theo phong cách truyền thống và thân thiện với môi trường.
- Sử dụng các nền tảng mạng xã hội, website và báo chí để quảng bá trải nghiệm không gian văn hóa Bru Vân Kiều, chia sẻ hình ảnh và câu chuyện của du khách đã tham gia.
- Làm việc với các công ty du lịch để đưa trải nghiệm này vào các gói du lịch trọn gói, thu hút nhiều khách tham quan hơn.

5 Nhóm sản phẩm hình du lịch hỗ trợ

5.1 Sản phẩm du lịch hội nghị, hội thảo (MICE)

Tổ chức các sự kiện MICE (Meetings, Incentives, Conferences, and Exhibitions) tại Khu DTTN sẽ mang lại sự kết hợp độc đáo giữa môi trường tự nhiên và các tiện ích hội họp hiện đại. Các thiết kế và triển khai sản phẩm du lịch MICE gồm:

- Cung cấp phòng hội nghị và hội thảo được trang bị hiện đại với sức chứa linh hoạt từ 50 đến 300 người. Các phòng nên có ánh sáng tự nhiên, điều hòa không khí và trang thiết bị nghe nhìn đầy đủ.
- Thiết lập khu vực triển lãm với các gian hàng có thể tùy chỉnh, phù hợp cho các sự kiện trưng bày sản phẩm, hội chợ hoặc triển lãm thương mại.
- Cung cấp các không gian làm việc và nghỉ ngơi thoải mái, bao gồm quán cà phê, khu vực lounge và các phòng nghỉ hiện đại.
- Cung cấp dịch vụ tổ chức sự kiện chuyên nghiệp từ lên kế hoạch, quản lý sự kiện đến hậu cần và hỗ trợ kỹ thuật.
- Cung cấp dịch vụ ăn uống chất lượng cao với các thực đơn đa dạng, từ tiệc nhẹ đến tiệc buffet, phục vụ các món ăn địa phương và quốc tế.
- Đảm bảo hỗ trợ kỹ thuật suốt sự kiện, bao gồm âm thanh, ánh sáng, trình chiếu và kết nối internet.
- Tổ chức các tour khám phá thiên nhiên, bao gồm trekking, đạp xe, và tham quan các điểm đến nổi bật như Thác Tóc Tiên, Thác Dương Cầm và Cổng Trời.
- Tích hợp các hoạt động văn hóa, như giao lưu với người Bru Vân Kiều, tham quan làng truyền thống và tham gia các buổi biểu diễn nghệ thuật dân gian.
- Cung cấp các hoạt động team-building trong môi trường tự nhiên, như các trò chơi nhóm, thử thách sinh tồn và xây dựng lòng tin trong đội ngũ.
- Đảm bảo các biện pháp an toàn cho mọi người tham gia sự kiện, bao gồm dịch vụ y tế, an ninh và các quy trình khẩn cấp.

- Áp dụng các biện pháp bền vững, như giảm thiểu rác thải, sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường và khuyến khích các hoạt động bảo vệ thiên nhiên.
- Sử dụng các nền tảng mạng xã hội, website và báo chí để quảng bá sản phẩm du lịch MICE, nhấn mạnh vào sự kết hợp giữa môi trường tự nhiên và tiện ích hội họp hiện đại.
- Làm việc với các công ty tổ chức sự kiện, du lịch và các doanh nghiệp để thu hút khách hàng và mở rộng mạng lưới khách hàng tiềm năng.
- Tạo các kênh thu thập phản hồi từ khách hàng để đánh giá chất lượng dịch vụ và cải thiện cho các sự kiện trong tương lai.
- Cung cấp báo cáo kết quả chi tiết cho khách hàng sau mỗi sự kiện, bao gồm các thông tin về số lượng người tham dự, hiệu quả tổ chức và các đề xuất cải tiến.

Lưu ý: Trong quá trình thực hiện Đề án, trường hợp nhà đầu tư có nhu cầu đầu tư, khai thác các sản phẩm du lịch mới chưa có trong Đề án thì phối hợp với BQL Khu DTTN Động Châu - Khe Nước Trong đề xuất UBND tỉnh xem xét bổ sung để triển khai.

Phụ lục 6 Kết quả đánh giá chi tiết các tiêu chí lựa chọn điểm tham quan, du lịch và dự án ưu tiên

1 Trung tâm GDMT & DV

Thời gian đánh giá : 22/5/2024

Chuyên gia : Phạm Hồng Long/ Nguyễn Mạnh Hà/ Nguyễn Thuỳ Linh

Hạng mục	Tiêu chí lựa chọn	Điểm số	Nhận xét của chuyên gia
Giá trị tài nguyên du lịch tự nhiên (16)			
	1. Điểm đến tài nguyên du lịch tự nhiên gắn với các hệ sinh thái, các hiện tượng, đặc điểm tự nhiên khác (Hệ sinh thái; Địa chất, địa mạo; Khí hậu).	4	3
	2. Điểm đến có tài nguyên du lịch tự nhiên gắn với cảnh quan đặc trưng và hấp dẫn (Địa hình núi cao; Hang động, thác nước; Thủy văn: Sông, suối, hồ).	4	3
	3. Không xuất hiện loài đặc hữu hoặc loài trong sách đỏ Việt Nam.	4	4
	4. Ít nhu cầu bảo tồn tự nhiên trong khu vực.	4	4
Giá trị tài nguyên du lịch văn hóa (8)			
	5. Mức độ hấp dẫn văn hóa các dân tộc đặc trưng trong khu vực (phong tục, tập quán, trang phục, tín ngưỡng, lễ hội, phong cảnh làng bản, cánh đồng, sinh hoạt làng xã).	4	0
	6. Điểm đến với mục tiêu có mục tiêu bảo tồn văn hóa truyền thống và có mong muốn hợp tác, phát triển du lịch.	4	0
Kết cấu hạ tầng phát triển DLST và các hoạt động du lịch (32)			
	7. Sử dụng tối đa CSVCKT có sẵn, có thể cải tạo và nâng cấp để khai thác hiệu quả, bền vững và trách nhiệm hơn.	4	4
	8. Điểm tổ chức hoạt động du lịch không trong vùng sinh cảnh và xa khu vực sinh sống và phát triển của các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp.	4	4
	9. Không làm gián đoạn, thay đổi các hệ sinh thái rừng, cảnh quan thiên nhiên và sinh cảnh của các loài động, thực vật trong KBT.	4	4
	10. Đảm bảo về sức chịu tải du lịch, nằm trong giới hạn có thể tự phục hồi của thiên nhiên.	4	4
	11. Dễ tiếp cận và kết nối với các điểm du lịch khác.	4	4
	12. Trang thiết bị phục vụ du lịch và hệ thống cung cấp nước sạch.	4	0
	13. Cơ sở dịch vụ du lịch đảm bảo về an ninh, an toàn cho du khách.	4	0
	14. Hệ thống xử lý rác thải và nước thải đảm bảo về môi trường sinh thái.	4	0

Khả năng phát triển sản phẩm du lịch của điểm đến (16)			
	15. Có thể gắn với các hoạt động giáo dục và nâng cao nhận thức về thiên nhiên, về ĐDSH.	4	4
	16. Có khả năng khai thác nhiều nhất trong năm (không bị hạn chế về tính mùa vụ).	4	4
	17. Khả năng nuôi trồng và khai thác sản phẩm địa phương để xây dựng và phát triển sản phẩm du lịch.	4	4
	18. Có thể tạo ra nhiều sản phẩm du lịch phù hợp với nhiều đối tượng khách.	4	4
Khả năng tham gia phát triển du lịch của cộng đồng địa phương (16)			
	19. Cộng đồng tham gia tích cực vào dự án.	4	3
	20. Cộng đồng có thể tham gia vào việc quản lý và phát triển dự án.	4	3
	21. Mức độ tham gia của doanh nghiệp và nhà cung cấp dịch vụ du lịch địa phương.	4	3
	22. Mức độ tham gia của các tổ chức xã hội, cơ quan quản lý địa phương.	4	3
Ảnh hưởng của dự án (12)			
	23. Khả năng xây dựng thương hiệu DLST của điểm đến.	4	4
	24. Kết quả tích cực của dự án đóng góp vào kinh tế-xã hội của địa phương; công tác bảo tồn của KBT.	4	4
	25. Khả năng kết nối và mở rộng mạng lưới DLST trong và ngoài khu vực với các dự án khác.	4	4
Tổng			74

2 Khu trải nghiệm sinh thái Khe Nước Trong

Thời gian đánh giá : 22/5/2024

Chuyên gia : Phạm Hồng Long/ Nguyễn Mạnh Hà/ Nguyễn Thuỳ Linh

Hạng mục	Tiêu chí lựa chọn	Điểm số	Nhận xét của chuyên gia
Giá trị tài nguyên du lịch tự nhiên (16)			
	1. Điểm đến tài nguyên du lịch tự nhiên gắn với các hệ sinh thái, các hiện tượng, đặc điểm tự nhiên khác (Hệ sinh thái; Địa chất, địa mạo; Khí hậu).	4	4
	2. Điểm đến có tài nguyên du lịch tự nhiên gắn với cảnh quan đặc trưng và hấp dẫn (Địa hình núi cao; Hang động, thác nước; Thủy văn: Sông, suối, hồ).	4	4
	3. Không xuất hiện loài đặc hữu hoặc loài trong sách đỏ Việt Nam.	4	2
	4. Ít nhu cầu bảo tồn tự nhiên trong khu vực.	4	2
Giá trị tài nguyên du lịch văn hóa (8)			

	5. Mức độ hấp dẫn văn hóa các dân tộc đặc trưng trong khu vực (phong tục, tập quán, trang phục, tín ngưỡng, lễ hội, phong cảnh làng bản, cảnh đồng, sinh hoạt làng xã).	4	0
	6. Điểm đến với mục tiêu có mục tiêu bảo tồn văn hóa truyền thống và có mong muốn hợp tác, phát triển du lịch.	4	0
Kết cấu hạ tầng phát triển DLST và các hoạt động du lịch (32)			
	7. Sử dụng tối đa CSVCKT có sẵn, có thể cải tạo và nâng cấp để khai thác hiệu quả, bền vững và trách nhiệm hơn.	4	4
	8. Điểm tổ chức hoạt động du lịch không trong vùng sinh cảnh và xa khu vực sinh sống và phát triển của các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp.	4	2
	9. Không làm gián đoạn, thay đổi các hệ sinh thái rừng, cảnh quan thiên nhiên và sinh cảnh của các loài động, thực vật trong KBT.	4	4
	10. Đảm bảo về sức chịu tải du lịch, nằm trong giới hạn có thể tự phục hồi của thiên nhiên.	4	4
	11. Dễ tiếp cận và kết nối với các điểm du lịch khác.	4	3
	12. Trang thiết bị phục vụ du lịch và hệ thống cung cấp nước sạch.	4	0
	13. Cơ sở dịch vụ du lịch đảm bảo về an ninh, an toàn cho du khách.	4	0
	14. Hệ thống xử lý rác thải và nước thải đảm bảo về môi trường sinh thái.	4	0
Khả năng phát triển sản phẩm du lịch (16)			
	15. Có thể gắn với các hoạt động giáo dục và nâng cao nhận thức về thiên nhiên, về ĐDSH.	4	4
	16. Có khả năng khai thác nhiều nhất trong năm (không bị hạn chế về tính mùa vụ).	4	4
	17. Khả năng nuôi trồng và khai thác sản phẩm địa phương để xây dựng và phát triển sản phẩm du lịch.	4	4
	18. Có thể tạo ra nhiều sản phẩm du lịch phù hợp với nhiều đối tượng khách.	4	4
Sự tham gia của cộng đồng địa phương (16)			
	19. Cộng đồng tham gia tích cực vào dự án.	4	3
	20. Cộng đồng có thể tham gia vào việc quản lý và phát triển dự án.	4	3
	21. Mức độ tham gia của doanh nghiệp và nhà cung cấp dịch vụ du lịch địa phương.	4	3
	22. Mức độ tham gia của các tổ chức xã hội, cơ quan quản lý địa phương.	4	3
Ảnh hưởng của dự án (12)			
	23. Khả năng xây dựng thương hiệu DLST của điểm đến.	4	4

	24. Kết quả tích cực của dự án đóng góp vào kinh tế-xã hội của địa phương.	4	4
	25. Khả năng kết nối và mở rộng mạng lưới DLST trong và ngoài khu vực với các dự án khác.	4	4
Tổng			69

3 Khu sinh thái Cổng Trời - Suối Tiên

Thời gian đánh giá : 22/5/2024

Chuyên gia : Phạm Hồng Long/ Nguyễn Mạnh Hà/ Nguyễn Thuý Linh

Hạng mục	Tiêu chí lựa chọn	Điểm số	Nhận xét của chuyên gia
Giá trị tài nguyên du lịch tự nhiên (16)			
	1. Điểm đến tài nguyên du lịch tự nhiên gắn với các hệ sinh thái, các hiện tượng, đặc điểm tự nhiên khác (Hệ sinh thái; Địa chất, địa mạo; Khí hậu).	4	4
	2. Điểm đến có tài nguyên du lịch tự nhiên gắn với cảnh quan đặc trưng và hấp dẫn (Địa hình núi cao; Hang động, thác nước; Thủy văn: Sông, suối, hồ).	4	4
	3. Không xuất hiện loài đặc hữu hoặc loài trong sách đỏ Việt Nam.	4	2
	4. Ít nhu cầu bảo tồn tự nhiên trong khu vực.	4	2
Giá trị tài nguyên du lịch văn hóa (8)			
	5. Mức độ hấp dẫn văn hóa các dân tộc đặc trưng trong khu vực (phong tục, tập quán, trang phục, tín ngưỡng, lễ hội, phong cảnh làng bản, cảnh đồng, sinh hoạt làng xã).	4	0
	6. Điểm đến với mục tiêu có mục tiêu bảo tồn văn hóa truyền thống và có mong muốn hợp tác, phát triển du lịch.	4	0
Kết cấu hạ tầng phát triển DLST và các hoạt động du lịch (32)			
	7. Sử dụng tối đa CSVCKT có sẵn, có thể cải tạo và nâng cấp để khai thác hiệu quả, bền vững và trách nhiệm hơn.	4	4
	8. Điểm tổ chức hoạt động du lịch không trong vùng sinh cảnh và xa khu vực sinh sống và phát triển của các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp.	4	2
	9. Không làm gián đoạn, thay đổi các hệ sinh thái rừng, cảnh quan thiên nhiên và sinh cảnh của các loài động, thực vật trong KBT.	4	4
	10. Đảm bảo về sức chịu tải du lịch, nằm trong giới hạn có thể tự phục hồi của thiên nhiên.	4	4
	11. Dễ tiếp cận và kết nối với các điểm du lịch khác.	4	3
	12. Trang thiết bị phục vụ du lịch và hệ thống cung cấp nước sạch.	4	0
	13. Cơ sở dịch vụ du lịch đảm bảo về an ninh, an toàn cho du khách.	4	0

	14. Hệ thống xử lý rác thải và nước thải đảm bảo về môi trường sinh thái.	4	0
Khả năng phát triển sản phẩm du lịch (16)			
	15. Có thể gắn với các hoạt động giáo dục và nâng cao nhận thức về thiên nhiên, về ĐDSH.	4	4
	16. Có khả năng khai thác nhiều nhất trong năm (không bị hạn chế về tính mùa vụ).	4	4
	17. Khả năng nuôi trồng và khai thác sản phẩm địa phương để xây dựng và phát triển sản phẩm du lịch.	4	4
	18. Có thể tạo ra nhiều sản phẩm du lịch phù hợp với nhiều đối tượng khách.	4	4
Sự tham gia của cộng đồng địa phương (16)			
	19. Cộng đồng tham gia tích cực vào dự án.	4	3
	20. Cộng đồng có thể tham gia vào việc quản lý và phát triển dự án.	4	3
	21. Mức độ tham gia của doanh nghiệp và nhà cung cấp dịch vụ du lịch địa phương.	4	3
	22. Mức độ tham gia của các tổ chức xã hội, cơ quan quản lý địa phương.	4	3
Ảnh hưởng của dự án (12)			
	23. Khả năng xây dựng thương hiệu DLST của điểm đến.	4	4
	24. Kết quả tích cực của dự án đóng góp vào kinh tế-xã hội của địa phương.	4	4
	25. Khả năng kết nối và mở rộng mạng lưới DLST trong và ngoài khu vực với các dự án khác.	4	4
Tổng			69

4 Điểm vui chơi giải trí sinh thái Rào Chân

Thời gian đánh giá : 22/5/2024

Chuyên gia : Phạm Hồng Long/ Nguyễn Mạnh Hà/ Nguyễn Thuỳ Linh

Hạng mục	Tiêu chí lựa chọn	Điểm số	Nhận xét của chuyên gia
Giá trị tài nguyên du lịch tự nhiên (16)			
	1. Điểm đến tài nguyên du lịch tự nhiên gắn với các hệ sinh thái, các hiện tượng, đặc điểm tự nhiên khác (Hệ sinh thái; Địa chất, địa mạo; Khí hậu).	4	3
	2. Điểm đến có tài nguyên du lịch tự nhiên gắn với cảnh quan đặc trưng và hấp dẫn (Địa hình núi cao; Hang động, thác nước; Thủy văn: Sông, suối, hồ).	4	3
	3. Không xuất hiện loài đặc hữu hoặc loài trong sách đỏ Việt Nam.	4	2
	4. Ít nhu cầu bảo tồn tự nhiên trong khu vực.	4	2

Giá trị tài nguyên du lịch văn hóa (8)			
	5. Mức độ hấp dẫn văn hóa các dân tộc đặc trưng trong khu vực (phong tục, tập quán, trang phục, tín ngưỡng, lễ hội, phong cảnh làng bản, cánh đồng, sinh hoạt làng xã).	4	0
	6. Điểm đến với mục tiêu có mục tiêu bảo tồn văn hóa truyền thống và có mong muốn hợp tác, phát triển du lịch.	4	0
Kết cấu hạ tầng phát triển DLST và các hoạt động du lịch (32)			
	7. Sử dụng tối đa CSVCKT có sẵn, có thể cải tạo và nâng cấp để khai thác hiệu quả, bền vững và trách nhiệm hơn.	4	4
	8. Điểm tổ chức hoạt động du lịch không trong vùng sinh cảnh và xa khu vực sinh sống và phát triển của các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp.	4	4
	9. Không làm gián đoạn, thay đổi các hệ sinh thái rừng, cảnh quan thiên nhiên và sinh cảnh của các loài động, thực vật trong KBT.	4	4
	10. Đảm bảo về sức chịu tải du lịch, nằm trong giới hạn có thể tự phục hồi của thiên nhiên.	4	4
	11. Dễ tiếp cận và kết nối với các điểm du lịch khác.	4	4
	12. Trang thiết bị phục vụ du lịch và hệ thống cung cấp nước sạch.	4	0
	13. Cơ sở dịch vụ du lịch đảm bảo về an ninh, an toàn cho du khách.	4	0
	14. Hệ thống xử lý rác thải và nước thải đảm bảo về môi trường sinh thái.	4	0
Khả năng phát triển sản phẩm du lịch (16)			
	15. Có thể gắn với các hoạt động giáo dục và nâng cao nhận thức về thiên nhiên, về ĐDSH.	4	4
	16. Có khả năng khai thác nhiều nhất trong năm (không bị hạn chế về tính mùa vụ).	4	3
	17. Khả năng nuôi trồng và khai thác sản phẩm địa phương để xây dựng và phát triển sản phẩm du lịch.	4	3
	18. Có thể tạo ra nhiều sản phẩm du lịch phù hợp với nhiều đối tượng khách.	4	3
Sự tham gia của cộng đồng địa phương (16)			
	19. Cộng đồng tham gia tích cực vào dự án.	4	3
	20. Cộng đồng có thể tham gia vào việc quản lý và phát triển dự án.	4	3
	21. Mức độ tham gia của doanh nghiệp và nhà cung cấp dịch vụ du lịch địa phương.	4	3
	22. Mức độ tham gia của các tổ chức xã hội, cơ quan quản lý địa phương.	4	3
Ảnh hưởng của dự án (12)			
	23. Khả năng xây dựng thương hiệu DLST của điểm đến.	4	3

	24. Kết quả tích cực của dự án đóng góp vào kinh tế-xã hội của địa phương.	4	3
	25. Khả năng kết nối và mở rộng mạng lưới DLST trong và ngoài khu vực với các dự án khác.	4	3
Tổng			64

5 Công viên sinh thái rừng Khe Đan

Thời gian đánh giá : 22/5/2024

Chuyên gia : Phạm Hồng Long/ Nguyễn Mạnh Hà/ Nguyễn Thuý Linh

Hạng mục	Tiêu chí lựa chọn	Điểm số	Nhận xét của chuyên gia
Giá trị tài nguyên du lịch tự nhiên (16)			
	1. Điểm đến tài nguyên du lịch tự nhiên gắn với các hệ sinh thái, các hiện tượng, đặc điểm tự nhiên khác (Hệ sinh thái; Địa chất, địa mạo; Khí hậu).	4	3
	2. Điểm đến có tài nguyên du lịch tự nhiên gắn với cảnh quan đặc trưng và hấp dẫn (Địa hình núi cao; Hang động, thác nước; Thủy văn: Sông, suối, hồ).	4	3
	3. Không xuất hiện loài đặc hữu hoặc loài trong sách đỏ Việt Nam.	4	2
	4. Ít nhu cầu bảo tồn tự nhiên trong khu vực.	4	2
Giá trị tài nguyên du lịch văn hóa (8)			
	5. Mức độ hấp dẫn văn hóa các dân tộc đặc trưng trong khu vực (phong tục, tập quán, trang phục, tín ngưỡng, lễ hội, phong cảnh làng bản, cảnh đồng, sinh hoạt làng xã).	4	0
	6. Điểm đến với mục tiêu có mục tiêu bảo tồn văn hóa truyền thống và có mong muốn hợp tác, phát triển du lịch.	4	0
Kết cấu hạ tầng phát triển DLST và các hoạt động du lịch (32)			
	7. Sử dụng tối đa CSVCKT có sẵn, có thể cải tạo và nâng cấp để khai thác hiệu quả, bền vững và trách nhiệm hơn.	4	3
	8. Điểm tổ chức hoạt động du lịch không trong vùng sinh cảnh và xa khu vực sinh sống và phát triển của các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp.	4	4
	9. Không làm gián đoạn, thay đổi các hệ sinh thái rừng, cảnh quan thiên nhiên và sinh cảnh của các loài động, thực vật trong KBT.	4	4
	10. Đảm bảo về sức chịu tải du lịch, nằm trong giới hạn có thể tự phục hồi của thiên nhiên.	4	4
	11. Dễ tiếp cận và kết nối với các điểm du lịch khác.	4	4
	12. Trang thiết bị phục vụ du lịch và hệ thống cung cấp nước sạch.	4	0
	13. Cơ sở dịch vụ du lịch đảm bảo về an ninh, an toàn cho du khách.	4	0

	14. Hệ thống xử lý rác thải và nước thải đảm bảo về môi trường sinh thái.	4	0
Khả năng phát triển sản phẩm du lịch (16)			
	15. Có thể gắn với các hoạt động giáo dục và nâng cao nhận thức về thiên nhiên, về ĐDSH.	4	4
	16. Có khả năng khai thác nhiều nhất trong năm (không bị hạn chế về tính mùa vụ).	4	3
	17. Khả năng nuôi trồng và khai thác sản phẩm địa phương để xây dựng và phát triển sản phẩm du lịch.	4	3
	18. Có thể tạo ra nhiều sản phẩm du lịch phù hợp với nhiều đối tượng khách.	4	3
Sự tham gia của cộng đồng địa phương (16)			
	19. Cộng đồng tham gia tích cực vào dự án.	4	3
	20. Cộng đồng có thể tham gia vào việc quản lý và phát triển dự án.	4	3
	21. Mức độ tham gia của doanh nghiệp và nhà cung cấp dịch vụ du lịch địa phương.	4	3
	22. Mức độ tham gia của các tổ chức xã hội, cơ quan quản lý địa phương.	4	3
Ảnh hưởng của dự án (12)			
	23. Khả năng xây dựng thương hiệu DLST của điểm đến.	4	3
	24. Kết quả tích cực của dự án đóng góp vào kinh tế-xã hội của địa phương.	4	3
	25. Khả năng kết nối và mở rộng mạng lưới DLST trong và ngoài khu vực với các dự án khác.	4	3
Tổng			63

6 Điểm trải nghiệm sinh thái được liệu Khe Cau

Thời gian đánh giá : 22/5/2024

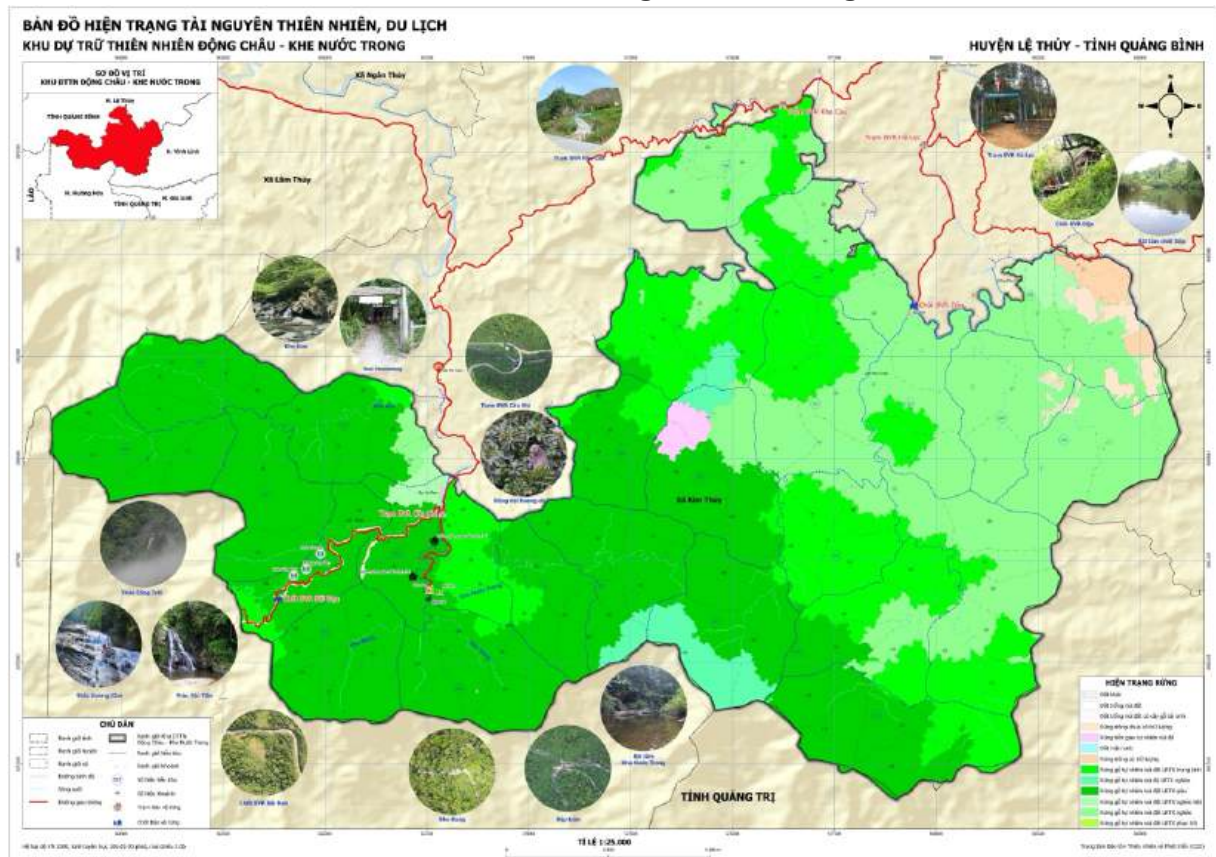
Chuyên gia : Phạm Hồng Long/ Nguyễn Mạnh Hà/ Nguyễn Thuỳ Linh

Hạng mục	Tiêu chí lựa chọn	Điểm số	Nhận xét của chuyên gia
Giá trị tài nguyên du lịch tự nhiên (16)			
	1. Điểm đến tài nguyên du lịch tự nhiên gắn với các hệ sinh thái, các hiện tượng, đặc điểm tự nhiên khác (Hệ sinh thái; Địa chất, địa mạo; Khí hậu).	4	3
	2. Điểm đến có tài nguyên du lịch tự nhiên gắn với cảnh quan đặc trưng và hấp dẫn (Địa hình núi cao; Hang động, thác nước; Thủy văn: Sông, suối, hồ).	4	3
	3. Không xuất hiện loài đặc hữu hoặc loài trong sách đỏ Việt Nam.	4	2
	4. Ít nhu cầu bảo tồn tự nhiên trong khu vực.	4	2

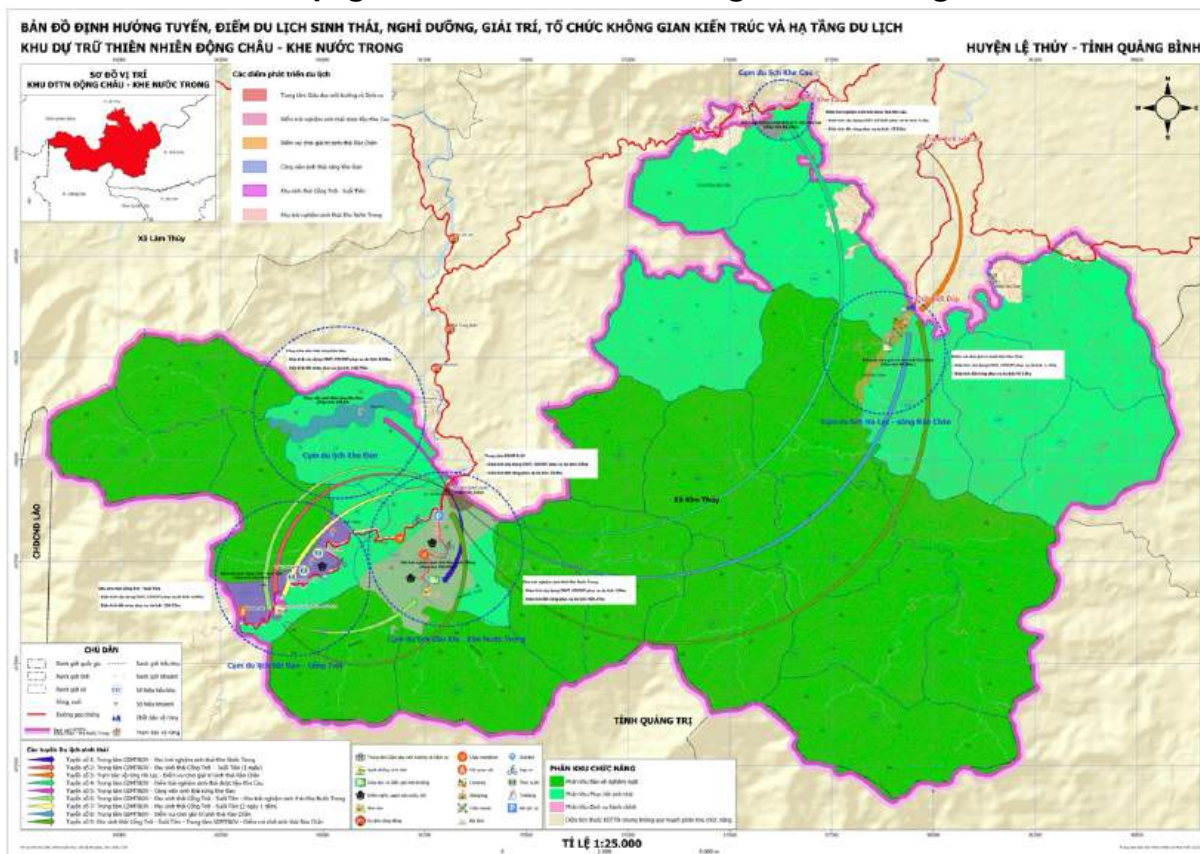
Giá trị tài nguyên du lịch văn hóa (8)			
	5. Mức độ hấp dẫn văn hóa các dân tộc đặc trưng trong khu vực (phong tục, tập quán, trang phục, tín ngưỡng, lễ hội, phong cảnh làng bản, cánh đồng, sinh hoạt làng xã).	4	0
	6. Điểm đến với mục tiêu có mục tiêu bảo tồn văn hóa truyền thống và có mong muốn hợp tác, phát triển du lịch.	4	0
Kết cấu hạ tầng phát triển DLST và các hoạt động du lịch (32)			
	7. Sử dụng tối đa CSVCKT có sẵn, có thể cải tạo và nâng cấp để khai thác hiệu quả, bền vững và trách nhiệm hơn.	4	3
	8. Điểm tổ chức hoạt động du lịch không trong vùng sinh cảnh và xa khu vực sinh sống và phát triển của các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp.	4	4
	9. Không làm gián đoạn, thay đổi các hệ sinh thái rừng, cảnh quan thiên nhiên và sinh cảnh của các loài động, thực vật trong KBT.	4	4
	10. Đảm bảo về sức chịu tải du lịch, nằm trong giới hạn có thể tự phục hồi của thiên nhiên.	4	4
	11. Dễ tiếp cận và kết nối với các điểm du lịch khác.	4	4
	12. Trang thiết bị phục vụ du lịch và hệ thống cung cấp nước sạch.	4	0
	13. Cơ sở dịch vụ du lịch đảm bảo về an ninh, an toàn cho du khách.	4	0
	14. Hệ thống xử lý rác thải và nước thải đảm bảo về môi trường sinh thái.	4	0
Khả năng phát triển sản phẩm du lịch (16)			
	15. Có thể gắn với các hoạt động giáo dục và nâng cao nhận thức về thiên nhiên, về ĐDSH.	4	4
	16. Có khả năng khai thác nhiều nhất trong năm (không bị hạn chế về tính mùa vụ).	4	3
	17. Khả năng nuôi trồng và khai thác sản phẩm địa phương để xây dựng và phát triển sản phẩm du lịch.	4	3
	18. Có thể tạo ra nhiều sản phẩm du lịch phù hợp với nhiều đối tượng khách.	4	3
Sự tham gia của cộng đồng địa phương (16)			
	19. Cộng đồng tham gia tích cực vào dự án.	4	3
	20. Cộng đồng có thể tham gia vào việc quản lý và phát triển dự án.	4	3
	21. Mức độ tham gia của doanh nghiệp và nhà cung cấp dịch vụ du lịch địa phương.	4	3
	22. Mức độ tham gia của các tổ chức xã hội, cơ quan quản lý địa phương.	4	3
Ảnh hưởng của dự án (12)			
	23. Khả năng xây dựng thương hiệu DLST của điểm đến.	4	3

	24. Kết quả tích cực của dự án đóng góp vào kinh tế-xã hội của địa phương.	4	3
	25. Khả năng kết nối và mở rộng mạng lưới DLST trong và ngoài khu vực với các dự án khác.	4	3
Tổng			63

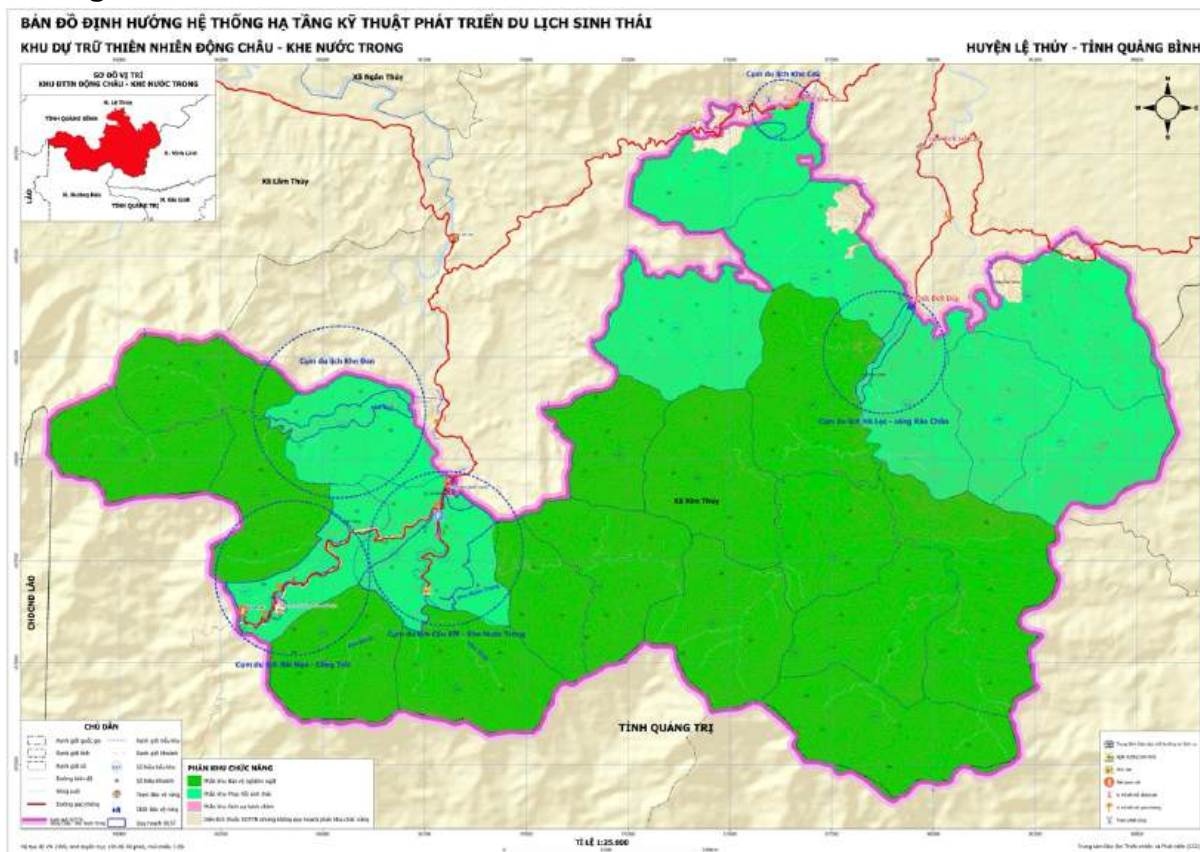
**Bản đồ hiện trạng tài nguyên thiên nhiên, du lịch Khu dự trữ thiên nhiên Động
Châu – Khe Nước Trong – tỉnh Quảng Bình**



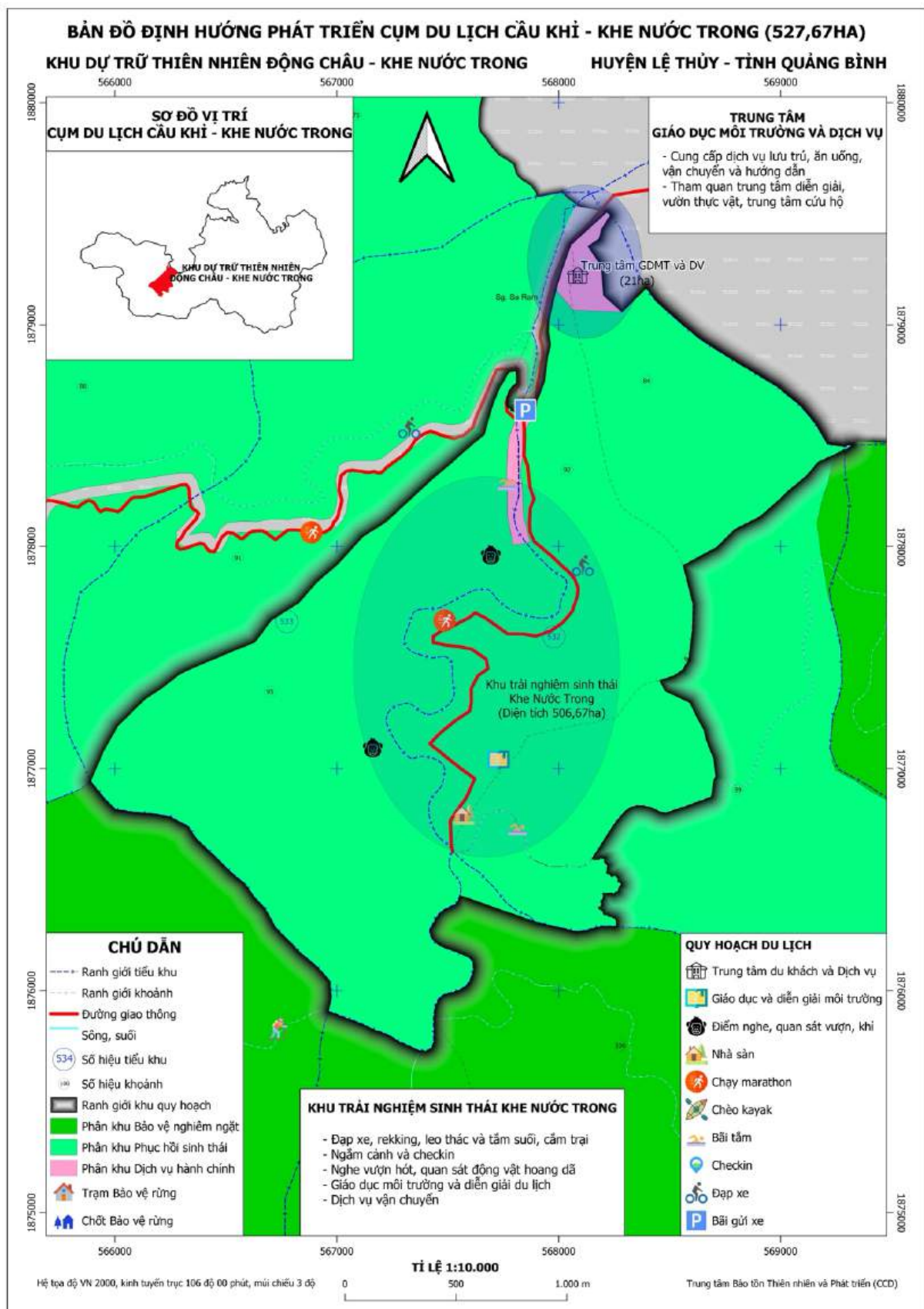
Bản đồ quy hoạch tuyến, điểm du lịch, nghỉ dưỡng, giải trí Khu dự trữ thiên nhiên Động Châu – Khe Nước Trong – tỉnh Quảng Bình



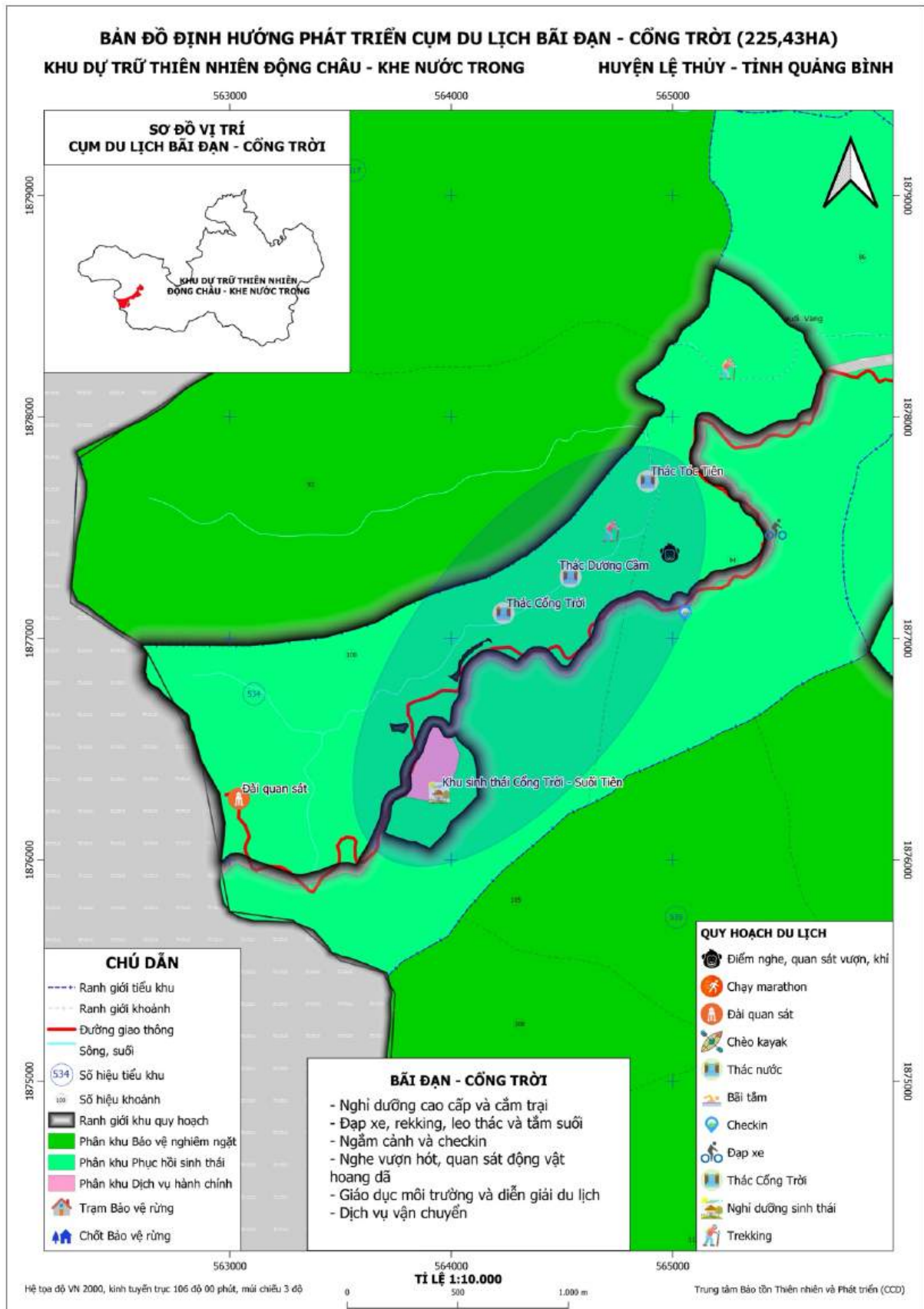
Bản đồ quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật phát triển du lịch sinh thái và phân khu chức năng Khu dự trữ thiên nhiên Động Châu – Khe Nước Trong – tỉnh Quảng Bình



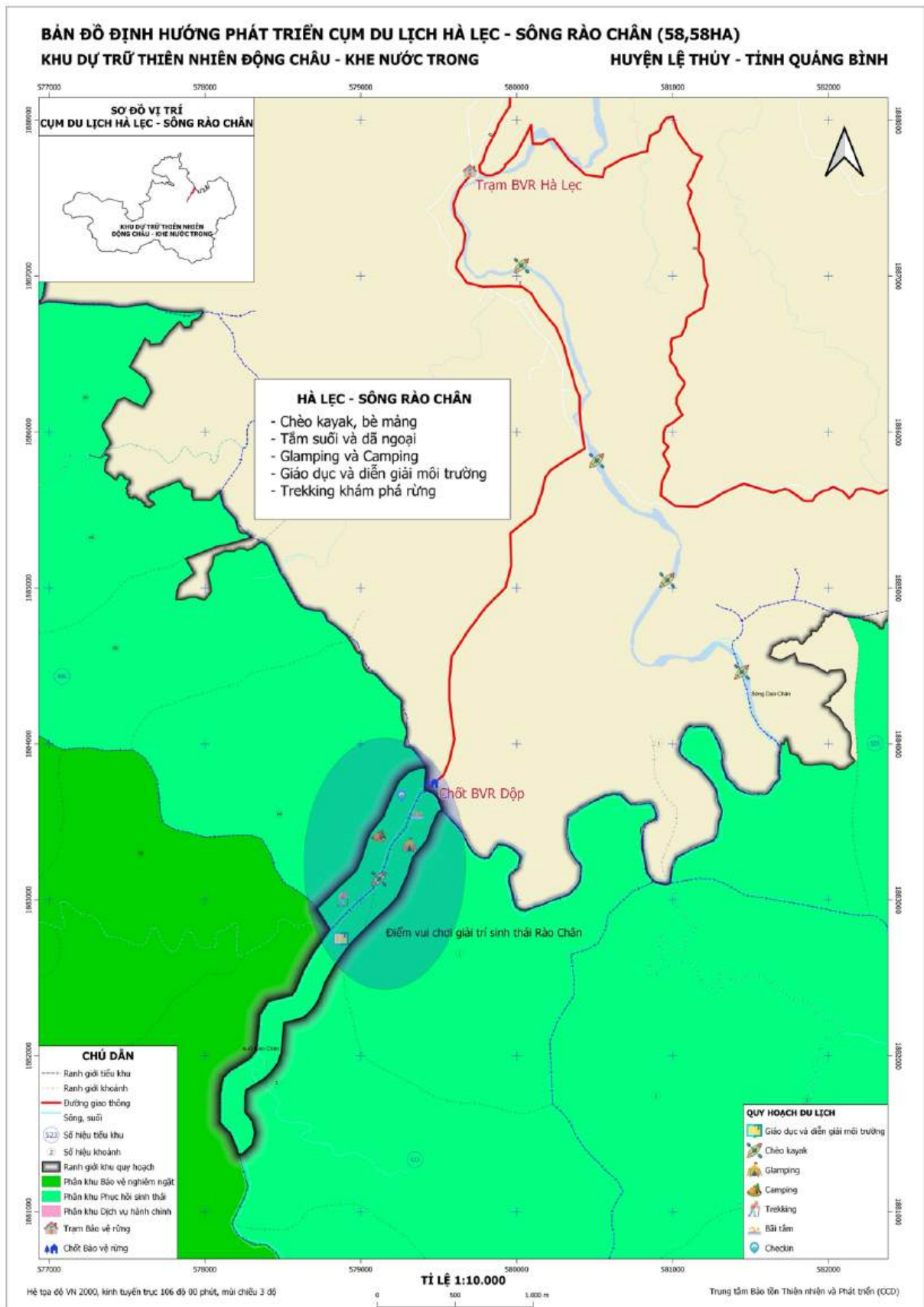
Bản đồ định hướng phát triển cụm du lịch Cầu Khỉ – Khe Nước Trong – tỉnh Quảng Bình



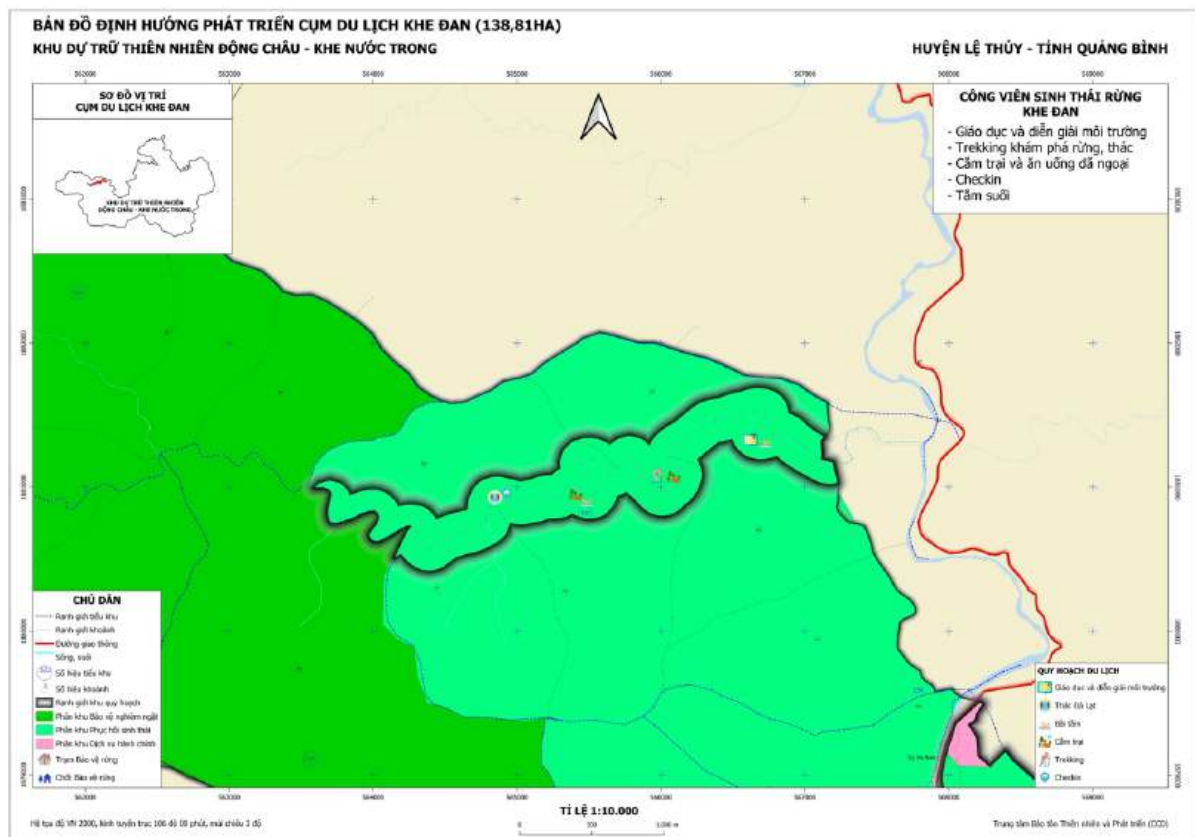
Bản đồ định hướng phát triển cụm du lịch Bãi Đạn - Cổng Trời



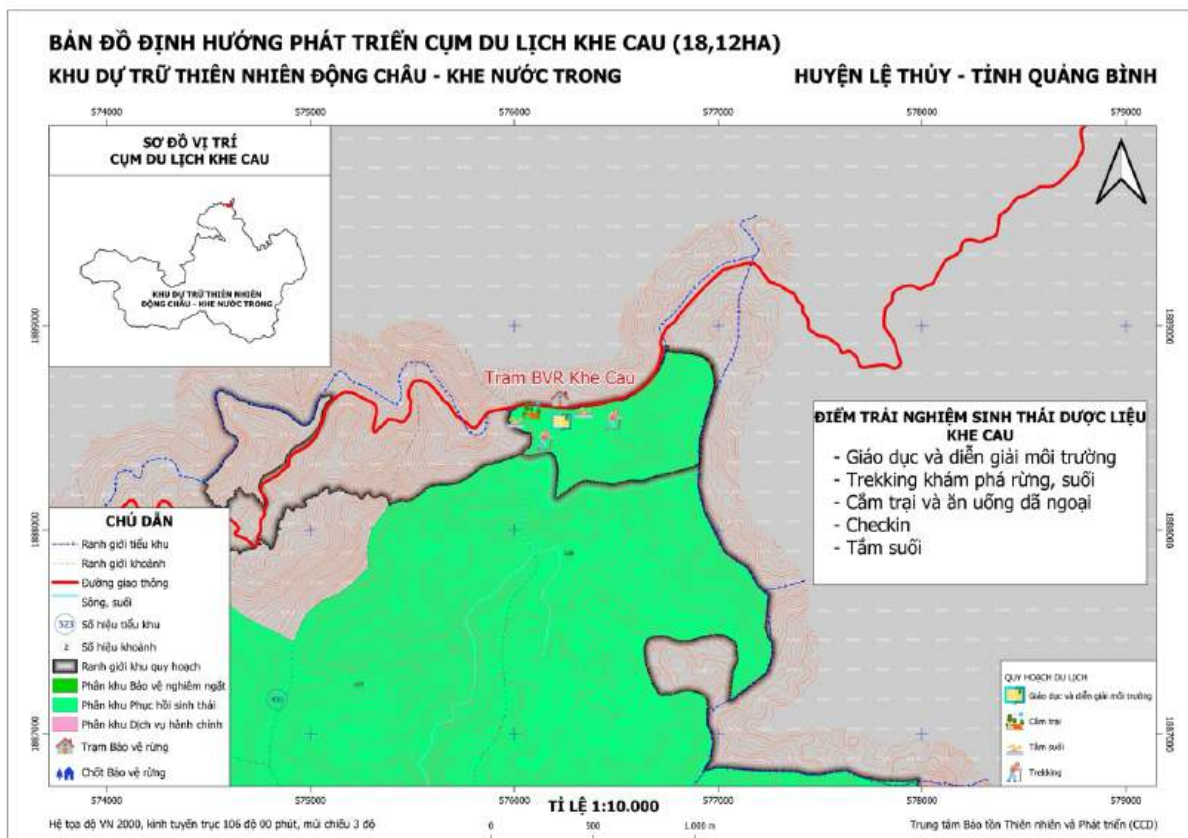
Bản đồ định hướng phát triển cụm du lịch Hà Lạc – Sông Rào Chân - Khu dự trữ thiên nhiên Động Châu – Khe Nước Trong – tỉnh Quảng Bình



Bản đồ định hướng phát triển cụm du lịch Khe Đan - Khu dự trữ thiên nhiên Động Châu – Khe Nước Trong – tỉnh Quảng Bình



Bản đồ định hướng phát triển cụm du lịch Khe Cau - Khu dự trữ thiên nhiên Động Châu – Khe Nước Trong – tỉnh Quảng Bình



[illegible][illegible]

Phụ lục 8 Đề xuất tóm tắt các dự án ưu tiên Khu dự trữ thiên nhiên Động Châu – Khe Nước Trong giai đoạn 2024-2030

1 Tổng quan về lựa chọn các điểm đến ưu tiên đầu tư

Việc lựa chọn các điểm đến ưu tiên đầu tư tại Khu Dự trữ Thiên nhiên Động Châu - Khe Nước Trong (sau đây gọi tắt là Khu DTTN) được thực hiện dựa trên một hệ thống tiêu chí đánh giá khoa học và khách quan. Hệ thống tiêu chí này bao gồm 25 tiêu chí, được chia thành 6 nhóm chính, nhằm đảm bảo tính toàn diện trong việc đánh giá tiềm năng và hiệu quả của các dự án. Các tiêu chí đánh giá bao gồm:

- **Mức độ xuất hiện:** Đánh giá tần suất và quy mô xuất hiện của các yếu tố tự nhiên, cảnh quan và tài nguyên du lịch tại từng điểm.
- **Mức độ tham gia:** Đo lường sự tham gia của cộng đồng, khách du lịch và các đối tác trong các hoạt động tại điểm du lịch.
- **Mức độ quan trọng:** Xác định tầm quan trọng của điểm du lịch trong tổng thể quy hoạch phát triển của Khu DTTN, cũng như khả năng đóng góp vào mục tiêu bảo tồn và phát triển bền vững.
- **Mức độ hấp dẫn:** Đánh giá khả năng thu hút du khách dựa trên cảnh quan, dịch vụ và trải nghiệm đặc trưng của từng điểm.
- **Tính khả thi về đầu tư:** Phân tích khả năng triển khai, bao gồm điều kiện hạ tầng, chi phí đầu tư, và thời gian hoàn thành.
- **Tác động bảo tồn:** Đánh giá mức độ tác động đến môi trường và đa dạng sinh học, đảm bảo các dự án không gây hại đến tài nguyên thiên nhiên và cảnh quan.

Mỗi tiêu chí được đánh giá trên thang điểm từ 0 đến 4, theo mức độ quan trọng và ảnh hưởng của từng yếu tố. Tổng số điểm tối đa là 100 điểm. Kết quả đánh giá này là cơ sở để xác định thứ tự ưu tiên cho các điểm du lịch, dự án và khu vực đầu tư, đảm bảo rằng các nguồn lực được phân bổ hợp lý, tối ưu hóa lợi ích kinh tế, xã hội, và môi trường.

Dựa trên kết quả đánh giá, trong giai đoạn 2024-2025 và định hướng đến 2030, các dự án ưu tiên phát triển bao gồm Trung tâm Giáo dục Môi trường và Dịch vụ, Khu trải nghiệm sinh thái Khe Nước Trong, Khu sinh thái Cổng Trời - Suối Tiên, và Điểm vui chơi giải trí sinh thái Rào Chân. Đây là các dự án có tiềm năng cao, đáp ứng tốt các tiêu chí lựa chọn và có tác động tích cực đến sự phát triển bền vững của Khu DTTN.

Ngoài ra, trong quá trình triển khai, các dự án có sử dụng đất rừng đặc dụng phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về bảo vệ và phát triển rừng, đảm bảo không gây tác động tiêu cực đến hệ sinh thái tự nhiên và các loài động, thực vật quý hiếm.

2 Các dự án (điểm đến) ưu tiên phát triển

2.1 Trung tâm Giáo dục Môi trường và Dịch vụ

Vị trí và quy mô: Trung tâm GDMT & DV nằm cạnh đường Hồ Chí Minh Tây, thuộc khoảnh 92, 84 của tiểu khu 532 thuộc phân khu DVHC và PHST, với diện tích quy hoạch 21ha, trong đó 6ha phân khu DVHC và 15ha phân khu PHST.

Định hướng phát triển: Trở thành điểm đón tiếp, hướng dẫn du khách và cung cấp các dịch vụ du lịch tổng hợp. Các loại hình du lịch bao gồm DLST, du lịch nghiên cứu chuyên đề và du lịch MICE.

Phát triển hoạt động DLST: Trung tâm GDMT & DV sẽ phát triển DLST theo các hình thức tự tổ chức, hợp tác, liên kết và cho thuê dịch vụ MTR. Đặc biệt, tập trung vào hợp tác, liên kết và cho thuê MTR để phát triển cơ sở vật chất - kỹ thuật du lịch như cơ sở ăn uống, lưu trú, vận chuyển và mua sắm.

Định hướng sản phẩm, dịch vụ du lịch chính: Một ngày làm Kiểm Lâm, Trại hè rừng xanh/Lớn lên cùng đại ngàn, Tour thực tế ảo, Marathon - Dấu chân Trường Sơn, Bánh xe Trường Sơn, Trekking Đại Ngàn, du lịch hội nghị, hội thảo (MICE), dịch vụ lưu trú, ăn uống, thuyết minh, diễn giải môi trường, thuê trang thiết bị du lịch, vận chuyển và mua sắm.

Khái toán kinh phí: 50.800 triệu đồng.

Thời gian thực hiện: 2024-2025, 2026-2030.

Lưu ý:

- Trong phân khu PHST, các công trình xây dựng bằng vật liệu, cấu kiện lắp ghép, dễ tháo dỡ, nổi trên mặt nước, trên trảng cỏ, đất có cây bụi hoặc ở những nơi đất trống được tính theo độ tàn che của cây rừng, đảm bảo không tác động tiêu cực đến sinh trưởng, phát triển và phục hồi tự nhiên của cây rừng, hài hòa với cảnh quan thiên nhiên.
- Trong phân khu DVHC, chỉ được phép xây dựng các công trình phục vụ du lịch sinh thái trên trảng cỏ, đất có cây bụi hoặc nơi đất trống. Các công trình nghỉ dưỡng, lưu trú dưới tán rừng hoặc nổi trên mặt nước phải đảm bảo không tác động tiêu cực đến cây rừng và phải hài hòa với cảnh quan thiên nhiên.
- Quy mô, vật liệu, chiều cao, thời gian tồn tại và mật độ, tỷ lệ các công trình và thiết kế chi tiết được chủ đầu tư dự án thiết kế và trình cấp thẩm quyền phê duyệt. Tuy nhiên, chiều cao các công trình không vượt quá 12m và tổng diện tích công trình không vượt quá 2% diện tích trong hợp đồng hợp tác, liên kết hoặc cho thuê môi trường rừng đối với phân khu PHST và không vượt quá 5% diện tích hợp đồng hợp tác hoặc cho thuê môi trường rừng đối với phân khu DVHC. Nếu vượt quá, UBND cấp tỉnh có thể gửi đề nghị tới Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét và chấp thuận.
- Việc đầu tư, xây dựng các công trình du lịch tuân thủ chặt chẽ Điều 15 Nghị định số 156/NĐ-CP về quy định thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp và Nghị định số 91/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP về xây dựng các công trình DLST trong rừng đặc dụng.
- Lưu ý về vấn đề rác thải, nước thải từ sinh hoạt cũng như tiếng ồn từ hoạt động tham quan của du khách, tránh ảnh hưởng tới môi trường xung quanh và động vật hoang dã.
- Lưu ý về sức chứa và sức chịu tải để phân bố đủ nhân lực và đảm bảo dịch vụ tốt nhất.
- Lưu ý về an toàn cho du khách.
- Lưu ý hành vi của khách du lịch trong vấn đề tôn trọng văn hóa cộng đồng.

2.2 Khu trải nghiệm sinh thái Khe Nước Trong

Vị trí và quy mô: Nằm cạnh đường Hồ Chí Minh Tây, thuộc các khoảnh 92, 96, 99 của tiểu khu 532; khoảnh 95 của tiểu khu 533 thuộc phân khu DVHC và PHST, với quy mô quy hoạch 506,67ha, trong đó 4,31ha phân khu DVHC và 502,36ha phân khu PHST.

Định hướng phát triển: Trở thành điểm DLST gắn với diễn giải môi trường trọng điểm, với các loại hình du lịch sinh thái và nghiên cứu chuyên đề.

Phát triển hoạt động DLST: Khu trải nghiệm sinh thái sẽ phát triển thông qua tự tổ chức, hợp tác, liên kết và cho thuê dịch vụ MTR, tập trung vào các cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch.

Định hướng sản phẩm, dịch vụ du lịch chính: Một ngày làm kiểm lâm, Trải nghiệm đa giác quan, Safari đêm, Safari ngày, Trại hè rừng xanh/Lớn lên cùng đại ngàn, Cắm trại và ăn uống dã ngoại, Trekking Đại Ngàn, dịch vụ ăn uống, thuyết minh, diễn giải môi trường, thuê trang thiết bị du lịch, vận chuyển.

Khái toán kinh phí: 23.400 triệu đồng.

Thời gian thực hiện: 2024-2025, 2026-2030.

Lưu ý:

- Trong phân khu BVNN, chỉ lập các tuyến đường tuần tra bảo vệ rừng, kết hợp tổ chức tham quan du lịch sinh thái và giáo dục môi trường rừng, tận dụng các tuyến đường mòn, xây dựng các trụ đỡ của đường cáp trên không, đường cáp ngầm dưới mặt đất, trạm quan sát cảnh quan, lều trú chân, cầu dành cho người đi bộ, biển chỉ dẫn bảo vệ rừng kết hợp du lịch sinh thái.
- Trong phân khu PHST, các công trình xây dựng bằng vật liệu, cấu kiện lắp ghép, dễ tháo dỡ, nổi trên mặt nước, trên trảng cỏ, đất có cây bụi hoặc ở những nơi đất trống được tính theo độ tàn che của cây rừng, đảm bảo không tác động tiêu cực đến sinh trưởng, phát triển và phục hồi tự nhiên của cây rừng, hài hòa với cảnh quan thiên nhiên.
- Trong phân khu DVHC, chỉ được phép xây dựng các công trình phục vụ du lịch sinh thái trên trảng cỏ, đất có cây bụi hoặc nơi đất trống. Các công trình nghỉ dưỡng, lưu trú dưới tán rừng hoặc nổi trên mặt nước phải đảm bảo không tác động tiêu cực đến cây rừng và phải hài hòa với cảnh quan thiên nhiên.
- Quy mô, vật liệu, chiều cao, thời gian tồn tại và mật độ, tỷ lệ các công trình và thiết kế chi tiết được chủ đầu tư dự án thiết kế và trình cấp thẩm quyền phê duyệt. Tuy nhiên, chiều cao các công trình không vượt quá 12m và tổng diện tích công trình không vượt quá 2% diện tích trong hợp đồng hợp tác, liên kết hoặc cho thuê môi trường rừng đối với phân khu PHST và không vượt quá 5% diện tích hợp đồng hợp tác hoặc cho thuê môi trường rừng đối với phân khu DVHC. Nếu vượt quá, UBND cấp tỉnh có thể gửi đề nghị tới Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét và chấp thuận.
- Việc đầu tư, xây dựng các công trình du lịch tuân thủ chặt chẽ Điều 15 Nghị định số 156/NĐ-CP về quy định thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp và Nghị định số 91/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP về xây dựng các công trình DLST trong rừng đặc dụng.
- Lưu ý về vấn đề rác thải, nước thải từ sinh hoạt cũng như tiếng ồn từ hoạt động tham quan của du khách, tránh ảnh hưởng tới môi trường xung quanh và động vật hoang dã.
- Lưu ý về sức chứa và sức chịu tải để phân bố đủ nhân lực và đảm bảo dịch vụ tốt nhất.
- Lưu ý về an toàn cho du khách.

2.3 Khu sinh thái Cổng Trời - Suối Tiên

Vị trí và quy mô: Nằm cạnh đường Hồ Chí Minh Tây, thuộc các khoảnh 94 và 100 của tiểu khu 534 thuộc phân khu DVHC và PHST, với diện tích 225,43ha, trong đó 5ha phân khu DVHC và 220,43ha phân khu PHST.

Định hướng phát triển: Trở thành điểm du lịch trọng tâm về nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe và thể thao mạo hiểm.

Phát triển hoạt động DLST: Khu nghỉ dưỡng sẽ phát triển theo hình thức tự tổ chức, hợp tác, liên kết và cho thuê dịch vụ MTR, tập trung vào việc phát triển các dịch vụ lưu trú, chăm sóc sức khỏe và thể thao mạo hiểm.

Định hướng sản phẩm, dịch vụ du lịch chính: Trải nghiệm đa giác quan, Safari đêm, Safari ngày, Trại hè rừng xanh/Lớn lên cùng đại ngàn, Nghỉ dưỡng sinh thái, Chăm sóc sức khỏe/Trạm năng lượng, Cắm trại và ăn uống dã ngoại, Ngọn nước mạo hiểm, Trekking Đại Ngàn, dịch vụ lưu trú, ăn uống, thuyết minh, diễn giải môi trường, thuê trang thiết bị du lịch, vận chuyển, mua sắm.

Khái toán kinh phí: 125.700 triệu đồng.

Thời gian thực hiện: 2024-2025, 2026-2030.

Lưu ý:

- Trong phân khu BVNN, chỉ lập các tuyến đường tuần tra bảo vệ rừng, kết hợp tổ chức tham quan du lịch sinh thái và giáo dục môi trường rừng, tận dụng các tuyến đường mòn, xây dựng các trụ đỡ của đường cáp trên không, đường cáp ngầm dưới mặt đất, trạm quan sát cảnh quan, lều trú chân, cầu dành cho người đi bộ, biển chỉ dẫn bảo vệ rừng kết hợp du lịch sinh thái.
- Trong phân khu PHST, các công trình xây dựng bằng vật liệu, cấu kiện lắp ghép, dễ tháo dỡ, nổi trên mặt nước, trên trảng cỏ, đất có cây bụi hoặc ở những nơi đất trống được tính theo độ tàn che của cây rừng, đảm bảo không tác động tiêu cực đến sinh trưởng, phát triển và phục hồi tự nhiên của cây rừng, hài hòa với cảnh quan thiên nhiên.
- Trong phân khu DVHC, chỉ được phép xây dựng các công trình phục vụ du lịch sinh thái trên trảng cỏ, đất có cây bụi hoặc nơi đất trống. Các công trình nghỉ dưỡng, lưu trú dưới tán rừng hoặc nổi trên mặt nước phải đảm bảo không tác động tiêu cực đến cây rừng và phải hài hòa với cảnh quan thiên nhiên.
- Quy mô, vật liệu, chiều cao, thời gian tồn tại và mật độ, tỷ lệ các công trình và thiết kế chi tiết được chủ đầu tư dự án thiết kế và trình cấp thẩm quyền phê duyệt. Tuy nhiên, chiều cao các công trình không vượt quá 12m và tổng diện tích công trình không vượt quá 2% diện tích trong hợp đồng hợp tác, liên kết hoặc cho thuê môi trường rừng đối với phân khu PHST và không vượt quá 5% diện tích hợp đồng hợp tác hoặc cho thuê môi trường rừng đối với phân khu DVHC. Nếu vượt quá, UBND cấp tỉnh có thể gửi đề nghị tới Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét và chấp thuận.
- Việc đầu tư, xây dựng các công trình du lịch tuân thủ chặt chẽ Điều 15 Nghị định số 156/NĐ-CP về quy định thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp và Nghị định số 91/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP về xây dựng các công trình DLST trong rừng đặc dụng.
- Lưu ý về vấn đề rác thải, nước thải từ sinh hoạt cũng như tiếng ồn từ hoạt động tham quan của du khách, tránh ảnh hưởng tới môi trường xung quanh và động vật hoang dã.
- Lưu ý về sức chứa và sức chịu tải để phân bố đủ nhân lực và đảm bảo dịch vụ tốt nhất.
- Lưu ý về an toàn cho du khách.

2.4 Điểm vui chơi giải trí sinh thái Rào Chân

Vị trí và quy mô: Nằm cạnh Quốc lộ 9C, thuộc khoảnh 1, 2 tiểu khu 523; khoảnh 62, tiểu khu 496 thuộc phân khu PHST, với quy mô 58,58ha trong đó đều thuộc phân khu PHST.

Định hướng phát triển: Trở thành điểm DLST và vui chơi giải trí trọng điểm.

Phát triển hoạt động DLST: Điểm vui chơi giải trí sinh thái Rào Chân sẽ phát triển theo hình thức tự tổ chức, hợp tác, liên kết và cho thuê dịch vụ MTR, nhằm tăng cường đầu tư và phát triển cơ sở hạ tầng du lịch.

Định hướng sản phẩm, dịch vụ du lịch chính: Trải nghiệm đa giác quan, Safari đêm, Safari ngày, Trại hè rừng xanh/Lớn lên cùng đại ngàn, Trải nghiệm dòng Rào Chân, Trekking Đại Ngàn, Cắm trại và ăn uống dã ngoại, dịch vụ lưu trú, ăn uống, thuyết minh, diễn giải môi trường, thuê trang thiết bị du lịch, vận chuyển, mua sắm.

Khái toán kinh phí: 87.500 triệu đồng.

Thời gian thực hiện: 2024-2025, 2026-2030.

Lưu ý:

- Trong phân khu PHST, các công trình xây dựng bằng vật liệu, cấu kiện lắp ghép, dễ tháo dỡ, nổi trên mặt nước, trên trảng cỏ, đất có cây bụi hoặc ở những nơi đất trống được tính theo độ tàn che của cây rừng, đảm bảo không tác động tiêu cực đến sinh trưởng, phát triển và phục hồi tự nhiên của cây rừng, hài hòa với cảnh quan thiên nhiên.
- Trong phân khu DVHC, chỉ được phép xây dựng các công trình phục vụ du lịch sinh thái trên trảng cỏ, đất có cây bụi hoặc nơi đất trống. Các công trình nghỉ dưỡng, lưu trú dưới tán rừng hoặc nổi trên mặt nước phải đảm bảo không tác động tiêu cực đến cây rừng và phải hài hòa với cảnh quan thiên nhiên.
- Quy mô, vật liệu, chiều cao, thời gian tồn tại và mật độ, tỷ lệ các công trình và thiết kế chi tiết được chủ đầu tư dự án thiết kế và trình cấp thẩm quyền phê duyệt. Tuy nhiên, chiều cao các công trình không vượt quá 12m và tổng diện tích công trình không vượt quá 2% diện tích trong hợp đồng hợp tác, liên kết hoặc cho thuê môi trường rừng đối với phân khu PHST và không vượt quá 5% diện tích hợp đồng hợp tác hoặc cho thuê môi trường rừng đối với phân khu DVHC. Nếu vượt quá, UBND cấp tỉnh có thể gửi đề nghị tới Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét và chấp thuận.
- Việc đầu tư, xây dựng các công trình du lịch tuân thủ chặt chẽ Điều 15 Nghị định số 156/NĐ-CP về quy định thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp và Nghị định số 91/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP về xây dựng các công trình DLST trong rừng đặc dụng.
- Lưu ý về vấn đề rác thải, nước thải từ sinh hoạt cũng như tiếng ồn từ hoạt động tham quan của du khách, tránh ảnh hưởng tới môi trường xung quanh và động vật hoang dã.
- Lưu ý về sức chứa và sức chịu tải để phân bố đủ nhân lực và đảm bảo dịch vụ tốt nhất.
- Lưu ý về an toàn cho du khách.

3 Kết luận

Các dự án (điểm đến) ưu tiên phát triển đã được xác định dựa trên các tiêu chí đánh giá toàn diện và định hướng phát triển bền vững. Việc triển khai theo các hình thức hợp tác, liên kết và cho thuê dịch vụ MTR sẽ thúc đẩy sự tham gia của khối tư nhân, đảm bảo phát triển du lịch bền vững, đồng thời tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của Luật Lâm nghiệp.

Dựa trên việc đánh giá hiện trạng và tiềm năng du lịch tại các địa điểm trong Khu DTTN Động Châu – Khe Nước Trong, Đề án đã đề xuất 04 dự án ưu tiên bao gồm:

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên dự án ưu tiên	Giai đoạn triển khai	Khái toán kinh phí	Nguồn vốn
1	Trung tâm GDMT & DV	2024-2025 2026-2030	50.800	Ngân sách Xã hội hóa
2	Khu trải nghiệm sinh thái Khe Nước Trong	2024-2025 2026-2030	23.400	Ngân sách Xã hội hóa
3	Khu sinh thái Cổng Trời - Suối Tiên	2024-2025 2026-2030	125.700	Ngân sách Xã hội hóa
4	Điểm vui chơi giải trí sinh thái Rào Chân	2024-2025 2026-2030	87.500	Ngân sách Xã hội hóa
TỔNG			287.400	

Phụ lục 9 Danh sách cá nhân tham gia cung cấp thông tin

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Ghi chú
1	Bạch Thanh Hải	Khu DTTN	Giám đốc
2	Trương Minh Quảng	Khu DTTN	Phó Giám đốc
3	Hà Vũ Cao	Khu DTTN	Trưởng phòng Khoa học
4	Trần Việt Trung	Khu DTTN	Cán bộ Phòng Khoa học
5	Phạm Xuân Tuân	Khu DTTN	Cán bộ BVR trạm Cầu Khỉ
6	Trần Công Cường	Khu DTTN	Cán bộ BVR trạm Hà Lọc
7	Nguyễn Thế Hào	Khu DTTN	Cán bộ BVR trạm Cầu Khỉ
8	Hồ Văn Vang	Bản Ho Rum – Xã Kim Thủy	Bí thư bản
9	Hồ Văn Huỳnh	Bản Ho Rum – Xã Kim Thủy	Chủ Homestay Son
10	Cao Xuân Tuấn	Khu DTTN	Cán bộ BVR trạm Hà Lọc
11	Trần Công Cường	Khu DTTN	Cán bộ BVR trạm Hà Lọc
12	Hồ Văn Quý	Khu DTTN	Cán bộ BVR trạm Hà Lọc
13	Trần Văn Thành	Khu DTTN	Cán bộ BVR trạm Hà Lọc
14	Đào Duy Đài	Khu DTTN	Cán bộ BVR trạm Hà Lọc

Phụ lục 10 Hình ảnh khảo sát



Họp triển khai hoạt động xây dựng Đề án DLST

Khu dự trữ thiên nhiên Động Châu – Khe Nước Trong – tỉnh Quảng Bình



Phòng vấn cộng đồng vùng đệm

Khu dự trữ thiên nhiên Động Châu – Khe Nước Trong – tỉnh Quảng Bình



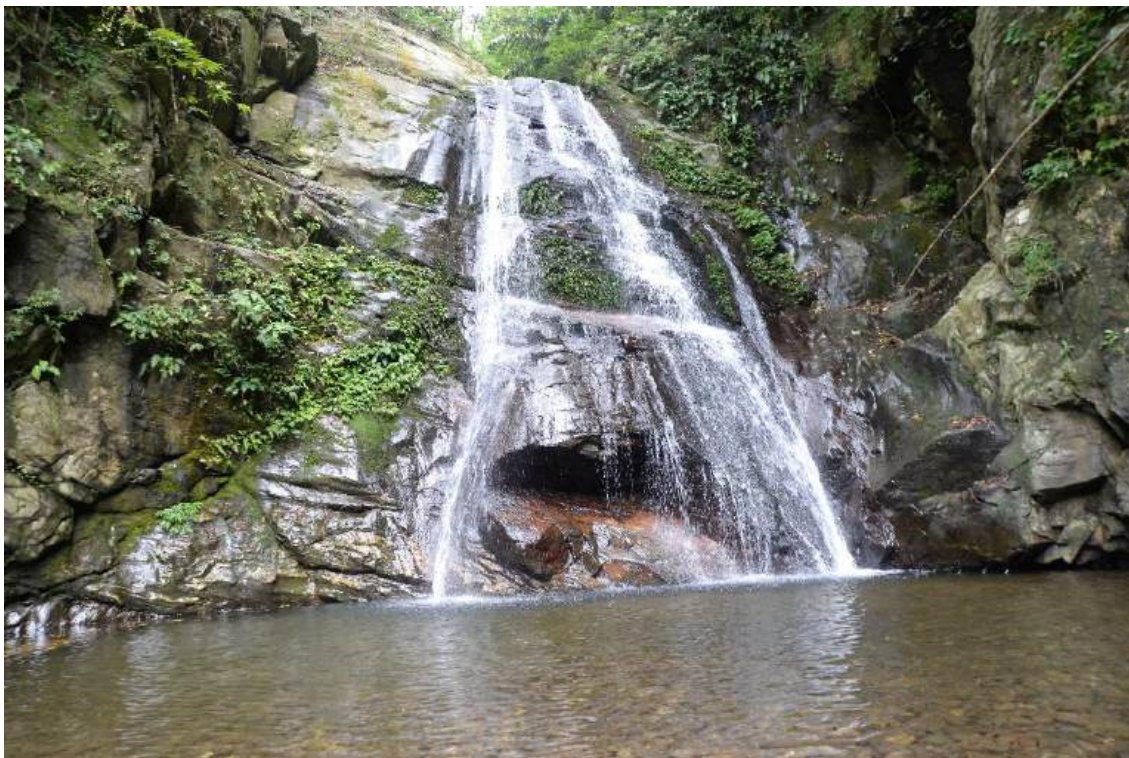
Khảo sát tài nguyên thiên nhiên, du lịch

Khu dự trữ thiên nhiên Động Châu – Khe Nước Trong – tỉnh Quảng Bình



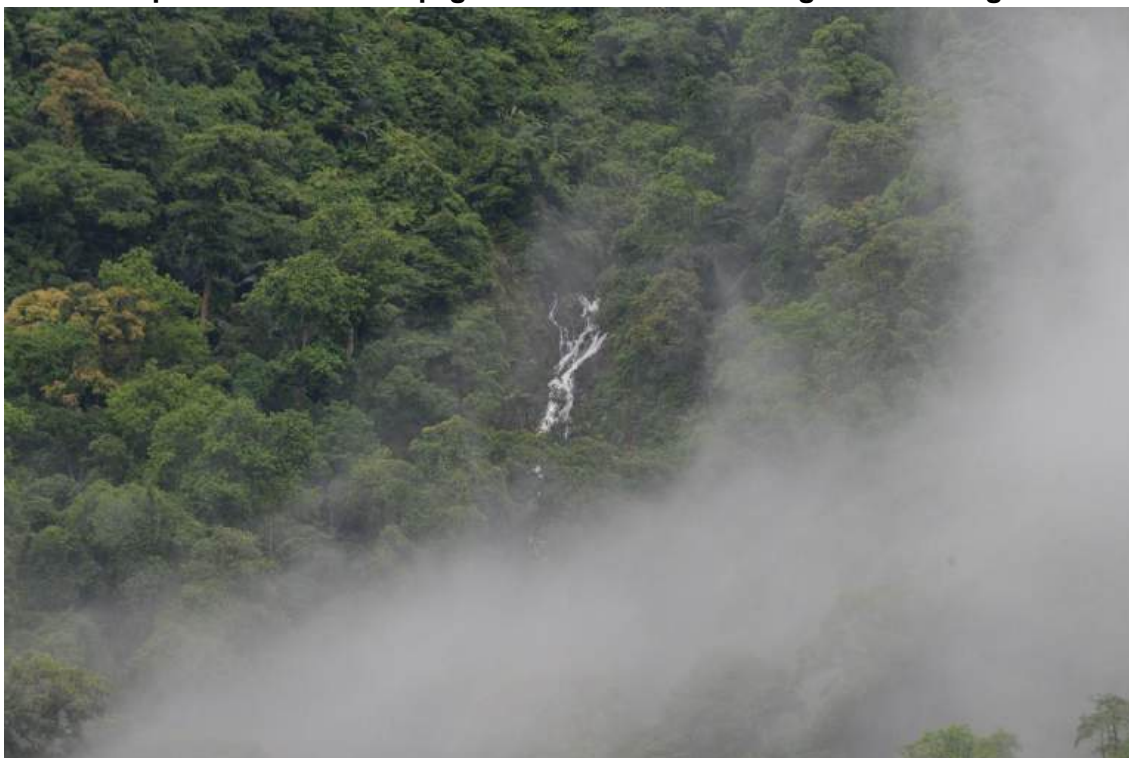
Động vật hoang dã

Khu dự trữ thiên nhiên Động Châu – Khe Nước Trong – tỉnh Quảng Bình



Cảnh quan thác Tóc Tiên

Khu dự trữ thiên nhiên Động Châu – Khe Nước Trong – tỉnh Quảng Bình



Thác Cổng Trời

Khu dự trữ thiên nhiên Động Châu – Khe Nước Trong – tỉnh Quảng Bình



CSHT đội BVR Cơ động

Khu dự trữ thiên nhiên Động Châu – Khe Nước Trong – tỉnh Quảng Bình



Cuộc họp báo cáo kết quả khảo sát và đề xuất ý tưởng DLST